Kinh trạng thái Vô Ngã [Anattalakkhanasutta] (TK Hộ Pháp - Dhammarakkhita Bhikkhu)

Nikaya — bài lẻ & đối chiếu

BHADDANTA DHAMMARAKKHITA BHIKKHU dự lễ nhận danh hiệu Aggamahāpaṇḍita tại Nay Pyi Taw, Myanmar. Ngày 19-3-2011 (Rằm tháng 2 P.L.2554)

“Sabbadānaṃ dhammadānaṃ jināti.” Pháp-thí là cao thượng hơn các loại thí.

TÌM HIỂU KINH TRẠNG-THÁI VÔ-NGÃ

Dhammapaṇṇākāra Món Quà Pháp

Mục lục

Thành Kính Tri Ân

Tất cả chúng con được biết Phật-giáo Nguyên-thủy Theravāda là nhờ ơn Ngài Sư Tổ Hộ-Tông cùng với chư Trưởng-lão khác đã dày công đem Phật-giáo Nguyên-thủy Theravāda về truyền bá trên đất nước Việt- Nam thân yêu này. Tất cả chúng con đem hết lòng thành kính đảnh lễ Ngài Sư Tổ Hộ-Tông cùng quý Ngài Trưởng-lão với tấm lòng chân thành tôn kính và tri ân sâu sắc của tất cả chúng con.

PHɎT-GIÁO NGUYÊN-THӦY
PHɎT-GIÁO NGUYÊN-THӦY
THERAVIDA
THERAVIDA
PHɎT-LỊCH 2564
PHɎT-LỊCH 2562
KINH CHUYEÅN-PHAÙP-LUAÂN
Tìm hieåu
(DHAMMACAKKAPPAVATTANASUTTA)
KINH tRAÏ
(Tái bản NG-THAÙ lần thứ nhất có sửaIvà
VOÂ bổ-sung)
NGAÕ
Tæ-KHỬU HỆ-PHÁP
Tæ-KHỬU HỆ-PHÁP
(DHAMMARAKKHITA BHIKKHU)
(DHAMMARAKKHITA BHIKKHU)
(AGGAMAHIPAṆITA)
(AGGAMAHIPAṆITA)
NHÀ XUẤT BIỂN TÔN GIÁO - 2019 NHÀ XUẤT BIỂN TÔN GIÁO - 2021

NamoTassa Bhagavato Arahato Sammāsambuddhassa. Con đem hết lòng thành kính đảnh lễ Đức-Thế-Tôn ấy, Đức A-ra-hán, Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác.

Paṇāmagāthā

Tilokekagaruṃ Buddhaṃ, pāyāsibhayahiṃsakaṃ.
Āyunopariyosānaṃ, gacchāmi saraṇaṃ ahaṃ.
Ādimajjhantakalyāṇam,
Buddhassa dhammamosadhaṃ.
Nibbānapariyosānaṃ, gacchāmi saraṇaṃ ahaṃ.
Tassa sāvakasaṃghañca, puññakkhettaṃ anuttaraṃ.
Arahattapriyosānaṃ, gacchāmi saraṇaṃ ahaṃ.
Buddhaṃ Dhammañca Saṃghañca, abhivandiya sādaraṃ.
Anattalakkhaṇasuttaṃ,
Imaṃ gantho mayā kato.
Kệ Đảnh Lễ Tam-Bảo

Đức-Thế-Tôn cao thượng nhất tam-giới,
Dắt dẫn chúng-sinh thoát khỏi tai họa,
Nguyện suốt đời con xin quy-y-Phật,
Mong chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế.
Pháp của Ngài như linh dược nhiệm mầu,
Hoàn hảo ở phần đầu, giữa và cuối,
Nguyện suốt đời con xin quy-y-Pháp,
Mong được chứng ngộ Niết-bàn thoát khổ.
Tăng bậc Thánh Thanh-văn đệ-tử-Phật,
Là phước điền cao thượng của chúng-sinh,
Nguyện suốt đời con xin quy-y-Tăng,
Mong được chứng đắc Thánh A-ra-hán.
Đức-Phật Đức-Pháp Đức-Tăng cao thượng,
Con hết lòng thành kính lễ Tam-bảo,
Rồi gom nhặt biên soạn tập sách nhỏ.
Giảng giải về Kinh Trạng-Thái Vô-Ngã.
Namo Tassa Bhagavato Arahato Sammāsambuddhassa. Con đem hết lòng thành kính đảnh lễ Đức-Thế-Tôn ấy, Đức A-ra-hán, Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác.

Anattalakkhaṇasutta Kinh Trạng-Thái Vô-Ngã

Soạn-giả: Tỳ-Khưu Hộ-Pháp (Dhammarakkhita Bhikkhu) (Aggamahāpaṇḍita)

Lời Nói Đầu

Ngày rằm tháng 6, đúng 2 tháng sau khi trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác có danh hiệu là Đức-Phật Gotama, lần đầu tiên, Đức- Phật thuyết giảng bài kinh

Dhammacakkappa- vattanasutta: Kinh Chuyển-Pháp-Luân tế độ nhóm 5 tỳ-khưu: Ngài Koṇḍañña, Ngài Vappa, Ngài Bhaddiya, Ngài Mahānāma, Ngài Assaji, tại khu rừng phóng sinh nai gọi là Isipatana, gần kinh-thành Bārāṇasī. Khi nghe bài kinh ấy, chỉ có Ngài Đại- Trưởng-lão Koṇḍañña chứng-ngộ chân-lý tứ Thánh-đế y theo Đức-Phật, chứng đắc Nhập-lưu Thánh-đạo, Nhập-lưu Thánh-quả, Niết-bàn, trở

thành bậc Thánh Nhập-lưu đầu tiên trong giáopháp của Đức-Phật Gotama, nên Đức-Phật gọi tên mới là "Aññāsikoṇḍañña" (Koṇḍañña đã chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế rồi!), đồng thời cùng với 180 triệu chư-thiên, chư phạm-thiên cũng chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc Nhập-lưu Thánh-đạo, Nhập-lưu Thánh-quả, Niết-bàn, trở thành bậc Thánh Nhập-lưu, ... Khi ấy, Ngài Đại-Trưởng-lão Aññāsikoṇḍañña kính xin Đức-Phật cho phép xuất gia trở thành tỳ-khưu. Đức-Phật cho phép xuất gia tỳ-khưu theo cách gọi: "Ehi bhikkhu!" Ngay khi ấy, Tam-bảo: Đức-Phật-bảo, Đức-Pháp-bảo, Đức- Tăng-bảo lần đầu tiên xuất hiện trên thế gian, đúng vào ngày rằm tháng 6 (âm-lịch) ấy. - Ngày 16 tháng 6, Đức-Phật nhập hạ thứ nhất cùng với nhóm 5 tỳ-khưu tại khu rừng phóng sinh nai gọi là Isipatana, gần kinh-thành Bārāṇasī. - Ngày 16 tháng 6, Ngài Trưởng-lão Vappa chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc Nhập-lưu Thánh-đạo, Nhập-lưu Thánh-quả, Niết-bàn, trở thành bậc Thánh Nhập-lưu, rồi được Đức-Phật cho phép xuất gia trở thành tỳkhưu theo cách gọi rằng: "Ehi bhikkhu!" - Ngày 17 tháng 6, Ngài Trưởng-lão Bhaddiya

 3 chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc Nhập-lưu Thánh-đạo, Nhập-lưu Thánh-quả, Niết-bàn, trở thành bậc Thánh Nhập-lưu, rồi được Đức-Phật cho phép xuất gia trở thành tỳkhưu theo cách gọi rằng: "Ehi bhikkhu!" - Ngày 18 tháng 6, Ngài Trưởng-lão Mahānāma chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc Nhập-lưu Thánh-đạo, Nhập-lưu Thánh-quả, Niết-bàn, trở thành bậc Thánh Nhập-lưu, rồi được Đức-Phật cho phép xuất gia trở thành tỳkhưu theo cách gọi rằng: "Ehi bhikkhu!" - Ngày 19 tháng 6, Ngài Trưởng-lão Assaji chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc Nhập-lưu Thánh-đạo, Nhập-lưu Thánh-quả, Niết-bàn, trở thành bậc Thánh Nhập-lưu, rồi được Đức-Phật cho phép xuất gia trở thành tỳkhưu theo cách gọi rằng: "Ehi bhikkhu!" Như vậy, nhóm 5 tỳ-khưu đều trở thành bậc Thánh Nhập-lưu, thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật Gotama. - Ngày 20 tháng 6, Đức-Phật thuyết giảng bài kinh Anattalakkhaṇasutta: Kinh trạng-thái vôngã, để tế độ nhóm 5 vị tỳ-khưu Thánh Nhập-lưu đều trở thành bậc Thánh A-ra-hán cao thượng. Như vậy, có 5 bậc Thánh A-ra-hán thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật Gotama đã xuất hiện trên thế gian.

Trong kinh Anattalakkhaṇasutta: Kinh trạngthái vô-ngã, Đức-Phật thuyết giảng về ngũ-uẩn: sắc-uẩn, thọ-uẩn, tưởng-uẩn, hành-uẩn, thứcuẩn là pháp-vô-ngã (anattā): không phải ta, không phải của ta, không chiều theo ý của ai. * Ngũ-uẩn là những pháp nào? Ngũ-uẩn có 5 uẩn (nhóm) đó là: 1- Sắc-uẩn có 28 sắc-pháp trong thân thể của con người, thuộc về sắc-pháp (rūpadhamma). - Nếu là người nam thì có 27 sắc-pháp (trừ

sắc nữ-tính). - Nếu là người nữ thì có 27 sắc-pháp (trừ sắc nam-tính). 2- Thọ-uẩn đó là thọ tâm-sở, có trạng-thái cảm thọ trong đối-tượng, có 3 loại thọ là thọ khổ, thọ lạc, thọ không khổ không lạc (thọ xả). 3- Tưởng-uẩn đó là tưởng tâm-sở, có trạng-thái tưởng nơi 6 đối-tượng (sắc-tưởng, thanh-tưởng, hương-tưởng, vị-tưởng, xúc-tưởng, pháp-tưởng). 4- Hành-uẩn đó là 50 tâm-sở (trừ thọ tâm-sở và tưởng tâm-sở), có trạng-thái tạo tác do tác-ý tâm-sở dẫn đầu tạo ác-nghiệp, tạo thiện-nghiệp. 5- Thức-uẩn đó là 89 hoặc 121 tâm, có trạng-thái biết 6 đối-tượng (sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp).

LỜI NÓI ĐẦU 5 Thật ra, thọ-uẩn, tưởng-uẩn, hành-uẩn luôn luôn nương nhờ nơi thức-uẩn, gọi là 4 danh-uẩn không thể tách rời nhau, thuộc về phần tâm. Mỗi người hiện hữu trong đời có thân và tâm nương nhờ lẫn nhau. Nếu khi tâm rời khỏi thân thì gọi là người chết, thân trở thành tử thi. Thân với tâm trong hạng phàm-nhân đó là gì? * Thân đó là sắc-uẩn gồm có 27 sắc-pháp. * Tâm đó là 81 tam-giới-tâm gồm có 4 danhuẩn là thọ-uẩn, tưởng-uẩn, hành-uẩn, thức-uẩn luôn luôn nương nhờ lẫn nhau, không thể tách rời nhau được. - Thọ-uẩn đó là thọ tâm-sở đồng sinh với 81 tam-giới-tâm. - Tưởng-uẩn đó là tưởng tâm-sở đồng sinh với 81 tam-giới-tâm. - Hành-uẩn đó là 50 tâm-sở (trừ thọ tâm-sở và tưởng tâm-sở) đồng sinh với 81 tam-giới-tâm. - Thức-uẩn đó là 81 tam-giới-tâm. Tâm với tâm-sở không thể tách rời nhau được, bởi vì tâm-sở có 4 trạng-thái với tâm: 1- Ekuppāda: Đồng sinh với tâm. 2- Ekanirodha: Đồng diệt với tâm. 3- Ekārammaṇa: Đồng đối-tượng với tâm. 4- Ekavatthuka: Đồng nơi sinh với tâm.

6 TÌM HIỂU KINH TRẠNG-THÁI VÔ-NGÃ

Cho nên, mỗi tâm nào sinh ắt có một số tâmsở tương xứng đồng sinh với tâm ấy để làm phận-sự của tâm ấy, nghĩa là mỗi tâm nào sinh đều có 4 danh-uẩn đó là thọ-uẩn, tưởng-uẩn, hành-uẩn, thức-uẩn đồng sinh với nhau, không thể tách rời nhau được. 4 danh-uẩn sinh do nương nhờ nơi sắc-uẩn. Như vậy, mỗi tâm sinh do nương nhờ sắc-uẩn gồm có đầy đủ ngũ-uẩn luôn luôn nương nhờ lẫn nhau. Ngũ-uẩn là đối-tượng nương nhờ của tà-kiến, tham-ái, ngã-mạn như sau: - Tà-kiến theo chấp ngã trong ngũ-uẩn cho là tự ngã của ta (eso me attā). - Tham-ái theo chấp ngã trong ngũ-uẩn cho là của ta (etaṃ mama). - Ngã-mạn theo chấp ngã trong ngũ-uẩn cho là ta (esohamasmi). Thật ra, khi hành-giả thực hành pháp-hành thiền-tuệ dẫn đến phát sinh trí-tuệ-thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ thật-tánh của ngũ-uẩn thuộc về chân-nghĩa-pháp (paramatthadhamma) là pháp vô-ngã (anattā), không phải ta, không phải của ta, không chiều theo ý muốn của ai, cũng không phải người, không phải của người, không chiều theo ý của người nào cả.

LỜI NÓI ĐẦU 7 Tiếp theo, trí-tuệ-thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ sự sinh, sự diệt của ngũ-uẩn do nhân-duyên-sinh, do nhân-duyên-diệt; nên trí-tuệ-thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ 3 trạng-thái-chung: trạng-thái vôthường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của ngũ-uẩn. Tiếp theo, trí-tuệ-thiền-tuệ tam-giới thấy rõ, biết rõ sự diệt của ngũ-uẩn do nhân-duyên-diệt, thật đáng kinh sợ, đầy tội chướng, thật đáng nhàm chán tột độ, muốn thoát ra khỏi ngũ-uẩn, mong chứng ngộ Niết-bàn, giải thoát khổ của ngũ-uẩn. Tiếp đến, trí-tuệ-thiền-tuệ siêu-tam-giới chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc như sau: - Chứng đắc Nhập-lưu Thánh-đạo, Nhập-lưu Thánh-quả, Niết-bàn, diệt tận được tà-kiến

theo chấp-ngã không còn dư sót do năng lực của Nhập-lưu Thánh-đạo-tuệ (na meso attā). - Chứng đắc Nhất-lai Thánh-đạo, Nhất-lai Thánh-quả, Niết-bàn, diệt tận được tham-ái theo chấp-ngã loại thô cõi dục-giới không còn dư sót do năng lực của Nhất-lai Thánh-đạo-tuệ. - Chứng đắc Bất-lai Thánh-đạo, Bất-lai Thánh-quả, Niết-bàn, diệt tận được tham-ái theo chấp-ngã loại vi-tế cõi dục-giới không còn

dư sót do năng lực của Bất-lai Thánh-đạo-tuệ (netaṃ mama). - Chứng đắc A-ra-hán Thánh-đạo, A-ra-hán Thánh-quả, Niết-bàn, diệt tận được ngã-mạn theo chấp-ngã không còn dư sót do năng lực của A-ra-hán Thánh-đạo-tuệ (nesohamasmi). Quyển sách nhỏ Tìm Hiểu Kinh Anatta- lakkhaṇasutta: Kinh Trạng-thái vô-ngã có 2 phần: * Phần I: Bài Kinh Anattalakkhaṇasuttapāḷi và dịch nghĩa toàn bài kinh, giảng giải nội dung của bài kinh Anattalakkhaṇasutta. * Phần II: Những pháp cần biết đối với hành-giả: Sự-thật (sacca) trong đời có 2 loại: - Sammutisacca: Sự-thật ngôn-ngữ chế-định. - Paramatthasacca: Sự-thật chân-nghĩa-pháp. - Pháp che phủ thật-tánh của sắc-pháp, danhpháp tam-giới. - Sāmaññalakkhaṇa: 3 trạng-thái-chung: trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của sắc-pháp, danh-pháp tam-giới. - 3 pháp che phủ trạng-thái vô-thường, trạngthái khổ, trạng-thái vô-ngã của sắc-pháp, danhpháp tam-giới. - Bốn bậc Thánh-nhân.

- Bốn Thánh-đạo-tuệ diệt tận được các ácpháp, v.v ... Các bài kinh nên biết. * Và đoạn cuối, từ-ngữ Pāḷi trong bài Kinh Anattalakkhaṇasuttapāḷi, dành cho những độc giả nào muốn học thuộc lòng bài kinh này, đồng thời hiểu rõ nghĩa từng chữ, từng câu trong bài kinh, để làm tăng trưởng đức-tin sâu sắc và trítuệ sáng suốt của độc giả ấy.

* Quyển sách nhỏ “Tìm Hiểu Kinh Anattalakkhaṇasuttapāḷi: Kinh Trạng-Thái Vô- Ngã” mà Đức-Phật thuyết giảng ngũ-uẩn là pháp-vô-ngã (anattā) có ý nghĩa vô cùng sâu sắc. Bần sư đã cố gắng giảng giải tóm lược một phần nào chỉ được bấy nhiêu thôi! Tuy bần sư cố gắng hết mình giảng giải để giúp cho độc giả tìm hiểu rõ về bài kinh này, song vì khả năng có hạn, nên chắc chắn không tránh khỏi những điều sơ sót, thậm chí còn có chỗ sai ngoài khả năng hiểu biết của bần sư. Để lần sau tái bản được hoàn thiện hơn, kính mong chư bậc thiện-trí có tâm từ chỉ giáo, góp ý chân tình. Kính xin quý vị xem soạn phẩm này như là của chung, mà mỗi người trong chúng ta, ai

cũng có bổn phận đóng góp xây dựng, để cho soạn phẩm này được hoàn hảo, hầu mong đem lại sự lợi ích chung, sự tiến hóa, sự an-lạc cho phần đông chúng ta. Bần sư kính cẩn đón nhận những lời đóng góp phê bình xây dựng ấy của chư bậc thiện-trí, và kính xin quý Ngài ghi nhận nơi đây lòng chân thành biết ơn sâu sắc của bần sư. * Quyển sách nhỏ “Tìm Hiểu Kinh Anattalakkhaṇasutta: Kinh Trạng-Thái Vô-Ngã” này được hoàn thành do nhờ nhiều người giúp đỡ như là Dhammavara Sāmaṇera xem kỹ bản thảo, Dhammanandā upāsikā đã tận tâm xem kỹ lại bản thảo, dàn trang, làm thành quyển sách và được Nhà xuất bản Tôn giáo cho phép ấn hành. Bần sư vô cùng

hoan-hỷ biết ơn tất cả quý vị. Nhân dịp này, con là Dhammarakkhita Bhikkhu (tỳ-khưu Hộ-Pháp) thành kính dâng phần pháp-thí thanh cao này đến Ngài Đại- Trưởng-lão Hộ-Tông, Vaṃsarakkhitamahāthera là sư phụ của con, đồng thời kính dâng đến Ngài Đại-Trưởng-lão Thiện-Luật, Ngài Đại-Trưởnglão Bửu-Chơn, Ngài Đại-Trưởng-lão Giới-Nghiêm, Ngài Trưởng-lão Hộ-Giác (chùa Từ- Quang), Ngài Trưởng-lão Hộ-Nhẫn (chùa Thiền- Lâm, Huế) cùng chư Đại-Trưởng-lão, đã dày công đem Phật-giáo Nguyên-thủy (Theravāda)

LỜI NÓI ĐẦU 11 về truyền bá trên quê hương Việt-Nam thân yêu, và xin kính dâng phần phước-thiện thanh cao này đến chư Đại-Trưởng-lão ở nước Thái-Lan, nước Myanmar (Miến-Điện), đã có công dạy dỗ con về pháp-học và pháp-hành. Con kính mong quý Ngài hoan-hỷ. Idaṃ no ñātinaṃ hotu, sukhitā hontu ñātayo. Phước-thiện pháp-thí thanh cao này, xin hồi hướng đến tất cả bà con thân quyến của chúng con, từ kiếp hiện-tại cho đến vô lượng kiếp trong quá-khứ, mong quý vị hoan-hỷ nhận phần phước-thiện thanh cao này để thoát khỏi cảnh khổ, được an-lạc lâu dài. Imaṃ puññābhāgaṃ mātā-pitu-ācariyañāti-mittānañceva sesasabbasattānañca dema, sabbepi te puññapattiṃ laddhāna sukhitā hontu, dukkhā muccantu sabbattha. Chúng con thành tâm hồi hướng, chia phần phước-thiện pháp-thí thanh cao này đến ông bà, cha mẹ, thầy tổ, thân quyến, bạn hữu cùng tất cả chúng-sinh từ cõi địa-ngục, a-su-ra, ngạ-quỷ, súc-sinh, nhân-loại, chư-thiên trong các cõi trời dục-giới, … Xin tất cả quý vị hoan-hỷ nhận phần phướcthiện pháp-thí thanh cao này, mong quý vị thoát

khỏi mọi cảnh khổ, hưởng được mọi sự an-lạc lâu dài trong khắp mọi nơi.

Idaṃ me dhammadānaṃ āsavakkhayāvahaṃ hotu. Phước-thiện pháp-thí thanh cao này của mỗi người chúng con, xin làm duyên lành dẫn dắt mỗi người chúng con đến chứng đắc A-ra-hán Thánh-đạo, A-ra-hán Thánh-quả, Niết-bàn, diệt tận được mọi phiền-não trầm-luân, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong ba giới bốn loài. Nếu mỗi người trong chúng con chưa diệt tận được mọi phiền-não trầm-luân, chưa giải thoát khổ sinh, vẫn còn tử sinh luân-hồi, thì do năng lực phước-thiện pháp-thí thanh cao này ngăn cản mọi ác-nghiệp không có cơ hội cho quả táisinh trong 4 cõi ác-giới, và cũng do năng lực phước-thiện pháp-thí thanh cao này chỉ hỗ trợ đại-thiện-nghiệp cho quả tái-sinh trong 7 cõi thiện-dục-giới mà thôi. Được sinh kiếp nào, mỗi người trong chúng con đều là người có chánh-kiến, có đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo, tin nghiệp và quả của nghiệp, có duyên lành được gần gũi thân cận với bậc thiện-trí, lắng nghe chánh-pháp của bậc thiện-trí, có đức-tin trong sạch nơi bậc thiện-trí, cố gắng tinh-tấn thực-hành theo lời giáo-huấn

LỜI NÓI ĐẦU 13 của bậc thiện-trí, không ngừng tạo mọi pháphạnh ba-la-mật cho sớm được đầy đủ trọn vẹn, để mong sớm chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, mong chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả, Niết-bàn, trở thành bậc Thánh A-ra-hán. Trong kiếp tử sinh luân-hồi, mỗi khi chúng con được nghe tin lành Đức-Phật, Đức-Pháp, Đức-Tăng ngự nơi nào, dù gần dù xa, chúng con cũng liền phát sinh đại-thiện-tâm hỷ lạc, có đức-tin trong

sạch nơi Đức-Phật, Đức-Pháp, Đức-Tăng, quyết tâm tìm đến nơi ấy để hầu đảnh lễ Đức-Phật, hoặc chư Thánh thanh-văn đệ-tử của Đức- Phật, lắng nghe chánh-pháp, cố gắng tinh-tấn thực-hành theo chánh-pháp của Đức-Phật, để mong chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả, Niết-bàn, trở thành bậc Thánh A-ra-hán sẽ tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới. Nay, chúng con hết lòng thành kính thọ phép quy-y Tam-bảo và thành tâm hộ trì Tam-bảo cho đến trọn đời, trọn kiếp. Do nhờ năng lực phước-thiện pháp-thí thanh cao này, mong cho mỗi người chúng con luôn luôn có duyên lành, tạo được nhân tốt sâu sắc trong Phật-giáo. Do nhờ năng lực phước-thiện pháp-thí thanh cao này theo hỗ trợ, nhắc nhở cho mỗi người

chúng con trong mỗi kiếp, dù có được thành tựu quả báu ở cõi người (manussasampatti), hưởng được mọi sự an-lạc như thế nào, cũng không đắm say trong cõi người; hoặc dù có được thành tựu quả báu ở cõi trời (devasampatti), hưởng được mọi an-lạc như thế nào, cũng không đắm say trong cõi trời. Thật ra, mục đích cứu cánh cao cả của mỗi người chúng con chỉ có mong sớm được thành tựu quả báu chứng ngộ Niết-bàn (Nibbānasampatti) mà thôi, để mong giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

Icchitaṃ patthitaṃ amhaṃ, khippameva samijjhatu. Điều mong ước, ý nguyện của chúng con Mong sớm được thành tựu như ý nguyện.

PL. 2564 / DL. 2021 Rừng Núi Viên Không, xã Tóc Tiên, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Tỳ-khưu Hộ-Pháp (Dhammarakkhita Bhikkhu) (Aggamahāpaṇḍita)

MỤC LỤC LỜI NÓI ĐẦU MỤC LỤC

KINH TRẠNG-THÁI VÔ-NGÃ

Phần I: Kinh Trạng-Thái Vô-Ngã .....1 Kinh Anattalakkhanasutta.....4 Ý nghĩa bài kinh Trạng-thái vô-ngã.....10 Phần giảng giải bài kinh Trạng-thái-vô-ngã .....24 - Giải thích về ngũ uẩn .....25 - Ngũ-uẩn chấp-thủ.....31 - 4 pháp chấp thủ .....32 - Giảng giải danh-từ anattā với attā .....33 - Ý nghĩa anattā .....34 Ngũ-uẩn có 12 tính chất .....35 Pháp-vô-ngã.....36 1- Nhân-duyên phát sinh mỗi sắc-pháp .....37 2- Nhân-duyên phát sinh mỗi danh-pháp .....41 Danh-từ attā tà-kiến .....46 - Ý nghĩa danh từ attā .....49 - Ba trạng-thái chung.....53 - Chấp ngã có ba loại.....58 1- Chấp ngã do năng lực của tà-kiến.....58 Trí-tuệ-thiền-tuệ diệt tận được tà-kiến .....59 2- Chấp ngã do năng lực của tham-ái .....61 Trí-tuệ-thiền-tuệ diệt tận được tham-ái .....62 3- Chấp ngã do năng lực của ngã-mạn .....64 Trí-tuệ-thiền-tuệ diệt tận được ngã-mạn .....65 -

Trí-tuệ-thiền-tuệ nhàm chán trong ngũ-uẩn 66

2 TÌM HIỂU KINH TRẠNG-THÁI VÔ-NGÃ

Pháp-hành thiền-tuệ .....68 1- Trí-tuệ thứ nhất Nāmarūpaparicchedañāṇa .....68 2- Trí-tuệ thứ nhì Nāmarūpapaccayapariggahañāṇa .69 - Nhân-duyên phát sinh mỗi danh-pháp.....70 - Sắc-pháp phát sinh do 4 nhân-duyên.....74 - Quả báu của 2 trí-tuệ đầu .....80 - Tiểu-Nhập-lưu (Cūḷasotāpanna).....81 3- Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ ba Sammasanañāṇa.....82 4- Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ tư Udayabbayānupassanāñāṇa .....86 - Sự sinh, sự diệt của ngũ-uẩn .....86 - Sự sinh của danh-pháp là do nhân-duyên-sinh..91 - Sự diệt của danh-pháp là do nhân-duyên-diệt..92 - Trạng-thái-chung: Sāmaññalakkhaṇa .....93 - Trạng-thái chi tiết của trạng-thái vô-thường .93 - Trạng-thái chi tiết của trạng-thái khổ .....94 - Trạng-thái chi tiết của trạng-thái vô-ngã.....95 5- Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 5 Bhaṅgānupassanāñāṇa ....96 - Quả báu của trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 5 .....99 6- Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 6 Bhayatupaṭṭhānañāṇa ...100 - Tính chất của trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 6.....101 7- Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 7 Ādīnavānupassanāñāṇa 103 - Tính chất của trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 7.....103 - Đối-tượng kinh sợ và đối-tượng an-tịnh.....108 - Đối-tượng khổ và đối-tượng an-lạc.....111 - Thực hành 10 loại trí-tuệ-thiền-tuệ.....113 8- Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 8 Nibbidānupassanāñāṇa .115 - Bảy pháp Anupassanā .....116 - Đối-tượng Santipada: Niết-bàn như thế nào? 121 9- Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 9 Muñcitukamyatāñāṇa .123

MỤC LỤC 3 - Ba cõi-giới .....123 - Bốn loài .....126 - Tính chất của trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 9 như thế nào?128 10- Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 10 Paṭisaṅkhānupassanāñāṇa .....129 - Trạng-thái vô-thường có 12 trạng-thái chi tiết 130 - Trạng-thái khổ có 27 trạng-thái chi tiết .....131 - Trạng-thái bất-tịnh có 7 trạng-thái chi tiết ..134 - Trạng-thái vô-ngã có 7 trạng-thái chi tiết ....135 11- Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 11 Saṅkhārupekkhāñāṇa137 - Ngũ-uẩn có 10 tính chất .....139 - Sắc-uẩn có 12 tính chất .....140 - Tính chất của trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 11.....142 - Ba trí-tuệ-thiền-tuệ cùng mục đích.....145 - Hành-giả có 5 pháp đặc biệt .....146 - Nguyên nhân của mỗi pháp-hành .....148 - Phân định 7 nhóm Thánh-nhân .....151 - 7 nhóm Thánh-nhân theo 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả .....154 - Đối-tượng trước Thánh-đạo lộ-trình-tâm ....155 12- Trí-tuệ thiền-tuệ thứ 12 Saccānulomañāṇa.....156 - Đồ biểu Nhất-lai-Thánh-đạo lộ-trình-tâm ...157 - Giảng giải trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 12.....162 13- Trí-tuệ thiền-tuệ thứ 13 Gotrabhuñāṇa .....166 - Tính chất của trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 13.....169 - Anulomañāṇa và Gotrabhuñāṇa .....169 14- Trí-tuệ-thiền-tuệ siêu-tam-giới thứ 14 Maggañāṇa .....173 15- Trí-tuệ-thiền-tuệ siêu-tam-giới thứ 15 Phalañāṇa 173

4 TÌM HIỂU KINH TRẠNG-THÁI VÔ-NGÃ

16- Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 16 Paccavekkhaṇañāṇa .174 - Bậc Thánh Bất-lai (Anāgāmī) .....175 - Bậc Thánh A-ra-hán (Arahanta).....179 Đức-Phật xuất hiện trên

thế gian .....185 Phần II: Những pháp cần biết đối với hành-giả.....191 1- Sự-thật ngôn-ngữ chế-định (Sammutisacca)..191 - Saddapaññatti hoặc nāmapaññatti có 6 loại...193 2- Sự-thật chân-nghĩa-pháp (Paramatthasacca)..197 Nguyên-nhân che phủ thật-tánh-pháp.....200 - Ayonisomanasikāra là như thế nào?.....202 - Yonisomanasikāra là như thế nào?.....203 Trạng-thái-chung .....204 - Ba pháp che phủ 3 trạng-thái-chung, phương pháp diệt 3 pháp che phủ .....205 1- Santati: Dòng sinh diệt liên tục .....206 Phương pháp làm trạng-thái vô-thường hiện rõ.209 2- Iriyāpatha: Tứ oai-nghi .....213 Phương pháp làm trạng-thái khổ hiện rõ .....215 3- Ghana: Ngã-tưởng đồng-nhất .....217 3.1- Ngã-tưởng đồng-nhất tổng-hợp Samūhaghana.....219 3.2- Ngã-tưởng đồng-nhất phận-sự Kiccaghana .220 3.3- Ngã-tưởng đồng-nhất đối-tượng Ārammaṇaghana ....222 Phương pháp làm trạng-thái vô-ngã hiện rõ ..223 - Sự sinh, sự diệt của danh-pháp, sắc-pháp .....224 Pháp-hành trong Phật-giáo.....226 1- Pháp-hành thiền-định .....226 2- Pháp-hành thiền-tuệ 227

MỤC LỤC 5 - Sự sinh, sự diệt .....228 1- Sự sinh, sự diệt của danh-pháp tam-giới ...229 2- Sự sinh, sự diệt của sắc-pháp .....230 - Đồ biểu nhãn môn lộ-trình-tâm .....231 - Trạng-thái-riêng .....235 - Trạng-thái-chung.....236 1- Trạng-thái vô-thường.....237 2- Trạng-thái khổ .....239 3- Trạng-thái vô-ngã .....241 - Sự liên quan giữa 3 trạng-thái-chung.....244 - Quan niệm vô-thường, khổ, vô-ngã theo đời ...246 - Ba trạng-thái-chung có trạng-thái chi tiết .....250 Bốn Thánh-đạo-tuệ.....256 1- Tham-ái .....257 - Bốn Thánh-đạo-tuệ diệt tận 3 loại tham-ái....258 2- Pháp-trầm-luân .....259 - Bốn Thánh-đạo-tuệ diệt tận 4 pháp-trầm-luân..260 3- Pháp-chấp-thủ .....261 - Bốn Thánh-đạo-tuệ diệt tận 4 pháp-chấp-thủ...262 4- Pháp-ngấm-ngầm .....263 - Ba loại phiền-não .....264 - Bốn Thánh-đạo-tuệ diệt tận 7 phiền-não vi-tế ..266 - Pháp chướng-ngại có 5 pháp .....268 - Bốn Thánh-đạo-tuệ diệt tận 5 pháp chướng-ngại .....269 - Bốn Thánh-đạo-tuệ diệt tận 7 ác-nghiệp .....271 5- Phiền-não (Kilesa).....271 - Bốn Thánh-đạo-tuệ diệt tận 10 loại phiền-não ..273 6- Bất-thiện-tâm .....274 - Bốn Thánh-đạo-tuệ diệt tận 12 bất-thiện-tâm ..274

6 TÌM HIỂU KINH TRẠNG-THÁI VÔ-NGÃ

7- Bất-thiện-tâm-sở .....274 - Bốn Thánh-đạo-tuệ diệt tận 14 bất-thiện-tâm-sở .275 8- Bất-thiện-nghiệp.....276 - Bốn Thánh-đạo-tuệ diệt tận 10 bất-thiện-nghiệp..277 9- Pháp-ràng-buộc .....277 - Bốn Thánh-đạo-tuệ diệt tận 10 pháp-ràng-buộc ..279 10- Pháp-thế-gian .....280 - Bốn Thánh-đạo-tuệ diệt tận 8

pháp-thế-gian ..281 11- Pháp-thiên-vị.....282 - Bốn Thánh-đạo-tuệ diệt tận 4 pháp-thiên-vị...283 Các bài kinh khác và ý nghĩa.....284 - Kinh Yadaniccasutta .....284 Ý nghĩa bài Kinh Yadaniccasutta.....285 - Pháp vô-ngã trong 6 môn, 6 đối-tượng, 6 thức-tâm .....287 - Anattasutta: Kinh Vô-ngã .....287 Ý nghĩa bài Kinh Anattasutta .....290 - Suññatalokasutta: Kinh Đời người là không....293 Ý nghĩa bài Kinh Suññatalokasutta .....295 - Ý nghĩa tóm lược Kinh Mālukyaputtasutta.....298 Suy xét đoạn Kinh Mālukyaputtasutta.....307 - Sự sinh và sự diệt của sự khổ: Kinh Dukkhasutta 313 Tìm hiểu về bài Kinh Dukkhasutta.....317 Từ ngữ Pāḷi bài kệ khai Kinh Trạng-thái vô-ngã..320 Từ ngữ Pāḷi trong bài Kinh Trạng-thái vô-ngã 321

ĐOẠN KẾT

Namo Tassa Bhagavato Arahato Sammāsambuddhassa. Con đem hết lòng thành kính đảnh lễ Đức-Thế-Tôn ấy, Đức A-ra-hán, Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác.

Phần I Kinh Trạng-Thái Vô-Ngã (Anattalakkhaṇasutta)

Đức-Phật Gotama xuất hiện trên thế gian vào ngày rằm tháng 4, dưới cội Đại-Bồ-đề tại khu rừng Uruvelā, nay gọi là Buddhagayā, nước Ấn- Độ (India). Hai tháng sau, vào ngày rằm tháng 6 (âmlịch), Đức-Phật Gotama thuyết pháp lần đầu tiên bài kinh Dhammacakkappavattanasutta: Kinh Chuyển-pháp-luân, để tế độ nhóm 5 vị tỳ-khưu là Ngài Koṇḍañña, Ngài Vappa, Ngài Bhaddiya, Ngài Mahānāma, Ngài Assaji tại khu rừng phóng sinh nai gọi là Isipatana, gần kinh-thành Bārāṇasī. Khi nghe bài Kinh Chuyển-pháp-luân ấy, chỉ có Ngài Đại-Trưởng-lão Koṇḍañña chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế đầu tiên y theo Đức-Phật, chứng đắc Nhập-lưu Thánh-đạo, Nhậplưu Thánh-quả, Niết-bàn, trở thành bậc Thánh Nhập-lưu đầu tiên, nên được Đức-Phật Gotama gọi tên mới là Aññāsikoṇḍañña, đồng thời cùng

với 180 triệu chư-thiên, chư phạm-thiên cũng chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc Nhậplưu Thánh-đạo, Nhập-lưu Thánh-quả, Niết-bàn, trở thành bậc Thánh Nhập-lưu. Ngài Đại-Trưởng-lão Aññāsikoṇḍañña kính xin Đức-Phật cho phép xuất gia sa-di tỳ-khưu. Đức- Phật cho phép xuất gia trở thành tỳ-khưu theo cách gọi: “Ehi bhikkhu! Svākkhāto dhammo, cara brahmacariyaṃ sammā dukkhassa antakiriyāyā.” Ngay khi ấy, Tam-bảo: Đức-Phật-bảo, Đức- Pháp-bảo, Đức-Tăng-bảo trọn vẹn lần đầu tiên xuất hiện trên thế gian vào ngày rằm tháng 6 ấy. - Ngày 16 tháng 6, Đức-Phật nhập hạ thứ nhất cùng với nhóm 5 tỳ-khưu, tại khu rừng phóng sinh nai gọi là Isipatana, gần kinh-thành Bārāṇasī. - Ngày 16 tháng 6, Ngài Trưởng-lão Vappa chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc Nhập-lưu Thánh-đạo, Nhập-lưu Thánh-quả, Niết-bàn, trở thành bậc Thánh Nhập-lưu, rồi kính xin Đức-Phật cho phép xuất gia trở thành tỳ-khưu. Đức-Phật cho phép xuất gia trở thành tỳ-khưu theo cách gọi: “Ehi bhikkhu! ...” - Ngày 17 tháng 6, Ngài Trưởng-lão Bhaddiya chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc Nhập-lưu Thánh-đạo, Nhập-lưu Thánh-quả, Niết-bàn, trở thành bậc Thánh Nhập-lưu, rồi

Phần I: Kinh Trạng-Thái Vô-Ngã 3 kính xin Đức-Phật cho phép xuất gia trở thành tỳ-khưu. Đức-Phật cho phép xuất gia trở thành tỳ-khưu theo cách gọi: “Ehi bhikkhu! …” - Ngày 18 tháng 6, Ngài Trưởng-lão Mahānāma chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc Nhập-lưu Thánh-đạo, Nhập-lưu Thánh-quả, Niết-bàn, trở thành bậc Thánh Nhập-lưu, rồi kính xin Đức-Phật cho phép xuất gia trở thành tỳ-khưu. Đức-Phật cho phép xuất gia trở thành tỳ-khưu theo cách gọi: “Ehi bhikkhu! …” - Ngày 19 tháng 6, Ngài Trưởng-lão Assaji chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc Nhập-lưu Thánh-đạo, Nhập-lưu Thánh-quả, Niếtbàn, trở thành bậc Thánh Nhập-lưu, rồi kính xin Đức-Phật cho phép xuất gia trở thành tỳkhưu. Đức-Phật cho phép xuất gia trở thành tỳkhưu theo cách gọi: “Ehi bhikkhu! …” Như vậy, nhóm 5 tỳ-khưu đều trở thành bậc Thánh Nhập-lưu, thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật Gotama. - Ngày 20 tháng 6, Đức-Phật thuyết giảng bài Kinh Anattalakkhaṇasutta: Kinh Trạng-thái vôngã, để tế độ nhóm 5 vị tỳ-khưu Thánh Nhập-lưu đều trở thành bậc Thánh A-ra-hán cao thượng. Như vậy, 5 bậc Thánh A-ra-hán thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật Gotama đã xuất hiện trên thế gian.

4 TÌM HIỂU KINH TRẠNG-THÁI VÔ-NGÃ

Kệ khai Kinh Trạng-thái vô-ngã
Dhammacakkaṃ pavattetvā,
Āsāḷhiyaṃ hi puṇṇame.
Nagare Bārāṇasiyaṃ,
Isipatanavhaye vane.
Pāpetvādiphalaṃ nesaṃ, anukkamena desayi.
Yaṃ taṃ pakkhassa pañcamyaṃ, vimuttatthaṃ bhaṇāma he!
Anattalakkhaṇasutta (1) 1- Evaṃ me sutaṃ --- Ekaṃ samayaṃ Bhagavā Bārāṇasiyaṃ viharati Isipatane migadāye. Tatra kho Bhagavā pañcavaggiye bhikkhū āmantesi “Bhikkhavo” ti. “Bhaddante” ti te bhikkhū Bhagavato paccassosuṃ. Bhagavā etadavoca. 2- Rūpaṃ bhikkhave anattā, rūpañca hidaṃ bhikkhave attā abhavissa, nayidaṃ rūpaṃ ābādhāya saṃvatteyya, labbhetha ca rūpe “evaṃ me rūpaṃ hotu, evaṃ me rūpaṃ mā ahosī” ti. Yasmā ca kho bhikkhave rūpaṃ anattā, tasmā rūpaṃ ābādhāya saṃvattati, na ca labbhati rūpe “evaṃ me rūpaṃ hotu, evaṃ me rūpaṃ mā ahosī” ti. 1 Saṃyuttanikāya, Khandhavaggasaṃyutta, Anattalakkhaṇasutta.

Phần I: Kinh Trạng-Thái Vô-Ngã 5 3- Vedanā anattā, vedanā ca hidaṃ bhikkhave attā abhavissa, nayidaṃ vedanā ābādhāya saṃvatteyya, labbhetha ca vedanāya “evaṃ me vedanā hotu, evaṃ me vedanā mā ahosī” ti. Yasmā ca kho bhikkhave vedanā anattā, tasmā vedanā ābādhāya saṃvattati, na ca labbhati vedanāya “evaṃ me vedanā hotu, evaṃ me vedanā mā ahosī” ti. 4- Saññā anattā, saññā ca hidaṃ bhikkhave attā abhavissa, nayidaṃ saññā ābādhāya saṃvatteyya, labbhetha ca saññāya “evaṃ me saññā hotu, evaṃ me saññā mā ahosī” ti. Yasmā ca kho bhikkhave saññā anattā, tasmā saññā ābādhāya saṃvattati, na ca labbhati saññāya “evaṃ me saññā hotu, evaṃ me saññā mā ahosī” ti. 5- Saṅkhārā anattā, saṅkhārā ca hidaṃ bhikkhave attā abhavissaṃsu, nayidaṃ saṅkhārā ābādhāya saṃvatteyyuṃ, labbhetha ca saṅkhāresu “evaṃ me saṅkhārā hontu, evaṃ me saṅkhārā mā ahesun” ti. Yasmā ca kho bhikkhave

saṅkhārā anattā, tasmā saṅkhārā ābādhāya saṃvattanti, na ca labbhati saṅkhāresu “evaṃ me saṅkhārā hontu, evaṃ me saṅkhārā mā ahesun” ti. 6- Viññāṇaṃ anattā, viññāṇañca hidaṃ bhikkhave attā abhavissa, nayidaṃ viññāṇaṃ

ābādhāya saṃvatteyya, labbhetha ca viññāṇe “evaṃ me viññāṇaṃ hotu, evaṃ me viññāṇaṃ mā ahosī” ti. Yasmā ca kho bhikkhave viññāṇaṃ anattā, tasmā viññāṇaṃ ābādhāya saṃvattati, na ca labbhati viññāṇe “evaṃ me viññāṇaṃ hotu, evaṃ me viññāṇaṃ mā ahosī” ti. 7- Taṃ kiṃ maññatha bhikkhave, - Rūpaṃ niccaṃ vā aniccaṃ vā’ti. - Aniccaṃ Bhante. - Yaṃ panāniccaṃ, dukkhaṃ vā taṃ sukhaṃ vā’ti. - Dukkhaṃ Bhante. - Yaṃ panāniccaṃ dukkhaṃ vipariṇāmadhammaṃ, kallaṃ nu taṃ samanupassituṃ “etaṃ mama, esohamasmi, eso me attā” ti. - No hetaṃ Bhante. - Vedanā niccā vā aniccā vā’ti. - Aniccā Bhante. - Yaṃ panāniccaṃ, dukkhaṃ vā taṃ sukhaṃ vā’ti. - Dukkhaṃ Bhante. - Yaṃ panāniccaṃ dukkhaṃ vipariṇāmadhammaṃ, kallaṃ nu taṃ samanupassituṃ “etaṃ mama, esohamasmi, eso me attā” ti. - No hetaṃ Bhante.

Phần I: Kinh Trạng-Thái Vô-Ngã 7

- Saññā niccā vā aniccā vā’ti.
- Aniccā Bhante.
- Yaṃ panāniccaṃ, dukkhaṃ vā taṃ sukhaṃ vā’ti.
- Dukkhaṃ Bhante.
- Yaṃ panāniccaṃ dukkhaṃ vipariṇāmadhammaṃ, kallaṃ nu taṃ samanupassituṃ “etaṃ mama, esohamasmi, eso me attā” ti.
- No hetaṃ Bhante.
- Saṅkhārā niccā vā aniccā vā’ti.
- Aniccā Bhante.
- Yaṃ panāniccaṃ, dukkhaṃ vā taṃ sukhaṃ vā’ti.
- Dukkhaṃ Bhante.
- Yaṃ panāniccaṃ dukkhaṃ vipariṇāmadhammaṃ, kallaṃ nu taṃ samanupassituṃ “etaṃ mama, esohamasmi, eso me attā” ti.
- No hetaṃ Bhante.
- Viññāṇaṃ niccaṃ vā aniccaṃ vā’ti.
- Aniccaṃ Bhante.
- Yaṃ panāniccaṃ, dukkhaṃ vā taṃ sukhaṃ vā’ti.
- Dukkhaṃ Bhante.

- Yaṃ panāniccaṃ dukkhaṃ vipariṇāmadhammaṃ, kallaṃ nu taṃ samanupassituṃ “etaṃ mama, esohamasmi, eso me attā” ti. - No hetaṃ Bhante. 8- Tasmā tiha bhikkhave, * Yaṃ kiñci rūpaṃ atītānāgatapaccuppannaṃ ajjhattaṃ vā bahidhā vā oḷārikaṃ vā sukhumaṃ vā hīnaṃ vā paṇītaṃ vā yaṃ dūre santike vā sabbaṃ rūpaṃ

“netaṃ mama, nesohamasmi, na meso attā” ti evametaṃ yathābhūtaṃ sammappaññāya daṭṭhabbaṃ. * Yā kāci vedanā atītānāgatapaccuppannā ajjhattaṃ vā bahidhā vā oḷārikā vā sukhumā vā hīnā vā paṇītā vā yā dūre (1) santike vā sabbā vedanā “netaṃ mama, nesohamasmi, na meso attā” ti evametaṃ yathābhūtaṃ sammappaññāya daṭṭhabbaṃ. * Yā kāci saññā atītānāgatapaccuppannā ajjhattaṃ vā bahidhā vā oḷārikā vā sukhumā vā hīnā vā paṇītā vā yā dūre santike vā sabbā saññā “netaṃ mama, nesohamasmi, na meso attā” ti evametaṃ yathābhūtaṃ sammappaññāya daṭṭhabbaṃ. * Yā kāci saṅkhārā atītānāgatapaccuppannā ajjhattaṃ vā bahidhā vā oḷārikā vā sukhumā vā 1 Dūre vā (Syāma).

Phần I: Kinh Trạng-Thái Vô-Ngã 9 hīnā vā paṇītā vā yā dūre santike vā sabbe saṅkhārā “netaṃ mama, nesohamasmi, na meso attā” ti evametaṃ yathābhūtaṃ sammappaññāya daṭṭhabbaṃ. * Yaṃ kiñci viññāṇaṃ atītānāgatapaccuppannaṃ ajjhattaṃ vā bahidhā vā oḷārikaṃ vā sukhumaṃ vā hīnaṃ vā paṇītaṃ vā yaṃ dūre santike vā sabbaṃ viññāṇaṃ “netaṃ mama, nesohamasmi, na meso attā” ti evametaṃ yathābhūtaṃ sammappaññāya daṭṭhabbaṃ. 9- Evaṃ passaṃ bhikkhave sutavā ariyasāvako rūpasmimpi nibbindati, vedanāyapi nibbindati, saññāyapi nibbindati, saṅkhāresupi nibbindati, viññāṇasmimpi nibbindati. Nibbindaṃ virajjati, virāgā vimuccati, vimuttasmiṃ “vimuttam” iti ñāṇaṃ hoti, “khīṇā jāti, vusitaṃ brahmacariyaṃ, kataṃ karaṇīyaṃ, nāparaṃ itthattāyā” ti pajānātīti. Idamavoca Bhagavā, attamanā pañcavaggiyā bhikkhū Bhagavato bhāsitaṃ abhinanduṃ. Imasmiṃ ca pana veyyākaraṇasmiṃ bhaññamāne pañcavaggiyānaṃ bhikkhūnaṃ anupādāya āsavehi cittāni vimucciṃsūti.

Anattalakkhaṇasuttaṃ niṭṭhitaṃ.

10 TÌM HIỂU KINH TRẠNG-THÁI VÔ-NGÃ

Ý nghĩa kệ khai Kinh Trạng-thái vô-ngã
Khu rừng yên tịnh nơi phóng sinh nai
Tên gọi là I-si-pa-ta-na
Gần kinh thành Ba-ra-na-xi ấy,
Ngày rằm tháng sáu, trăng tròn sáng tỏ,
Đức-Phật thuyết bài kinh Chuyển-pháp-luân,
Ngài Koṇḍañña trở thành bậc Thánh Nhập-lưu,
Tuần tự theo mỗi ngày, thêm một vị.
Nhóm năm tỳ-khưu thành Thánh Nhập-lưu,
Đến ngày 20 tuần trăng hạ huyền
Đức-Phật thuyết kinh Trạng-thái vô-ngã.
Tế độ tỳ-khưu trở thành A-ra-hán.
Này chư thiện-trí! Xin hãy lắng nghe
Chúng tôi tụng kinh Trạng-thái vô-ngã.
Ý nghĩa bài Kinh Trạng-Thái Vô-Ngã (Anattalakkhaṇasutta) (1)

Lời của Ngài Trưởng-lão Ānanda bạch với
Ngài Đại-Trưởng-lão Mahākassapa rằng:
- Evaṃ me sutaṃ ...
1- Kính bạch Ngài Đại-Trưởng-lão Mahākassapa khả kính! Con là Ānanda, được nghe
1
Saṃyuttanikāya, Khandhavaggasaṃyutta Anattalakkhaṇasutta.
Phần I: Kinh Trạng-Thái Vô-Ngã 11 bài Kinh Trạng-thái vô-ngã từ Đức-Thế-Tôn như vầy: Một thuở nọ, Đức-Thế-Tôn ngự tại khu rừng phóng sinh nai gọi là Isipatana (trước kia chư Phật Độc-Giác thường ngự xuống). Tại nơi đây, Đức-Thế-Tôn bèn gọi nhóm 5 tỳ-khưu rằng: - Này chư tỳ-khưu! Chư tỳ-khưu đáp lời Đức-Thế-Tôn: - Dạ, kính bạch Đức-Thế-Tôn. Đức-Thế-Tôn thuyết giảng Kinh Trạng-tháivô-ngã như sau: Ngũ-uẩn là vô-ngã 2- Sắc-uẩn là vô-ngã - Này chư tỳ-khưu! Sắc-uẩn này là vô-ngã (không phải ta, không chiều theo ý muốn của ai). - Này chư tỳ-khưu! Thật vậy, nếu sắc-uẩn này là ta (ngã) thì sắc-uẩn này không bị vô-thường biến đổi, không bị bệnh khổ thân, các con có thể mong muốn sắc-uẩn này rằng: “Sắc-uẩn của tôi được khỏe mạnh, đẹp đẽ như thế này. Sắc-uẩn của tôi đừng có bệnh khổ thân, xấu xí như thế kia.” - Này chư tỳ-khưu! Sự thật, bởi vì sắc-uẩn này là vô-ngã, do đó, sắc-uẩn này bị vô-thường biến đổi, bị bệnh khổ thân.

Vì vậy, các con không thể mong muốn sắcuẩn này rằng: “Sắc-uẩn của tôi được khỏe mạnh, đẹp đẽ như thế này. Sắc-uẩn của tôi đừng có bệnh khổ thân, xấu xí như thế kia.” (Sắc-uẩn như thế nào tùy thuộc vào nhânduyên, không tùy theo ý muốn của ai.) 3- Thọ-uẩn là vô-ngã - Này chư tỳ-khưu! Thọ-uẩn này là vô-ngã (không phải ta, không chiều theo ý muốn của ai). - Này chư tỳ-khưu! Thật vậy, nếu thọ-uẩn này là ta (ngã) thì thọ-uẩn này không bị vô-thường biến đổi, không bị bệnh khổ thân, không bị bệnh khổ tâm, các con có thể mong muốn thọ-uẩn này rằng: “Thọ-uẩn của tôi được an-lạc như thế này. Thọ-uẩn của tôi đừng khổ đau như thế kia.” - Này chư tỳ-khưu! Sự thật, bởi vì thọ-uẩn này là vô-ngã, do đó thọ-uẩn này bị vô-thường biến đổi, bị bệnh khổ thân, bị bệnh khổ tâm. Vì vậy, các con không thể mong muốn thọuẩn này rằng: “Thọ-uẩn của tôi được an-lạc như thế này. Thọ-uẩn của tôi đừng khổ tâm như thế kia.” (Thọ-uẩn như thế nào tùy thuộc vào nhânduyên, không tùy thuộc theo ý muốn của ai.)

Phần I: Kinh Trạng-Thái Vô-Ngã 13 4- Tưởng-uẩn là vô-ngã - Này chư tỳ-khưu! Tưởng-uẩn này là vô-ngã (không phải ta, không chiều theo ý muốn của ai). - Này chư tỳ-khưu! Thật vậy, nếu tưởng-uẩn này là ta (ngã), thì tưởng-uẩn này không bị vôthường biến đổi, không bị bệnh khổ tâm, các con có thể mong muốn tưởng-uẩn này rằng: “Tưởng-uẩn của tôi tưởng nhớ điều tốt, điều thiện như thế này. Tưởng-uẩn của tôi đừng tưởng nhớ điều xấu, điều ác như thế kia.” - Này chư tỳ-khưu! Sự thật, bởi vì tưởng-uẩn này là vô-ngã, do đó, tưởng-uẩn này bị vôthường biến đổi, bị bệnh khổ tâm. Vì vậy, các con không thể mong muốn tưởng-uẩn này rằng: “Tưởng-uẩn của tôi tưởng nhớ điều tốt, điều thiện như thế này. Tưởng-uẩn của tôi đừng tưởng nhớ điều xấu, điều ác như thế kia.” (Tưởng-uẩn như thế nào tùy thuộc vào nhânduyên, không tùy thuộc

theo ý muốn của ai.) 5- Hành-uẩn là vô-ngã - Này chư tỳ-khưu! Hành-uẩn này là vô-ngã (không phải ta, không chiều theo ý muốn của ai). - Này chư tỳ-khưu! Thật vậy, nếu hành-uẩn này là ta (ngã), thì hành-uẩn này không bị vôthường biến đổi, không bị bệnh khổ tâm, các con có thể mong muốn hành-uẩn này rằng:

“Hành-uẩn của tôi hành thiện-nghiệp như thế này. Hành-uẩn của tôi đừng hành ác-nghiệp như thế kia.” - Này chư tỳ-khưu! Sự thật, bởi vì hành-uẩn này là vô-ngã, do đó, hành-uẩn này bị vôthường biến đổi, bị bệnh khổ tâm. Vì vậy, các con không thể mong muốn hànhuẩn này rằng: “Hành-uẩn của tôi hành thiện-nghiệp như thế này. Hành-uẩn của tôi đừng hành ác-nghiệp như thế kia.” (Hành-uẩn như thế nào tùy thuộc vào nhân duyên, không tùy thuộc theo ý muốn của ai.)

6- Thức-uẩn là vô-ngã - Này chư tỳ-khưu! Thức-uẩn này là vô-ngã (không phải ta, không chiều theo ý muốn của ai). - Này chư tỳ-khưu! Thật vậy, nếu thức-uẩn này là ta (ngã), thì thức-uẩn này không bị vôthường biến đổi, không bị bệnh khổ tâm, các con có thể mong muốn thức-uẩn này rằng: “Thức-uẩn của tôi biết điều tốt, điều thiện như thế này. Thức-uẩn của tôi đừng biết điều xấu, điều ác như thế kia.” - Này chư tỳ-khưu! Sự thật, bởi vì thức-uẩn này là vô-ngã, do đó, thức-uẩn này bị vô-thường

 biến đổi, bị bệnh khổ tâm. Vì vậy, các con không thể mong muốn thức-uẩn này rằng: “Thức-uẩn của tôi biết điều tốt, điều thiện như thế này. Thức-uẩn của tôi đừng biết điều xấu, điều ác như thế kia.” (Thức-uẩn như thế nào hoàn toàn tùy thuộc vào nhân-duyên, không tùy thuộc theo ý muốn của ai.) 7- Ngũ-uẩn có 3 trạng-thái-chung * Sắc-uẩn có 3 trạng-thái-chung - Này chư tỳ-khưu! Các con nhận thức thế nào về điều này? - Sắc-uẩn này là thường hay vô-thường? - Kính bạch Đức-Thế-Tôn, sắc-uẩn này sinh rồi diệt là vô-thường. - Này chư tỳ-khưu! Sắc-uẩn nào là vô-thường, vậy sắc-uẩn ấy là khổ hay lạc? - Kính bạch Đức-Thế-Tôn, sắc-uẩn nào sinh rồi diệt có trạng-thái vô-thường luôn luôn hành hạ, nên sắc-uẩn ấy là khổ. - Này chư tỳ-khưu! Sắc-uẩn nào có trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, có trạng-thái thường biến đổi, không theo ý của ai. Vậy, các con có nên theo chấp-thủ với tâm tham-ái, ngã-mạn, tàkiến trong sắc-uẩn ấy rằng:

“Sắc-uẩn ấy là của ta (do tâm tham-ái), sắcuẩn ấy là ta (do tâm ngã-mạn), sắc-uẩn ấy là tự ngã của ta (do tâm tà-kiến) hay không?” - Kính bạch Đức-Thế-Tôn, quả thật không nên theo chấp-thủ trong sắc-uẩn ấy như vậy. Bạch Ngài. * Thọ-uẩn có 3 trạng-thái-chung - Này chư tỳ-khưu! Các con nhận thức thế nào về điều này? - Thọ-uẩn này là thường hay vô-thường? - Kính bạch Đức-Thế-Tôn, thọ-uẩn này sinh rồi diệt là vô-thường. - Này chư tỳ-khưu! Thọ-uẩn nào là vôthường, vậy thọ-uẩn ấy là khổ hay lạc? - Kính bạch Đức-Thế-Tôn, thọ-uẩn nào sinh rồi diệt có trạng-thái vô-thường luôn luôn hành hạ, nên thọ-uẩn ấy là khổ. - Này chư tỳ-khưu! Thọ-uẩn nào có trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, có trạng-thái thường biến đổi, không chiều theo ý của ai. Vậy, các con có nên theo chấp-thủ với tâm tham-ái, ngãmạn, tà-kiến trong thọ-uẩn ấy

rằng: “Thọ-uẩn ấy là của ta (do tâm tham-ái), thọuẩn ấy là ta (do tâm ngã-mạn), thọ-uẩn ấy là tự ngã của ta (do tâm tà-kiến) hay không?”

Phần I: Kinh Trạng-Thái Vô-Ngã 17 - Kính bạch Đức-Thế-Tôn, quả thật không nên theo chấp-thủ trong thọ-uẩn ấy như vậy. Bạch Ngài. * Tưởng-uẩn có 3 trạng-thái-chung - Này chư tỳ-khưu! Các con nhận thức thế nào về điều này? - Tưởng-uẩn này là thường hay vô-thường? - Kính bạch Đức-Thế-Tôn, tưởng-uẩn này sinh rồi diệt là vô-thường. - Này chư tỳ-khưu! Tưởng-uẩn nào là vôthường, vậy tưởng-uẩn ấy là khổ hay lạc? - Kính bạch Đức-Thế-Tôn, tưởng-uẩn nào sinh rồi diệt có trạng-thái vô-thường luôn luôn hành hạ, nên tưởng-uẩn ấy là khổ. - Này chư tỳ-khưu! Tưởng-uẩn nào có trạngthái vô-thường, trạng-thái khổ, có trạng-thái thường biến đổi, không chiều theo ý của ai. Vậy, các con có nên theo chấp-thủ với tâm tham-ái, ngã-mạn, tà-kiến trong tưởng-uẩn ấy rằng: “Tưởng-uẩn ấy là của ta (do tâm tham-ái), tưởng-uẩn ấy là ta (do tâm ngã-mạn), tưởng-uẩn ấy là tự ngã của ta (do tâm tà-kiến) hay không?” - Kính bạch Đức-Thế-Tôn, quả thật không nên theo chấp-thủ trong tưởng-uẩn ấy như vậy. Bạch Ngài.

18 TÌM HIỂU KINH TRẠNG-THÁI VÔ-NGÃ

* Hành-uẩn có 3 trạng-thái-chung - Này chư tỳ-khưu! Các con nhận thức thế nào về điều này? - Hành-uẩn này là thường hay vô-thường? - Kính bạch Đức-Thế-Tôn, hành-uẩn này sinh rồi diệt là vô-thường. - Này chư tỳ-khưu! Hành-uẩn nào là vôthường, vậy hành-uẩn ấy là khổ hay lạc? - Kính bạch Đức-Thế-Tôn, hành-uẩn nào sinh rồi diệt có trạng-thái vô-thường luôn luôn hành hạ, nên hành-uẩn ấy là khổ. - Này chư tỳ-khưu! Hành-uẩn nào có trạngthái vô-thường, trạng-thái khổ, có trạng-thái thường biến đổi, không chiều theo ý của ai. Vậy, các con có nên theo chấp-thủ với tâm tham-ái, ngã-mạn, tà-kiến trong hành-uẩn ấy rằng: “Hành-uẩn ấy là của ta (do tâm tham-ái), hành-uẩn ấy là ta (do tâm ngã-mạn), hành-uẩn ấy là tự ngã của ta (do tâm tà-kiến) hay không?” - Kính bạch Đức-Thế-Tôn, quả thật không nên theo chấp-thủ trong hành-uẩn ấy như vậy. Bạch Ngài. * Thức-uẩn có 3 trạng-thái-chung - Này chư tỳ-khưu! Các con nhận thức thế nào về điều này? - Thức-uẩn này là thường hay vô-thường?

Phần I: Kinh Trạng-Thái Vô-Ngã 19 - Kính bạch Đức-Thế-Tôn, thức-uẩn này sinh rồi diệt là vô-thường. - Này chư tỳ-khưu! Thức-uẩn nào là vôthường, vậy thức-uẩn ấy là khổ hay lạc? - Kính bạch Đức-Thế-Tôn, thức-uẩn nào sinh rồi diệt có trạng-thái vô-thường luôn luôn hành hạ, nên thức-uẩn ấy là khổ. - Này chư tỳ-khưu! Thức-uẩn nào có trạngthái vô-thường, trạng-thái khổ, có trạng-thái thường biến đổi, không chiều theo ý của ai. Vậy, các con có nên theo chấp-thủ với tâm tham-ái, ngã-mạn, tà-kiến trong thức-uẩn ấy rằng: “Thức-uẩn ấy là của ta (do tâm tham-ái), thức-uẩn ấy là ta (do tâm ngã-mạn), thức-uẩn ấy là tự ngã của ta (do tâm tà-kiến) hay không?” - Kính bạch Đức-Thế-Tôn, quả thật không nên theo chấp-thủ trong thức-uẩn ấy như vậy. Bạch Ngài. 8- Trí-tuệ-thiền-tuệ không chấp-thủ trong ngũ-uẩn * Trí-tuệ-thiền-tuệ không chấp-thủ trong sắc-uẩn - Này chư tỳ-khưu! Vì vậy, sắc-uẩn nào đã sinh trong thời quá-khứ, sẽ sinh trong thời vị-lai, đang sinh trong thời hiện-tại; hoặc sắc-uẩn bên trong của mình, hoặc sắc-uẩn bên ngoài mình (của người khác), hoặc sắc-uẩn thô, hoặc sắc-uẩn vi-tế,

hoặc sắc-uẩn thấp hèn, hoặc sắc-uẩn cao

quý, hoặc sắc-uẩn nào sinh ở nơi xa, hoặc sắcuẩn nào sinh ở nơi gần, gồm 11 loại sắc-uẩn ấy, các con nên biết bằng trí-tuệ-thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ đúng theo thật-tánh của sắc-uẩn ấy rằng: "Sắc-uẩn ấy không phải là của ta (do tham-ái), sắc-uẩn ấy không phải là ta (do ngã-mạn), sắcuẩn ấy không phải là tự ngã của ta (do tà-kiến)." * Trí-tuệ-thiền-tuệ không chấp-thủ trong thọ-uẩn - Này chư tỳ-khưu! Vì vậy, thọ-uẩn nào đã sinh trong thời quá-khứ, sẽ sinh trong thời vị-lai, đang sinh trong thời hiện-tại; hoặc thọ-uẩn bên trong của mình, hoặc thọ-uẩn bên ngoài mình (của người khác), hoặc thọ-uẩn thô, hoặc thọ-uẩn vitế, hoặc thọ-uẩn thấp hèn, hoặc thọ-uẩn cao quý, hoặc thọ-uẩn nào sinh ở nơi xa, hoặc thọ-uẩn nào sinh ở nơi gần, gồm 11 loại thọ-uẩn ấy, các con nên biết bằng trí-tuệ-thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ đúng theo thật-tánh của tất cả thọ-uẩn ấy rằng: "Thọ-uẩn ấy không phải là của ta (do thamái), thọ-uẩn ấy không phải là ta (do ngã-mạn), thọuẩn ấy không phải là tự ngã của ta (do tà-kiến)." * Trí-tuệ-thiền-tuệ không chấp-thủ trong tưởng-uẩn - Này chư tỳ-khưu! Vì vậy, tưởng-uẩn nào đã sinh trong thời quá-khứ, sẽ sinh trong thời vị-lai, đang sinh trong thời hiện-tại; hoặc tưởng-uẩn bên trong của mình, hoặc tưởng-uẩn bên ngoài mình

 (của người khác), hoặc tưởng-uẩn thô, hoặc tưởng-uẩn vi-tế, hoặc tưởng-uẩn thấp hèn, hoặc tưởng-uẩn cao quý, hoặc tưởng-uẩn nào sinh ở nơi xa, hoặc tưởng-uẩn nào sinh ở nơi gần, gồm 11 loại tưởng-uẩn ấy, các con nên biết bằng trítuệ-thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ đúng theo thật-tánh của tất cả tưởng-uẩn ấy rằng: "Tưởng-uẩn ấy không phải là của ta (do tham-ái), tưởng-uẩn ấy không phải là ta (do ngãmạn), tưởng-uẩn ấy không phải là tự ngã của ta (do tà-kiến)." * Trí-tuệ-thiền-tuệ không chấp-thủ trong hành-uẩn - Này chư tỳ-khưu! Vì vậy, hành-uẩn nào đã sinh trong thời quá-khứ, sẽ sinh trong thời vị-lai, đang sinh trong thời hiện-tại; hoặc hành-uẩn bên trong của mình, hoặc hành-uẩn bên ngoài mình (của người khác), hoặc hành-uẩn thô, hoặc hành-uẩn vi-tế, hoặc hành-uẩn thấp hèn, hoặc hành-uẩn cao quý, hoặc hành-uẩn nào sinh ở nơi xa, hoặc hành-uẩn nào sinh ở nơi gần, gồm 11 loại hành-uẩn ấy, các con nên biết bằng trítuệ-thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ đúng theo thật-tánh của tất cả hành-uẩn ấy rằng: "Hành-uẩn ấy không phải là của ta (do thamái), hành-uẩn ấy không phải là ta (do ngã-mạn), hành-uẩn ấy không phải là tự ngã của ta (do tàkiến)."

* Trí-tuệ-thiền-tuệ không chấp-thủ trong thức-uẩn - Này chư tỳ-khưu! Vì vậy, thức-uẩn nào đã sinh trong thời quá-khứ, sẽ sinh trong thời vị-lai, đang sinh trong thời hiện-tại; hoặc thức-uẩn bên trong của mình, hoặc thức-uẩn bên ngoài mình (của người khác), hoặc thức-uẩn thô, hoặc thứcuẩn vi-tế, hoặc thức-uẩn thấp hèn, hoặc thức-uẩn cao quý, hoặc thức-uẩn nào sinh ở nơi xa, hoặc thức-uẩn nào sinh ở nơi gần, gồm 11 loại thứcuẩn ấy, các con nên biết bằng trí-tuệ-thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ đúng theo thật-tánh của tất cả thức-uẩn ấy rằng: "Thức-uẩn ấy không phải là của ta (do tham-ái), thức-uẩn ấy không phải là ta (do ngãmạn), thức-uẩn ấy không phải là tự ngã của ta (do tà-kiến)."

* Trí-tuệ-thiền-tuệ nhàm chán trong ngũ-uẩn - Này chư tỳ-khưu! Thật-tánh của ngũ-uẩn như vậy, bậc Thánh Thanh-văn đã lắng nghe chánh-pháp của Đức-Phật, nên phát sinh trítuệ-thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ ngũ-uẩn đúng theo thật-tánh, nên trí-tuệ-thiền-tuệ nhàm chán trong sắc-uẩn, nhàm chán trong thọ-uẩn, nhàm chán trong tưởng-uẩn, nhàm chán trong hành-uẩn, nhàm chán trong thức-uẩn. Khi trí-tuệ-thiền-tuệ nhàm chán trong ngũuẩn nên tâm xả ly tham-ái, do tâm xả ly tham-ái

Phần I: Kinh Trạng-Thái Vô-Ngã 23 nên chứng đắc A-ra-hán Thánh-đạo-tâm giải thoát khỏi mọi tham-ái, mọi phiền-não. Trí-tuệ quán-triệt biết rõ rằng: "A-ra-hán Thánh-quả-tâm đã giải thoát hoàn toàn mọi phiền-não trầm-luân, không còn phải thực hành pháp-hành bát-chánh-đạo nữa, mọi phận-sự trong tứ Thánh-đế đã được hoàn thành, phạm hạnh cao thượng đã được hoàn thiện. Kiếp này là kiếp chót, không còn tái-sinh kiếp nào nữa. Nhóm 5 tỳ-khưu trở thành bậc Thánh A-ra-hán Đức-Thế-Tôn thuyết giảng bài Kinh Trạngthái vô-ngã này xong, nhóm 5 tỳ-khưu phát sinh đại-duy-tác-tâm vô cùng hoan-hỷ với lời giáo huấn của Đức-Thế-Tôn. Trong khi Đức-Thế-Tôn thuyết giảng bài kinh này, nhóm 5 tỳ-khưu thực hành pháp-hành thiền-tuệ dẫn đến chứng ngộ chân-lý tứ Thánhđế, chứng đắc Nhất-lai Thánh-đạo, Nhất-lai Thánh-quả, Niết-bàn; Bất-lai Thánh-đạo, Bất-lai Thánh-quả, Niết-bàn; đến A-ra-hán Thánh-đạo, A-ra-hán Thánh-quả, Niết-bàn, diệt tận được mọi tham-ái, mọi phiền-não trầm-luân, không còn chấp-thủ trong ngũ-uẩn này nữa, trở thành bậc Thánh A-ra-hán. (Xong bài Kinh Trạng-Thái Vô-Ngã.)

24 TÌM HIỂU KINH TRẠNG-THÁI VÔ-NGÃ

Phần giảng giải bài Kinh Trạng-Thái Vô-Ngã Chúng-sinh trong tam-giới Tất cả chúng-sinh trong tam-giới có ba loại: 1- Chúng-sinh có ngũ-uẩn đó là sắc-uẩn, thọuẩn, tưởng-uẩn, hành-uẩn, thức-uẩn trong 11 cõi dục-giới, 15 tầng trời sắc-giới phạm-thiên (trừ tầng trời sắc-giới Vô-tưởng-thiên). 2- Chúng-sinh có tứ-uẩn đó là thọ-uẩn, tưởnguẩn, hành-uẩn, thức-uẩn (không có sắc-uẩn) trong 4 tầng trời vô-sắc-giới phạm-thiên. 3- Chúng-sinh có nhất-uẩn đó là sắc-uẩn (không có 4 danh-uẩn) trong tầng trời sắc-giới Vô-tưởng-thiên. Ngũ-uẩn (Pañcakkhandha) Khandha là uẩn có nghĩa là "nhóm" gồm những phần có trạng-thái tương tự nhau, ghép chung vào một nhóm gọi là khandha: uẩn. Ví dụ: Con người có ngũ-uẩn. 1- Sắc-uẩn đó là 28 sắc-pháp, mỗi sắc-pháp là mỗi uẩn thuộc về phần thân. 2- Thọ-uẩn đó là thọ tâm-sở. 3- Tưởng-uẩn đó là tưởng tâm-sở. 4- Hành-uẩn đó là 50 tâm-sở nói chung (trừ thọ tâm-sở và tưởng tâm-sở). 5- Thức-uẩn đó là 89 hay 121 tâm nói chung.

Phần I: Kinh Trạng-Thái Vô-Ngã 25 Thọ-uẩn, tưởng-uẩn, hành-uẩn, thức-uẩn gồm 4 danh-uẩn thuộc về danh-pháp tam-giới nương nhờ lẫn nhau không thể tách rời nhau được, mỗi tâm là mỗi uẩn thuộc về phần tâm. Thân và tâm nương nhờ lẫn nhau duy trì sự sống còn của mỗi chúng-sinh. Nếu khi tâm rời khỏi thân thì thân trở thành tử thi. Phần Giải Thích 1- Sắc-uẩn (Rūpakkhandha) gồm có 28 sắcpháp, chia thành hai loại: * Mahābhūtarūpa: Sắc-tứ-đại có 4 sắc-pháp lớn là: - Địa-đại (Pathavī): Chất đất có trạng-thái cứng hoặc mềm. - Thủy-đại (Āpo): Chất nước có trạng-thái lỏng hoặc đông đặc. - Hỏa-đại (Tejo): Chất lửa có trạng-thái nóng hoặc lạnh. - Phong-đại (Vāyo): Chất

gió có trạng-thái lưu động, phồng hoặc xẹp. * Upādāyarūpa: Sắc-pháp phụ thuộc gồm có 24 sắc-pháp, luôn luôn phụ thuộc vào 4 sắc-tứ-đại: - 5 tịnh-sắc (Pasādarūpa): Nhãn tịnh-sắc, nhĩ tịnh-sắc, tỷ tịnh-sắc, thiệt tịnh-sắc, thân tịnh-sắc.

- 5 sắc đối-tượng (Visayarūpa): Đối-tượng sắc, đối-tượng thanh, đối-tượng hương, đốitượng vị, đối-tượng xúc (1). - 2 sắc-tính (Bhāvarūpa): Sắc nam-tính, sắc nữ-tính. - 1 hadayarūpa: Sắc-pháp là nơi sinh của ýthức-tâm. - 1 sắc-mạng-chủ (Jīvitarūpa). - 1 sắc-vật-thực (Āhārarūpa). - 1 sắc-chân-không (Paricchedarūpa). - 2 sắc-cử-động (Viññattirūpa): Sắc-thân cử động, sắc-khẩu cử động. - 3 sắc-chuyển-biến (Vikārarūpa): Sắc-nhẹnhàng, sắc-mềm-mại, sắc-uyển-chuyển. - 4 sắc-trạng-thái (Lakkhaṇarūpa): Sắc-sinh, sắc-liên-tục, sắc-già-dặn, sắc-vô-thường. Đó là 28 sắc-pháp bên trong thân, thuộc về sắc-uẩn. Một người bình thường, không bị khuyết tật, thân thể có đầy đủ 27 sắc-pháp. - Nếu là người nam thì trừ sắc nữ-tính. - Nếu là người nữ thì trừ sắc nam-tính. - Nếu người bị đui mù, câm điếc, thì người ấy có số lượng sắc-pháp giảm xuống theo bệnh tật. 1 Đối-tượng xúc gồm có 3 sắc: đất, lửa, gió, đã có trong phần tứ-đại.

Phần I: Kinh Trạng-Thái Vô-Ngã 27 2- Thọ-uẩn (Vedanakkhandha) đó là thọ tâmsở có trạng-thái cảm thọ nơi đối-tượng. * Thọ tâm-sở (cảm thọ nơi đối-tượng) có ba loại thọ: - Thọ khổ (dukkhavedanā) có trạng-thái khổ khó chịu. - Thọ lạc (sukhavedanā) có trạng-thái lạc dễ chịu. - Thọ xả (upekkhāvedanā) có trạng-thái không khổ, không lạc. * Thọ tâm-sở có 5 loại theo thân, tâm: - Thọ khổ (dukkhavedanā) đồng sinh với thân-thức-tâm (khổ thân). - Thọ lạc (sukhavedanā) đồng sinh với thânthức-tâm (thân an-lạc). - Thọ hỷ (somanassavedanā) đồng sinh với ýthức-tâm (tâm an-lạc). - Thọ ưu (domanassavedanā) đồng sinh với sân-tâm (khổ tâm). - Thọ xả (upekkhāvedanā) đồng sinh với ýthức-tâm (tâm không khổ, không lạc). Mỗi thọ tâm-sở đồng sinh với tâm ấy thuộc về thọ-uẩn. 3- Tưởng-uẩn (Saññakkhandha) đó là tưởng tâm-sở có trạng-thái tưởng nơi 6 đối-tượng. - Sắc-tưởng (rūpasaññā) tưởng các đốitượng sắc.

- Thanh-tưởng (saddasaññā) tưởng các đốitượng âm thanh. - Hương-tưởng (gandhasaññā) tưởng các đốitượng hương. - Vị-tưởng (rasasaññā) tưởng các đối-tượng vị. - Xúc-tưởng (phoṭṭhabbasaññā) tưởng các đối-tượng xúc. - Pháp-tưởng (dhammasaññā) tưởng các đốitượng pháp. Mỗi tưởng tâm-sở đồng sinh với tâm ấy thuộc về tưởng-uẩn. 4- Hành-uẩn (Saṅkhārakkhandha) đó là 50 tâm-sở (trừ thọ tâm-sở và tưởng tâm-sở) có trạng-thái cấu tạo, tạo tác các pháp. Vì vậy, tác-ý tâm-sở (cetanācetasika) dẫn đầu hành-uẩn. - Tác-ý tâm-sở (cetanācetasika) đồng sinh với bất-thiện-tâm tạo nên bất-thiện-nghiệp (ácnghiệp) do thân, khẩu, ý. - Tác-ý tâm-sở (cetanācetasika) đồng sinh với thiện-tâm tạo nên thiện-nghiệp do thân, khẩu, ý. Số tâm-sở ấy đồng sinh với tâm ít hoặc nhiều tùy theo năng lực của mỗi tâm. Ngoại trừ thọ tâm-sở và tưởng tâm-sở ra, các tâm-sở còn lại thuộc về hành-uẩn. 5- Thức-uẩn (Viññāṇakkhandha) gồm có 89 hoặc 121 tâm có trạng-thái biết 6 loại đối-tượng.

Phần I: Kinh Trạng-Thái Vô-Ngã 29 Đối-tượng có 6 loại, nên tâm chia ra làm 6 loại tâm: - Nhãn-thức-tâm (cakkhuviññāṇa) có 2 tâm, làm phận sự nhìn thấy các đối-tượng sắc. - Nhĩ-thức-tâm (sotaviññāṇa) có 2 tâm, làm phận sự nghe các đối-tượng âm thanh. - Tỷ-thức-tâm (ghānaviññāṇa) có 2 tâm, làm phận sự ngửi các đối-tượng hương. - Thiệt-thức-tâm (jivhāviññāṇa) có 2 tâm, làm phận sự nếm các đối-tượng vị. - Thân-thức-tâm (kāyaviññāṇa) có 2 tâm, làm phận sự xúc giác các đối-tượng xúc. - Ý-thức-tâm (manoviññāṇa) có 79 hoặc 111 tâm, có nhiều phận sự như biết các đối-tượng pháp (1) tùy theo năng lực của mỗi ý-thức-tâm. Mỗi tâm thuộc về mỗi thức-uẩn. Thật ra, mỗi tâm phát sinh đều có một số tâm-sở ít hoặc nhiều đồng sinh tùy theo năng lực và phận sự của tâm ấy. Các tâm-sở này có 4 trạng-thái là đồng sinh với tâm, đồng diệt với tâm, đồng đối-tượng với tâm, đồng nơi sinh với tâm. Cho nên, khi mỗi tâm sinh rồi diệt nghĩa là 4 danh-uẩn đồng sinh, rồi 4 danh-uẩn đồng diệt... 1 Đối-tượng pháp có 6 loại là 89 tâm, 52 tâm-sở, 5 tịnh-sắc, 16 sắc vi-tế, Niết-bàn và chế-định-pháp.

30 TÌM HIỂU KINH TRẠNG-THÁI VÔ-NGÃ

Chúng-sinh có ngũ-uẩn, khi 6 loại tâm phát sinh do nương nhờ nơi 6 nơi sinh (vatthurūpa) như sau: - Nhãn-thức-tâm có 2 tâm, phát sinh do nương nhờ nhãn-tịnh-sắc (cakkhuvatthu). - Nhĩ-thức-tâm có 2 tâm, phát sinh do nương nhờ nhĩ-tịnh-sắc (sotavatthu). - Tỷ-thức-tâm có 2 tâm, phát sinh do nương nhờ tỷ-tịnh-sắc (ghāṇavatthu). - Thiệt-thức-tâm có 2 tâm, phát sinh do nương nhờ thiệt-tịnh-sắc (jivhāvatthu). - Thân-thức-tâm có 2 tâm, phát sinh do nương nhờ thân-tịnh-sắc (kāyavatthu). - Ý-thức-tâm gồm có 75 tâm (1) (trừ 4 vô-sắcgiới quả-tâm không nương nhờ vatthurūpa) phát sinh do nương nhờ hadayavatthurūpa (sắc-pháp là nơi sinh của ý-thức-tâm). Như vậy, mỗi tâm phát sinh có đủ ngũ-uẩn phát sinh. - Vatthurūpa có 6 loại là nơi nương nhờ để 6 loại tâm phát sinh, thuộc về sắc-uẩn. - Tâm ấy thuộc về thức-uẩn. - Thọ tâm-sở đồng sinh với tâm ấy thuộc về thọ-uẩn. 1 75 tâm đó là 12 bất-thiện-tâm + 8 vô-nhân-tâm (trừ 10 thức tâm) + 8 đại-thiện-tâm + 8 đại-quả-tâm + 8 đại-duy-tác-tâm + 15 sắc-giới-tâm + 8 vô-sắc-giới-tâm (trừ 4 vô-sắc-giới-quảtâm) + 8 siêu-tam-giới-tâm.

Phần I: Kinh Trạng-Thái Vô-Ngã 31 - Tưởng tâm-sở đồng sinh với tâm ấy thuộc về tưởng-uẩn. - Số tâm-sở còn lại (trừ thọ tâm-sở và tưởng tâm-sở) đồng sinh với tâm ấy thuộc về hành-uẩn. * Mỗi tâm có 4 danh-uẩn (thọ-uẩn, tưởnguẩn, hành-uẩn, thức-uẩn) sinh rồi diệt liên tục từ kiếp này sang kiếp kia, từ vô thủy trải qua vô số kiếp cho đến kiếp hiện-tại, mỗi tâm sinh rồi diệt liên tục có phận sự lưu trữ mọi đại-thiệnnghiệp và cũng lưu trữ đầy đủ trọn vẹn mọi ácnghiệp, không hề mất mát một mảy may nào cả. Cho nên, mỗi kiếp tử sinh luân-hồi của mỗi chúng-sinh chỉ có liên quan nghiệp và quả của nghiệp của chúng-sinh ấy mà thôi. * Thân của mỗi chúng-sinh thuộc về sắc-uẩn, là quả của nghiệp, bị hạn chế chỉ trong kiếp hiện-tại của chúng-sinh mà thôi. Sau khi chúngsinh ấy chết, thân bị tan rã, không có liên quan nào đến kiếp sau nữa.

Ngũ-uẩn chấp-thủ (Pañcupādānakkhandha) Ngũ-uẩn chấp-thủ nghĩa là ngũ-uẩn là đốitượng của 4 pháp chấp-thủ: Ngũ-uẩn chấp-thủ có 5 pháp đó là: 1- Sắc-uẩn chấp-thủ

đó là 28 sắc-pháp, là đối-tượng của pháp chấp-thủ.

32 TÌM HIỂU KINH TRẠNG-THÁI VÔ-NGÃ

2- Thọ-uẩn chấp-thủ đó là thọ tâm-sở trong 81 tam-giới-tâm là đối-tượng của pháp chấp-thủ. 3- Tưởng-uẩn chấp-thủ đó là tưởng tâm-sở trong 81 tam-giới-tâm là đối-tượng của pháp chấp-thủ. 4- Hành-uẩn chấp-thủ đó là 50 tâm-sở (trừ thọ tâm-sở và tưởng tâm-sở) trong 81 tam-giớitâm là đối-tượng của pháp chấp-thủ. 5- Thức-uẩn chấp-thủ đó là 81 tam-giới-tâm là đối-tượng của pháp chấp-thủ. Bốn pháp chấp-thủ - Kāmupādāna: Chấp-thủ trong đối-tượng tham muốn trong cõi dục-giới, cõi sắc-giới và cõi vô-sắc-giới, có chi-pháp là tham tâm-sở đồng sinh với 8 tham-tâm. - Diṭṭhupādāna: Chấp-thủ trong tà-kiến thấy sai chấp lầm (ngoài sīlabbatupādāna và attavādupādāna) có chi-pháp là tà-kiến tâm-sở đồng sinh với 4 tham-tâm hợp với tà-kiến. - Sīlabbatupādāna: Chấp-thủ trong pháp thường-hành sai lầm, có chi-pháp là tà-kiến tâmsở đồng sinh với 4 tham-tâm hợp với tà-kiến. - Attavādupādāna: Chấp-thủ trong ngũ-uẩn gọi là ta, có chi-pháp là tà-kiến tâm-sở đồng sinh với 4 tham-tâm hợp với tà-kiến. Bốn pháp chấp-thủ này trong tam-giới: dụcgiới, sắc-giới, vô-sắc-giới.

Phần I: Kinh Trạng-Thái Vô-Ngã 33 Giảng giải danh-từ anattā với attā Trong bài Kinh Anattalakkhaṇasutta, Đức- Phật thuyết giảng rằng: - “Rūpaṃ bhikkhave anattā, rūpañca hidaṃ bhikkhave attā abhavissa, nayidaṃ rūpaṃ ābādhāya saṃvatteyya, labbhetha ca rūpe “evaṃ me rūpaṃ hotu, evaṃ me rūpaṃ mā ahosī” ti. Yasmā ca kho bhikkhave rūpaṃ anattā, tasmā rūpaṃ ābādhāya saṃvattati, na ca labbhati rūpe “evaṃ me rūpaṃ hotu, evaṃ me rūpaṃ mā ahosī” ti. Sắc-uẩn là vô-ngã - “Này chư tỳ-khưu! Sắc-uẩn này là vô-ngã (không phải ta, không chiều theo ý muốn của ai). - Này chư tỳ-khưu! Thật vậy, nếu sắc-uẩn này là ta (ngã) thì sắc-uẩn này không bị vô-thường biến đổi, không bị bệnh thân, các con có thể mong muốn sắc-uẩn này rằng: “Sắc-uẩn của tôi được khỏe mạnh, đẹp đẽ như thế này. Sắc-uẩn của tôi đừng có bệnh thân, xấu xí như thế kia.” - Này chư tỳ-khưu! Sự thật, bởi vì sắc-uẩn này là vô-ngã, do đó, sắc-uẩn này bị vô-thường biến đổi, bị bệnh thân. Vì vậy, các con không thể mong muốn trong sắc-uẩn này rằng:

34 TÌM HIỂU KINH TRẠNG-THÁI VÔ-NGÃ

“Sắc-uẩn của tôi được khỏe mạnh, đẹp đẽ như thế này. Sắc-uẩn của tôi đừng có bệnh thân, xấu xí như thế kia.” (Sắc-uẩn như thế nào tùy thuộc vào nhânduyên, không tùy theo ý muốn của ai). Tương tự như sắc-uẩn, Đức-Phật thuyết giảng thọ-uẩn, tưởng-uẩn, hành-uẩn, thức-uẩn cũng là vô-ngã (không phải ta, không chiều theo ý muốn của ai) … Ý nghĩa anattā Định nghĩa danh-từ anattā: Na attā anattā, natthi attā etassa khandhapañcakassā’ti vā anattā. Tất cả các pháp không phải ta, không phải của ta là pháp-vô-ngã; hay ngũ-uẩn ấy không phải ta, không phải của ta cũng là pháp-vô-ngã. Ý nghĩa Anattā: Vô-ngã ở đây là phủ định attā: ngã, ta và của ta. Trong bộ Ṭīkā (1) giải thích danh-từ anattā: vô-ngã có 4 ý nghĩa sau: 1- Avasavattanaṭṭha: Vô-ngã nghĩa là không chiều theo ý muốn của một ai. 2- Asāmikaṭṭha: Vô-ngã nghĩa là vô chủ, không có ai là chủ. 1 Bộ Sāratthadīpanīṭīkā, kinh Anattalakkhaṇasuttavaṇṇanā.

Phần I: Kinh Trạng-Thái Vô-Ngã 35 3- Suññataṭṭha: Vô-ngã nghĩa là không, không phải ta, không phải của ta. 4- Attapaṭikkhepaṭṭha: Vô-ngã nghĩa là phủ nhận cái ngã, cái ta, cái đại ngã theo quan niệm tà-kiến thấy sai chấp lầm. Trong bài Kinh Anattalakkhaṇasutta: Kinh trạng-thái vô-ngã, danh-từ anattā với attā có ý nghĩa hoàn toàn trái ngược nhau. * Anattā (Vô-ngã): Ngũ-uẩn này là vô-ngã, không phải ta, không chiều theo ý muốn của ai. Sự-thật của ngũ-uẩn này là vô-ngã, không phải ta, cũng không phải là chúng-sinh nào cả. Mỗi uẩn phát sinh do nhân-duyên của nó. Trong bộ Visuddhimagga, phần Saṅkhārupekkhāñāṇakathā trình bày tính chất của ngũ-uẩn: sắc-uẩn, thọ-uẩn, tưởng-uẩn, hành-uẩn, thức-uẩn. Ngũ-uẩn có 12 tính chất 1- Na satto: Ngũ-uẩn không phải là chúng-sinh. 2- Na jīvo: Ngũ-uẩn không phải là sinh-mạng vĩnh cửu theo nhóm ngoại đạo. 3- Na naro: Ngũ-uẩn không phải là người. 4- Na māṇavo: Ngũ-uẩn không phải là cậu trai trẻ. 5- Na itthī: Ngũ-uẩn không phải là người nữ. 6- Na puriso: Ngũ-uẩn không phải là người nam. 7- Na attā: Ngũ-uẩn không phải ta.

8- Na attaniyaṃ: Ngũ-uẩn không thuộc về ta.

9- Nāhaṃ: Ngũ-uẩn không phải là ta.

10- Na mama: Ngũ-uẩn không phải là của ta.

11- Na aññassa: Ngũ-uẩn không phải là của người khác.

12- Na kassaci: Ngũ-uẩn không thuộc về của ai.

Pháp-vô-ngã (Anattadhamma)

Đức-Phật dạy rằng: Sabbe dhammā anattā: Tất cả các pháp-hữu-vi, pháp-vô-vi đều là pháp vô-ngã (anattadhamma). * Pháp-hữu-vi (Aṅkhatadhamma) đó là ngũuẩn (khandha), 12 xứ (āyatana), 18 tự-tánh (dhātu), mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp tam-giới là pháp bị cấu tạo do bởi 4 nhân-duyên: nghiệp, (kamma), tâm (citta), thời-tiết (utu), vật-thực (āhāra). Nên có sự sinh, sự diệt, có 3 trạng-thái- chung: trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã, đều là pháp-vô-ngã (anattā). * Pháp-vô-vi (Asaṅkhatadhamma) đó là Niếtbàn, là pháp không bị cấu tạo do bởi 4 nhân duyên: nghiệp, tâm, thời-tiết, vật-thực; và các chế-định-pháp (paññattidhamma) cũng là pháp không bị cấu tạo do bởi 4 nhân duyên: nghiệp, tâm, thời-tiết, vật-thực. Nên không có sự sinh, sự diệt, không có 3 trạng-thái chung: trạng-thái

Phần I: Kinh Trạng-Thái Vô-Ngã 37 vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã, cũng là pháp-vô-ngã (anattā). Như Đức-Phật dạy trong Tạng-Luật, bộ Parivārapāḷi: “Aniccā sabbe saṅkhārā, dukkhānattā ca saṅkhatā. Nibbānañceva paññatti, anattā iti vinicchayā.” (1) Tất cả các pháp-hữu-vi, sắc-pháp, danh-pháp tam-giới, đều có đủ ba trạng-thái, vô-thường, khổ, vô-ngã. Niết-bàn và chế-định-pháp, cũng thuộc về pháp-vô-ngã. * Pháp-vô-ngã là những pháp nào? - Sắc-uẩn là pháp-vô-ngã, thọ-uẩn, tưởng-uẩn, hành-uẩn, thức-uẩn đều là pháp-vô-ngã; hay tất cả mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp tam-giới là pháp-vô-ngã. Bởi vì không phải ta và không phải của ta, không có ai là chủ, không chiều theo ý muốn của ai, các pháp này phát sinh do nhânduyên, cho nên, các pháp ấy đều là pháp-vô-ngã. 1- Nhân-duyên phát sinh mỗi sắc-pháp

Tứ-oai-nghi: Oai-nghi đi, oai-nghi đứng, oai- 1 Vinayapiṭaka, bộ Parivāra, phần Samuṭṭhānasīsasaṅkhepa.

nghi ngồi, oai-nghi nằm, là sắc-pháp phát sinh do tâm (cittajarūpa). * Nhân-duyên phát sinh oai-nghi đi Oai-nghi đi phát sinh do tâm qua quá trình diễn biến do nhiều nhân-duyên liên tục như sau: - Tâm nghĩ "đi". - Do tâm nghĩ đi, nên làm cho phát sinh chất gió. - Chất gió phát sinh do tâm ấy làm cho toàn thân chuyển động. - Toàn thân di chuyển bước đi mỗi tư thế đi, dáng đi do năng lực của chất gió phát sinh do tâm ấy. Vì vậy, gọi là"thân đi" hoặc "sắc-đi" là sắcpháp phát sinh do tâm (cittajarūpa). * Nhân-duyên phát sinh oai-nghi đứng Oai-nghi đứng phát sinh do tâm qua quá trình diễn biến do nhiều nhân-duyên liên tục như sau: - Tâm nghĩ "đứng". - Do tâm nghĩ đứng, nên làm cho phát sinh chất gió. - Chất gió phát sinh do tâm ấy làm cho toàn thân cử động. - Toàn thân từ chân đến đầu đứng yên theo mỗi tư thế đứng, mỗi dáng đứng do năng lực của chất gió phát sinh do tâm ấy.

Phần I: Kinh Trạng-Thái Vô-Ngã 39 Vì vậy, gọi là "thân đứng" hoặc "sắc-đứng" là sắc-pháp phát sinh do tâm (cittajarūpa). Nhân-duyên phát sinh oai-nghi ngồi Oai-nghi ngồi phát sinh do tâm qua quá trình diễn biến do nhiều nhân-duyên liên tục như sau: - Tâm nghĩ "ngồi". - Do tâm nghĩ ngồi, nên làm cho phát sinh chất gió. - Chất gió phát sinh do tâm ấy làm cho toàn thân cử động. - Toàn thân, thân phần trên ngồi yên, thân phần dưới co theo mỗi tư thế ngồi, mỗi dáng ngồi do năng lực của chất gió phát sinh do tâm ấy. Vì vậy, gọi là "thân ngồi" hoặc "sắc-ngồi" là sắc-pháp phát sinh do tâm (cittajarūpa). Nhân-duyên phát sinh oai-nghi nằm Oai-nghi nằm phát sinh do tâm qua quá trình diễn biến do nhiều nhân-duyên liên tục như sau: - Tâm nghĩ "nằm". - Do tâm nghĩ nằm nên làm cho phát sinh chất gió. - Chất gió phát sinh do tâm ấy làm cho toàn thân cử động. - Toàn thân nằm trên mặt phẳng theo mỗi tư thế nằm, mỗi dáng nằm do năng lực của chất gió phát sinh do tâm ấy.

Vì vậy, gọi là "thân nằm" hoặc "sắc-nằm" là sắc-pháp phát sinh do tâm (cittajarūpa). Các oai-nghi phụ quay bên phải, quay bên trái, co tay vào, co chân vào, duỗi tay ra, duỗi chân ra, v.v... đều là sắc-pháp phát sinh do tâm (cittajarūpa). (1) Đức-Phật ví "Sắc-thân" như "chiếc xe", "Tâm" như "người lái xe". Thật vậy, sắc-thân này gồm có 27 sắc-pháp hoàn toàn không biết 6 đối-tượng, chỉ có thể tiếp nhận được 6 đối-tượng làm duyên để cho tâm phát sinh mà thôi. Chiếc xe gồm có các bộ phận ráp lại với nhau không thể chạy mau, chạy chậm, rẽ phải, rẽ trái, ngừng lại, v.v... Sở dĩ chiếc xe có thể chạy mau, chạy chậm, rẽ phải, rẽ trái, ngừng lại, v.v... là do người lái xe điều khiển. Cũng như vậy, sắc-thân này không thể đi, đứng, ngồi, nằm, quay bên phải, quay bên trái, co tay vào, co chân vào, duỗi tay ra, duỗi chân ra, v.v... Sở dĩ sắc-thân này có thể đi, đứng, ngồi, nằm, quay bên phải, quay bên trái, co tay vào, co chân vào, duỗi tay ra, duỗi chân ra, v.v... là do tâm điều khiển. 1 Tìm hiểu rõ trong bộ Nền-Tảng-Phật-Giáo, quyển X: Pháp- Hành Thiền-Tuệ, cùng soạn giả.

Phần I: Kinh Trạng-Thái Vô-Ngã 41 Nếu trường hợp thiếu một nhân-duyên nào thì sắc-đi, sắc-đứng, sắc-ngồi, sắc-nằm, … không thể phát sinh được. Ví dụ: Một người bị bệnh tê liệt, dù tâm của họ muốn đi, đứng, ngồi, nằm, v.v… như người bình thường cũng không thể được. Bởi vì chất gió (vāyodhātu) trong thân thể của họ không đủ năng lực làm cử động toàn thân thể của họ được vì chất đất (pathavīdhātu) và chất nước (āpodhātu) nặng nề trong thân. Cũng như vậy, nếu chiếc xe bị hư bộ phận nào thì dù người tài xế tài giỏi cũng không thể điều khiển chiếc xe ấy chạy theo ý của mình được. Vì vậy, tứ-oai-nghi: oai-nghi đi là sắc-đi, oai-nghi đứng là sắc-đứng, oai-nghi ngồi là sắcngồi, oai-nghi nằm là sắc-nằm, và các oai-nghi phụ đều là sắc-pháp phát sinh do tâm (cittajarūpa) qua quá trình diễn biến hội đủ nhân-duyên, nên thuộc về pháp-vô-ngã (anattā). 2- Nhân-duyên phát sinh mỗi danh-pháp Mỗi danh-pháp tam-giới nào (tâm với tâmsở) phát sinh do hội tụ đủ nhân-duyên riêng biệt của chính danh-pháp tam-giới ấy như sau: * Nhãn-tịnh-sắc (mắt) tiếp nhận đối-tượng sắc, khi hội đủ 2 nhân-duyên ấy thì nhãn-thức-tâm phát sinh làm phận sự thấy đối-tượng sắc.

Theo bộ Vi-Diệu-Pháp Yếu-Nghĩa, 2 nhãnthức-tâm phát sinh do hội đủ 4 nhân-duyên: 1- Nhãn-tịnh-sắc (mắt) tốt (không bị mù). 2- Đối-tượng sắc rõ ràng tiếp xúc với nhãntịnh-sắc. 3- Ánh sáng đủ thấy được. 4- Ngũ-môn hướng-tâm tiếp nhận đối-tượng sắc. Khi hội đủ 4 nhân-duyên ấy thì 2 nhãn-thứctâm phát sinh làm phận sự thấy đối-tượng sắc. * Nhĩ-tịnh-sắc (tai) tiếp nhận đối-tượng thanh (âm thanh), khi hội đủ 2 nhân-duyên ấy thì nhĩ-thức-tâm phát sinh làm phận sự nghe đối-tượng thanh. Theo bộ Vi-Diệu-Pháp Yếu-Nghĩa, 2 nhĩthức-tâm phát sinh do hội đủ 4 nhân-duyên: 1- Nhĩ-tịnh-sắc (tai) tốt (không bị bệnh điếc). 2- Đối-tượng thanh rõ ràng tiếp xúc với nhĩtịnh-sắc. 3- Không gian không bị vật cản bao kín. 4- Ngũ-môn hướng-tâm tiếp nhận đối-tượng thanh. Khi hội đủ 4 nhân-duyên ấy thì 2 nhĩ-thứctâm phát sinh làm phận sự nghe đối-tượng thanh (âm thanh). * Tỷ-tịnh-sắc (lỗ mũi) tiếp nhận đối-tượng hương (các mùi), khi hội đủ 2 nhân-duyên ấy thì

Phần I: Kinh Trạng-Thái Vô-Ngã 43 tỷ-thức-tâm phát sinh làm phận sự ngửi đốitượng hương. Theo bộ Vi-Diệu-Pháp Yếu-Nghĩa, 2 tỷ-thứctâm phát sinh do hội đủ 4 nhân-duyên: 1- Tỷ-tịnh-sắc (lỗ mũi) tốt (không bị bệnh). 2- Đối-tượng hương rõ ràng tiếp xúc với tỷtịnh-sắc. 3- Chất gió đưa mùi hương đến lỗ mũi. 4- Ngũ-môn hướng-tâm tiếp nhận đối-tượng hương. Khi hội đủ 4 nhân-duyên ấy thì 2 tỷ-thức-tâm phát sinh làm phận sự ngửi đối-tượng hương (các mùi). * Thiệt-tịnh-sắc (lưỡi) tiếp nhận đối-tượng vị (các vị), khi hội đủ 2 nhân-duyên ấy, thì thiệtthức-tâm phát sinh làm phận sự nếm đối-tượng vị. Theo bộ Vi-Diệu-Pháp Yếu-Nghĩa, 2 thiệtthức-tâm phát sinh do hội đủ 4 nhân-duyên: 1- Thiệt-tịnh-sắc (lưỡi) tốt (không bị bệnh). 2- Đối-tượng vị rõ ràng tiếp xúc với thiệttịnh-sắc. 3- Chất nước miếng. 4- Ngũ-môn-hướng-tâm tiếp nhận đối-tượng vị. Khi hội đủ 4 nhân-duyên ấy thì 2 thiệt-thứctâm phát sinh làm phận sự nếm đối-tượng vị (các vị).

* Thân-tịnh-sắc (thân) tiếp nhận đối-tượng xúc (cứng, mềm, nóng, lạnh, …), khi hội đủ 2 nhân-duyên ấy thì thân-thức-tâm phát sinh làm phận sự xúc giác đối-tượng xúc. Theo bộ Vi-Diệu-Pháp Yếu-Nghĩa, 2 thânthức-tâm phát sinh do hội đủ 4 nhân-duyên: 1- Thân-tịnh-sắc (thân) tốt (không bị bệnh liệt). 2- Đối-tượng xúc rõ ràng tiếp xúc với thântịnh-sắc. 3- Chất đất cứng, mềm, chất lửa nóng, lạnh,… 4- Ngũ-môn hướng-tâm tiếp nhận đối-tượng xúc ấy. Khi hội đủ 4 nhân-duyên ấy thì 2 thân-thứctâm phát sinh làm phận sự xúc giác đối-tượng xúc (cứng, mềm, nóng, lạnh, …). * Hadayavatthurūpa: Sắc-pháp là nơi sinh của ý-thức-tâm, tiếp nhận đối-tượng pháp (1), khi ýthức-tâm nào hội đủ nhân-duyên thì ý-thức-tâm ấy phát sinh làm phận sự biết đối-tượng pháp ấy. Theo bộ Vi-Diệu-Pháp Yếu-Nghĩa, 75 ý-thứctâm (2) phát sinh do hội đủ 3 nhân-duyên: 1 Đối-tượng pháp gồm có 6 loại là 89 tâm, 52 tâm-sở, 5 tịnhsắc, 16 sắc vi-tế, Niết-bàn, chế-định-pháp. 2 75 tâm đó là 12 bất-thiện-tâm + 8 vô-nhân-tâm (trừ 10 thức tâm) + 8 đại-thiện-tâm + 8 đại-quả-tâm + 8 đại-duy-tác-tâm + 15 sắc-giới-tâm + 8 vô-sắc-giới-tâm (trừ 4 vô-sắc-giới-quảtâm) + 8 siêu-tam-giới-tâm.

Phần I: Kinh Trạng-Thái Vô-Ngã 45 1- Hadayavatthurūpa: Sắc-pháp là nơi sinh của ý-thức-tâm. 2- Đối-tượng pháp ấy tiếp xúc với hadayavatthurūpa. 3- Ý-môn hướng-tâm tiếp nhận đối-tượng pháp ấy. Khi hội đủ 3 nhân-duyên của ý-thức-tâm nào thì ý-thức tâm ấy phát sinh làm phận sự biết đốitượng pháp ấy. Như vậy, mỗi danh-pháp tam-giới phát sinh do hội đủ nhân-duyên của nó, nếu thiếu nhânduyên nào thì danh-pháp (tâm với tâm-sở) ấy không thể phát sinh được. Mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp tam-giới phát sinh đều do nhân-duyên, nên mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp tam-giới đều là pháp-vô-ngã, không do một ai có khả năng tạo ra một sắc-pháp nào, một danh-pháp tam-giới nào được cả. Đức-Phật dạy rằng: “Sabbe dhammā anattā.” Tất cả các pháp-hữu-vi, pháp-vô-vi đều là pháp-vô-ngã. - Pháp-hữu-vi đó là ngũ-uẩn, mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp tam-giới đều là pháp-vô-ngã

46 TÌM HIỂU KINH TRẠNG-THÁI VÔ-NGÃ

(anattā) không phải ta (ngã), không phải người, không phải người nam, không phải người nữ, không phải chúng-sinh, … - Pháp-vô-vi đó là Niết-bàn và chế-định-pháp đều là pháp-vô-ngã (anattā). Như vậy, sự thật cái ta, cái ngã không có thật. Vậy, do đâu mà có cái ta, cái ngã? * Danh-từ attā tà-kiến Cái ta, cái ngã (attā) vốn dĩ không có thật. Sở dĩ có cái ta, cái ngã là vì tà-kiến (diṭṭhi) thấy sai, chấp lầm nơi sắc-pháp cho là ta, là ngã hoặc nơi danh-pháp tam-giới cho là ta, là ngã. Tà-kiến đó là tà-kiến tâm-sở (diṭṭhicetasika) đồng sinh với 4 tham-tâm hợp với tà-kiến thấy sai chấp lầm nơi sắc-pháp cho là ta, là ngã hoặc nơi danh-pháp tam-giới cho là ta, là ngã. * Trong bộ Paṭisambhidāmagga, phần Diṭṭhikāthā trình bày sakkāyadiṭṭhi: tà-kiến chấp ngã trong ngũ-uẩn chấp thủ có 20 loại như sau: * Tà-kiến chấp ngã trong sắc-uẩn có 4 loại: - Sắc-uẩn là ta. - Ta có sắc-uẩn. - Sắc-uẩn trong ta. - Ta trong sắc-uẩn. * Tà-kiến chấp ngã trong thọ-uẩn có 4 loại: - Thọ-uẩn là ta. - Ta có thọ-uẩn. - Thọ-uẩn trong ta. - Ta trong thọ-uẩn.

Phần I: Kinh Trạng-Thái Vô-Ngã 47 * Tà-kiến chấp ngã trong tưởng-uẩn có 4 loại: - Tưởng-uẩn là ta. - Ta có tưởng-uẩn. - Tưởng-uẩn trong ta. - Ta trong tưởng-uẩn. *

Tà-kiến chấp ngã trong hành-uẩn có 4 loại: - Hành-uẩn là ta. - Ta có hành-uẩn. - Hành-uẩn trong ta. - Ta trong hành-uẩn. * Tà-kiến chấp ngã trong tưởng-uẩn có 4 loại: - Thức-uẩn là ta. - Ta có thức-uẩn. - Thức-uẩn trong ta. - Ta trong thức-uẩn. Đó là 20 loại tà-kiến chấp ngã trong ngũ-uẩn chấp thủ đối với tất cả mọi chúng-sinh thuộc về phàm-nhân, chưa phải bậc Thánh-nhân trong Phật-giáo. * Tà-kiến thấy sai, chấp lầm nơi sắc-pháp - Khi thân đi hoặc sắc đi, thì tâm tà-kiến thấy sai, chấp lầm nơi thân đi hoặc sắc đi ấy cho là ta đi. - Khi thân đứng hoặc sắc đứng, thì tâm tàkiến thấy sai, chấp lầm nơi thân đứng hoặc sắc đứng ấy cho là ta đứng. - Khi thân ngồi hoặc sắc ngồi, thì tâm tà-kiến thấy sai, chấp lầm nơi thân ngồi hoặc sắc ngồi ấy cho là ta ngồi. - Khi thân nằm hoặc sắc nằm, thì tâm tà-kiến thấy sai, chấp lầm nơi thân nằm hoặc sắc nằm ấy cho là ta nằm.

- Hoặc khi thân cử động các oai-nghi phụ hoặc sắc cử động các oai-nghi phụ, thì tâm tàkiến thấy sai, chấp lầm nơi sắc cử động ấy cho là ta cử động, v.v… * Tà-kiến thấy sai, chấp lầm nơi danh-pháp - Khi nhãn-thức-tâm nhìn thấy đối-tượng sắc, hình dáng, thì tâm tà-kiến thấy sai, chấp lầm nơi nhãn-thức-tâm thấy ấy cho là ta thấy. - Khi nhĩ-thức-tâm nghe các đối-tượng âm thanh, thì tâm tà-kiến thấy sai, chấp lầm nơi nhĩthức-tâm nghe ấy cho là ta nghe. - Khi tỷ-thức-tâm ngửi các đối-tượng hương, thì tâm tà-kiến thấy sai, chấp lầm nơi tỷ-thứctâm ngửi ấy cho là ta ngửi. - Khi thiệt-thức-tâm nếm các đối-tượng vị, thì tâm tà-kiến thấy sai, chấp lầm nơi thiệt-thứctâm nếm ấy cho là ta nếm. - Khi thân-thức-tâm xúc giác cứng mềm, nóng lạnh, … thì tâm tà-kiến thấy sai, chấp lầm nơi thân-thức-tâm xúc-giác ấy cho là ta xúc-giác. - Khi ý-thức-tâm biết các đối-tượng pháp (1) thì tâm tà-kiến thấy sai, chấp lầm nơi ý-thứctâm biết, tâm suy nghĩ ấy cho là ta biết, ta suy nghĩ, v.v… 1 Đối-tượng pháp có 6 loại: 89 tâm, 52 tâm-sở, 5 tịnh-sắc, 16 sắc vi-tế, Niết-bàn, chế-định-pháp.

Phần I: Kinh Trạng-Thái Vô-Ngã 49 Như vậy, cái ta, cái ngã vốn dĩ không có thật, mà chỉ có tâm tà-kiến là có thật mà thôi. Cho nên, không có pháp-hành diệt ngã, mà chỉ có pháp-hành thiền-tuệ diệt tận được tâm tàkiến chấp ngã mà thôi. Trong bài kinh Anattalakkhaṇasutta danh-từ anattā với danh-từ attā có ý nghĩa hoàn toàn trái nghĩa nhau. - Danh-từ anattā có nghĩa là vô-ngã đó là ngũ-uẩn: sắc-uẩn, thọ-uẩn, tưởng-uẩn, hànhuẩn, thức-uẩn là pháp-vô-ngã (anattā) (không phải ta, không chiều theo ý muốn của ai). - Danh-từ attā có nghĩa là ngã, là ta do tàkiến chấp thủ nơi ngũ-uẩn: sắc-uẩn, thọ-uẩn, tưởng-uẩn, hành-uẩn, thức-uẩn cho là attā, là ta mong muốn ngũ-uẩn này rằng: “Mong ngũ-uẩn của tôi được an-lạc như thế này! Mong ngũ-uẩn của tôi đừng khổ đau như thế kia!” Như vậy, attā này gọi là attā tà-kiến. Tuy nhiên, attā còn có các ý nghĩa khác. Ý nghĩa danh-từ attā * Theo trong bộ tự điển Pāḷi Abhidhānap- padīpikā: Tự điển từ ngữ Pāḷi câu kệ 861 danhtừ attā có nghĩa là:

“Citte kāye sabhāve ca, so attā paramattani.”

Danh-từ attā có 4 ý nghĩa là citta (tâm), kāya (thân), sabhāva (thật-tánh-pháp), paramatta (ngã tối-thượng, đại-ngã).

Giải thích:

1- Attā có nghĩa là citta: tâm. Ví dụ:

- Attasammāpaṇidhi: Đặt để tâm đúng trong thiện-pháp, tâm mong muốn chân-chính.
- Attamicchāpaṇidhi: Đặt để tâm sai lầm trong ác-pháp, tâm mong muốn sai lầm.
- "Sabbe sattā bhavantu sukhitattā."
- Mong tất cả chúng-sinh tâm thường được an-lạc. (1)
- "Attā hi kira duddamo." (2)
- Thật vậy, dạy được tâm mình là khó lắm!
- "Attānaṃ damayanti paṇḍitā." (3)
- Chư bậc thiện-trí rèn luyện, dạy tâm" ...

Attā ở đây có nghĩa là tâm.

2- Attā có nghĩa là kāya: thân thể. Ví dụ:

Đức-Phật ban hành những điều-giới của tỳkhưu-ni, trong đó có điều-giới như:

1

Bộ Khu. Suttanipāta, trong kinh Mettasutta.

2

Khu Bộ Dhammapadagāthā, câu kệ thứ 159.

3

Khu. Bộ Dhammapadagāthā, gāthā số 80.

Phần I: Kinh Trạng-Thái Vô-Ngã 51

- "Yā pana bhikkhunī attānaṃ vadhitvā vadhitvā rodheyya pācittiyaṃ." (1)
- Tỳ-khưu-ni nào tự đấm vào thân của mình, rồi khóc, tỳ-khưu-ni ấy phạm āpatti pācittiya.
- "Attā hi attano natthi, kuto puttā kuto dhanaṃ?" (2)
- Chính thân này, còn không phải của ta.

Con của ta, của cải của ta từ đâu có được?...

Attā ở đây có nghĩa là thân thể.

3- Attā có ý nghĩa là sabhāva: thật-tánh-pháp

Ví dụ:

* "Attā hi attano nātho, ko hi nātho paro siyā." (3)
- Chính thiện-pháp là nơi nương nhờ chânchính của ta, ngoài thiện-pháp ra, có ai là nơi nương nhờ của ta được?

*"Attadīpā bhikkhave! viharatha attasaraṇā anaññasaraṇā, dhammadīpā dhammasaraṇā anaññasaraṇā." (4)
- Này chư tỳ-khưu! Các con sống, chính thiện-pháp là hòn đảo, chính thiện-pháp là nơi nương nhờ, không nên nương nhờ nơi nào khác;

1

Tạng Luật, phần Bhikkhunīpātimokkha.

2
Khu. Bộ Dhammapadagāthā, gāthā số 62.
3
Khu. Bộ Dhammapadagāthā, gāthā số 160.
4
Bộ Saṃyuttanikāya, phần Khandhavagga, kinh Attadīpasutta.
52 TÌM HIỂU KINH TRẠNG-THÁI VÔ-NGÃ

chánh-pháp là hòn đảo, chánh-pháp là nơi nương nhờ, không nên nương nhờ nơi nào khác. Attā: Ta ở đây có nghĩa là thật-tánh-pháp đó là tam-giới thiện-pháp, siêu-tam-giới thiện-pháp, là nơi nương nhờ chân-chính của ta. 4- Attā có ý nghĩa là parama attā: ngã tốithượng, đại-ngã, theo tà-kiến của ngoại đạo. Nhóm ngoại đạo có tà-kiến cho rằng: "Tất cả vạn vật, vũ trụ này do parama attā tạo ra, gọi là ngã tối thượng, Đấng tạo-hóa." Parama attā: Ngã tối-thượng, đại-ngã theo tà-kiến của nhóm ngoại đạo này, trái nghĩa với anattā: vô-ngã trong giáo-pháp của Đức-Phật. Như vậy, trong 4 ý nghĩa của attā, có 3 ý nghĩa là tâm, thân, thật-tánh-pháp thuộc về chánh-kiến. Còn Parama attā: Ngã tối-thượng, Đại-ngã theo quan niệm ngoài Phật-giáo thuộc về tà-kiến. Trong bộ tự điển Pāḷi Abhidhānappadīpikā: Tự điển từ ngữ Pāḷi chương 3: Sāmaññakaṇda, phần 9: Anekatthavagga. * Một chữ Pāḷi có nhiều nghĩa Ví dụ: Câu kệ thứ 861: Attā có 4 ý nghĩa, câu kệ 784: dhamma có 14 ý nghĩa, v.v… Chương 1: Saggakaṇda:

Phần I: Kinh Trạng-Thái Vô-Ngã 53 * Một ý nghĩa có nhiều chữ Pāḷi Ví dụ: Câu kệ thứ nhất đến thứ 5: ý nghĩa Đức-Phật có 32 danh-từ Pāḷi đều có nghĩa là Đức-Phật. Câu kệ thứ 6 đến thứ 9: ý nghĩa Niết-bàn có 46 danh-từ Pāḷi đều có nghĩa là Niết-bàn, v.v… Cho nên, các hàng thanh-văn đệ-tử học Phậtngôn Pāḷi (Buddhavacanapāḷi), học Tam-tạng Pāḷi (Tipiṭakapāḷi) và Chú-giải Pāḷi (Aṭṭhakathāpāḷi), cần phải học quyển tự điển Pāḷi "Abhidhānappadīpikā" gồm có 1.203 câu kệ, để tránh khỏi nhầm lẫn chữ Pāḷi với ý nghĩa, và ý nghĩa với chữ Pāḷi, bởi vì một chữ Pāḷi có nhiều ý nghĩa, một ý nghĩa có nhiều chữ Pāḷi. - Attādiṭṭhi có nghĩa là tà-kiến thấy sai, chấp lầm nơi ngũ-uẩn: sắc-uẩn, thọ-uẩn, tưởng-uẩn, hành-uẩn, thức-uẩn bên trong của mình cho là ta, là ngã và tà-kiến thấy sai, chấp lầm ngũ-uẩn bên ngoài mình (của người khác, con vật khác) cho là chúng-sinh, là người, là đàn ông, đàn bà, con voi, con ngựa, v.v... gọi là tà-kiến chấp-ngã (attādiṭṭhi) hoặc tà-kiến theo chấp-ngã (attānudiṭṭhi) thông thường đối với các hạng phàm-nhân. * Ba trạng-thái-chung (Sāmaññalakkhaṇa) Ngũ-uẩn có 3 trạng-thái-chung: trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã.

54 TÌM HIỂU KINH TRẠNG-THÁI VÔ-NGÃ

Đức-Phật truyền hỏi nhóm 5 vị tỳ-khưu là bậc Thánh Nhập-lưu, bằng cách vấn đáp như sau: Taṃ kiṃ maññatha bhikkhave, - Rūpaṃ niccaṃ vā aniccaṃ vā'ti. - Aniccaṃ Bhante. - Yaṃ panāniccaṃ, dukkhaṃ vā taṃ sukhaṃ vā'ti. - Dukkhaṃ Bhante. - Yaṃ panāniccaṃ dukkhaṃ vipariṇāmadhammaṃ, kallaṃ nu taṃ samanupassituṃ "etaṃ mama, esohamasmi, eso me attā" ti. - No hetaṃ Bhante. Ý nghĩa Sắc-uẩn có 3 trạng-thái-chung - Này chư tỳ-khưu! Các con nhận thức thế nào về điều này? - Sắc-uẩn

này là thường hay vô-thường? Nhóm 5 vị tỳ-khưu vốn dĩ là bậc Thánh Nhậplưu liền phát sinh trí-tuệ-thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ sắc-uẩn có sự sinh, sự diệt, hiện rõ trạng-thái vô-thường của sắc-uẩn, nên bạch rằng: - Kính bạch Đức-Thế-Tôn, sắc-uẩn này sinh rồi diệt là vô-thường. Bạch Ngài. Đức-Phật truyền hỏi tiếp rằng:

Phần I: Kinh Trạng-Thái Vô-Ngã 55 - Này chư tỳ-khưu! Sắc-uẩn nào là vô-thường, vậy, sắc-uẩn ấy là khổ hay lạc? Nhóm 5 tỳ-khưu liền phát sinh trí-tuệ-thiềntuệ thấy rõ, biết rõ sắc-uẩn sinh rồi diệt liên tục có trạng-thái vô-thường luôn luôn hành hạ, nên bạch rằng: - Kính bạch Đức-Thế-Tôn, sắc-uẩn nào sinh rồi diệt có trạng-thái vô-thường luôn luôn hành hạ, nên sắc-uẩn ấy là khổ. Bạch Ngài. Đức-Phật truyền hỏi tiếp rằng: - Này chư tỳ-khưu! Sắc-uẩn nào có trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, có trạng-thái thường biến đổi, không chiều theo ý của ai. Vậy, các con có nên theo chấp-thủ với tâm tham-ái, ngãmạn, tà-kiến nơi sắc-uẩn ấy rằng: “Sắc-uẩn ấy là của ta (do tâm tham-ái), sắcuẩn ấy là ta (do tâm ngã-mạn), sắc-uẩn ấy là tự ngã của ta (do tâm tà-kiến) hay không?” Nhóm 5 vị tỳ-khưu liền phát sinh trí-tuệthiền-tuệ thấy rõ, biết rõ sắc-uẩn sinh rồi diệt có trạng-thái vô-thường luôn luôn hành hạ, nên bạch rằng: - Kính bạch Đức-Thế-Tôn, quả thật không nên theo chấp-thủ sắc-uẩn ấy như vậy. Bạch Ngài. Tương tự như sắc-uẩn, Đức-Phật tiếp tục truyền hỏi đến thọ-uẩn, tưởng-uẩn, hành-uẩn, thức-uẩn.

56 TÌM HIỂU KINH TRẠNG-THÁI VÔ-NGÃ

Nhóm 5 vị tỳ-khưu cũng bạch với Đức-Phật về thọ-uẩn, tưởng-uẩn, hành-uẩn, thức-uẩn tương tự như sắc-uẩn. * Trí-tuệ-thiền-tuệ không chấp-thủ ngũ-uẩn Đức-Phật tiếp tục khuyên dạy nhóm 5 vị tỳkhưu rằng: - Tasmā tiha bhikkhave, yaṃ kiñci rūpaṃ atītānāgatapaccuppannaṃ ajjhattaṃ vā bahidhā vā oḷārikaṃ vā sukhumaṃ vā hīnaṃ vā paṇītaṃ vā yaṃ dūre santike vā sabbaṃ rūpaṃ “netaṃ mama, nesohamasmi, na me so attā” ti evametaṃ yathābhūtaṃ sammappaññāya daṭṭhabbaṃ. Ý nghĩa * Trí-tuệ-thiền-tuệ không chấp-thủ nơi sắc-uẩn - Này chư tỳ-khưu! Vì vậy, sắc-uẩn nào đã sinh trong thời quá-khứ, sẽ sinh trong thời vị-lai, đang sinh trong thời hiện-tại, hoặc sắc-uẩn bên trong của mình, hoặc sắc-uẩn bên ngoài mình (của người khác), hoặc sắc-uẩn thô, hoặc sắcuẩn vi-tế, hoặc sắc-uẩn thấp hèn, hoặc sắc-uẩn cao quý, hoặc sắc-uẩn nào sinh ở nơi xa, hoặc sắc-uẩn nào sinh ở nơi gần, gồm 11 loại sắc-uẩn ấy, các con nên biết bằng trí-tuệ-thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ đúng theo thật-tánh của tất cả sắcuẩn ấy rằng:

Phần I: Kinh Trạng-Thái Vô-Ngã 57 “Sắc-uẩn ấy không phải là của ta (do tham-ái), sắc-uẩn ấy không phải là ta (do ngã-mạn), sắcuẩn ấy không phải là tự ngã của ta (do tà-kiến).” Nghe Đức-Phật khuyên dạy như vậy, nhóm 5 vị tỳ-khưu liền phát sinh trí-tuệ-thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ thật-tánh của sắc-uẩn có sự sinh, sự diệt; có 3 trạng-thái-chung: trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã; 11 loại sắcuẩn ấy thật đáng kinh sợ, đầy tội chướng, thật đáng nhàm chán tột độ, nên không chấp thủ nơi sắc-uẩn do tham-ái, ngã-mạn, tà-kiến. * Tương tự như sắc-uẩn, Đức-Phật tiếp tục khuyên dạy nhóm 5 vị tỳ-khưu đến thọ-uẩn, tưởng-uẩn, hành-uẩn, thức-uẩn ấy, mỗi uẩn cũng có 11 loại như 11 loại sắc-uẩn, thật đáng kinh sợ, đầy tội chướng, thật đáng nhàm chán tột độ, nên không chấp thủ nơi thọ-uẩn, nơi tưởnguẩn, nơi hành-uẩn,

nơi thức-uẩn ấy do tham-ái, do ngã-mạn, do tà-kiến. Nghe Đức-Phật khuyên dạy như vậy, nhóm 5 vị tỳ-khưu liền phát sinh trí-tuệ-thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ thật-tánh của thọ-uẩn, tưởng-uẩn, hànhuẩn, thức-uẩn cũng có sự sinh, sự diệt; cũng có 3 trạng-thái-chung: trạng-thái vô-thường, trạngthái khổ, trạng-thái vô-ngã; thọ-uẩn, tưởng-uẩn, hành-uẩn, thức-uẩn, mỗi uẩn cũng có 11 loại ấy

thật đáng kinh sợ, đầy tội chướng, thật đáng nhàm chán tột độ, nên không chấp thủ nơi thọuẩn, nơi tưởng-uẩn, nơi hành-uẩn, nơi thức-uẩn, do tham-ái, do ngã-mạn, do tà-kiến. Chấp ngã có ba loại - Chấp ngã do năng lực của tà-kiến. - Chấp ngã do năng lực của tham-ái. - Chấp ngã do năng lực của ngã-mạn. 1- Chấp ngã do năng lực của tà-kiến Thật ra, đúng theo thật-tánh của ngũ-uẩn chấp-thủ, của mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp tam-giới đều là pháp-vô-ngã (anattā), cho nên gọi là cái ngã, cái ta vốn dĩ không có thật sự, nên không có phương pháp diệt ngã được. Vậy, gọi là cái ngã, cái ta, do nguyên nhân nào mà có? Sở dĩ có sự chấp ngã cho là ta, là ngã, là vì tà-kiến thấy sai chấp ngã nơi ngũ-uẩn chấp-thủ, hoặc nơi sắc-pháp, nơi danh-pháp tam-giới cho là ta, là ngã. Như vậy, tà-kiến (diṭṭhi) là một loại phiềnnão có thật. Thật vậy, tà-kiến (diṭṭhi) đó là tà-kiến tâm-sở (diṭṭhicetasika) đồng sinh với 4 tham-tâm hợp với tà-kiến, thấy sai chấp ngã nơi ngũ-uẩn

 chấp-thủ, hoặc nơi sắc-pháp, nơi danh-pháp tam-giới cho là ta, là ngã. Chấp ngã do năng lực của tà kiến đó là tàkiến thấy sai chấp ngã nơi ngũ-uẩn chấp-thủ (sắc-uẩn chấp-thủ, thọ-uẩn chấp-thủ, tưởnguẩn chấp-thủ, hành-uẩn chấp-thủ, thức-uẩn chấp-thủ) cho là ngã, là ta (eso me attā: ngũuẩn ấy cho là tự ngã của ta do năng lực của tâm tà-kiến). Trí-tuệ-thiền-tuệ diệt tận được tà-kiến Hạng phàm-nhân nào thuộc về hạng người tam-nhân (tihetukapuggala), đã từng tích lũy trong tâm đầy đủ 10 pháp-hạnh ba-la-mật từ kiếp này sang kiếp kia trải qua vô số kiếp quá-khứ và có đủ 5 pháp-chủ: tín pháp-chủ, tấn phápchủ, niệm pháp-chủ, định pháp-chủ, tuệ pháp-chủ. Kiếp hiện-tại, hạng phàm-nhân ấy hữu duyên lắng nghe chánh-pháp của Đức-Phật, có đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo: Đức-Phật-bảo, Đức-Pháp-bảo, Đức-Tăng-bảo, có giới hạnh trong sạch làm nơi nương nhờ, thực hành pháp-hành thiền-tuệ đúng theo pháp-hành trung-đạo, có khả năng phát sinh trí-tuệ thấy rõ, biết rõ thậttánh của ngũ-uẩn chấp-thủ, sắc-pháp, danhpháp tam-giới đều là pháp-vô-ngã (anattā); tiếp theo phát sinh trí-tuệ-thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ sự

sinh, sự diệt của ngũ-uẩn chấp-thủ, sắc-pháp, danh-pháp tam-giới; thấy rõ, biết rõ 3 trạng- thái-chung: trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của ngũ-uẩn chấp-thủ, sắc-pháp, danh-pháp tam-giới; theo tuần tự phát sinh từ trí-tuệ-thiền-tuệ tam-giới đến trí-tuệthiền-tuệ siêu-tam-giới, dẫn đến chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế y theo Đức-Phật, chứng đắc Nhập-lưu Thánh-đạo, Nhập-lưu Thánhquả, Niết-bàn, diệt tận được tham-ái trong 4 tham-tâm hợp với tà-kiến và diệt tận được 2 loại phiền-não là tà-kiến (diṭṭhi) trong 4 tham-tâm hợp với tà-kiến và hoài-nghi (vicikicchā) trong si-tâm

hợp với hoài-nghi không còn dư sót, trở thành bậc Thánh Nhập-lưu, là bậc Thánh thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật. Bậc Thánh Nhập-lưu tuyệt đối không còn tàkiến theo chấp ngã trong ngũ-uẩn chấp-thủ, hoặc trong sắc-pháp, trong danh-pháp tam-giới cho là ta, là ngã (na meso attā: ngũ-uẩn ấy không phải là tự ngã của ta do năng lực của trí-tuệ-thiền-tuệ). Cho nên, khi sắc đi, sắc đứng, sắc ngồi, sắc nằm,... bậc Thánh Nhập-lưu không còn tà-kiến theo chấp ngã cho là ta đi, ta đứng, ta ngồi, ta nằm ... Khi nhãn-thức-tâm thấy đối-tượng sắc; khi nhĩ-thức-tâm nghe đối-tượng thanh; khi tỷthức-tâm ngửi đối-tượng hương; khi thiệt-thức-

Phần I: Kinh Trạng-Thái Vô-Ngã 61 tâm nếm đối-tượng vị; khi thân-thức-tâm xúcgiác đối-tượng xúc; khi ý-thức-tâm biết đốitượng các pháp, bậc Thánh Nhập-lưu không còn tà-kiến theo chấp ngã cho là ta thấy, ta nghe, ta ngửi, ta nếm, ta xúc-giác, ta biết, ta suy nghĩ nữa. Sau khi bậc Thánh Nhập-lưu chết, tuyệt đối không còn tái-sinh kiếp sau trong cõi ác-giới nữa, chắc chắn chỉ có đại-thiện-nghiệp trong đại-thiện-tâm cho quả trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla) có đại-quả-tâm gọi là thiện-dục-giới tái-sinh-tâm (paṭisandhicitta) làm phận-sự tái-sinh kiếp sau trong cõi thiện-dụcgiới là cõi người hoặc cõi trời dục-giới nhiều nhất 7 kiếp nữa mà thôi. Đến kiếp thứ 7, bậc Thánh Nhập-lưu chắc chắn sẽ trở thành bậc Thánh A-ra-hán, rồi tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới. 2- Chấp ngã do năng lực của tham-ái Tham-ái đó là tham tâm-sở (lobhacetasika) đồng sinh với 8 tham-tâm theo chấp ngã nơi ngũuẩn chấp-thủ (sắc-uẩn chấp-thủ, thọ-uẩn chấpthủ, tưởng-uẩn chấp-thủ, hành-uẩn chấp-thủ, thứcuẩn chấp-thủ), hoặc nơi sắc-pháp, nơi danh-pháp tam-giới cho là của ta (etaṃ mama: ngũ-uẩn ấy cho là của ta do năng lực của tâm tham-ái).

62 TÌM HIỂU KINH TRẠNG-THÁI VÔ-NGÃ

Trí-tuệ-thiền-tuệ diệt tận được tham-ái Hành-giả là bậc Thánh Nhập-lưu đã từng tích lũy trong tâm đầy đủ 10 pháp-hạnh ba-la-mật từ kiếp này sang kiếp kia trải qua vô số kiếp quákhứ và có đủ 5 pháp-chủ: tín pháp-chủ, tấn pháp-chủ, niệm pháp-chủ, định pháp-chủ, tuệ pháp-chủ, có năng lực chứng đắc Thánh bậc cao. * Bậc Thánh Nhập-lưu hành-giả ấy tiếp tục thực hành pháp-hành thiền-tuệ, bắt đầu phát sinh từ trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 4 udayabbayānupassanāñāṇa rồi theo tuần tự từ trí-tuệ-thiền-tuệ tamgiới cho đến trí-tuệ-thiền-tuệ siêu-tam-giới chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc Nhất-lai Thánh-đạo, Nhất-lai Thánh-quả, Niết-bàn, diệt tận được tham-ái loại thô trong 4 tham-tâm không hợp với tà-kiến trong cõi dụcgiới, và diệt tận được 1 loại phiền-não là sân loại thô, trở thành bậc Thánh Nhất-lai (chưa diệt tận được tham-ái loại vi-tế trong cõi dụcgiới và phiền-não sân loại vi-tế). Sau khi bậc Thánh Nhất-lai chết, chắc chắn chỉ có đại-thiện-nghiệp trong đại-thiện-tâm cho quả trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla) có đại-quả-tâm gọi là thiện-dục-giới táisinh-tâm (paṭisandhicitta) làm phận sự tái-sinh kiếp sau trong cõi thiện-dục-giới là cõi người hoặc cõi trời dục-giới chỉ có 1 kiếp nữa mà thôi.

Phần I: Kinh Trạng-Thái Vô-Ngã 63 Trong kiếp ấy, bậc Thánh Nhất-lai chắc chắn sẽ trở thành bậc Thánh A-ra-hán, rồi tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới. * Bậc Thánh Nhất-lai hành-giả tiếp tục thực hành pháp-hành thiền-tuệ, bắt

đầu phát sinh từ trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 4 udayabbayānupassanāñāṇa rồi theo tuần tự từ trí-tuệ-thiền-tuệ tamgiới cho đến trí-tuệ-thiền-tuệ siêu-tam-giới chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc Bấtlai Thánh-đạo, Bất-lai Thánh-quả, Niết-bàn, diệt tận được tham-ái loại vi-tế trong 4 thamtâm không hợp với tà-kiến trong cõi dục-giới, và diệt tận được 1 loại phiền-não là sân loại vi-tế không còn dư sót, trở thành bậc Thánh Bất-lai. Bậc Thánh Bất-lai tuyệt đối không còn tham-ái theo chấp ngã trong ngũ-uẩn chấp-thủ, hoặc trong sắc-pháp, trong danh-pháp tam-giới trong cõi dục-giới cho là của ta (netaṃ mama: ngũ-uẩn ấy không phải là của ta do năng lực của trí-tuệ-thiền-tuệ). Bậc Thánh Bất-lai đã diệt tận được tham-ái theo chấp ngã loại vi-tế trong 4 tham-tâm không hợp với tà-kiến trong cõi dục-giới. Còn tham-ái loại vi-tế trong 5 bậc thiền sắc-giới thiện-tâm, 4 bậc thiền vô-sắc-giới thiện-tâm, trên tầng trời

sắc-giới phạm-thiên, tầng trời vô-sắc-giới phạmthiên thì chưa diệt được. Sau khi bậc Thánh Bất-lai chết, chắc chắn không còn tái-sinh kiếp sau trở lại cõi dục-giới, mà chỉ có sắc-giới thiện-nghiệp trong bậc thiền sắc-giới thiện-tâm nào cho quả trong thời-kỳ táisinh kiếp sau (paṭisandhikāla) có bậc thiền sắcgiới quả-tâm ấy gọi là sắc-giới tái-sinh-tâm (paṭisandhicitta) làm phận sự tái-sinh kiếp sau hóa-sinh làm vị phạm-thiên trên tầng trời sắcgiới phạm-thiên tương xứng với bậc thiền sắcgiới quả-tâm ấy. Vị phạm-thiên Thánh Bất-lai ấy chắc chắn sẽ trở thành bậc Thánh A-ra-hán, sẽ tịch diệt Niếtbàn tại tầng trời sắc-giới phạm-thiên, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới. 3- Chấp ngã do năng lực của ngã-mạn Ngã-mạn đó là ngã-mạn tâm-sở đồng sinh với 4 tham-tâm không hợp với tà-kiến theo chấp ngã nơi ngũ-uẩn chấp-thủ (sắc-uẩn chấp-thủ, thọ-uẩn chấp-thủ, tưởng-uẩn chấp-thủ, hànhuẩn chấp-thủ, thức-uẩn chấp-thủ); hoặc nơi sắcpháp, nơi danh-pháp tam-giới cho là ta (esohamasmi: ngũ-uẩn ấy cho là ta ‘ta hơn người, ta bằng người, ta kém thua người’ do năng lực của ngã-mạn).

Phần I: Kinh Trạng-Thái Vô-Ngã 65 Trí-tuệ-thiền-tuệ diệt tận được ngã-mạn Hành-giả là bậc Thánh Bất-lai đã từng tích lũy trong tâm đầy đủ 10 pháp-hạnh ba-la-mật từ kiếp này sang kiếp kia trải qua vô số kiếp quákhứ và có đủ 5 pháp-chủ: tín pháp-chủ, tấn pháp-chủ, niệm pháp-chủ, định pháp-chủ, tuệ pháp-chủ, có năng lực đắc Thánh bậc cao. Bậc Thánh Bất-lai hành-giả tiếp tục thực hành pháp-hành thiền-tuệ, bắt đầu phát sinh từ trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 4 udayabbayānupassanāñāṇa rồi theo tuần tự từ trí-tuệ-thiền-tuệ tamgiới cho đến trí-tuệ-thiền-tuệ siêu-tam-giới chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc Ara-hán Thánh-đạo, A-ra-hán Thánh-quả, Niếtbàn, diệt tận được tham-ái loại vi-tế trong 5 bậc thiền sắc-giới thiện-tâm, 4 bậc thiền vô-sắc-giới thiện-tâm, tầng trời sắc-giới phạm-thiên, tầng trời vô-sắc-giới phạm-thiên; diệt tận được tâm ngã-mạn trong 4 tham-tâm không hợp với tàkiến theo chấp ngã trong ngũ-uẩn chấp-thủ không còn dư sót; và diệt tận được 7 loại phiềnnão còn lại là tham, si, ngã-mạn, buồn-chán, phóng-tâm, không biết hổ-thẹn tội-lỗi, không biết ghê-sợ tội-lỗi không còn dư sót, trở thành bậc Thánh A-ra-hán cao thượng. Bậc Thánh A-ra-hán tuyệt đối không còn ngãmạn theo chấp ngã trong ngũ-uẩn chấp-thủ, hoặc

trong sắc-pháp, trong danh-pháp tam-giới cho là ta (nesohamasmi: ngũ-uẩn ấy không phải là ta do năng lực của trí-tuệ-thiền-tuệ). Bậc Thánh A-ra-hán đến khi hết tuổi thọ, đồng thời tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới. * Trí-tuệ-thiền-tuệ nhàm chán trong ngũ-uẩn Trong kinh Anattalakkhaṇasutta, Đức-Phật thuyết giảng ngũ-uẩn mà mỗi uẩn có 11 loại, khuyên dạy nhóm 5 vị tỳ-khưu nên biết bằng trítuệ-thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ đúng theo thật-tánh của tất cả ngũ-uẩn ấy không phải là của ta (do tham-ái), ngũ-uẩn ấy không phải là ta (do ngãmạn), ngũ-uẩn ấy không phải là tự ngã của ta (do tà-kiến). Nghe Đức-Phật khuyên dạy như vậy, nhóm 5 vị tỳ-khưu Thánh-Nhập-lưu liền phát sinh trítuệ-thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ thật-tánh của ngũuẩn có sự sinh, sự diệt, có 3 trạng-thái-chung: trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã thật đáng kinh sợ, đầy tội chướng, thật đáng nhàm chán tột độ, nên không chấp thủ trong ngũ-uẩn do tham-ái, do ngã-mạn, do tà-kiến nữa. Đức-Phật thuyết dạy nhóm 5 vị tỳ-khưu Thánh Nhập-lưu rằng:

Phần I: Kinh Trạng-Thái Vô-Ngã 67 - Evaṃ passaṃ bhikkhave sutavā ariyasāvako rūpasmimpi nibbindati, vedanāyapi nibbindati, saññāyapi nibbindati, saṅkhāresupi nibbindati, viññāṇasmimpi nibbindati. Nibbindaṃ virajjati, virāgā vimuccati, vimuttasmiṃ “vimuttam” iti ñāṇaṃ hoti, “khīṇā jāti, vusitaṃ brahmacariyaṃ, kataṃ karaṇīyaṃ, nāparaṃ itthattāyā” ti pajanāti. Ý nghĩa - Này chư tỳ-khưu! Thật-tánh của ngũ-uẩn như vậy, bậc Thánh Thanh-văn có trí-tuệ-thiềntuệ thấy rõ, biết rõ ngũ-uẩn đúng theo thật-tánh, nên phát sinh trí-tuệ-thiền-tuệ nhàm chán trong sắc-uẩn, nhàm chán trong thọ-uẩn, nhàm chán trong tưởng-uẩn, nhàm chán trong hành-uẩn, nhàm chán trong thức-uẩn. Khi trí-tuệ-thiền-tuệ nhàm chán trong ngũuẩn, nên tâm xả ly tham-ái, do tâm xả ly thamái, nên chứng đắc A-ra-hán Thánh-đạo-tâm giải thoát khỏi mọi tham-ái, mọi phiền-não. Trí-tuệ quán-triệt biết rõ rằng: “A-ra-hán Thánh-quả-tâm đã giải thoát hoàn toàn mọi phiền-não trầm-luân. Không còn phải thực hành pháp-hành bát-chánh-đạo nữa, mọi phận sự trong tứ Thánh-đế đã hoàn thành xong, phạm hạnh cao thượng đã hoàn thiện xong. Kiếp này là kiếp chót, không còn tái-sinh kiếp nào nữa.”

Pháp-Hành Thiền-Tuệ Hành-giả phàm-nhân là hạng người tamnhân đã từng tích lũy trong tâm đầy đủ 10 pháphạnh ba-la-mật từ kiếp này sang kiếp kia trải qua vô số kiếp quá-khứ và có 5 pháp-chủ (tín pháp-chủ, tấn pháp-chủ, niệm pháp-chủ, định pháp-chủ, tuệ pháp-chủ). Kiếp hiện-tại có giới-hạnh trong sạch trọn vẹn làm nơi nương nhờ, thực hành pháp-hành tứniệm-xứ hoặc pháp-hành thiền-tuệ dẫn đến phát sinh trí-tuệ-thiền-tuệ theo tuần tự trải qua 16 loại trí-tuệ-thiền-tuệ từ trí-tuệ-thiền-tuệ tam-giới cho đến trí-tuệ-thiền-tuệ siêu-tam-giới như sau: Trí-tuệ-thiền-tuệ có 16 loại 1- Trí-tuệ thứ nhất Nāmarūpapariccheda ñāṇa Hành-giả thực hành pháp-hành tứ-niệm-xứ hoặc pháp-hành thiền-tuệ có khả năng dẫn đến phát sinh trí-tuệ thứ nhất gọi là nāmarūpa- paricchedañāṇa: trí-tuệ thấy rõ, biết rõ, phân biệt rõ thật-tánh của mỗi sắc-pháp hiện-tại, mỗi danh-pháp tam-giới hiện-tại đều là pháp-vô-ngã (anattā)

không phải ta, không phải người, không phải đàn ông, không phải đàn bà, không phải chúng-sinh nào, vật này, vật kia, v.v... tất cả đều chỉ là sắc-pháp, danh-pháp tam-giới đúng theo chân-nghĩa-pháp mà thôi.

Pháp-Hành Thiền-Tuệ 69 Trí-tuệ thứ nhất nāmarūpaparicchedañāṇa không chỉ thấy rõ, biết rõ đối-tượng thiền-tuệ sắc-pháp hoặc danh-pháp tam-giới hiện-tại, mà còn thấy rõ, biết rõ chủ-thể tâm biết đối-tượng cũng chỉ là danh-pháp tam-giới mà thôi. Trí-tuệ thứ nhất này thấy rõ, biết rõ tất cả mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp tam-giới đều là pháp vô-ngã (anattā), không phải ngã (ta), không phải người, không phải người nam, không phải người nữ, không phải chúng-sinh nào cả, ... mà chỉ là sắc-pháp, danh-pháp tam-giới mà thôi. Khi ấy, trí-tuệ diệt-từng-thời (tadaṅgappahāna) được tà-kiến chấp ngã trong ngũ-uẩn (sakkāyadiṭṭhi) trong đối-tượng lẫn chủ-thể, nên gọi là chánh-kiến thiền-tuệ (vipassanāsammādiṭṭhi), đạt đến pháp-thanh-tịnh thứ 3 gọi là diṭṭhi-visuddhi: chánh-kiến thanh-tịnh là pháp-thanhtịnh thứ nhất của pháp-hành thiền-tuệ. Trí-tuệ thứ nhất nāmarūpaparicchedañāṇa làm nền tảng, làm nhân-duyên để cho trí-tuệ thứ nhì nāmarūpapaccayapariggahañāṇa của pháphành thiền-tuệ phát sinh liền tiếp theo sau. 2- Trí-tuệ thứ nhì Nāmarūpapaccayapariggahañāṇa Hành-giả tiếp tục thực hành pháp-hành thiềntuệ, có trí-tuệ thứ nhất nāmarūpapariccheda-

ñāṇa làm nền tảng, làm nhân-duyên phát sinh trí-tuệ thứ nhì nāmarūpapaccayapariggaha- ñāṇa: trí-tuệ thấy rõ, biết rõ nhân-duyên-sinh của mỗi sắc-pháp, của mỗi danh-pháp tam-giới. - Trí-tuệ thứ nhất thấy rõ, biết rõ, phân biệt rõ thật-tánh của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp tam-giới đúng theo chân-nghĩa-pháp. - Trí-tuệ-thứ nhì nāmarūpapaccayapariggahañāṇa nương nhờ trí-tuệ thứ nhất làm nền tảng, làm nhân-duyên phát sinh thấy rõ nhân-duyênsinh của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp tam-giới khác nhau, tùy theo quan điểm của mỗi hànhgiả. Song chắc chắn có kết quả giống nhau là diệt-từng-thời (tadaṅgappahāna) được tâm hoàinghi về nhân-duyên-sinh của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp tam-giới bên trong của mình và bên ngoài mình, của người khác, chúng-sinh khác trong thời hiện-tại, thời quá-khứ và thời vị-lai. * Nhân-duyên phát sinh mỗi danh-pháp Mỗi danh-pháp tam-giới nào phát sinh do hội đủ nhân-duyên riêng biệt của chính danh-pháp tam-giới ấy như sau: 1- Đối-tượng sắc (hình dạng) tiếp xúc với nhãn-tịnh-sắc (mắt), khi hội đủ 2 nhân-duyên này thì nhãn-thức-tâm phát sinh làm phận sự thấy đối-tượng sắc ấy.

Pháp-Hành Thiền-Tuệ 71 Theo bộ Vi-Diệu-Pháp Yếu-Nghĩa, 2 nhãnthức-tâm phát sinh do hội đủ 4 nhân-duyên: - Nhãn-tịnh-sắc (mắt) tốt (không bị bệnh mù). - Đối-tượng sắc rõ ràng tiếp xúc với nhãntịnh-sắc. - Ánh sáng đủ thấy được. - Ngũ-môn-hướng-tâm tiếp nhận đối-tượng sắc ấy. Khi hội đủ 4 nhân-duyên này thì nhãn-thứctâm phát sinh làm phận sự thấy đối-tượng sắc ấy. 2- Đối-tượng thanh (âm thanh) tiếp xúc với nhĩ-tịnh-sắc (tai), khi hội đủ 2 nhân-duyên này thì nhĩ-thức-tâm phát sinh làm phận sự nghe đối-tượng thanh ấy. Theo bộ Vi-Diệu-Pháp Yếu-Nghĩa, 2 nhĩthức-tâm phát sinh do hội đủ 4 nhân-duyên: - Nhĩ-tịnh-sắc (tai) tốt (không bị bệnh điếc). - Đối-tượng thanh rõ ràng tiếp xúc với nhĩtịnh-sắc. - Không gian không bị vật cản bao kín. - Ngũ-môn-hướng-tâm

tiếp nhận đối-tượng thanh ấy. Khi hội đủ 4 nhân-duyên này thì nhĩ-thứctâm phát sinh làm phận sự nghe đối-tượng thanh (âm thanh ấy). 3- Đối-tượng hương (các mùi) tiếp xúc với tỷtịnh-sắc (mũi), khi hội đủ 2 nhân-duyên này thì

tỷ-thức-tâm phát sinh làm phận sự ngửi đốitượng hương. Theo bộ Vi-Diệu-Pháp Yếu-Nghĩa (1), 2 tỷthức-tâm phát sinh do hội đủ 4 nhân-duyên: - Tỷ-tịnh-sắc (lỗ mũi) tốt (không bị bệnh). - Đối-tượng hương rõ ràng tiếp xúc với tỷtịnh-sắc. - Chất gió đưa mùi hương đến lỗ mũi. - Ngũ-môn-hướng-tâm tiếp nhận đối-tượng hương ấy. Khi hội đủ 4 nhân-duyên này thì tỷ-thức-tâm phát sinh làm phận sự ngửi đối-tượng hương (mùi ấy). 4- Đối-tượng vị (các vị) tiếp xúc với thiệttịnh-sắc (lưỡi), khi hội đủ 2 nhân-duyên này thì thiệt-thức-tâm phát sinh làm phận sự nếm đốitượng vị. Theo bộ Vi-Diệu-Pháp Yếu-Nghĩa, 2 thiệtthức-tâm phát sinh do hội đủ 4 nhân-duyên: - Thiệt-tịnh-sắc (lưỡi) tốt (không bị bệnh). - Đối-tượng vị rõ ràng tiếp xúc với thiệttịnh-sắc. - Chất nước miếng. - Ngũ-môn-hướng-tâm tiếp nhận đối-tượng vị ấy. 1 Bộ Abhidhammatthasaṅgaha, của Ngài Anuruddha.

Pháp-Hành Thiền-Tuệ 73 Khi hội đủ 4 nhân-duyên này thì thiệt-thứctâm phát sinh làm phận sự nếm đối-tượng vị ấy. 5- Đối-tượng xúc (cứng, mềm, nóng, lạnh, ...) tiếp xúc với thân-tịnh-sắc (thân), khi hội đủ 2 nhân-duyên này thì thân-thức-tâm phát sinh làm phận sự xúc giác đối-tượng xúc. Theo bộ Vi-Diệu-Pháp Yếu-Nghĩa, 2 thânthức-tâm phát sinh do hội đủ 4 nhân-duyên: - Thân-tịnh-sắc (thân) tốt (không bị bệnh liệt). - Đối-tượng xúc rõ ràng tiếp xúc với thântịnh-sắc. - Chất đất cứng, mềm, nóng lạnh, ... - Ngũ-môn-hướng-tâm tiếp nhận đối-tượng xúc ấy. Khi hội đủ 4 nhân-duyên này thì thân-thứctâm phát sinh làm phận sự xúc giác đối-tượng xúc (cứng, mềm, nóng, lạnh, ... ấy). 6- Đối-tượng pháp (1) tiếp xúc với hadayavatthu- rūpa: sắc-pháp là nơi sinh ý-thức-tâm, khi ýthức-tâm nào hội đủ nhân-duyên thì ý-thức-tâm ấy phát sinh làm phận sự biết đối-tượng pháp ấy. Theo bộ Vi-Diệu-Pháp Yếu-Nghĩa, 75 ý-thứctâm phát sinh do hội đủ 3 nhân-duyên: - Hadayavatthurūpa: Sắc-pháp là nơi sinh của ý-thức-tâm. 1 Đối-tượng pháp gồm có 89 tâm, 52 tâm-sở, 5 tịnh-sắc, 16 sắc vi-tế, Niết-bàn và chế-định-pháp.

- Đối-tượng pháp ấy tiếp xúc với hadayavatthurūpa. - Ý-môn-hướng-tâm tiếp nhận đối-tượng pháp ấy. Khi hội đủ 3 nhân-duyên của ý-thức-tâm nào thì ý-thức-tâm ấy phát sinh làm phận sự biết đối-tượng pháp ấy (Ý-thức-tâm có 75 tâm (1)). Như vậy, mỗi danh-pháp tam-giới phát sinh do hội đủ nhân-duyên của nó, nếu thiếu nhânduyên nào thì danh-pháp tam-giới không thể phát sinh được. * Sắc-pháp phát sinh do 4 nhân-duyên Số hành-giả thực hành pháp-hành thiền-tuệ, khi trí-tuệ thứ nhì nāmarūpapaccayapariggahañāṇa phát sinh thấy rõ sắc-pháp phát sinh do 4 nhân-duyên là: 1- Kamma: Nghiệp làm nhân-duyên phát sinh sắc-pháp, đó là 25 loại nghiệp (2), ngoại trừ 4 vôsắc-giới thiện-nghiệp và 4 siêu-tam-giới thiệnnghiệp. Nghiệp làm nhân-duyên phát sinh sắc-

1 75 tâm đó là 12 bất-thiện-tâm + 8 vô-nhân-tâm (trừ 10 thức tâm) + 8 đại-thiện-tâm + 8 đại-quả-tâm + 8 đại-duy-tác-tâm + 15 sắc-giới-tâm + 8 vô-sắc-giới-tâm (trừ 4 vô-sắc-giới quảtâm) + 8 siêu-tam-giới-tâm. 2 25 loại nghiệp đó là 12 bất-thiện-nghiệp, 8 đại-thiện-nghiệp, 5 sắc-giới thiện-nghiệp.

Pháp-Hành Thiền-Tuệ 75 pháp gọi là kammajarūpa: sắc-pháp phát sinh do nghiệp này trong thân của mỗi chúng-sinh suốt mỗi sát-na-tâm (khaṇacitta) kể từ khi táisinh v.v… 2- Citta: Tâm làm nhân-duyên phát sinh sắcpháp, đó là 75 tâm (trừ 4 vô-sắc-giới quả-tâm). Tâm làm nhân-duyên phát sinh sắc-pháp gọi là cittajarūpa: sắc-pháp phát sinh do tâm trong thân của mỗi chúng-sinh suốt mỗi sát-na-sinh (uppādakkhaṇa) của tâm kể từ hộ-kiếp-tâm đầu tiên sau tái-sinh-tâm, v.v… 3- Utu: Thời tiết làm nhân-duyên phát sinh sắc-pháp, đó là sự lạnh, sự nóng bên trong và bên ngoài thân. Thời tiết nóng, lạnh làm nhân-duyên phát sinh sắc-pháp, gọi là utujarūpa: sắc-pháp phát sinh do nóng hoặc lạnh trong thân của chúngsinh suốt mỗi sát-na-trụ (ṭhitikhaṇa) của tâm kể từ tái-sinh-tâm, v.v… 4- Āhāra: Vật-thực làm nhân-duyên phát sinh sắc-pháp, đó là chất bổ trong các món vật-thực đã dùng vào trong sắc-thân của chúng-sinh. Vật thực làm nhân-duyên phát sinh sắc-pháp, gọi là āhārajarūpa: sắc-pháp phát sinh do vậtthực trong sắc-thân của chúng-sinh suốt mỗi sátna-tâm, …

76 TÌM HIỂU KINH TRẠNG-THÁI VÔ-NGÃ

* Sắc-pháp phát sinh do tâm Tứ-oai-nghi là sắc-pháp phát sinh do tâm (cittajarūpa). 1- Nhân-duyên phát sinh oai-nghi đi Oai-nghi đi phát sinh do tâm qua quá trình diễn biến do nhiều nhân-duyên liên tục như sau: - Tâm nghĩ “đi”. - Do tâm nghĩ đi, nên phát sinh chất gió. - Chất gió phát sinh do tâm ấy làm cho toàn thân cử động. - Toàn thân di chuyển bước đi mỗi tư thế đi, mỗi dáng đi do năng lực của chất gió phát sinh do tâm ấy. Vì vậy, gọi là “thân đi” hoặc “sắc đi” là sắcpháp phát sinh do tâm (cittajarūpa). 2- Nhân-duyên phát sinh oai-nghi đứng Oai-nghi đứng phát sinh do tâm qua quá trình diễn biến do nhiều nhân-duyên liên tục như sau: - Tâm nghĩ “đứng”. - Do tâm nghĩ đứng, nên phát sinh chất gió. - Chất gió phát sinh do tâm ấy làm cho toàn thân cử động. - Toàn thân từ chân đến đầu đứng yên theo mỗi tư thế đứng, mỗi dáng đứng do năng lực của chất gió phát sinh do tâm ấy.

Pháp-Hành Thiền-Tuệ 77 Vì vậy, gọi là “thân đứng” hoặc “sắc đứng” là sắc-pháp phát sinh do tâm (cittajarūpa). 3- Nhân-duyên phát sinh oai-nghi ngồi Oai-nghi ngồi phát sinh do tâm qua quá trình diễn biến do nhiều nhân-duyên liên tục như sau: - Tâm nghĩ “ngồi”. - Do tâm nghĩ ngồi, nên phát sinh chất gió. - Chất gió phát sinh do tâm ấy làm cho toàn thân cử động. - Toàn thân, thân phần trên ngồi yên, thân phần dưới co theo mỗi tư thế ngồi, mỗi dáng ngồi do năng lực của chất gió phát sinh do tâm ấy. Vì vậy, gọi là “thân ngồi” hoặc “sắc ngồi” là sắc-pháp phát sinh do tâm (cittajarūpa). 4- Nhân-duyên phát sinh oai-nghi nằm Oai-nghi nằm phát sinh do tâm qua quá trình diễn biến do nhiều nhân-duyên liên tục như sau: - Tâm nghĩ “nằm”. - Do tâm nghĩ nằm nên phát sinh chất gió. - Chất gió phát sinh do tâm ấy làm cho toàn thân cử động. - Toàn thân nằm yên trên mặt phẳng theo mỗi tư thế nằm, mỗi dáng nằm do năng lực của chất gió phát sinh do tâm ấy. Vì vậy, gọi là “thân nằm” hoặc “sắc nằm” là sắc-pháp phát

sinh do tâm (cittajarūpa).

78 TÌM HIỂU KINH TRẠNG-THÁI VÔ-NGÃ

Các oai-nghi phụ quay bên phải, quay bên trái, co tay vào, co chân vào, duỗi tay ra, duỗi chân ra, v.v... đều là sắc-pháp phát sinh do tâm. Sở dĩ người bị bệnh bại liệt dù tâm muốn đi, đứng, ngồi, nằm cũng không thể đi, đứng, ngồi, nằm như ý được, bởi vì chất gió phát sinh do tâm ấy không đủ năng lực làm cho toàn thân cử động theo ý muốn của người ấy được vì chất đất và chất nước nặng nề trong thân. Như vậy, mỗi danh-pháp tam-giới, mỗi sắcpháp phát sinh đều do nhân-duyên, nên mọi sắcpháp, mọi danh-pháp tam-giới đều là pháp-vôngã, không do một ai có quyền năng tạo ra một sắc-pháp nào, một danh-pháp tam-giới nào được. Trí-tuệ thứ nhì này thấy rõ nhân-duyên-sinh của mỗi danh-pháp tam-giới, của mỗi sắc-pháp, cho nên có khả năng diệt-từng-thời (tadaṅgappahāna) tâm hoài-nghi trong mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp tam-giới. Trí-tuệ thứ nhì nāmarūpapaccayapariggahañāṇa làm nền tảng với paccakkhañāṇa: trí-tuệ trực-tiếp thấy rõ nhân-duyên-sinh của mỗi danhpháp tam-giới, của mỗi sắc-pháp hiện-tại bên trong của mình (ajjhatta) như thế nào, và với anumānañāṇa: trí-tuệ gián-tiếp biết rõ nhânduyên-sinh của mỗi danh-pháp tam-giới, của

Pháp-Hành Thiền-Tuệ 79 mỗi sắc-pháp bên ngoài mình (bahiddhā), của người khác, chúng-sinh khác cũng như thế ấy. Hơn nữa trí-tuệ thứ nhì này còn có khả năng thấy rõ mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp tam-giới trong hiện-tại phát sinh do nhân-duyên-sinh như thế nào, thì mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp tamgiới trong quá-khứ, trong vị-lai cũng phát sinh do nhân-duyên-sinh như thế ấy. Cho nên, trí-tuệ thứ nhì này có khả năng diệt-từng-thời (tadaṅgappahāna) tâm hoài-nghi trong thời hiện-tại, thời quá-khứ, thời vị-lai. Tóm lại, hành-giả thực hành pháp-hành thiềntuệ, đến khi trí-tuệ thứ nhì phát sinh, thấy rõ, biết rõ nhân-duyên-sinh của mỗi sắc-pháp, của mỗi danh-pháp tam-giới bằng nhiều đối-tượng khác nhau, nhưng chắc chắn đều có kết quả giống nhau là trí-tuệ thứ nhì này có khả năng diệttừng-thời được tâm hoài-nghi về nhân-duyênsinh của mỗi sắc-pháp, của mỗi danh-pháp tamgiới, hoặc thoát ly khỏi sự hoài-nghi về nhânduyên-sinh của sắc-pháp, của danh-pháp tam-giới trong thời hiện-tại, thời quá-khứ, thời vị-lai nữa. Cho nên, trí-tuệ thứ nhì nāmarūpapaccayapariggahañāṇa này đạt đến pháp-thanh-tịnh thứ 4 gọi là kaṅkhāvitaraṇavisuddhi: trí-tuệthoát-ly hoài-nghi thanh-tịnh, cũng là phápthanh-tịnh thứ nhì của pháp-hành thiền-tuệ,

80 TÌM HIỂU KINH TRẠNG-THÁI VÔ-NGÃ

nên diệt-từng-thời (tadaṅgappahāna) được tâm hoài-nghi về nhân-duyên-sinh của mỗi sắcpháp, của mỗi danh-pháp tam-giới. Trí-tuệ thứ nhì này chưa có khả năng diệt tận được (samucchedappahāna) tâm hoài-nghi. Trí-tuệ thứ nhì nāmarūpapaccayapariggahañāṇa này đạt đến pháp-thanh-tịnh thứ 4 gọi là kaṅkhāvitaraṇavisuddhi: trí-tuệ thoát-ly hoàinghi thanh-tịnh, cũng gọi là dhammaṭṭhitiñāṇa: trí-tuệ thấy rõ vững chắc thật-tánh-pháp do nhân-duyên-sinh, hoặc gọi là yathābhūtañāṇa: trí-tuệ thấy rõ sắc-pháp, danh-pháp tam-giới đúng theo sự thật

chân-nghĩa-pháp (paramathadhamma) hoặc gọi là sammādassana: chánhkiến thấy đúng theo chánh-pháp. Quả báu của 2 trí-tuệ đầu trong 16 loại trí-tuệ-thiền-tuệ Hành-giả thực hành pháp-hành thiền-tuệ, có khả năng làm phát sinh trí-tuệ-thiền-tuệ theo tuần tự như sau: * Khi trí-tuệ thứ nhất nāmarūpapariccheda- ñāṇa: trí-tuệ thấy rõ, phân biệt rõ thật-tánh của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp tam-giới đúng theo chân-nghĩa-pháp đều là pháp-vô-ngã, không phải ta, không phải người, không phải đàn ông, không phải đàn bà, không phải chúng-sinh nào cả, ... nên có chánh-kiến thiền-tuệ (vipassanā-

Pháp-Hành Thiền-Tuệ 81 sammādiṭṭhi), đạt đến pháp-thanh-tịnh thứ 3 gọi là diṭṭhivisuddhi: chánh-kiến-thanh-tịnh, cũng là pháp-thanh-tịnh thứ nhất của pháp-hành thiền-tuệ diệt-từng-thời (tadaṅgappahāna) được tà-kiến (chưa diệt tận được tà-kiến). * Trí-tuệ thứ nhì nāmarūpapaccayapariggaha- ñāṇa: trí-tuệ thấy rõ nhân-duyên-sinh của mỗi sắc-pháp, của mỗi danh-pháp tam-giới bên trong của mình (ajjhatta) với paccakkhañāṇa như thế nào, và với anumānañāṇa: trí-tuệ gián-tiếp biết rõ nhân-duyên-sinh của mỗi sắc-pháp, của mỗi danh-pháp tam-giới bên ngoài mình (bahiddhā), của người khác, của chúng-sinh khác, thậm chí tất cả mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp tam-giới thời hiện-tại, thời quá-khứ, thời vị-lai phát sinh cũng do nhân-duyên-sinh của chúng cũng như thế ấy. Cho nên, trí-tuệ thứ nhì nāmarūpapaccayapariggahañāṇa này đạt đến pháp-thanh-tịnh thứ 4 gọi là kaṅkhāvitaraṇavisuddhi: trí-tuệ thoátly hoài-nghi thanh-tịnh, là pháp-thanh-tịnh thứ nhì của pháp-hành thiền-tuệ, nên diệt-từng-thời (tadaṅgappahāna) được hoài-nghi (chưa diệt tận được hoài-nghi). Tiểu-Nhập-Lưu Cūḷasotāpanna Hành-giả thực hành pháp-hành thiền-tuệ, khi trí-tuệ thứ nhất phát sinh, đạt đến chánh-kiếnthanh-tịnh, nên diệt-từng-thời được tà-kiến

trong ngũ-uẩn, tiếp theo trí-tuệ thứ nhì phát sinh, đạt đến trí-tuệ thoát-ly hoài-nghi thanhtịnh, nên diệt-từng-thời được hoài-nghi trong mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp tam-giới. Như vậy, hành-giả có 2 trí-tuệ đầu (trong 16 loại trí-tuệ-thiền-tuệ) của pháp-hành thiền-tuệ: trí-tuệ thứ nhất và trí-tuệ thứ nhì đạt đến 2 phápthanh-tịnh có khả năng diệt-từng-thời được tàkiến và hoài-nghi, nên hành-giả được gọi là cūḷasotāpanna: tiểu-nhập-lưu. Cūḷasotāpanna vẫn còn là hạng thiện-trí phàm-nhân, chưa phải là bậc Thánh Nhập-lưu, bởi vì hành-giả chưa chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chưa chứng đắc Nhập-lưu Thánh-đạo, Nhập-lưu Thánh-quả và Niết-bàn, chưa diệt tận (samucchedappahāna) được tà-kiến và hoài-nghi. Trí-tuệ thứ nhì nāmarūpapaccayapariggahañāṇa làm nền tảng, làm nhân-duyên để cho trítuệ-thiền-tuệ thứ ba sammasanañāṇa phát sinh.

3- Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ ba Sammasanañāṇa Hành-giả tiếp tục thực hành pháp-hành thiềntuệ, có trí-tuệ thứ nhì nāmarūpapaccayapariggahañāṇa làm nền tảng, làm nhân-duyên, để phát sinh trí-tuệ-thiền-tuệ thứ ba sammasana- ñāṇa: trí-tuệ-thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ sự diệt của sắc-pháp hoặc của danh-pháp tam-giới do

Pháp-Hành Thiền-Tuệ 83 nhân-duyên-diệt, nên hiện rõ trạng-thái vôthường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của sắc-pháp, của danh-pháp tam-giới. Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ ba Sammasanañāṇa (1) này phát sinh do nương nhờ trí-tuệ thứ nhất và trí-tuệ thứ nhì làm nền tảng, làm nhân-duyên. Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ ba là tổng hợp trí-tuệ thứ nhất và trí-tuệ thứ nhì làm nền tảng, làm nhân-duyên để cho phát sinh trí-tuệ-thiền-tuệ thứ ba gọi là sammasanañāṇa: trí-tuệ-thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ sự diệt của mỗi sắc-pháp, của mỗi danh-pháp tam-giới do nhân-duyên-diệt, nên đặc biệt thấy rõ, biết rõ trạng-thái vôthường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của sắc-pháp, của danh-pháp tam-giới. Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ ba sammasanañāṇa này là trí-tuệ-thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ sự diệt của các đối-tượng thiền-tuệ từng phần, mỗi phần có số pháp, mỗi pháp có 3 trạng-thái-chung: trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã, mà mỗi trạng-thái của mỗi pháp là mỗi trí-tuệ-thiền-tuệ thứ ba sammasanañāṇa.

1 Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ ba sammasanañāṇa dù được ghép vào trítuệ-thiền-tuệ vẫn chưa chính thức là trí-tuệ-thiền-tuệ, bởi vì trítuệ này chỉ thấy rõ, biết rõ sự diệt của sắc-pháp, danh-pháp tam-giới mà chưa thấy rõ, biết rõ sự sinh, sự diệt của sắc-pháp, danh-pháp tam-giới hiện-tại.

84 TÌM HIỂU KINH TRẠNG-THÁI VÔ-NGÃ

Trạng-thái-chung có 3 loại: - Trạng-thái vô-thường. - Trạng-thái khổ. - Trạng-thái vô-ngã. Khi khai triển 3 trạng-thái-chung thì có 40 (1) trạng-thái chi-tiết của trí-tuệ-thiền-tuệ thứ ba sammasanañāṇa. - Trạng-thái vô-thường có 10 trạng-thái chi tiết. - Trạng-thái khổ có 25 trạng-thái chi tiết. - Trạng-thái vô-ngã có 5 trạng-thái chi tiết. Hành-giả thực hành pháp-hành thiền-tuệ, đến khi trí-tuệ-thiền-tuệ thứ ba sammasanañāṇa phát sinh thấy rõ, biết rõ sự diệt của mỗi sắcpháp, của mỗi danh-pháp tam-giới do nhânduyên-diệt, nên hiện rõ trạng-thái vô-thường có 10 trạng-thái chi tiết; hiện rõ trạng-thái khổ có 25 trạng-thái chi tiết; hiện rõ trạng-thái vô-ngã có 5 trạng-thái chi tiết tùy theo khả năng của mỗi hành-giả. Để cho trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 4 udayabbayānupassanāñāṇa và các trí-tuệ-thiền-tuệ bậc cao được phát triển, hành-giả đã có trí-tuệ-thiền-tuệ thứ ba sammasanañāṇa, còn cần phải thực hành 1 Tìm hiểu rõ trong bộ Nền-Tảng-Phật-Giáo, quyển X: Pháp- Hành Thiền-Tuệ, cùng soạn giả.

Pháp-Hành Thiền-Tuệ 85 đầy đủ 9 pháp-hỗ-trợ cho 5 pháp-chủ (indriya): tín pháp-chủ, tấn pháp-chủ, niệm pháp-chủ, định pháp-chủ, tuệ pháp-chủ tăng thêm nhiều năng lực hỗ trợ cho trí-tuệ-thiền-tuệ thứ tư udayabbayānupassanāñāṇa phát sinh. Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ ba sammasanañāṇa làm nền tảng, làm nhân-duyên để trí-tuệ-thiềntuệ thứ tư udayabbayānupassanāñāṇa phát sinh liền tiếp theo sau. * Ba Thánh-nhân bậc thấp thực hành pháphành thiền-tuệ trở thành Thánh-nhân bậc cao. - Bậc Thánh Nhập-lưu thực hành pháp-hành thiền-tuệ để trở thành bậc Thánh Nhất-lai. - Bậc Thánh Nhất-lai thực hành pháp-hành thiền-tuệ để trở thành bậc Thánh Bất-lai. - Bậc Thánh Bất-lai thực hành pháp-hành thiền-tuệ để trở thành bậc Thánh A-ra-hán. Ba Thánh-nhân bậc thấp này thực hành pháphành thiền-tuệ bắt đầu từ trí-tuệ-thiền-tuệ thứ tư udayabbayānupassanāñāṇa cho đến trí-tuệthiền-tuệ thứ 16

paccavekkhaṇañāṇa. * Nhóm 5 vị tỳ-khưu vốn dĩ là bậc Thánh Nhập-lưu tiếp tục thực hành pháp-hành thiềntuệ bắt đầu như sau:

4- Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ tư Udayabbayānupassanāñāṇa Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ tư udayabbayānupassanā- ñāṇa: trí-tuệ-thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ thật-tánh của ngũ-uẩn, của mỗi sắc-pháp, của mỗi danhpháp tam-giới hiện-tại có sự sinh, sự diệt do nhân-duyên-sinh, do nhân-duyên-diệt; nên thấy rõ, biết rõ 3 trạng-thái-chung: trạng-thái vôthường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của mỗi sắc-pháp, của mỗi danh-pháp tam-giới hiện-tại. Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ tư udayabbayānupassanāñāṇa bắt đầu chính thức gọi là trí-tuệ-thiền-tuệ. Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ tư udayabbayānupassanāñāṇa: trí-tuệ-thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ sự sinh, sự diệt của ngũ-uẩn. * Sự sinh, sự diệt của ngũ-uẩn Ngũ-uẩn là sắc-uẩn, thọ-uẩn, tưởng-uẩn, hành-uẩn, thức-uẩn; mà sự sinh, sự diệt của mỗi uẩn có 5 nhân-duyên như sau: 1- Sự sinh, sự diệt của sắc-uẩn Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ tư udayabbayānupassanāñāṇa thấy rõ, biết rõ sự sinh của sắc-uẩn hiệntại do 5 nhân-duyên-sinh như sau: - Sự sinh của sắc-uẩn là do vô-minh sinh. - Sự sinh của sắc-uẩn là do tham-ái sinh. - Sự sinh của sắc-uẩn là do nghiệp sinh.

 - Sự sinh của sắc-uẩn là do vật-thực sinh. - Trạng-thái-sinh của sắc-uẩn. Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ tư udayabbayānupassanāñāṇa thấy rõ, biết rõ sự diệt của sắc-uẩn hiệntại do 5 nhân-duyên-diệt như sau: - Sự diệt của sắc-uẩn do vô-minh diệt. - Sự diệt của sắc-uẩn do tham-ái diệt. - Sự diệt của sắc-uẩn do nghiệp diệt. - Sự diệt của sắc-uẩn do vật-thực diệt. - Trạng-thái-diệt của sắc-uẩn. 2- Sự sinh, sự diệt của thọ-uẩn Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ tư udayabbayānupassanāñāṇa thấy rõ, biết rõ sự sinh của thọ-uẩn hiệntại do 5 nhân-duyên-sinh như sau: - Sự sinh của thọ-uẩn do vô-minh sinh. - Sự sinh của thọ-uẩn do tham-ái sinh. - Sự sinh của thọ-uẩn do nghiệp sinh. - Sự sinh của thọ-uẩn do xúc sinh. - Trạng-thái-sinh của thọ-uẩn. Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ tư udayabbayānupassanāñāṇa thấy rõ, biết rõ sự diệt của thọ-uẩn hiệntại do 5 nhân-duyên-diệt như sau: - Sự diệt của thọ-uẩn do vô-minh diệt. - Sự diệt của thọ-uẩn do tham-ái diệt. - Sự diệt của thọ-uẩn do nghiệp diệt. - Sự diệt của thọ-uẩn do xúc diệt.

- Trạng-thái-diệt của thọ-uẩn. 3-4 Sự sinh, sự diệt của tưởng-uẩn, hành-uẩn Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ tư udayabbayānupassanāñāṇa thấy rõ, biết rõ sự sinh của tưởnguẩn, hành-uẩn hiện-tại do 5 nhân-duyên-sinh giống thọ-uẩn như sau: - Sự sinh của tưởng-uẩn, hành-uẩn do vôminh sinh. - Sự sinh của tưởng-uẩn, hành-uẩn do thamái sinh. - Sự sinh của tưởng-uẩn, hành-uẩn do nghiệp sinh. - Sự sinh của tưởng-uẩn, hành-uẩn do xúc sinh. - Trạng-thái-sinh của tưởng-uẩn, hành-uẩn. Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ tư udayabbayānupassanāñāṇa thấy rõ, biết rõ sự diệt của tưởng-uẩn, hành-uẩn hiện-tại do 5 nhân-duyên-diệt giống thọ-uẩn như sau: - Sự diệt của tưởng-uẩn, hành-uẩn do vôminh diệt. - Sự diệt của tưởng-uẩn, hành-uẩn do thamái diệt. - Sự diệt của tưởng-uẩn, hành-uẩn do nghiệp diệt. - Sự diệt của tưởng-uẩn, hành-uẩn do xúc diệt. - Trạng-thái-diệt của tưởng-uẩn, hành-uẩn.

Pháp-Hành Thiền-Tuệ 89 5- Sự sinh, sự diệt của thức-uẩn Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ tư udayabbayānupassanāñāṇa thấy rõ, biết rõ sự sinh của thức-uẩn hiệntại do 5 nhân-duyên-sinh như sau: - Sự sinh của thức-uẩn do vô-minh sinh. - Sự sinh của thức-uẩn do tham-ái sinh. - Sự sinh của thức-uẩn do nghiệp sinh. - Sự sinh của thức-uẩn do danh-pháp tamgiới, sắc-pháp sinh. - Trạng-thái-sinh của thức-uẩn. Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ tư udayabbayānupassanāñāṇa thấy rõ, biết rõ sự diệt của thức-uẩn hiệntại do 5 nhân-duyên-diệt như sau: - Sự diệt của thức-uẩn do vô-minh diệt. - Sự diệt của thức-uẩn do tham-ái diệt. - Sự diệt của thức-uẩn do nghiệp diệt. - Sự diệt của thức-uẩn do danh-pháp tamgiới, sắc-pháp diệt. - Trạng-thái-diệt của thức-uẩn. Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ tư udayabbayānupassanāñāṇa thấy rõ, biết rõ sự sinh, sự diệt của mỗi uẩn hiện-tại do nhân-duyên-sinh, do nhânduyên-diệt như vậy; nên hiện rõ 3 trạng-thái- chung: trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của mỗi uẩn hiện-tại. - Sắc-uẩn thuộc về sắc-pháp.

90 TÌM HIỂU KINH TRẠNG-THÁI VÔ-NGÃ

- Thọ-uẩn, tưởng-uẩn, hành-uẩn, thức-uẩn thuộc về danh-pháp tam-giới. Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ tư udayabbayānupassanā- ñāṇa: trí-tuệ-thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ sự sinh, sự diệt của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp tamgiới hiện-tại do nhân-duyên-sinh, do nhânduyên-diệt, nên có 4 trường hợp như sau: - Sự sinh của sắc-pháp là do nhân-duyên-sinh. - Sự diệt của sắc-pháp là do nhân-duyên-diệt. - Sự sinh của danh-pháp tam-giới là do nhânduyên-sinh. - Sự diệt của danh-pháp tam-giới là do nhânduyên-diệt. * Sự sinh của sắc-pháp là do nhân-duyên-sinh Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ tư udayabbayānupassanāñāṇa thấy rõ, biết rõ sự sinh của sắc-pháp là do 5 nhân-duyên-sinh: - Sự sinh của sắc-pháp là do vô-minh sinh. - Sự sinh của sắc-pháp là do tham-ái sinh. - Sự sinh của sắc-pháp là do nghiệp sinh. - Sự sinh của sắc-pháp là do vật-thực sinh. - Trạng-thái-sinh của sắc-pháp. Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ tư này có khả năng thấy rõ, biết rõ sự sinh của sắc-pháp là do nhân-duyên-sinh, nghĩa là trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 4 thấy rõ, biết rõ quả sinh là do thấy rõ, biết rõ nhân-duyên-sinh.

Pháp-Hành Thiền-Tuệ 91 * Sự diệt của sắc-pháp là do nhân-duyên-diệt Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ tư udayabbayānupassanāñāṇa thấy rõ, biết rõ sự diệt của sắc-pháp là do 5 nhân-duyên-diệt: - Sự diệt của sắc-pháp là do vô-minh diệt. - Sự diệt của sắc-pháp là do tham-ái diệt. - Sự diệt của sắc-pháp là do nghiệp diệt. - Sự diệt của sắc-pháp là do vật-thực diệt. - Trạng-thái-diệt của sắc-pháp. Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ tư này có khả năng thấy rõ, biết rõ sự diệt của sắc-pháp là do nhân-duyên-diệt, nghĩa là trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 4 thấy rõ, biết rõ quả diệt là do thấy rõ, biết rõ nhân-duyên-diệt. * Sự sinh của danh-pháp là do nhân-duyên-sinh Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ tư udayabbayānupassanāñāṇa thấy rõ, biết rõ sự sinh của danh-pháp tam-giới là do 5 nhân-duyên-sinh: - Sự sinh của danh-pháp tam-giới là do vôminh sinh. - Sự sinh của danh-pháp tam-giới là do thamái sinh. - Sự sinh của danh-pháp tam-giới là do nghiệp sinh. - Sự sinh của danh-pháp tam-giới là do danhpháp, sắc-pháp sinh.

92 TÌM HIỂU KINH TRẠNG-THÁI VÔ-NGÃ

- Trạng-thái-sinh của danh-pháp tam-giới. Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ tư này có khả năng thấy rõ, biết rõ sự sinh của danh-pháp tam-giới là do nhân-duyên-sinh, nghĩa là trí-tuệ-thiềntuệ thứ 4 thấy rõ, biết rõ quả sinh là do thấy rõ, biết rõ nhân-duyên-sinh. * Sự diệt của danh-pháp là do nhân-duyên-diệt Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ tư udayabbayānupassanāñāṇa thấy rõ, biết rõ sự diệt của danh-pháp tamgiới là do 5 nhân-duyên-diệt: - Sự diệt của danh-pháp tam-giới là do vôminh diệt. - Sự diệt của danh-pháp tam-giới là do thamái diệt. - Sự diệt của danh-pháp tam-giới là do nghiệp diệt. - Sự diệt của danh-pháp tam-giới là do danhpháp, sắc-pháp diệt. - Trạng-thái-diệt của danh-pháp tam-giới. Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ tư này có khả năng thấy rõ, biết rõ sự diệt của danh-pháp tam-giới là do nhân-duyên-diệt, nghĩa là trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 4 thấy rõ, biết rõ quả diệt là do thấy rõ, biết rõ nhân-duyên-diệt. * Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ tư udayabbayānupassanāñāṇa thấy rõ, biết rõ sự sinh và sự diệt của

Pháp-Hành Thiền-Tuệ 93 mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp tam-giới hiện-tại do nhân-duyên-sinh, do nhân-duyên-diệt; nên hiện rõ 3 trạng-thái-chung: trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã, của mỗi sắcpháp, mỗi danh-pháp tam-giới. Trạng-thái-chung Sāmaññalakkhaṇa Tất cả mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp là pháphữu-vi (saṅkhatadhamma) thuộc về chân-nghĩapháp (paramatthadhamma) trong tam-giới đều có sự sinh, sự diệt; có 3 trạng-thái-chung: trạngthái-vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã. Trong bộ Visuddhimagga, phần Maggāmaggañāṇadassanavisuddhi trình bày mỗi trạng-tháichung có các trạng-thái chi-tiết: * Trạng-thái chi-tiết của trạng-thái vô-thường Trạng-thái chi-tiết của trạng-thái vô-thường có 10 trạng-thái như sau: 1- Aniccato: Trạng-thái vô-thường. 2- Palokato: Trạng-thái tiêu diệt. 3- Calato: Trạng-thái biến đổi. 4- Pabhaṅguto: Trạng-thái tan rã. 5- Addhuvato: Trạng-thái không bền vững. 6- Vipariṇāmadhammato: Trạng-thái biến đổi là thường. 7- Asārakato: Trạng-thái vô dụng, không cốt lõi. 8- Vibhavato: Trạng-thái bị suy.

9- Saṅkhatato: Trạng-thái bị cấu tạo. 10- Maraṇadhammato: Trạng-thái diệt, chết là thường. 10 trạng-thái chi-tiết của trạng-thái vô-thường cũng là đối-tượng của trí-tuệ-thiền-tuệ aniccānupassanā. Mỗi trạng-thái chi-tiết phát sinh tùy theo năng lực trí-tuệ-thiền-tuệ của mỗi hành-giả. * Trạng-thái chi-tiết của trạng-thái khổ Trạng-thái chi-tiết của trạng-thái khổ có 25 trạng-thái như sau: 1- Dukkhato: Trạng-thái khổ khó chịu. 2- Rogato: Trạng-thái khổ như bệnh tật. 3- Gaṇḍato: Trạng-thái khổ như ung nhọt. 4- Sallato: Trạng-thái khổ như mũi tên độc. 5- Aghato: Trạng-thái khổ bất hạnh. 6- Ābādhato: Trạng-thái khổ như ốm đau. 7- Ītito: Trạng-thái khổ suy đồi. 8- Upaddavato: Trạng-thái khổ tai nạn. 9- Bhayato: Trạng-thái khổ đáng kinh sợ. 10- Upasaggato: Trạng-thái khổ cản trở. 11- Atāṇato: Trạng-thái khổ không có nơi bảo hộ. 12- Aleṇato: Trạng-thái khổ không có nơi ẩn náu. 13- Asaraṇato: Trạng-thái khổ vì không có nơi nương nhờ. 14- Ādīnavato: Trạng-thái khổ vì tội chướng. 15- Aghamūlato: Trạng-thái nguồn gốc của khổ. 16- Vadhakato: Trạng-thái khổ như kẻ sát hại.

Pháp-Hành Thiền-Tuệ 95 17- Sāsavato: Trạng-thái khổ do phiền-não trầm-luân. 18- Mārāmisato: Trạng-thái khổ như mồi của Ma. 19- Jātidhammato: Trạng-thái khổ sinh là thường. 20- Jarādhammato: Trạng-thái khổ già là thường. 21- Byādhidhammato: Trạng-thái khổ bệnh là thường. 22- Sokadhammato: Trạng-thái khổ sầu não là thường. 23- Paridevadhammato: Trạng-thái khổ than khóc là thường. 24- Upāyāsadhammato: Trạng-thái nỗi thống khổ cùng cực. 25- Saṃkilesikadhammato: Trạng-thái khổ bị ô nhiễm bởi phiền-não. 25 trạng-thái chi-tiết của trạng-thái khổ cũng là đối-tượng của trí-tuệ-thiền-tuệ dukkhānupassanā. Mỗi trạng-thái chi-tiết phát sinh tùy theo năng lực trí-tuệ-thiền-tuệ của mỗi hành-giả. * Trạng-thái chi-tiết của trạng-thái vô-ngã Trạng-thái chi-tiết của trạng-thái vô-ngã có 5 trạng-thái như sau: 1- Anattato: Trạng-thái vô-ngã, không phải ta. 2- Parato: Trạng-thái khác lạ (không phải ta).

3- Rittato: Trạng-thái rỗng không, không có thường, lạc, ngã. 4- Tucchato: Trạng-thái không có thật là ta. 5- Suññato: Trạng-thái hoàn toàn không phải ta, không phải của ta. 5 trạng-thái chi-tiết của trạng-thái vô-ngã cũng là đối-tượng của trí-tuệ-thiền-tuệ anattānupassanā. Mỗi trạng-thái chi tiết phát sinh tùy theo năng lực trí-tuệ-thiền-tuệ của mỗi hành-giả. Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ tư udayabbayānupassanāñāṇa có nhiều năng lực này làm nền tảng, làm nhân-duyên để cho trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 5 gọi là bhaṅgānupassanāñāṇa phát sinh tiếp theo sau.

5- Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 5 Bhaṅgānupassanāñāṇa Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 5 bhaṅgānupassanā- ñāṇa: trí-tuệ-thiền-tuệ chỉ dõi theo thấy rõ, biết rõ sự diệt của sắc-pháp, danh-pháp tam-giới hiện-tại do nhân-duyên-diệt mà thôi; nên hiện rõ ràng 3 trạng-thái-chung: trạng-thái vôthường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp tam-giới hiện-tại. Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 5 bhaṅgānupassanāñāṇa ấy bỏ qua sự sinh của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp tam-giới hiện-tại; mà chỉ dõi theo thấy rõ, biết rõ sự diệt của mỗi đối-tượng sắcpháp, mỗi đối-tượng danh-pháp tam-giới hiện-

Pháp-Hành Thiền-Tuệ 97 tại; còn thấy rõ, biết rõ sự diệt của chủ thể tâm biết đối-tượng nữa, làm cho hành-giả phát sinh động tâm vô cùng kinh ngạc chưa từng thấy trước kia bao giờ. Cho nên, trí-tuệ-thiền-tuệ này chỉ hướng tâm đến sự diệt của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp tam-giới hiện-tại mà thôi, mà không quan tâm đến sự sinh của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp tam-giới hiện-tại nữa. Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 5 bhaṅgānupassanāñāṇa này đặc biệt chỉ dõi theo thấy rõ, biết rõ sự tận diệt (khaya), sự diệt mất (vaya), sự tan vỡ (bheda), sự diệt (nirodha) của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp tam-giới hiện-tại mà thôi. Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 5 này đặc biệt thấy rõ, biết rõ là sự diệt của sắc-pháp này, của danhpháp tam-giới hiện-tại này làm nhân-duyên cho sự sinh của sắc-pháp kia, danh-pháp tam-giới kia. Cho nên, trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 5 này đặc biệt thường chỉ thấy rõ, biết rõ sự tận diệt (khaya), sự diệt mất (vaya), sự tan vỡ (bheda), sự diệt (nirodha) của mỗi sắc-pháp, mỗi danhpháp tam-giới hiện-tại mà thôi. Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 5 bhaṅgānupassanāñāṇa đặc biệt chỉ dõi theo thấy rõ, biết rõ ràng sự diệt do nhân-duyên-diệt của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp tam-giới hiện-tại

mà thôi; nên hiện rõ 3 trạng-thái-chung: trạng-thái vô-thường,

98 TÌM HIỂU KINH TRẠNG-THÁI VÔ-NGÃ

trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của sắc-pháp, danh-pháp tam-giới hiện-tại. Hoặc trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 5 bhaṅgānupassanāñāṇa đặc biệt này chỉ dõi theo thấy rõ, biết rõ sự tận diệt (khaya), sự diệt mất (vaya) của sắcpháp, danh-pháp tam-giới hiện-tại do nhânduyên-diệt, nên gọi là bhaṅgānupassanāñāṇa. Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 5 bhaṅgānupassanāñāṇa chỉ dõi theo thấy rõ, biết rõ sự tận diệt, sự diệt mất của sắc-pháp, danh-pháp tam-giới hiện tại như sau: - Thường dõi theo thấy rõ, biết rõ sắc-pháp, danh-pháp tam-giới hiện-tại có trạng-thái vôthường, không phải thường. - Thường dõi theo thấy rõ, biết rõ sắc-pháp, danh-pháp tam-giới hiện-tại có trạng-thái khổ, không phải lạc. - Thường dõi theo thấy rõ, biết rõ sắc-pháp, danh-pháp tam-giới hiện-tại có trạng-thái vôngã, không phải ngã. - Nên phát sinh tâm nhàm chán, không phải tâm ham muốn. - Nên phát sinh tâm ly dục, không phải tâm tham dục. - Nên phát sinh tâm từ bỏ, không phải tâm chấp thủ.

Pháp-Hành Thiền-Tuệ 99 - Khi thường dõi theo thấy rõ, biết rõ sắcpháp, danh-pháp tam-giới hiện-tại có trạng-thái vô-thường, nên diệt được niccasaññā: tưởng lầm cho là thường. - Khi thường dõi theo thấy rõ, biết rõ sắc-pháp, danh-pháp tam-giới hiện-tại có trạng-thái khổ, nên diệt được sukhasaññā: tưởng lầm cho là lạc. - Khi thường dõi theo thấy rõ, biết rõ sắc-pháp, danh-pháp tam-giới hiện-tại có trạng-thái vô-ngã, nên diệt được attāsaññā: tưởng lầm cho là ngã. - Khi phát sinh tâm nhàm chán, nên diệt được tâm ham muốn. - Khi phát sinh tâm ly-dục, nên diệt được tâm tham-dục. - Khi phát sinh tâm từ bỏ, nên diệt được tâm chấp thủ. Quả báu của trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 5 Hành-giả thực hành pháp-hành thiền-tuệ có khả năng đạt đến trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 5 bhaṅgānupassanāñāṇa: trí-tuệ-thiền-tuệ thường dõi theo thấy rõ, biết rõ sự diệt của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp tam-giới hiện-tại do nhânduyên-diệt, nghĩa là thường thấy rõ, biết rõ rằng: “Sabbe saṅkhārā bhijjanti bhijjanti.” - Tất cả các pháp-hữu-vi, sắc-pháp, danhpháp tam-giới đều diệt, diệt.

100 TÌM HIỂU KINH TRẠNG-THÁI VÔ-NGÃ

Hành-giả có trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 5 bhaṅgānupassanāñāṇa thường dõi theo thấy rõ, biết rõ sự diệt của sắc-pháp, danh-pháp tam-giới hiệntại, và biết quả báu của trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 5 này nên kiên trì thực hành pháp-hành thiền-tuệ không thoái chuyển, với ý nguyện chỉ mong chứng đạt Niết-bàn, giải thoát khổ mà thôi. Ví như người có chiếc khăn quấn trên đầu đang bị lửa cháy, chỉ quyết tâm dập tắt lửa mà thôi. Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 5 bhaṅgānupassanāñāṇa này làm nền tảng, làm nhân-duyên để cho trítuệ-thiền-tuệ thứ 6 gọi là bhayatupaṭṭhānañāṇa phát sinh liền tiếp theo sau.

6- Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 6 Bhayatupaṭṭhānañāṇa Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 6 bhayatupaṭṭhāna- ñāṇa: trí-tuệ-thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ ràng sự diệt của sắc-pháp, danh-pháp tam-giới hiện-tại do nhân-duyên-diệt, thật đáng kinh sợ; nên hiện rõ ràng 3 trạng-thái-chung: trạng-thái vôthường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của sắc-pháp, danh-pháp tam-giới hiện-tại. Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 6 bhayatupaṭṭhānañāṇa thấy rõ, biết

rõ các pháp-hữu-vi sắc-pháp, danhpháp tam-giới có sự diệt thật đáng kinh sợ trong 3 cõi-giới (bhava), trong 4 loài (yoni),

Pháp-Hành Thiền-Tuệ 101 trong 5 cõi tái-sinh (gati), trong 7 thức trụ (viññāṇaṭhiti), trong 9 cõi-giới chúng-sinh (sattāvāsa) đang hiện-hữu thật đáng kinh sợ cực độ. Hành-giả có trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 6 đặc biệt thấy rõ, biết rõ thấu suốt trong 3 thời rằng: "Atītā saṅkhārā niruddhā, paccuppannā nirujjhanti, anāgate nibbattānakasaṅkhārāpi evameva nirujjhissanti." - Các pháp hữu-vi, sắc-pháp, danh-pháp tamgiới quá-khứ đã diệt rồi trong thời quá-khứ; sắc-pháp, danh-pháp tam-giới hiện-tại đang diệt trong thời hiện-tại; và sắc-pháp, danh-pháp tamgiới sẽ phát sinh trong thời vị-lai cũng sẽ diệt trong thời vị-lai mà thôi. Tính chất của trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 6 Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 6 bhayatupaṭṭhānañāṇa không phải là trí-tuệ-thiền-tuệ có sự đáng kinh sợ nào cả, mà trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 6 là trí-tuệthiền-tuệ thấy rõ, biết rõ thấu suốt sắc-pháp, danh-pháp tam-giới trong 3 thời đáng kinh sợ. Tất cả các pháp-hữu-vi, sắc-pháp, danhpháp tam-giới quá-khứ đã diệt trong thời quákhứ rồi; sắc-pháp, danh-pháp tam-giới hiện-tại đang diệt trong thời hiện-tại; sắc-pháp, danhpháp tam-giới vị-lai chắc chắn cũng sẽ diệt trong thời vị-lai.

102 TÌM HIỂU KINH TRẠNG-THÁI VÔ-NGÃ

Thật vậy, ví như một người nhìn thấy 3 hầm lửa than hồng đang cháy hừng hực, chính người ấy không có sự kinh sợ gì cả, nhưng suy xét thấy 3 hầm lửa than hồng ấy đáng kinh sợ rằng: "Nếu có người nào bị rơi xuống 3 hầm lửa than hồng ấy thì chắc chắn phải chịu khổ vì lửa thiêu nóng kinh khủng." Cũng như vậy, trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 6 bhayatupaṭṭhānañāṇa này không có sự kinh sợ nào cả, mà chỉ nhận thức thấy rõ, biết rõ rằng: Tất cả các pháp-hữu-vi, sắc-pháp, danh-pháp tam-giới: dục-giới, sắc-giới, vô-sắc-giới ví như 3 hầm lửa than hồng đang cháy hừng hực ấy. - Sắc-pháp, danh-pháp tam-giới quá-khứ đã diệt rồi trong thời quá-khứ. - Sắc-pháp, danh-pháp tam-giới hiện-tại đang diệt trong thời hiện-tại. - Sắc-pháp, danh-pháp tam-giới vị-lai chắc chắn cũng sẽ diệt trong thời vị-lai. - Hành-giả có trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 6 bhayatupaṭṭhānañāṇa thấy rõ, biết rõ thấu suốt sự diệt của sắc-pháp, danh-pháp tam-giới quá-khứ, hiện-tại, vị-lai đều có trạng-thái vô-thường thật đáng kinh sợ. - Hành-giả có trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 6 bhayatupaṭṭhānañāṇa thấy rõ, biết rõ thấu suốt sự diệt

Pháp-Hành Thiền-Tuệ 103 của sắc-pháp, danh-pháp tam-giới quá-khứ, hiệntại, vị-lai đều có trạng-thái khổ thật đáng kinh sợ. - Hành-giả có trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 6 bhayatupaṭṭhānañāṇa thấy rõ, biết rõ thấu suốt sự diệt của sắc-pháp, danh-pháp tam-giới quá-khứ, hiện-tại, vị-lai đều có trạng-thái vô-ngã thật đáng kinh sợ. Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 6 bhayatupaṭṭhānañāṇa này làm nền tảng, làm nhân-duyên để cho trí-tuệthiền-tuệ thứ 7 gọi là ādīnavānupassanāñāṇa phát sinh liền tiếp theo sau.

7- Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 7 Ādīnavānupassanāñāṇa Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 7 ādīnavānupassanā- ñāṇa: trí-tuệ-thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ sắc-pháp, danh-pháp tam-giới đầy tội chướng. Tính chất của Ādīnavānupassanāñāṇa Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 7

ādīnavānupassanāñāṇa thấy rõ, biết rõ sự diệt của sắc-pháp, danh-pháp tam-giới đầy tội chướng; nên không dính mắc trong mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp tam-giới trong 3 cõi-giới (bhava), trong 4 loài (yoni), trong 5 cõi tái-sinh (gati), trong 7 thức trụ (viññāṇaṭhiti), trong 9 cõi chúng-sinh (sattāvāsa) đang hiện-hữu thật đáng kinh sợ tột

độ. Bởi vì tất cả mọi cõi-giới đang hiện-hữu ấy không phải là nơi ẩn náu (neva tāṇaṃ), không phải là nơi an toàn (na leṇaṃ), không phải là nơi đến lánh nạn (na gati), không phải là nơi nương nhờ (nappaṭisaraṇaṃ), và cũng không phải nơi mong muốn đối với hành-giả. Tại sao vậy? Bởi vì, tam-giới gồm có 31 cõi-giới (11 cõi dục-giới, 16 tầng trời sắc-giới phạm-thiên, 4 tầng trời vô-sắc-giới phạm-thiên) đang hiện-hữu như 3 hầm lửa đầy than hồng đang hừng hực cháy rực không có khói. - Tứ đại (địa-đại, thủy-đại, hỏa-đại, phongđại) trong sắc-thân đang hiện-hữu như 4 con rắn độc kinh khủng. - Ngũ-uẩn chấp-thủ (sắc-uẩn chấp-thủ, thọuẩn chấp-thủ, tưởng-uẩn chấp-thủ, hành-uẩn chấp-thủ, thức-uẩn chấp-thủ) đang hiện-hữu, như tên đao phủ đang giơ thanh đao chém xuống đầu. - 6 xứ bên trong (mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý) đang hiện-hữu như xóm làng hoang, không có người ở. - 6 xứ bên ngoài (sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp) đang hiện-hữu như kẻ trộm cướp chiếm lấy của cải tài sản. - 7 thức trụ, 9 cõi chúng-sinh đang hiện-hữu như bị 11 thứ lửa (lửa tham, lửa sân, lửa si, lửa

 sinh, lửa già, lửa chết, lửa sầu não, lửa than khóc, lửa khổ thân, lửa khổ tâm, lửa thống khổ cùng cực) đang cháy ngầm thiêu đốt ngày đêm. - Tất cả các pháp-hữu-vi, đó là ngũ-uẩn chấp-thủ, mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp tamgiới đang hiện-hữu như là ung nhọt đau nhức (gaṇḍabhūtā), như là căn bệnh trầm kha (rogabhūtā), như là mũi tên độc (sallabhūtā), như là sự đau khổ bất hạnh triền miên (aghabhūtā), như là bệnh tật đau khổ (ābādhabhūtā), không có chút an-lạc nào cả, chỉ là khối đại tội chướng (mahā ādīnavarāsibhūtā) mà thôi. * Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 7 ādīnavānupassanāñāṇa như thế nào? Ví như người nào có tính nhát gan hay sợ sệt, chỉ mong muốn cuộc sống an-lạc mà thôi. Khi người ấy đi gặp phải hang có hùm beo, hoặc xuống sông gặp dạ-xoa dưới nước, hoặc đi đường gặp kẻ cướp sát nhân, gặp kẻ thù giơ thanh đao để chém xuống đầu, hoặc nằm trong căn nhà đang bị cháy, hoặc dùng vật thực có chất độc, v.v... Người ấy phát sinh sự sợ hãi, sự kinh hồn bạt vía, bởi vì thấy những điều xảy ra ấy thật đáng kinh sợ, chỉ là những điều đầy tội chướng mà thôi, như thế nào, đối với hành-giả cũng như thế ấy.

Khi hành-giả có trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 6 bhayatupaṭṭhānañāṇa thấy rõ, biết rõ sắc-pháp, danh-pháp tam-giới cả 3 thời (quá-khứ, hiện-tại, vị-lai) đáng kinh sợ; nên cũng thấy rõ, biết rõ tất cả các pháp-hữu-vi, ngũ-uẩn, sắc-pháp, danh-pháp tam-giới trong quá-khứ, hiện-tại, vịlai đầy tội chướng, không có chút an-lạc nào cả. Trí-tuệ-thiền-tuệ nào thấy rõ, biết rõ sắcpháp, danh-pháp tam-giới trong quá-khứ, hiệntại, vị-lai đầy tội chướng (cả đối-tượng lẫn chủ thể), trí-tuệ-thiền-tuệ ấy gọi là trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 7 ādīnavānupassanāñāṇa. Vấn: Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 6 bhayatupaṭṭhānañāṇa thấy rõ,

biết rõ sắc-pháp, danh-pháp tamgiới trong 3 thời thật đáng kinh sợ có nhiều năng lực để trở nên trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 7 ādīnavānupassanāñāṇa thấy rõ, biết rõ sắcpháp, danh-pháp tam-giới trong quá-khứ, hiệntại, vị-lai đầy tội chướng bằng cách nào? Đáp: Để trở nên trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 7 ādīnavānupassanāñāṇa, thì trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 6 bhayatupaṭṭhānañāṇa thấy rõ, biết rõ sắcpháp, danh-pháp tam-giới trong 3 thời thật đáng kinh sợ bằng cách thấy rõ, biết rõ trong 5 đối-tượng như sau: 1- Uppāda: Sự sinh của sắc-pháp, danh-pháp

Pháp-Hành Thiền-Tuệ 107 tam-giới trong 3 thời thật đáng kinh sợ; nên trítuệ-thiền-tuệ thứ 7 ādīnavānupassanāñāṇa thấy rõ, biết rõ sự sinh của sắc-pháp, danh-pháp tam giới trong quá-khứ, hiện-tại, vị-lai đầy tội chướng. 2- Pavatta: Sự hiện-hữu của sắc-pháp, danhpháp tam-giới trong 3 thời thật đáng kinh sợ; nên trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 7 ādīnavānupassanāñāṇa thấy rõ, biết rõ sự hiện-hữu của sắc-pháp, danh-pháp tam-giới trong quá-khứ, hiện-tại, vịlai đầy tội chướng. 3- Nimitta: Các pháp-hữu-vi đó là sắc-pháp, danh-pháp tam-giới trong 3 thời thật đáng kinh sợ; nên trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 7 ādīnavānupassanāñāṇa thấy rõ, biết rõ pháp-hữu-vi đó là sắc-pháp, danh-pháp tam-giới trong quá-khứ, hiện-tại, vị-lai đầy tội chướng. 4- Āyūhana: Sự tích lũy nghiệp chướng cho quả tái-sinh kiếp sau trong tam-giới thật đáng kinh sợ; nên trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 7 ādīnavānupassanāñāṇa thấy rõ, biết rõ sự tích lũy nghiệp chướng cho quả tái-sinh kiếp sau trong tam-giới đầy tội chướng. 5- Paṭisandhi: Sự tái-sinh kiếp sau trong tamgiới thật đáng kinh sợ; nên trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 7 ādīnavānupassanāñāṇa thấy rõ, biết rõ sự tái-sinh kiếp sau trong tam-giới đầy tội chướng.

108 TÌM HIỂU KINH TRẠNG-THÁI VÔ-NGÃ

Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 7 ādīnavānupassanāñāṇa thấy rõ, biết rõ sắc-pháp, danh-pháp tamgiới đầy tội chướng; nên tâm không dính mắc trong mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp tam-giới trong 3 cõi-giới (bhava), trong 4 loài (yoni), trong 5 cõi tái-sinh (gati), trong 7 thức trụ (viññāṇaṭhiti), trong 9 cõi-giới chúng-sinh (sattāvāsa) đang hiện-hữu thật đáng kinh sợ tột độ. Bởi vì tất cả mọi nơi, mọi cõi-giới đang hiện-hữu ấy không phải là nơi ẩn náu (neva tāṇaṃ), không phải là nơi an toàn (na leṇaṃ), không phải là nơi đến lánh nạn (na gati), không phải là nơi nương nhờ (nappaṭisaraṇaṃ). Cho nên trí-tuệ-thiềntuệ thứ 7 ādīnavānupassanāñāṇa này chỉ hướng tâm đến Niết-bàn giải thoát khổ mà thôi. Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 6 bhayatupaṭṭhānañāṇa thấy rõ, biết rõ sắc-pháp, danh-pháp tamgiới với 5 đối-tượng uppāda, pavatta, nimitta, āyūhana, paṭisandhi thật đáng kinh sợ (bhaya); còn trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 7 ādīnavānupassanāñāṇa hướng đến Niết-bàn với 5 đối-tượng trái ngược lại là anuppāda, appavatta, animitta, anāyūhana, appaṭisandhi như sau. * Đối-tượng kinh sợ và đối-tượng an-tịnh 1- Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 6 thấy rõ, biết rõ rằng sự sinh (uppāda) của sắc-pháp, danh-pháp tam-giới trong 3 thời thật là đáng kinh sợ

Pháp-Hành Thiền-Tuệ 109 (bhaya); nên trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 7 ādīnavānupassanāñāṇa thấy rõ, biết rõ sự sinh của sắcpháp, danh-pháp tam-giới trong quá-khứ, hiệntại, vị-lai đầy tội chướng. Và trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 7 ādīnavānupassanāñāṇa biết rằng sự không

sinh (anuppāda) của sắc-pháp, danh-pháp tam-giới đó là Niết-bàn pháp an-tịnh (khema), nên trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 7 ādīnavānupassanāñāṇa hướng đến Niết-bàn diệt tận được tất cả mọi pháp-hữu-vi. 2- Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 6 thấy rõ, biết rõ rằng sự hiện-hữu (pavatta) của sắc-pháp, danhpháp tam-giới trong 3 thời thật là đáng kinh sợ (bhaya); nên trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 7 ādīnavānupassanāñāṇa thấy rõ, biết rõ sự hiện-hữu của sắcpháp, danh-pháp tam-giới trong quá-khứ, hiệntại, vị-lai đầy tội chướng. Và trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 7 ādīnavānupassanāñāṇa biết rằng sự không hiện-hữu (appavatta) của sắc-pháp, danh-pháp tam-giới đó là Niếtbàn pháp an-tịnh (khema), nên trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 7 ādīnavānupassanāñāṇa hướng đến Niếtbàn diệt tận được tất cả mọi pháp-hữu-vi. 3- Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 6 thấy rõ, biết rõ rằng pháp-hữu-vi (saṅkhāranimitta) đó là sắcpháp, danh-pháp tam-giới trong 3 thời thật là đáng kinh sợ (bhaya); nên trí-tuệ-thiền-tuệ thứ

7 ādīnavānupassanāñāṇa thấy rõ, biết rõ pháphữu-vi đó là sắc-pháp, danh-pháp tam-giới trong quá-khứ, hiện-tại, vị-lai đầy tội chướng. Và trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 7 ādīnavānupassanāñāṇa biết rằng pháp-vô-vi (animitta) đó là Niếtbàn pháp an-tịnh (khema), nên trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 7 ādīnavānupassanāñāṇa hướng đến Niếtbàn diệt tận được tất cả mọi pháp-hữu-vi. 4- Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 6 thấy rõ, biết rõ rằng sự tích lũy nghiệp chướng (āyūhana) cho quả tái-sinh kiếp sau trong tam-giới thật là đáng kinh sợ (bhaya); nên trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 7 ādīnavānupassanāñāṇa thấy rõ, biết rõ sự tích lũy nghiệp chướng cho quả tái-sinh trong tamgiới đầy tội chướng. Và trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 7 ādīnavānupassanāñāṇa biết rằng sự không tích lũy nghiệp chướng (anāyūhana) đó là Niết-bàn pháp antịnh (khema), nên trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 7 ādīnavānupassanāñāṇa hướng đến Niết-bàn diệt tận được tất cả mọi pháp-hữu-vi. 5- Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 6 thấy rõ, biết rõ rằng sự tái-sinh kiếp sau (paṭisandhi) trong tam-giới thật là đáng kinh sợ (bhaya); nên trítuệ-thiền-tuệ thứ 7 ādīnavānupassanāñāṇa thấy rõ, biết rõ sự tái-sinh kiếp sau trong tam-giới đầy tội chướng.

Pháp-Hành Thiền-Tuệ 111 Và trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 7 ādīnavānupassanāñāṇa biết rằng sự không tái-sinh kiếp sau (appaṭisandhi) đó là Niết-bàn pháp an-tịnh (khema), nên trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 7 ādīnavānupassanāñāṇa hướng đến Niết-bàn diệt tận được tất cả mọi pháp-hữu-vi. * Đối-tượng khổ và đối-tượng an-lạc 1- Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 6 thấy rõ, biết rõ rằng: sự sinh (uppāda) của sắc-pháp, danh-pháp 3 thời trong tam-giới thật là khổ (dukkha); nên trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 7 ādīnavānupassanāñāṇa thấy rõ, biết rõ sự sinh của sắc-pháp, danhpháp tam-giới trong quá-khứ, hiện-tại, vị-lai đầy tội chướng. Và trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 7 ādīnavānupassanāñāṇa biết rằng sự không sinh (anuppāda) của sắc-pháp, danh-pháp tam-giới đó là Niết-bàn pháp an-lạc (sukha), nên trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 7 ādīnavānupassanāñāṇa hướng đến Niết-bàn diệt tận được tất cả mọi pháp-hữu-vi. 2- Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 6 thấy rõ, biết rõ rằng sự hiện-hữu (pavatta) của sắc-pháp, danh-pháp tam-giới trong 3 thời thật là khổ (dukkha); nên trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 7 ādīnavānupassanāñāṇa thấy rõ, biết rõ sự hiện-hữu của sắc-pháp, danh-pháp

tam-giới trong quá-khứ, hiện-tại, vịlai đầy tội chướng.

112 TÌM HIỂU KINH TRẠNG-THÁI VÔ-NGÃ

Và trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 7 ādīnavānupassanāñāṇa biết rằng sự không hiện-hữu (appavatta) của sắc-pháp, danh-pháp tam-giới đó là Niếtbàn pháp an-lạc (sukha), nên trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 7 ādīnavānupassanāñāṇa hướng đến Niếtbàn diệt tận được tất cả mọi pháp-hữu-vi. 3- Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 6 thấy rõ, biết rõ rằng pháp-hữu-vi (saṅkhāranimitta) đó là sắcpháp, danh-pháp tam-giới trong 3 thời thật là khổ (dukkha); nên trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 7 ādīnavānupassanāñāṇa thấy rõ, biết rõ pháphữu-vi sắc-pháp, danh-pháp tam-giới trong quá-khứ, hiện-tại, vị-lai đầy tội chướng. Và trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 7 ādīnavānupassanāñāṇa biết rằng pháp-vô-vi (animitta) đó là Niếtbàn pháp an-lạc (sukha), nên trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 7 ādīnavānupassanāñāṇa hướng đến Niếtbàn diệt tận được tất cả mọi pháp-hữu-vi. 4- Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 6 thấy rõ, biết rõ rằng sự tích lũy nghiệp chướng (āyūhana) cho quả tái-sinh kiếp sau trong tam-giới thật là khổ (dukkha); nên trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 7 ādīnavānupassanāñāṇa thấy rõ, biết rõ sự tích lũy nghiệp chướng cho quả tái-sinh kiếp sau trong tam-giới đầy tội chướng. Và trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 7 ādīnavānupassanāñāṇa biết rằng sự không tích lũy nghiệp chướng

Pháp-Hành Thiền-Tuệ 113 (anāyūhana) đó là Niết-bàn pháp an-lạc (sukha), nên trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 7 ādīnavānupassanāñāṇa hướng đến Niết-bàn diệt tận được tất cả mọi pháp-hữu-vi. 5- Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 6 thấy rõ, biết rõ rằng sự tái-sinh kiếp sau (paṭisandhi) trong tam-giới thật là khổ (dukkha); nên trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 7 ādīnavānupassanāñāṇa thấy rõ, biết rõ sự táisinh kiếp sau trong tam-giới đầy tội chướng. Và trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 7 ādīnavānupassanāñāṇa biết rằng sự không tái-sinh kiếp sau (ap paṭisandhi) đó là Niết-bàn pháp an-lạc (sukha), nên trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 7 ādīnavānupassanāñāṇa hướng đến Niết-bàn diệt tận được tất cả mọi pháp-hữu-vi ... Thực hành 10 loại trí-tuệ-thiền-tuệ Hành-giả kiên trì thực hành 10 loại trí-tuệthiền-tuệ cho thuần thục là: * 5 ādīnavañāṇa là trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 7 thấy rõ, biết rõ 5 đối-tượng: sắc-pháp, danhpháp tam-giới có sự sinh (uppāda), sự hiện-hữu (pavatta), pháp-hữu-vi (saṅkhāranimitta), sự tích lũy nghiệp chướng (āyūhana), sự tái-sinh kiếp sau (paṭisandhi) trong tam-giới đầy tội chướng. * 5 santipadañāṇa là trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 7 hướng tâm đến Niết-bàn có 5 đối-tượng hoàn toàn

114 TÌM HIỂU KINH TRẠNG-THÁI VÔ-NGÃ

trái ngược lại với 5 đối-tượng của ādīnavañāṇa, đó là Niết-bàn: không có sự sinh (anuppāda) của sắc-pháp, danh-pháp tam-giới, pháp không hiện-hữu (appavatta), pháp-vô-vi (animitta), pháp không tích lũy nghiệp chướng (anāyūhana), pháp không tái-sinh kiếp sau (appaṭisandhi). Khi kiên trì thực hành 10 trí-tuệ-thiền-tuệ này một cách thuần thục rồi, hành-giả ấy không hề bị lay chuyển bởi sự chướng ngại nào cả. Như vậy, trí-tuệ-thiền-tuệ ādīnavañāṇa với trítuệ-thiền-tuệ santipadañāṇa, mỗi loại có 5 đốitượng hoàn toàn trái ngược nhau, dẫn đến như sau: * Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 7 ādīnavānupassanāñāṇa thấy rõ, biết rõ sắc-pháp, danh-pháp tamgiới trong quá-khứ,

hiện-tại, vị-lai đầy tội chướng, thật đáng kinh sợ tột độ; bởi vì tất cả mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp tam-giới không phải là nơi ẩn náu (neva tāṇaṃ), không phải là nơi an toàn (na leṇaṃ), không phải là nơi đến lánh nạn (na gati), không phải là nơi nương nhờ (nappaṭisaraṇaṃ), chỉ có khổ thật sự mà thôi. Cho nên, hành-giả phát sinh trí-tuệ-thiền-tuệ nhàm chán, không dính mắc vào sắc-pháp, danhpháp tam-giới ấy. * Trí-tuệ-thiền-tuệ santipadañāṇa hướng đến Niết-bàn tịch tịnh là pháp ẩn-náu an toàn, là

Pháp-Hành Thiền-Tuệ 115 pháp nương-nhờ an toàn, là pháp giải-thoát khổ hoàn toàn, chỉ có sự an-lạc tuyệt đối mà thôi. Cho nên, hành-giả phát sinh đức-tin trong sạch vững chắc trong pháp-hành thiền-tuệ này dẫn đến chứng ngộ Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong ba giới bốn loài. Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 7 ādīnavānupassanāñāṇa này làm nền tảng, làm nhân-duyên để cho trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 8 gọi là nibbidānupassanāñāṇa phát sinh liền tiếp theo sau.

8- Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 8 Nibbidānupassanāñāṇa

Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 8 nibbidānupassanā- ñāṇa: trí-tuệ-thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ sắc-pháp, danh-pháp tam-giới thật đáng nhàm chán. - Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 8 nibbidānupassanāñāṇa là tổng hợp các trí-tuệ-thiền-tuệ phần trước làm nền tảng, làm nhân-duyên để phát sinh trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 8 gọi là nibbidānupas- sanāñāṇa: trí-tuệ-thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ sắcpháp, danh-pháp tam-giới thật đáng nhàm chán. Nibbidā là thật đáng nhàm chán, bởi vì hànhgiả thực hành pháp-hành thiền-tuệ trải qua trítuệ-thiền-tuệ thứ 6 bhayatupaṭṭhānañāṇa thấy rõ, biết rõ sắc-pháp, danh-pháp tam-giới thật đáng kinh sợ tột độ (bhaya) và trí-tuệ-thiền-tuệ

thứ 7 ādīnavānupassanāñāṇa thấy rõ, biết rõ sắcpháp, danh-pháp tam-giới đầy những tội chướng (ādīnava). Cho nên, trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 8 nibbidānupassanāñāṇa này phát sinh thấy rõ, biết rõ sắc-pháp, danh-pháp tam-giới thật đáng nhàm chán tột độ, nên chỉ còn hướng tâm đến Niết-bàn giải thoát khỏi khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới mà thôi. Hành-giả cố gắng tinh-tấn không ngừng thực hành dõi theo 7 pháp anupassanā, để mong chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả, Niết-bàn, giải thoát khỏi khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới. Bảy pháp Anupassanā 1- Aniccānupassanā: Trí-tuệ-thiền-tuệ dõi theo thấy rõ, biết rõ sắc-pháp, danh-pháp tam giới có trạng-thái vô-thường. 2- Dukkhānupassanā: Trí-tuệ-thiền-tuệ dõi theo thấy rõ, biết rõ sắc-pháp, danh-pháp tamgiới có trạng-thái khổ. 3- Anattānupassanā: Trí-tuệ-thiền-tuệ dõi theo thấy rõ, biết rõ sắc-pháp, danh-pháp tamgiới có trạng-thái vô-ngã. 4- Nibbidānupassanā: Trí-tuệ-thiền-tuệ dõi theo thấy rõ, biết rõ mọi sắc-pháp, danh-pháp tam-giới thật đáng nhàm chán.

Pháp-Hành Thiền-Tuệ 117 5- Virāgānupassanā: Trí-tuệ-thiền-tuệ dõi theo thấy rõ, biết rõ mọi sắc-pháp, danh-pháp tam-giới không đáng say mê. 6- Nirodhānupassanā: Trí-tuệ-thiền-tuệ dõi theo thấy rõ, biết rõ mọi sắc-pháp, danh-pháp tam-giới đáng diệt bỏ. 7- Paṭinissaggānupassanā: Trí-tuệ-thiền-tuệ dõi theo thấy rõ, biết rõ mọi sắc-pháp,

danhpháp tam-giới đáng xả bỏ. Giảng Giải 1- Aniccānupassanā: Trí-tuệ-thiền-tuệ dõi theo thấy rõ, biết rõ sự sinh, sự diệt của sắc-pháp, danh-pháp tam-giới hiện-tại, nên hiện rõ trạngthái vô-thường; và trí-tuệ-thiền-tuệ này cũng có khả năng biết rõ sắc-pháp, danh-pháp tam-giới quá-khứ, vị-lai cũng có trạng-thái vô-thường như sắc-pháp, danh-pháp tam-giới hiện-tại này; nên diệt được niccasaññā: thấy sai, tưởng lầm sắc-pháp, danh-pháp tam-giới cho là thường. 2- Dukkhānupassanā: Trí-tuệ-thiền-tuệ dõi theo thấy rõ, biết rõ sự sinh, sự diệt của sắcpháp, danh-pháp tam-giới hiện-tại, nên hiện rõ trạng-thái khổ; và trí-tuệ-thiền-tuệ này cũng có khả năng biết rõ sắc-pháp, danh-pháp tam-giới quá-khứ, vị-lai cũng có trạng-thái khổ như sắcpháp, danh-pháp tam-giới hiện-tại này; nên diệt

được sukhasaññā: thấy sai, tưởng lầm sắc-pháp, danh-pháp tam-giới cho là lạc. 3- Anattānupassanā: Trí-tuệ-thiền-tuệ dõi theo thấy rõ, biết rõ sự sinh, sự diệt của sắcpháp, danh-pháp tam-giới hiện-tại, nên hiện rõ trạng-thái vô-ngã; và trí-tuệ-thiền-tuệ này cũng có khả năng biết rõ sắc-pháp, danh-pháp tamgiới quá-khứ, vị-lai cũng có trạng-thái vô-ngã như sắc-pháp, danh-pháp tam-giới hiện-tại này; nên diệt được attasaññā: thấy sai, tưởng lầm sắc-pháp, danh-pháp tam-giới cho là ngã. 4- Nibbidānupassanā: Trí-tuệ-thiền-tuệ dõi theo thấy rõ, biết rõ sự sinh, sự diệt của sắcpháp, danh-pháp tam-giới hiện-tại chỉ có khổ thật sự mà thôi, nên thật đáng nhàm chán; và trí-tuệ-thiền-tuệ này cũng có khả năng biết rõ sắc-pháp, danh-pháp tam-giới quá-khứ, vị-lai cũng thật đáng nhàm chán như sắc-pháp, danhpháp tam-giới hiện-tại này; nên diệt được nandi: tâm tham-ái hài lòng trong sắc-pháp, danh-pháp tam-giới. 5- Virāgānupassanā: Trí-tuệ-thiền-tuệ dõi theo thấy rõ, biết rõ sự sinh, sự diệt của sắc-pháp, danh-pháp tam-giới hiện-tại chỉ có khổ thật sự mà thôi, nên thật không đáng say mê; và trí-tuệthiền-tuệ này cũng có khả năng biết rõ sắc-pháp, danh-pháp tam-giới quá-khứ, vị-lai cũng thật

Pháp-Hành Thiền-Tuệ 119 không đáng say mê như sắc-pháp, danh-pháp tamgiới hiện-tại này; nên diệt được rāga: tâm thamái say mê trong sắc-pháp, danh-pháp tam-giới. 6- Nirodhānupassanā: Trí-tuệ-thiền-tuệ dõi theo thấy rõ, biết rõ sự sinh, sự diệt của sắcpháp, danh-pháp tam-giới hiện-tại chỉ có khổ thật sự mà thôi, nên thật đáng diệt bỏ; và trítuệ-thiền-tuệ này cũng có khả năng biết rõ sắcpháp, danh-pháp tam-giới quá-khứ, vị-lai cũng thật đáng diệt bỏ như sắc-pháp, danh-pháp tamgiới hiện-tại này; nên diệt được samudaya: nhânsinh-khổ của sắc-pháp, danh-pháp tam-giới. 7- Paṭinissaggānupassanā: Trí-tuệ-thiền-tuệ dõi theo thấy rõ, biết rõ sự sinh, sự diệt của sắcpháp, danh-pháp tam-giới hiện-tại chỉ có khổ thật sự mà thôi, nên thật đáng xả bỏ; và trí-tuệthiền-tuệ này cũng có khả năng biết rõ sắcpháp, danh-pháp tam-giới quá-khứ, vị-lai cũng thật đáng xả bỏ như sắc-pháp, danh-pháp tamgiới hiện-tại này; nên diệt được ādāna: sự chấpthủ trong sắc-pháp, danh-pháp tam-giới. Trong 7 pháp ānupassanā này có 3 loại căn bản là aniccānupassanā, dukkhānupassanā, anattānupassanā, bởi vì trí-tuệ-thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ 3 trạng-thái-chung: trạng-thái vôthường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của sắc-pháp, danh-pháp tam-giới.

Ba loại trí-tuệ-thiền-tuệ 1- Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 6 bhayatupaṭṭhānañāṇa thấy rõ, biết rõ sắc-pháp, danh-pháp tamgiới đáng kinh sợ. 2- Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 7 ādīnavānupassanāñāṇa thấy rõ, biết rõ sắc-pháp, danh-pháp tamgiới đầy tội chướng. 3- Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 8 nibbidānupassanāñāṇa thấy rõ, biết rõ sắc-pháp, danh-pháp tamgiới đáng nhàm chán. Ba loại trí-tuệ-thiền-tuệ này chỉ có khác nhau về tên gọi mà thôi, còn giống nhau về ý nghĩa. Thật vậy, hành-giả thực hành pháp-hành thiền-tuệ đã trải qua từ trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 4 udayabbayānupassanāñāṇa cho đến trí-tuệthiền-tuệ thứ 8 nibbidānupassanāñāṇa này. - Nếu trí-tuệ-thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ sắcpháp, danh-pháp tam-giới đáng kinh sợ thì gọi là bhayatupaṭṭhānañāṇa. - Nếu trí-tuệ-thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ sắc-pháp danh-pháp tam-giới đầy tội chướng thì gọi là ādīnavānupassanañāṇa. - Nếu trí-tuệ-thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ sắcpháp danh-pháp tam-giới đáng nhàm chán thì gọi là nibbidānupassanāñāṇa. Khi trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 8 nibbidānupassanā-

 ñāṇa thấy rõ, biết rõ tất cả các pháp-hữu-vi, sắcpháp, danh-pháp tam-giới trong quá-khứ, hiệntại, vị-lai thật đáng nhàm chán tột độ; nên hướng tâm đến đối-tượng santipada: Niết-bàn là pháp ẩn-náu an toàn, là pháp nương-nhờ an toàn, là pháp giải thoát khổ hoàn toàn, chỉ có sự an-lạc tuyệt đối mà thôi. Đối-tượng santipada: Niết-bàn như thế nào? Hành-giả có trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 8 nibbidānupassanāñāṇa thấu suốt biết rõ rằng: - Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 8 thấy rõ, biết rõ uppāda: sự sinh của sắc-pháp, danh-pháp tamgiới thật là đáng kinh sợ, đầy tội chướng, đáng nhàm chán, chỉ có khổ mà thôi. Và anuppāda: sự không sinh của sắc-pháp, danh-pháp tamgiới, đó là santipada: Niết-bàn an-lạc tuyệt đối. - Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 8 thấy rõ, biết rõ pavatta: sự hiện-hữu của sắc-pháp, danh-pháp tam-giới thật là đáng kinh sợ, đầy tội chướng, đáng nhàm chán, chỉ có khổ mà thôi. Và appavatta: sự không hiện hữu của sắc-pháp, danh-pháp tam-giới, đó là santipada: Niết-bàn an-lạc tuyệt đối. - Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 8 thấy rõ, biết rõ nimitta (saṅkhāranimitta): pháp-hữu-vi đó là sắc-pháp, danh-pháp tam-giới thật là đáng kinh sợ, đầy tội chướng, đáng nhàm chán, chỉ có khổ

mà thôi. Và animitta: pháp-vô-vi, đó là santipada: Niết-bàn an-lạc tuyệt đối. - Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 8 thấy rõ, biết rõ āyū- hana: sự tích lũy nghiệp chướng cho quả tái-sinh kiếp sau trong tam-giới thật là đáng kinh sợ, đầy tội chướng, đáng nhàm chán, chỉ có khổ mà thôi. Và anāyūhana: sự không tích lũy nghiệp chướng, đó là santipada: Niết-bàn an-lạc tuyệt đối. - Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 8 thấy rõ, biết rõ paṭisandhi: sự tái-sinh kiếp sau trong tam-giới thật là đáng kinh sợ, đầy tội chướng, đáng nhàm chán, chỉ có khổ mà thôi. Và appaṭisandhi: sự không tái-sinh kiếp sau, đó là santipada: Niếtbàn an-lạc tuyệt đối, v.v... * Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 8 nibbidānupassanāñāṇa có khả năng thấy rõ, biết rõ mọi sắc-pháp, danh-pháp tam-giới trong quá-khứ, hiện-tại, vịlai đáng kinh sợ, đầy tội chướng, đáng nhàm chán tột độ, chỉ có khổ mà thôi. Nên chỉ hướng đến đối-tượng santipada: Niết-bàn, diệt tận được tất cả các pháp-hữu-vi, là pháp

ẩn-náu an toàn, là pháp nương-nhờ an toàn, là pháp giải thoát khổ hoàn toàn, an-lạc tuyệt đối. Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 8 nibbidānupassanāñāṇa này làm nền tảng, làm nhân-duyên để trítuệ-thiền-tuệ thứ 9 gọi là muñcitukamyatāñāṇa phát sinh liền tiếp theo sau.

Pháp-Hành Thiền-Tuệ 123 9- Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 9 Muñcitukamyatāñāṇa Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 9 gọi là muñcitukam- yatāñāṇa: trí-tuệ-thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ sắcpháp, danh-pháp tam-giới thật đáng nhàm chán tột độ, nên chỉ mong giải thoát khỏi các pháphữu-vi, sắc-pháp, danh-pháp tam-giới mà thôi. Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 9 muñcitukamyatāñāṇa phát sinh như thế nào? Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 8 nibbidānupassanāñāṇa có khả năng thấy rõ, biết rõ mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp tam-giới trong quá-khứ, hiện-tại, vị-lai thật đáng kinh sợ, đầy tội chướng, đáng nhàm chán tột độ, chỉ có khổ mà thôi, nên hướng tâm đến đối-tượng santipada: Niết-bàn, diệt tận được tất cả các pháp hữu-vi làm nền tảng, làm nhân-duyên để phát sinh trí-tuệ-thiềntuệ thứ 9 muñcitukamyatāñāṇa chỉ mong chứng ngộ Niết-bàn giải thoát khỏi khổ tử sinh luânhồi trong ba giới bốn loài mà thôi. * Ba cõi-giới gồm có 31 cõi: - Dục-giới gồm có 11 cõi-giới. - Sắc-giới gồm có 16 tầng trời sắc-giới phạm-thiên. - Vô sắc-giới gồm có 4 tầng trời vô-sắc-giới phạm-thiên.

124 TÌM HIỂU KINH TRẠNG-THÁI VÔ-NGÃ

1- Cõi dục-giới có 11 cõi-giới chia làm 2 cõi: - Cõi ác-giới có 4 cõi-giới là cõi địa-ngục, asu-ra, ngạ-quỷ, súc-sinh. Chúng-sinh bị sinh 1 trong 4 cõi ác-giới nào là do quả của ác-nghiệp (1) mà chúng-sinh ấy đã tạo trong kiếp quá-khứ, phải chịu quả khổ cho đến khi mãn quả của ácnghiệp ấy, mới thoát ra khỏi cõi ác-giới ấy được, rồi tái-sinh kiếp sau trong cõi-giới khác tùy theo nghiệp và quả của nghiệp của chúng-sinh ấy. - Cõi thiện dục-giới gồm có 7 cõi là cõi người và 6 cõi trời dục-giới. Chúng-sinh được sinh 1 trong 7 cõi thiện-dục-giới nào là do quả của dục-giới thiện-nghiệp (đại-thiện-nghiệp) mà chúng-sinh ấy đã tạo trong kiếp quá-khứ, được hưởng mọi sự an-lạc cho đến khi mãn quả của dục-giới thiện-nghiệp (đại-thiện-nghiệp) ấy, mới rời khỏi cõi thiện-dục-giới ấy, rồi tái-sinh kiếp sau trong cõi-giới khác tùy theo nghiệp và quả của nghiệp của chúng-sinh ấy. 2- Sắc-giới có 16 tầng trời sắc-giới phạm-thiên Chư vị phạm-thiên nào được hóa-sinh trên tầng trời sắc-giới phạm-thiên nào là do quả của sắc-giới thiện-nghiệp nào mà tiền-kiếp của vị phạm-thiên ấy đã chứng đắc bậc thiền sắc-giới 1 Tìm hiểu rõ trong quyển “Vi-Diệu-Pháp Hiện Thực Trong Cuộc Sống”, cùng soạn giả.

Pháp-Hành Thiền-Tuệ 125 thiện-tâm ấy. Vị phạm-thiên ấy được hưởng sự an-lạc trên tầng trời sắc-giới phạm-thiên ấy cho đến khi hết tuổi thọ tại tầng trời ấy (1), rồi táisinh kiếp sau trong cõi-giới khác tùy theo nghiệp và quả của nghiệp của vị phạm-thiên ấy. 3- Cõi vô-sắc-giới có 4 tầng trời vô-sắc-giới phạm-thiên Chư vị phạm-thiên nào được hóa-sinh trên tầng trời vô-sắc-giới phạm-thiên nào là do quả của vô-sắc-giới thiện-nghiệp nào mà tiền-kiếp của vị phạm-thiên ấy đã chứng đắc bậc thiền vôsắc-giới thiện-tâm ấy. Vị phạm-thiên ấy được hưởng sự an-lạc trên tầng trời vô-sắc-giới phạmthiên ấy cho đến khi hết tuổi thọ tại tầng trời ấy, rồi tái-sinh kiếp sau trong

cõi-giới khác tùy theo nghiệp và quả của nghiệp của vị phạm-thiên ấy. Tam-giới có 11 cõi dục-giới, 16 tầng trời sắcgiới phạm-thiên, 4 tầng trời vô-sắc-giới phạmthiên gồm có 31 cõi-giới chỉ là nơi tạm trú mau hoặc lâu của tất cả mọi chúng-sinh trong tamgiới mà thôi. Dù vị phạm-thiên nào trên tầng trời vô-sắcgiới phạm-thiên tột đỉnh gọi là Phi-tưởng-phiphi-tưởng-xứ-thiên, có tuổi thọ 84.000 đại-kiếp trái đất, đến khi hết tuổi thọ cũng phải chết. 1 Tìm hiểu rõ trong bộ Nền-Tảng-Phật-Giáo, quyển IX: Pháp- Hành Thiền-Định, cùng soạn giả.

126 TÌM HIỂU KINH TRẠNG-THÁI VÔ-NGÃ

Sau khi vị phạm-thiên ấy chết, tùy theo thiệnnghiệp của vị phạm-thiên ấy cho quả tái-sinh kiếp sau trong cõi-giới khác. * Bốn loài đó là 4 loài chúng-sinh: 1- Thai-sinh: Chúng-sinh thuộc về loài thaisinh, đầu tiên đầu thai trong bụng mẹ, từ từ lớn dần cho đến khi đủ tháng đủ ngày, mới sinh ra đời, đó là loài người trong cõi người, loài súcsinh như trâu, bò, v.v... 2- Noãn-sinh: Chúng-sinh thuộc về loài noãn sinh, đầu tiên sinh trong trứng trong bụng con mái, trứng sinh ra ngoài, rồi từ trứng nở ra con, đó là loài gà, vịt, chim, v.v... 3- Thấp-sinh: Chúng-sinh thuộc về loài thấp sinh nương nhờ nơi ẩm thấp dơ dáy, dưới đất, lá cây, trái cây chín, máu, mủ, v.v... Đó là con giun đất, dòi, các loài sán, v.v... 4- Hóa-sinh: Chúng-sinh thuộc về loài hóasinh không nương nhờ vào nơi nào cả, chỉ nương nhờ nơi nghiệp quá-khứ của chúng mà thôi. Khi tái-sinh hóa-sinh ngay tức khắc to lớn tự nhiên, đó là chúng-sinh địa-ngục, các loài ngạ-quỷ, a-su-ra, chư-thiên trong 6 cõi trời dụcgiới, chư phạm-thiên trên 16 tầng trời sắc-giới phạm-thiên, chư phạm-thiên trên 4 tầng trời vôsắc-giới phạm-thiên.

Pháp-Hành Thiền-Tuệ 127 Hành-giả thực hành pháp-hành thiền-tuệ, đạt đến trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 9 muñcitukamyatāñāṇa hiểu biết rằng: - Hễ còn tái-sinh kiếp sau là còn có ngũ-uẩn, tứ-uẩn, nhất-uẩn, sắc-pháp, danh-pháp tamgiới, dù ở trong cõi-giới nào cũng chắc chắn còn phải chịu khổ của sắc-pháp, danh-pháp tam-giới ấy. Đối với hạng phàm-nhân, hễ còn tiếp tục tử sinh luân-hồi thì khó mà tránh khỏi 4 cõi ác-giới là địa-ngục, a-su-ra, ngạ-quỷ, súc-sinh. Cho nên, hành-giả cố gắng tiếp tục thực hành pháp-hành thiền-tuệ đạt đến trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 9 này thấy rõ, biết rõ sắc-pháp, danh-pháp tamgiới thật đáng kinh sợ, đầy tội chướng, thật đáng nhàm chán tột độ thật sự, nên chỉ mong giải thoát khỏi các pháp-hữu-vi, sắc-pháp, danh-pháp tam-giới mà thôi. Vì vậy, hành-giả cảm thấy kinh sợ, nhàm chán trong vòng tử sinh luân-hồi trong ba giới bốn loài, nên chỉ quyết tâm tiếp tục thực hành pháp-hành thiền-tuệ để mong chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánhquả, Niết-bàn, diệt tận được mọi tham-ái, mọi phiền-não không còn dư sót, trở thành bậc Thánh A-ra-hán sẽ tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

128 TÌM HIỂU KINH TRẠNG-THÁI VÔ-NGÃ

Tính chất của muñcitukamyatāñāṇa như thế nào? Hành-giả thực hành pháp-hành thiền-tuệ đạt đến trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 9 muñcitukamyatāñāṇa chỉ mong chứng ngộ Niết-bàn giải thoát khỏi sắc-pháp, danh-pháp tam-giới mà thôi, qua những ví dụ như sau: * Ví như con cá bị mắc lưới, cố gắng hết sức mình vùng vẫy để thoát ra khỏi lưới

như thế nào. Cũng như vậy, hành-giả có trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 9 mong chứng ngộ Niết-bàn giải thoát ra khỏi sắc-pháp, danh-pháp tam-giới cũng như thế ấy. * Ví như con ếch bị con rắn ngậm trong miệng, cố gắng hết sức mình vùng vẫy để thoát ra khỏi miệng con rắn như thế nào. Cũng như vậy, hành-giả có trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 9 mong chứng ngộ Niết-bàn ... cũng như thế ấy, v.v... Hành-giả thực hành pháp-hành thiền-tuệ, khi đạt đến trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 9 muñcitukamyatāñāṇa này thấy rõ, biết rõ mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp tam-giới trong 31 cõi-giới chỉ có khổ thật sự mà thôi, nên tâm của hành-giả chỉ mong chứng ngộ Niết-bàn, mới giải thoát ra khỏi mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp tam-giới, nghĩa là giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong ba giới bốn loài. Cho nên, hành-giả chỉ mong thoát ra khỏi sắc-

Pháp-Hành Thiền-Tuệ 129 pháp, danh-pháp tam-giới này mà thôi, nên cố gắng tinh-tấn không ngừng thực hành pháp-hành thiền-tuệ, để mong chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánhquả, Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong ba giới bốn loài. Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 9 muñcitukamyatāñāṇa này làm nền tảng, làm nhân-duyên để cho trí-tuệthiền-tuệ thứ 10 gọi là paṭisaṅkhānupassanāñāṇa phát sinh liền tiếp theo sau.

10- Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 10 Paṭisaṅkhānupassanāñāṇa Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 10 paṭisaṅkhānupas- sanāñāṇa: trí-tuệ-thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ trở lại đầy đủ trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của mọi sắc-pháp, mọi danhpháp tam-giới. Theo bộ Visuddhimagga, hành-giả thực hành pháp-hành thiền-tuệ, khi đạt đến trí-tuệ-thiềntuệ thứ 10 (1) này thấy rõ, biết rõ trở lại đầy đủ 4 trạng-thái gồm có 53 trạng-thái chi-tiết. - Trạng-thái vô-thường có 12 trạng-thái chi-tiết. - Trạng-thái khổ có 27 trạng-thái chi-tiết. - Trạng-thái vô-ngã có 7 trạng-thái chi-tiết. 1 Bộ Visuddhimagga, phần Paṭisaṅkhānupassanāñāṇakathā.

130 TÌM HIỂU KINH TRẠNG-THÁI VÔ-NGÃ

- Trạng-thái bất-tịnh có 7 trạng-thái chi-tiết.(1) 1- Aniccalakkhaṇa: Trạng-thái vô-thường có 12 trạng-thái chi-tiết là đối-tượng của trí-tuệthiền-tuệ thứ 10 paṭisaṅkhānupassanāñāṇa mà hành-giả nên thực hành như sau: 1- Anaccantikato: Trí-tuệ-thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ ngũ-uẩn có trạng-thái không thường tồn, sinh rồi diệt liên tục không ngừng. 2- Tāvakālikato: Trí-tuệ-thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ ngũ-uẩn có trạng-thái tạm thời ngắn ngủi. 3- Uppādavayapariccchinnakato: Trí-tuệ-thiềntuệ thấy rõ, biết rõ ngũ-uẩn có trạng-thái phân tích sự sinh, sự diệt. 4- Palokato: Trí-tuệ-thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ ngũ-uẩn có trạng-thái tiêu hoại. 5- Calato: Trí-tuệ-thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ ngũ-uẩn có trạng-thái biến đổi bệnh, già, chết. 6- Pabhaṅguto: Trí-tuệ-thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ ngũ-uẩn có trạng-thái tan rã. 7- Addhuvato: Trí-tuệ-thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ ngũ-uẩn có trạng-thái không bền vững. 8- Vipariṇāmadhammato: Trí-tuệ-thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ ngũ-uẩn có trạng-thái biến đổi là thường.

1 Tìm hiểu rõ trong bộ Nền-Tảng-Phật-Giáo, quyển X: Pháp- Hành Thiền-Tuệ, cùng soạn giả.

Pháp-Hành Thiền-Tuệ 131 9- Asārakato: Trí-tuệ-thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ ngũ-uẩn có trạng-thái vô dụng, không cốt lõi. 10- Vibhavato: Ttrí-tuệ-thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ ngũ-uẩn có trạng-thái bị suy. 11- Saṅkhatato: Trí-tuệ-thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ ngũ-uẩn có trạng-thái bị cấu tạo. 12- Maraṇadhammato: Trí-tuệ-thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ ngũ-uẩn có trạng-thái hủy diệt, chết là thường. Hành-giả thực hành pháp-hành thiền-tuệ, có trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 10 paṭisaṅkhānupassanāñāṇa thấy rõ, biết rõ trở lại trạng-thái vô-thường có 12 trạng-thái chi-tiết hiện rõ tùy theo khả năng của mỗi hành-giả.

2- Dukkhalakkhaṇa: Trạng-thái khổ có 27 trạng-thái chi-tiết là đối-tượng của trí-tuệ-thiềntuệ thứ 10 paṭi-saṅkhānupassanāñāṇa mà hànhgiả nên thực-hành như sau: 1- Abhiṇhapaṭipīlanato: Trí-tuệ-thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ ngũ-uẩn có trạng-thái khổ luôn luôn hành hạ. 2- Dukkhato: Trí-tuệ-thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ ngũ-uẩn có trạng-thái khổ khó chịu đựng nổi. 3- Dukkhavatthuto: Trí-tuệ-thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ ngũ-uẩn có trạng-thái khổ của nơi sinh.

4- Rogato: Trí-tuệ-thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ ngũ-uẩn có trạng-thái khổ bệnh. 5- Gaṇḍato: Trí-tuệ-thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ ngũ-uẩn có trạng-thái khổ như ung nhọt. 6- Sallato: Trí-tuệ-thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ ngũuẩn có trạng-thái khổ như mũi tên độc phiền-não. 7- Aghato: Trí-tuệ-thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ ngũ-uẩn có trạng-thái khổ vì bất hạnh. 8- Ābādhato: Trí-tuệ-thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ ngũ-uẩn có trạng-thái khổ bệnh hoạn, ốm đau. 9- Ītito: Trí-tuệ-thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ ngũuẩn có trạng-thái suy đồi. 10- Upaddavato: Trí-tuệ-thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ ngũ-uẩn có trạng-thái khổ tai nạn. 11- Bhayato: Trí-tuệ-thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ ngũ-uẩn có trạng-thái khổ đáng kinh sợ. 12- Upasaggato: Trí-tuệ-thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ ngũ-uẩn có trạng-thái khổ cản trở. 13- Atāṇato: Trí-tuệ-thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ ngũ-uẩn có trạng-thái khổ không có nơi bảo hộ. 14- Aleṇato: Trí-tuệ-thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ ngũ-uẩn có trạng-thái khổ không có nơi ẩn náu. 15- Asaraṇato: Trí-tuệ-thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ ngũ-uẩn có trạng-thái khổ không nơi nương nhờ. 16- Ādīnavato: Trí-tuệ-thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ ngũ-uẩn có trạng-thái khổ đầy tội chướng.

Pháp-Hành Thiền-Tuệ 133 17- Aghamūlato: Trí-tuệ-thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ ngũ-uẩn có trạng-thái nguồn gốc của khổ đau. 18- Vadhakato: Trí-tuệ-thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ ngũ-uẩn có trạng-thái khổ như kẻ sát hại. 19- Sāsavato: Trí-tuệ-thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ ngũ-uẩn có trạng-thái khổ phiền-não trầm luân. 20- Mārāmisato: Trí-tuệ-thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ ngũ-uẩn có trạng-thái khổ mồi của Ma. 21- Jātidhammato: Trí-tuệ-thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ ngũ-uẩn có trạng-thái khổ sinh là thường. 22- Jarādhammato: Trí-tuệ-thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ ngũ-uẩn có trạng-thái khổ già là thường. 23- Byādhidhammato: Trí-tuệ-thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ ngũ-uẩn có trạng-thái khổ bệnh là thường. 24- Sokadhammato: Trí-tuệ-thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ ngũ-uẩn có trạng-thái khổ sầu não là thường. 25- Paridevadhammato: Trí-tuệ-thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ ngũ-uẩn có trạng-thái khổ than khóc là thường. 26- Upāyāsadhammato: Trí-tuệ-thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ ngũ-uẩn có trạng-thái thống khổ cùng cực là thường. 27- Saṃkilesikadhammato:

Trí-tuệ-thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ ngũ-uẩn có trạng-thái khổ do phiền-não làm ô nhiễm. Hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-tuệ, có

trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 10 paṭisaṅkhānupassanāñāṇa thấy rõ, biết rõ trở lại trạng-thái khổ có 27 trạng-thái chi-tiết hiện rõ tùy theo khả năng của mỗi hành-giả.

3- Asubhalakkhaṇa: Trạng-thái bất-tịnh có 7 trạng-thái chi-tiết là đối-tượng của trí-tuệthiền-tuệ thứ 10 paṭisaṅkhānupassanāñāṇa mà hành-giả nên thực-hành như sau: 1- Ajaññato: Trí-tuệ-thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ ngũ-uẩn có trạng-thái không tốt đẹp. 2- Duggandhato: Trí-tuệ-thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ ngũ-uẩn có trạng-thái hôi hám. 3- Jegucchato: Trí-tuệ-thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ ngũ-uẩn có trạng-thái đáng ghê tởm. 4- Paṭikkūlato: Trí-tuệ-thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ ngũ-uẩn có trạng-thái dơ bẩn. 5- Amaṇḍanārahato: Trí-tuệ-thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ ngũ-uẩn có trạng-thái không có xinh đẹp gì cả. 6- Virūpato: Trí-tuệ-thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ ngũ-uẩn có trạng-thái xấu xí. 7- Bībhacchato: Trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ ngũ-uẩn có trạng-thái đáng gớm ghiếc. Hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-tuệ, có trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 10 paṭisaṅkhānupassanā-

 ñāṇa thấy rõ, biết rõ trạng-thái bất-tịnh, có 7 trạng-thái chi-tiết hiện rõ tùy theo khả năng của mỗi hành-giả. Bảy trạng-thái-bất-tịnh chi-tiết này là trạngthái phụ của trạng-thái khổ được ghép chung vào trạng-thái khổ. 4- Anattalakkhaṇa: Trạng-thái vô-ngã có 7 trạng-thái chi tiết là đối-tượng của trí-tuệ-thiềntuệ thứ 10 paṭisaṅkhānupassanāñāṇa mà hànhgiả nên thực-hành như sau: 1- Parato: Trí-tuệ-thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ ngũ-uẩn có trạng-thái khác lạ. 2- Rittato: Trí-tuệ-thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ ngũ-uẩn có trạng-thái rỗng không. 3- Tucchato: Trí-tuệ-thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ ngũ-uẩn có trạng-thái rỗng tuếch rỗng toác. 4- Suññato: Trí-tuệ-thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ ngũ-uẩn có trạng-thái hoàn toàn không, không phải ta, không phải của ta. 5- Assāmikato: Trí-tuệ-thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ ngũ-uẩn có trạng-thái vô chủ. 6- Anissarato: Trí-tuệ-thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ ngũ-uẩn có trạng-thái không quyền hành. 7- Avasavattito: Trí-tuệ-thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ ngũ-uẩn có trạng-thái không chiều theo ý muốn của ai.

Hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-tuệ, có trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 10 paṭisaṅkhānupassanāñāṇa thấy rõ, biết rõ trở lại trạng-thái vô-ngã có 7 trạng-thái chi tiết hiện rõ tùy theo khả năng của mỗi hành-giả. Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 10 paṭisaṅkhānupassanāñāṇa này thấy rõ, biết rõ trở lại đầy đủ 4 trạng- thái: trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạngthái vô-ngã, trạng-thái bất-tịnh của mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp tam-giới một cách đầy đủ các trạngthái chi-tiết; nên diệt-từng-thời (tadaṅgappahāna) được 3 pháp-đảo-điên: tưởng-đảo-điên (saññāvipallāsa), tâm-đảo-điên (cittavipallāsa), tà-kiếnđảo-điên (diṭṭhivipallāsa) trong mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp tam-giới cho là thường, lạc, ngã, tịnh. Cho nên, trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 10 này sáng suốt tìm ra phương pháp giải thoát khổ khỏi mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp

tam-giới. Hành-giả tiếp tục cố gắng tinh-tấn không ngừng thực hành pháp-hành thiền-tuệ với phương-pháp ấy cho đến khi trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 10 paṭisaṅkhānupassanāñāṇa phát sinh có nhiều năng lực. Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 10 paṭisaṅkhānupassanāñāṇa có nhiều năng lực làm nền tảng, làm nhânduyên để trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 11 gọi là saṅkhārupekkhāñāṇa phát sinh liền tiếp theo sau.

Pháp-Hành Thiền-Tuệ 137 11- Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 11 Saṅkhārupekkhāñāṇa Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 11 saṅkhārupekkhā- ñāṇa: trí-tuệ-thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ thật-tánh của mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp tam-giới đều là pháp-vô-ngã; có sự sinh, sự diệt, có 3 trạng- thái-chung: trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp tam-giới; nên đặt tâm trung-dung giữa mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp tam-giới, để quyết định phương pháp giải thoát ra khỏi mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp tam-giới. Cho nên, hành-giả trở lại suy xét rằng: “Sabbe saṅkhārā suññā.” - Tất cả mọi pháp-hữu-vi, mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp tam-giới đó là ngũ-uẩn (khandha), 6 xứ bên trong với 6 xứ bên ngoài (āyatana), 18 tự-tánh (dhātu), … đều hoàn toàn là không (suñña) không phải ta, không phải của ta. Thật vậy, hành-giả có trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 11 saṅkhārupekkhāñāṇa thấy rõ, biết rõ 2 pháp: “Suññamidaṃ attānena vā attāniyena vā.” - Thật-tánh của tất cả mọi pháp-hữu-vi đó là mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp tam-giới này đều là không, không phải ta, không phải của ta. Khi hành-giả có trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 11 saṅkhārupekkhāñāṇa thấy rõ, biết rõ tất cả mọi pháp-

hữu-vi đó là mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp tam-giới đều hoàn toàn là không, không phải ta, không phải của ta với paccakkhañāṇa: trí-tuệ trực tiếp thấy rõ, biết rõ bên trong mình như thế nào, và với anu- mānañāṇa: trí-tuệ gián tiếp thấy rõ, biết rõ bên ngoài mình, của chúng-sinh khác cũng như thế ấy. Hành-giả thực hành pháp-hành thiền-tuệ có trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 11 saṅkhārupekkhāñāṇa thấy rõ, biết rõ tất cả mọi pháp-hữu-vi đó là mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp tam-giới rằng: - 6 xứ bên trong: Nhãn xứ, nhĩ xứ, tỷ xứ, thiệt xứ, thân xứ, ý xứ hoàn toàn là không (suñña), không phải ta, không phải của ta, là vôthường, không bền vững, … - 6 xứ bên ngoài: Sắc xứ, thanh xứ, hương xứ, vị xứ, xúc xứ, pháp xứ hoàn toàn là không (suñña), không phải ta, không phải của ta, là vôthường, không bền vững, … - 6 thức-tâm: Nhãn-thức-tâm, nhĩ-thức-tâm, tỷ-thức-tâm, thiệt-thức-tâm, thân-thức-tâm, ýthức-tâm hoàn toàn là không (suñña), không phải ta, không phải của ta, là vô-thường, không bền vững, … - Ngũ-uẩn: Sắc-uẩn, thọ-uẩn, tưởng-uẩn, hành-uẩn, thức-uẩn hoàn toàn là không (suñña), không phải ta, không phải của ta, là vô-thường, là khổ, là vô-ngã, không chiều theo theo ý của ai.

Pháp-Hành Thiền-Tuệ 139 - Ngũ-uẩn: Sắc-uẩn, thọ-uẩn, tưởng-uẩn, hành-uẩn, thức-uẩn với 10 tính chất như sau: Ngũ-uẩn có 10 tính chất: 1- Rittato passati: Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 11 thấy rõ, biết rõ ngũ-uẩn là vô dụng, bởi vì vôthường, khổ, vô-ngã. 2- Tuccho: Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 11 thấy rõ, biết rõ ngũ-uẩn là rỗng tuếch, bởi vì không có cốt lõi. 3- Suññato: Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 11 thấy rõ, biết rõ ngũ-uẩn là rỗng không, không phải ta,

không phải của ta. 4- Anattāto: Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 11 thấy rõ, biết rõ ngũ-uẩn là vô-ngã, bởi vì vô chủ, không chiều theo ý muốn của ai. 5- Anissariyato: Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 11 thấy rõ, biết rõ ngũ-uẩn không có chủ quyền, bởi vì không ai có quyền sai khiến theo ý của mình. 6- Akāmakāriyato: Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 11 thấy rõ, biết rõ ngũ-uẩn không làm theo ý muốn của ai. 7- Alabbhanīyato: Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 11 thấy rõ, biết rõ không thể muốn ngũ-uẩn như thế này, đừng như thế kia được. 8- Avasavattākato: Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 11 thấy rõ, biết rõ ngũ-uẩn không chiều theo ý muốn của ai.

9- Parato: Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 11 thấy rõ, biết rõ ngũ-uẩn là khác lạ. 10- Vivittato pasati: Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 11 thấy rõ, biết rõ ngũ-uẩn là vô chủ, bởi vì không phải người, không phải chúng-sinh nào cả. Hành-giả thực hành pháp-hành thiền-tuệ có trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 11 thấy rõ, biết rõ ngũ-uẩn hoàn toàn là không (suñña) với 10 tính chất như thế ấy. * Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 11 thấy rõ, biết rõ ngũ-uẩn: sắc-uẩn, thọ-uẩn, tưởng-uẩn, hành-uẩn, thức-uẩn hoàn toàn là không, có 12 tính chất. Ngũ-uẩn có 12 tính chất: 1- Na satto: Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 11 thấy rõ, biết rõ ngũ-uẩn không phải là chúng-sinh. 2- Na jīvo: Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 11 thấy rõ, biết rõ ngũ-uẩn không phải là sinh-mạng vĩnh cửu. 3- Na naro: Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 11 thấy rõ, biết rõ ngũ-uẩn không phải là người. 4- Na māṇavo: Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 11 thấy rõ, biết rõ ngũ-uẩn không phải là cậu trai trẻ. 5- Na itthī: Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 11 thấy rõ, biết rõ ngũ-uẩn không phải là người nữ. 6- Na puriso: Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 11 thấy rõ, biết rõ ngũ-uẩn không phải là người nam.

 7- Na attā: Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 11 thấy rõ, biết rõ ngũ-uẩn không phải ta (ngã). 8- Na attāniyaṃ: Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 11 thấy rõ, biết rõ ngũ-uẩn không phải thuộc về của ta. 9- Nāhaṃ: Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 11 thấy rõ, biết rõ ngũ-uẩn không phải là ta. 10- Na mama: Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 11 thấy rõ, biết rõ ngũ-uẩn không phải của ta. 11- Na aññassa: Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 11 thấy rõ, biết rõ ngũ-uẩn không phải của người khác. 12- Na kassaci: Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 11 thấy rõ, biết rõ ngũ-uẩn không phải của một ai cả. Hành-giả thực hành pháp-hành thiền-tuệ có trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 11 thấy rõ, biết rõ ngũ-uẩn hoàn toàn là không (suñña) với 12 tính chất như thế ấy. * Hành-giả thực hành pháp-hành thiền-tuệ có trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 11 thấy rõ, biết rõ ngũ-uẩn hoàn toàn là không (suñña) với trạng-thái vôthường có 12 trạng-thái chi-tiết, trạng-thái khổ có 27 trạng-thái chi-tiết, trạng-thái vô-ngã có 7 trạng-thái chi-tiết. Khi hành-giả có trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 11 thấy rõ, biết rõ ngũ-uẩn, sắc-pháp, danh-pháp tamgiới hoàn toàn là không (suñña) như vậy, gọi là trí-tuệ-thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp tam-giới hoàn toàn là không

(suñña), không phải ta, không phải của ta với nhiều phương pháp như vậy, nên đại-thiện-tâm hợp với trí-tuệ của hành-giả đặt trung-dung giữa tất cả mọi pháp-hữu-vi, mọi sắc-pháp, mọi danhpháp tam-giới, đó là trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 11. Tính chất của

trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 11 Hành-giả thực hành pháp-hành thiền-tuệ đạt đến trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 11 saṅkhārupekkhāñāṇa thấy rõ, biết rõ tất cả các pháp-hữu-vi, mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp trong tam-giới hoàn toàn là không (suñña) (không phải ta, không phải của ta); thấy rõ, biết rõ các trạng-thái chitiết của trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của mọi sắc-pháp, mọi danhpháp tam-giới. Cho nên, hành-giả có được tính chất đặc biệt của trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 11 như sau: - Bhayañca nandiñca vippahāya: Hành-giả diệt được tâm kinh-sợ (bhaya) và tâm hoan-hỷ (nandi) trong mọi pháp-hữu-vi, mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp tam-giới, bởi vì đặt tâm trungdung (majjhattā) giữa mọi sắc-pháp, mọi danhpháp tam-giới. - Hành-giả không chấp-thủ trong mọi sắcpháp, mọi danh-pháp tam-giới cho là ta (ahaṃ), của ta (mama). Bởi vì thấy rõ, biết rõ mọi sắcpháp, mọi danh-pháp tam-giới thật đáng kinhsợ, đầy tội-chướng, thật đáng nhàm-chán tột độ.

Pháp-Hành Thiền-Tuệ 143 Hành-giả thực hành pháp-hành thiền-tuệ đạt đến trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 11 saṅkhārupekkhāñāṇa thấy rõ, biết rõ ràng mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp tam-giới hoàn toàn là không (suñña) là pháp-vôngã, có trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạngthái vô-ngã; nên không còn chấp-thủ trong mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp tam-giới cho là ta (ahaṃ), của ta (mama), đặt tâm trung-dung giữa tất cả mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp tam-giới ấy. Hành-giả đạt đến trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 11 này thấy rõ, biết rõ tất cả mọi sắc-pháp, mọi danhpháp tam-giới thật đáng kinh sợ, đầy tộichướng, thật đáng nhàm-chán tột độ, chỉ mong chứng ngộ Niết-bàn để giải thoát khỏi mọi sắcpháp, mọi danh-pháp tam-giới mà thôi. Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 11 có nhiều năng lực hướng tâm đến chứng ngộ Niết-bàn giải thoát khổ. Nếu trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 11 chưa chứng ngộ đối-tượng Niết-bàn siêu-tam-giới thì hành-giả trở lại đối-tượng sắc-pháp hoặc danh-pháp tamgiới, và tiếp tục thực hành như vậy, cho đến khi trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 11 có khả năng dẫn đến chứng ngộ đối-tượng Niết-bàn siêu-tam-giới. Ví dụ: Chiếc thương thuyền đi trên đại dương. Thời xưa, con người chưa có chiếc la-bàn chỉ phương hướng. Chiếc thương thuyền trước khi khởi hành đi ra biển đại dương, người thuyền

trưởng bắt một con quạ đem theo để chỉ hướng. Nếu khi chiếc thuyền bị gió mạnh đi lạc hướng, nhìn không thấy bến thì khi ấy người thuyền trưởng thả con quạ bay đi tìm bến. Con quạ rời từ đỉnh cột buồm bay thẳng lên hư không, bay quanh các hướng, nếu nó thấy bến thì nó bay thẳng về hướng ấy, nhưng nếu nó chưa thấy bến thì nó bay trở lại đậu trên đỉnh cột buồm như trước. Con quạ ấy tiếp tục bay như vậy, cho đến khi tìm thấy bến bay thẳng về hướng ấy, chiếc thuyền cũng đi theo hướng ấy đến bến. Cũng như vậy, hành-giả có trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 11 saṅkhārupekkhāñāṇa, nếu khi thấy được đối-tượng santipada: Niết-bàn siêu-tam-giới thì buông bỏ đối-tượng sắc-pháp, hoặc danh-pháp tam-giới có trạng-thái vô-thường, hoặc trạngthái khổ, hoặc trạng-thái vô-ngã. Nếu khi hành-giả chưa thấy được đối-tượng santipada: Niết-bàn siêu-tam-giới thì hành-giả vẫn còn có đối-tượng sắc-pháp, hoặc danh-pháp tam-giới có trạng-thái vô-thường, hoặc trạngthái khổ, hoặc trạng-thái vô-ngã. Hành-giả tiếp tục thực hành

như vậy, bởi vì trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 11 saṅkhārupekkhāñāṇa này phát sinh càng lâu thì càng có nhiều năng lực đặt tâm trung-dung giữa mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp tam-giới.

Pháp-Hành Thiền-Tuệ 145 Ba trí-tuệ-thiền-tuệ cùng mục đích Ba trí-tuệ-thiền-tuệ có cùng mục đích giống nhau là: 1- Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 9 muñcitukamyatāñāṇa thấy rõ, biết rõ mọi sắc-pháp, mọi danhpháp tam-giới thật đáng nhàm-chán tột độ, nên chỉ mong giải thoát khỏi mọi pháp-hữu-vi, mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp tam-giới mà thôi. 2- Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 10 paṭisaṅkhānupassanāñāṇa thấy rõ, biết rõ trở lại đầy đủ trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của mọi pháp-hữu-vi, mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp tam-giới, để tìm ra phương pháp giải thoát khỏi mọi pháp-hữu-vi, mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp tam-giới. 3- Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 11 saṅkhārupekkhāñāṇa thấy rõ, biết rõ ràng thật-tánh của mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp tam-giới đều là pháp vô-ngã, có trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã; nên đặt tâm trung-dung giữa tất cả mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp tam-giới, vì vậy mới có khả năng đặc biệt quyết định phương pháp thực hành để giải thoát khỏi mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp tam-giới. Như vậy, 3 trí-tuệ-thiền-tuệ này đều giống nhau về phận sự, về mục đích giải thoát khỏi mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp tam-giới, nhưng

chỉ có khác nhau về thời gian qua ba giai đoạn: - Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 9 muñcitukamyatāñāṇa ở giai đoạn đầu. - Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 10 paṭisaṅkhānupassanāñāṇa ở giai đoạn giữa. - Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 11 saṅkhārupekkhāñāṇa ở giai đoạn cuối. Hành-giả thực hành pháp-hành thiền-tuệ đã đạt đến trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 11 saṅkhārupekkhāñāṇa, nên có những tính chất đặc biệt như sau: - Hành-giả không thoái chí nản lòng, chỉ có quyết tâm kiên trì thực hành pháp-hành thiềntuệ để mong chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả, Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong ba giới bốn loài mà thôi. Hành-giả có 5 pháp đặc biệt là: 1- Bojjhaṅgavisesa: Pháp đặc biệt thất-giác- chi: niệm giác-chi, phân-tích giác-chi, tinh-tấn giác-chi, hỷ giác-chi, tịnh giác-chi, định giácchi, xả giác-chi. Đó là 7 pháp-giác-chi hỗ trợ chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả, Niết-bàn. 2- Maggaṅgavisesa: Pháp đặc biệt bát- chánh-đạo: chánh-kiến, chánh-tư-duy, chánh-ngữ, chánh-nghiệp, chánh-mạng, chánh-tinh-tấn,

Pháp-Hành Thiền-Tuệ 147 chánh-niệm, chánh-định. Đó là 8 pháp-chánhđạo hỗ trợ trực tiếp chứng ngộ chân-lý tứ Thánhđế, chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả, Niếtbàn, diệt tận được mọi tham-ái, mọi phiền-não. 3- Jhānaṅgavisesa: Pháp đặc biệt chi-thiền Jhāna nghĩa là định-tâm trong đối-tượng, có 2 loại định: - Lakkhaṇūpanijjhāna: Định-tâm trong mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp tam-giới; để trí-tuệthiền-tuệ phát sinh thấy rõ, biết rõ sự sinh, sự diệt của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp tam-giới, thấy rõ, biết rõ 3 trạng-thái-chung: trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của sắc-pháp, danh-pháp tam-giới hiện-tại. - Ārammaṇūpaṇūpanijjhāna: Định-tâm trong đề-mục thiền-định. 4- Paṭipadāvisesa: Pháp-hành đặc biệt có 4 pháp-hành: - Dukkhāpaṭipadā dandhābhiññā: Thực hành pháp-hành thiền-tuệ khó nhọc, chậm chứng đắc Thánh-đạo,

Thánh-quả. - Dukkhāpaṭipadā khippābhiññā: Thực hành pháp-hành thiền-tuệ khó nhọc, mau chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả. - Sukhāpaṭipadā dandhābhiññā: Thực hành pháp-hành thiền-tuệ dễ dàng, chậm chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả.

- Sukhāpaṭipadā khippābhiññā: Thực hành pháp-hành thiền-tuệ dễ dàng, mau chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả. Nguyên nhân của mỗi pháp-hành * Do nguyên nhân nào mà hành-giả thực hành pháp-hành thiền-tuệ khó nhọc, chậm chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả? Do 10 vipassanupakkilesa: Pháp bẩn của trítuệ-thiền-tuệ phát sinh xen vào làm trở ngại cho hành-giả đang thực hành pháp-hành thiền-tuệ khó phát triển. Khi hành-giả thực hành khó nhọc mới thoát ra khỏi 10 pháp bẩn của trí-tuệ-thiền-tuệ, đến khi trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 11 saṅkhārupekkhāñāṇa phát sinh gần chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả vẫn còn chút trở ngại mới chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả. Vì vậy, gọi là "dukkhāpaṭipadā dandhā- bhiññā: thực hành pháp-hành thiền-tuệ khó nhọc, chậm chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả". * Do nguyên nhân nào mà hành-giả thực hành pháp-hành thiền-tuệ dễ dàng, mau chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả? Do hành-giả thực hành pháp-hành thiền-tuệ dễ dàng thoát ra khỏi 10 vipassanupakkilesa: pháp bẩn của trí-tuệ-thiền-tuệ, và đến khi trí-

 tuệ-thiền-tuệ thứ 11 saṅkhārupekkhāñāṇa phát sinh gần chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả cũng dễ dàng chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả. Vì vậy, gọi là "sukhāpaṭipadā khippābhiññā: thực hành pháp-hành dễ dàng, mau chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả". - Đối với chư Phật chỉ có điều thứ 4 là "sukhāpaṭipadā khippābhiññā" thực hành pháphành thiền-tuệ dễ dàng, mau chứng đắc 4 Thánhđạo, 4 Thánh-quả mà thôi. - Đối với Ngài Đại-trưởng-lão Sāriputta chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả thuộc về pháphành thứ 4 "sukhāpaṭipadā khippābhiññā". - Đối với Ngài Đại-trưởng-lão Mahāmoggallāna khi chứng đắc Sotāpattimagga, Sotāpattiphala thuộc về pháp-hành thứ 4 "sukhāpaṭipadā khippābhiññā", nhưng đến khi chứng đắc 3 Thánh-đạo và 3 Thánh-quả bậc cao thuộc về pháp-hành thứ nhất "dukkhāpaṭipadā dandhābhiññā". - Đối với các hành-giả khác thành tựu 1 trong 4 pháp-hành tùy theo khả năng của mỗi hành-giả. 5- Vimokkhavisesa: Pháp đặc biệt vimokkha có 3 pháp: - Animittavimokkha: Vô-hiện-tượng giải-thoát là giải thoát khỏi mọi pháp-hữu-vi tam-giới

(animitta), chứng ngộ Niết-bàn animitta- nibbāna: vô-hiện-tượng Niết-bàn. - Appaṇihitavimokkha: Vô-tham-ái giải thoát là giải thoát khỏi tham-ái trong mọi pháp-hữu-vi tam-giới (appaṇihita), chứng ngộ Niết-bàn appa- ṇihitanibbāna: vô-tham-ái Niết-bàn. - Suññatavimokkha: Chơn-không-vô-ngã giảithoát là giải thoát khỏi chấp ngã trong mọi pháphữu-vi tam-giới (suññata), chứng ngộ Niết-bàn suññatanibbāna: chơn-không-vô-ngã Niết-bàn. Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 11 dõi theo 3 loại anupassanā cơ bản là: - Aniccānupassanā: Dõi theo trạng-thái vôthường. - Dukkhānupassanā: Dõi theo trạng-thái khổ. - Anattānupassanā: Dõi theo trạng-thái

vô-ngã. Khi trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 11 saṅkhārupekkhāñāṇa dõi theo 3 loại anupassanā này liên quan đến 3 loại indriya, có khả năng đạt đến 3 pháp giải-thoát vimokkha, chứng ngộ 3 loại Nibbāna, chứng đắc thành bậc Thánh-nhân ariyapuggala phân định 7 nhóm Thánh-nhân trong Phật-giáo. * Hành-giả đạt đến trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 11 saṅkhārupekkhāñāṇa này có một tiềm lực lớn có khả năng đặc biệt quyết định chọn phương pháp thực hành để giải thoát khổ khỏi tam-giới:

Pháp-Hành Thiền-Tuệ 151 - Bằng 1 trong 3 pháp-chủ indriya: saddhindriya, samādhindriya, paññindriya. - Bằng 1 trong 3 anupassanā: aniccānupassanā, dukkhānupassanā, anattānupassanā. - Bằng 1 trong 3 sāmaññalakkhaṇa: aniccalakkhaṇa, dukkhalakkhaṇa, anattālakkhaṇa. - Bằng 1 trong 3 pháp-giải-thoát vimokkha: animittavimokkha, appaṇihitavimokkha, suññatavimokkha. - Bằng 1 trong 3 loại nibbāna: animittanibbāna, appaṇihitanibbāna, suññatanibbāna. * Phân-định 7 nhóm Thánh-nhân: 1- Nhóm Thánh-nhân Saddhānusārī. 2- Nhóm Thánh-nhân Saddhāvimutta. 3- Nhóm Thánh-nhân Kāyasakkhi. 4- Nhóm Thánh-nhân Ubhatobhāgavimutta. 5- Nhóm Thánh-nhân Dhammānusārī. 6- Nhóm Thánh-nhân Diṭṭhipattā. 7- Nhóm Thánh-nhân Paññāvimutta. 1- Nếu hành-giả nào là hạng người có đức-tin trong sạch đặc biệt thì saddhindriya: tín pháp chủ có nhiều năng lực hơn 4 pháp-chủ còn lại (tấn pháp-chủ, niệm pháp-chủ, định pháp-chủ, tuệ pháp-chủ); dõi theo aniccānupassanā, thấy rõ, biết rõ aniccalakkhaṇa: trạng-thái vô-thường; dẫn đến pháp-giải-thoát animittavimokkha: vô-hiện-tượng

giải-thoát là giải thoát khổ khỏi mọi pháp hữu-vi tam-giới (animitta); chứng ngộ Niết-bàn animitta- nibbāna: vô-hiện-tượng Niết-bàn, hành-giả ấy chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả như sau: - Chứng đắc Nhập-lưu Thánh-đạo thuộc về nhóm Saddhānusārī: Bậc Thánh Nhập-lưu chứng đắc với đức-tin trong sạch. - Chứng đắc Nhập-lưu Thánh-quả, Nhất-lai Thánh-đạo, Nhất-lai Thánh-quả, Bất-lai Thánhđạo, Bất-lai Thánh-quả, A-ra-hán Thánh-đạo, A-ra-hán Thánh-quả gồm có 7 bậc Thánh-nhân thuộc về nhóm Saddhāvimutta: Bậc Thánhnhân giải thoát với đức-tin trong sạch. 2- Nếu hành-giả nào là hạng người có địnhtâm vững chắc đặc biệt thì samādhindriya: định pháp-chủ có nhiều năng lực hơn 4 phápchủ còn lại (tín pháp-chủ, tấn pháp-chủ, niệm pháp-chủ, tuệ pháp-chủ); dõi theo dukkhānupassanā, thấy rõ, biết rõ dukkhalakkhaṇa: trạng-thái khổ; dẫn đến pháp-giải-thoát appa- ṇihitavimokkha: vô-tham-ái giải thoát là giải thoát khổ khỏi tham-ái trong mọi pháp-hữu-vi tam-giới (appaṇihita); chứng ngộ Niết-bàn appaṇihitanibbāna: vô-tham-ái Niết-bàn, hànhgiả ấy chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả như sau: - Chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả gồm có 8 bậc Thánh-nhân đều thuộc về nhóm

Pháp-Hành Thiền-Tuệ 153 Kāyasakkhi: Bậc Thánh-nhân trước có các bậc thiền sắc-giới thiện-tâm làm nền tảng, sau thực hành pháp-hành thiền-tuệ, dẫn đến chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả. - Nếu hành-giả, trước đã chứng đắc 5 bậc thiền sắc-giới thiện-tâm và 4 bậc thiền vô-sắc-giới thiện-tâm, sau đó thực hành pháp-hành thiền-tuệ dẫn đến chứng đắc A-ra-hán Thánh-đạo, A-rahán Thánh-quả thì thuộc về nhóm

Ubhato- bhāgavimutta: Bậc Thánh A-ra-hán giải thoát cả 2 pháp: đệ-tứ-thiền vô-sắc-giới thiện-tâm và A-ra-hán-Thánh-đạo, A-ra-hán-Thánh-quả. 3- Nếu hành-giả nào là hạng người có trí-tuệ siêu-việt đặc biệt thì paññindriya: tuệ pháp-chủ có nhiều năng lực hơn 4 pháp-chủ còn lại (tín pháp-chủ, tấn pháp-chủ, niệm pháp-chủ, định pháp-chủ); dõi theo anattānupassanā, thấy rõ, biết rõ anattālakkhaṇa: trạng-thái vô-ngã; dẫn đến pháp-giải-thoát suññatavimokkha: chonkhông giải-thoát là giải thoát khổ khỏi mọi pháp-hữu-vi tam-giới; chứng ngộ Niết-bàn suññatanibbāna: chơn-không Niết-bàn, hành-giả ấy chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả như sau: - Chứng đắc Nhập-lưu Thánh-đạo thuộc về nhóm Dhammānusārī: Bậc Thánh Nhập-lưu chứng đắc với trí-tuệ-siêu-việt. - Chứng đắc Nhập-lưu Thánh-quả, Nhất-lai

Thánh-đạo, Nhất-lai Thánh-quả, Bất-lai Thánhđạo, Bất-lai Thánh-quả, A-ra-hán Thánh-đạo gồm có 6 bậc Thánh-nhân này thuộc về nhóm Diṭṭhipattā: Bậc Thánh-nhân giải thoát bằng trítuệ-siêu-việt. - Chứng đắc A-ra-hán Thánh-quả thuộc về nhóm Paññāvimutta: Bậc Thánh A-ra-hán giải thoát với trí-tuệ-siêu-việt (không có bậc thiền nào làm nền tảng). Bảy nhóm Thánh-nhân theo 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả Phân loại 7 nhóm Thánh-nhân tương xứng với 8 bậc Thánh-nhân như sau: 1- Nhóm Thánh-nhân Saddhānusārī có 1 bậc Thánh Nhập-lưu chứng đắc với đức-tin trong sạch. 2- Nhóm Thánh-nhân Dhammānusārī có 1 bậc Thánh Nhập-lưu chứng đắc với trí-tuệ siêu-việt. 3- Nhóm Thánh-nhân Diṭṭhipattā gồm có 6 bậc Thánh-nhân giải thoát với trí-tuệ-siêu-việt, đó là Nhập-lưu Thánh-quả, Nhất-lai Thánh-đạo, Nhất-lai Thánh-quả, Bất-lai Thánh-đạo, Bất-lai Thánh-quả, A-ra-hán Thánh-đạo. 4- Nhóm Thánh-nhân Saddhāvimutta gồm có 7 bậc Thánh-nhân giải thoát với đức-tin trong sạch, đó là Nhập-lưu Thánh-quả, Nhất-lai- Thánh-đạo, Nhất-lai Thánh-quả, Bất-lai Thánh-

 đạo, Bất-lai Thánh- quả, A-ra-hán Thánh-đạo, A-ra-hán Thánh-quả. 5- Nhóm Thánh-nhân Kāyasakkhi gồm có 8 bậc Thánh-nhân: trước có các bậc thiền sắcgiới thiện-tâm làm nền tảng, sau thực hành pháp-hành thiền-tuệ, dẫn đến chứng đắc đầy đủ 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả. 6- Nhóm Thánh-nhân Ubhatobhāgavimutta có 1 bậc Thánh A-ra-hán giải thoát bằng cả 2 pháp: đệ-tứ-thiền vô-sắc-giới thiện-tâm và A-rahán Thánh-đạo, A-ra-hán Thánh-quả. 7- Hạng Thánh-nhân Paññāvimutta có 1 bậc Thánh A-ra-hán giải thoát bằng trí-tuệ-siêu-việt (không có bậc thiền nào làm nền tảng). Đối-tượng trước Thánh-đạo-lộ-trình-tâm Trong bộ Visuddhimagga, phần saṅkhārupekkhāñāṇa trình bày nhiều trường hợp hành-giả thực hành pháp-hành thiền-tuệ ban đầu có đốitượng tứ-niệm-xứ thân, thọ, tâm, pháp hoặc đốitượng thiền-tuệ khi thì sắc-pháp, khi thì danhpháp tam-giới khác nhau, trí-tuệ-thiền-tuệ phát sinh thấy rõ, biết rõ sự sinh, sự diệt của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp tam-giới; hiện rõ 3 trạng-thái-chung: trạng-thái vô-thường, trạngthái khổ, trạng-thái vô-ngã của mỗi sắc-pháp, của mỗi danh-pháp tam-giới. Những trí-tuệ-

thiền-tuệ phát sinh theo tuần tự cho đến trí-tuệthiền-tuệ thứ 11 saṅkhārupekkhāñāṇa có những đối-tượng thiền-tuệ tam-giới không chắc chắn, có thể thay đổi đối-tượng thiền-tuệ theo mỗi lộtrình-tâm trước khi Thánh-đạo lộ-trình-tâm (Maggavīthicitta) có trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 12 saccānulomañāṇa phát sinh. Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 12 saccānulomañāṇa trong Thánh-đạo lộ-trình-tâm (Maggavīthicitta), có đối-tượng thiền-tuệ sắc-pháp hoặc danhpháp tam-giới chắc chắn, không thay đổi, đó là đối-tượng sắc-pháp hoặc danh-pháp tam-giới; có 1 trong 3 trạng-thái-chung là trạng-thái vôthường, hoặc trạng-thái khổ, hoặc trạng-thái vôngã; có 1 trong 3 pháp-chủ là tín pháp-chủ, hoặc định pháp-chủ, hoặc tuệ pháp-chủ tùy theo năng lực pháp-chủ đặc biệt của hành-giả. Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 11 saṅkhārupekkhārupekkhāñāṇa này làm nền tảng, làm nhân-duyên để trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 12 phát sinh tiếp theo.

12- Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 12 Saccānulomañāṇa

Nhóm 5 vị tỳ-khưu vốn dĩ đều là bậc Thánh Nhập-lưu tiếp tục thực hành pháp-hành thiền-tuệ đạt đến trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 11 saṅkhārupekkhāñāṇa có nhiều năng lực làm nhân-duyên phát sinh trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 12 saccānulomañāṇa

Pháp-Hành Thiền-Tuệ 157 trong Nhất-lai Thánh-đạo lộ-trình-tâm (Sakadāgāmimaggavīthicitta). Đồ biểu Nhất-lai Thánh-đạo lộ-trình-tâm (Sakadāgāmimaggavīthicitta) đối-tượng sắc, danh đối-tượng Niết-bàn

bha bha na da ma pari upa anu got mag pha pha bha bha

Anulomañāṇa
Gotrabhuñāṇa
Sakadāgāmimaggañāṇa
Sakadāgāmiphalañāṇa
Giải thích Nhất-lai Thánh-đạo lộ-trình-tâm 1- Bhavaṅgacitta: Hộ-kiếp-tâm trước, viết tắt (bha) 2- Bhavaṅgacalana: Hộ-kiếp-tâm rung động, vt (na) 3- Bhavaṅgupaccheda: Hộ-kiếp-tâm bị cắt đứt, vt (da) 4- Manodvāravajjanacitta: Ý-môn hướng-tâm, vt (ma) 5- Parikamma: Tâm chuẩn bị Thánh-đạo-tâm, vt (pari) 6- Upacāra: Tâm cận Thánh-đạo-tâm, vt (upa) 7- Anuloma: Tâm thuận dòng trước-sau, vt (anu) 8- Gotrabhu: Tâm chuyển dòng phàm-nhân, vt (got) 9- Sakadāgāmimaggacitta: Nhất-lai Thánh-đạotâm, vt (mag) 10- Sakadāgāmiphalacitta: Nhất-lai Thánh-quảtâm, vt (pha) 11- Bhavaṅgacitta: Hộ-kiếp-tâm sau, viết tắt (bha). Chấm dứt Nhất-lai Thánh-đạo lộ-trình-tâm. Xem xét Nhất-lai Thánh-đạo lộ-trình-tâm kể

từ Manodvāravajjanacitta: ý-môn hướng-tâm phát sinh 1 sát-na tiếp nhận đối-tượng sắc-pháp hoặc đối-tượng danh-pháp tam-giới có 1 trong 3 trạngthái-chung là trạng-thái vô-thường, hoặc trạngthái khổ, hoặc trạng-thái vô-ngã làm đối-tượng sinh rồi diệt, làm duyên cho javanacitta: tác-hànhtâm phát sinh liên tục gồm có 7 sát-na-tâm là: 1- Sát-na-tâm thứ nhất gọi là parikamma: chuẩn-bị-tâm cho Nhất-lai Thánh-đạo-tâm phát sinh 1 sát-na-tâm, có 1 trong 3 trạng-thái-chung làm đối-tượng giống như ý-môn

hướng-tâm, sinh rồi diệt, làm duyên cho sát-na-tâm sau. 2- Sát-na-tâm thứ nhì gọi là upacāra: cậntâm gần Nhất-lai Thánh-đạo-tâm phát sinh 1 sát-na-tâm, có 1 trong 3 trạng-thái-chung làm đối-tượng giống như ý-môn hướng-tâm, sinh rồi diệt, làm duyên cho sát-na-tâm sau. 3- Sát-na-tâm thứ ba gọi là anuloma: tâmthuận-dòng trước và sau phát sinh 1 sát-na-tâm có 1 trong 3 trạng-thái-chung làm đối-tượng giống như ý-môn hướng-tâm, sinh rồi diệt làm duyên cho sát-na-tâm sau. (3 sát-na-tâm trên gọi là trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 12 saccānulomañāṇa.) 4- Sát-na-tâm thứ 4 gọi là gotrabhu (1): trítuệ-thiền-tuệ thứ 13 gọi là gotrabhuñāṇa làm 1 Bộ sách khác, gọi là "Vodāna" cho 3 Thánh-nhân bậc cao.

Pháp-Hành Thiền-Tuệ 159 phận sự chuyển dòng từ bậc Thánh Nhập-lưu lên dòng bậc Thánh Nhất-lai phát sinh 1 sát-na-tâm. Tuy tâm này còn là dục-giới thiện-tâm hợp với trí-tuệ, nhưng có khả năng đặc biệt tiếp nhận đốitượng danh-pháp Niết-bàn siêu-tam-giới mở đầu sinh rồi diệt, làm duyên cho sát-na-tâm sau. 5- Sát-na-tâm thứ 5 gọi là Magga: Thánhđạo-tâm có trí-tuệ-thiền-tuệ siêu-tam-giới thứ 14 Maggañāṇa: Thánh-đạo-tuệ đó là Nhất-lai Thánh-đạo-tuệ trong Nhất-lai Thánh-đạo-tâm phát sinh chỉ 1 sát-na-tâm có đối-tượng danhpháp Niết-bàn siêu-tam-giới, có khả năng đặc biệt diệt tận được (samucchedappahāna) tham-ái loại thô cõi dục-giới trong 4 tham-tâm không hợp với tà-kiến; diệt tận được 2 loại phiền-não là lobha: tham loại thô trong cõi dục-giới và dosa: sân loại thô không còn dư sót, sinh rồi diệt, làm duyên cho sát-na-tâm sau. 6-7- Sát-na-tâm thứ 6, thứ 7 gọi là Phala: Thánh-quả-tâm có trí-tuệ-thiền-tuệ siêu-tam-giới thứ 15 Phalañāṇa: Thánh-quả-tuệ đó là Nhất-lai Thánh-quả-tuệ trong Nhất-lai Thánh-quả-tâm phát sinh 2 sát-na-tâm có đối-tượng danh-pháp Niếtbàn siêu-tam-giới có phận-sự làm an-tịnh phiềnnão mà Nhất-lai Thánh-đạo-tuệ đã diệt tận được, sinh rồi diệt, làm duyên cho sát-na-tâm sau là: * Hộ-kiếp-tâm sau bhavaṅgacitta chấm dứt Nhất-lai Thánh-đạo lộ-trình-tâm.

160 TÌM HIỂU KINH TRẠNG-THÁI VÔ-NGÃ

Như vậy, trong Nhất-lai Thánh-đạo lộ-trìnhtâm (Sakadāgāmimaggavīthicitta) có 7 sát-natâm (javanacitta) đặc biệt có 2 loại tâm, 2 loại đối-tượng, 4 loại trí-tuệ-thiền-tuệ như sau: * 2 loại tâm - Dục-giới thiện-tâm hợp với trí-tuệ có 4 sátna-tâm là sát-na-tâm thứ nhất gọi là parikamma, sát-na-tâm thứ nhì gọi là upacāra, sátna-tâm thứ 3 gọi là anuloma, sát-na-tâm thứ 4 gọi là gotrabhu. - Siêu-tam-giới-tâm có 3 sát-na-tâm là sátna-tâm thứ 5 gọi là Sakadāgāmimaggacitta thuộc về siêu-tam-giới thiện-tâm; và sát-na-tâm thứ 6, và thứ 7 gọi là Sakadāgāmiphalacitta thuộc về siêu-tam-giới quả-tâm. * 2 loại đối-tượng - Đối-tượng sắc-pháp hoặc danh-pháp tamgiới (lokiya-ārammaṇa) có 3 sát-na-tâm là sát-natâm thứ nhất gọi là parikamma, sát-na-tâm thứ nhì gọi là upacāra, sát-na-tâm thứ 3 gọi là anuloma. - Đối-tượng danh-pháp Niết-bàn siêu-tamgiới (lokuttara-ārammaṇa) có 4 sát-na-tâm là sát-na-tâm thứ 4 gọi là gotrabhu, sát-na-tâm thứ 5 gọi là Sakadāgāmimaggacitta, sát-na-tâm thứ 6 và thứ 7 gọi là Sakadāgāmiphalacitta. Tuy nhiên, sát-na-tâm thứ 4 gọi là gotrabhu

Pháp-Hành Thiền-Tuệ 161 là 1 sát-na-tâm đặc biệt, tuy tâm còn là dục-giới thiện-tâm hợp với trí-tuệ, nhưng có khả năng đặc biệt tiếp nhận đối-tượng danh-pháp Niết-bàn

siêu-tam-giới. * Bốn loại trí-tuệ-thiền-tuệ - Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 12 saccānulomañāṇa. - Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 13 gotrabhuñāṇa. - Trí-tuệ-thiền-tuệ siêu-tam-giới thứ 14 Maggañāṇa. - Trí-tuệ-thiền-tuệ siêu-tam-giới thứ 15 Phalañāṇa. Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 12 saccānulomañāṇa có 3 sát-na-tâm đầu: - Sát-na-tâm thứ nhất gọi là parikamma: tâm chuẩn bị cho Nhất-lai Thánh-đạo-tâm phát sinh 1 sát-na-tâm sinh rồi diệt, làm duyên cho sát-na-tâm sau là: - Sát-na-tâm thứ nhì gọi là upacāra: cậntâm gần với Nhất-lai Thánh-đạo-tâm phát sinh 1 sát-na-tâm, sinh rồi diệt, làm duyên cho sát-natâm sau là: - Sát-na-tâm thứ ba gọi là anuloma: tâmthuận-dòng 8 loại trí-tuệ-thiền-tuệ trước và thuậndòng 37 pháp bodhipakkhiyadhamma sau phát sinh 1 sát-na-tâm sinh rồi diệt, đồng thời diệt buông bỏ đối-tượng sắc-pháp hoặc danh-pháp tam-giới.

3 sát-na-tâm này gọi là trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 12 saccānulomañāṇa, trí-tuệ này có 2 phận sự: - Thuận dòng theo 8 trí-tuệ-thiền-tuệ phần trước kể từ trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 4 udayabbayānupassanāñāṇa cho đến trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 11 saṅkhārupekkhāñāṇa đã được thuần thục có nhiều năng lực, để có khả năng dẫn đến chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc Nhất-lai Thánh-đạo-tâm. - Thuận dòng theo 37 pháp bodhipakkhiyadhamma phần sau chắc chắn dẫn đến chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc Nhất-lai Thánh đạo-tâm, Nhất-lai Thánh-quả-tâm. Giảng giải saccānulomañāṇa: sacca+anuloma 1- Sacca: chân-lý tứ Thánh-đế là 4 sự thật chân-lý mà bậc Thánh-nhân đã chứng ngộ đó là: - Khổ-Thánh-đế (dukkha-ariyasacca) đó là 81 tam-giới-tâm (trừ 8 siêu-tam-giới-tâm), 51 tâmsở (trừ tham tâm-sở) và 28 sắc-pháp, gọi là khổ- Thánh-đế, hoặc tóm lại là ngũ-uẩn chấp-thủ. - Nhân sinh khổ-Thánh-đế (dukkhasamudayaariyasacca) đó là tham tâm-sở (lobhacetasika). - Diệt khổ-Thánh-đế (dukkhanirodha-ariyasacca) đó là Niết-bàn (Nibbāna). - Pháp-hành dẫn đến diệt khổ-Thánh-đế (dukkhanirodhagāminī paṭipadā ariyasacca) đó

Pháp-Hành Thiền-Tuệ 163 là pháp-hành bát-chánh-đạo: chánh-kiến, chánhtư-duy, chánh-ngữ, chánh-nghiệp, chánh-mạng, chánh-tinh-tấn, chánh-niệm, chánh-định. 2- Anuloma: Thuận dòng theo 8 loại trí-tuệthiền-tuệ phần trước, và thuận dòng theo 37 pháp bodhipakkhiyadhamma phần sau. 2.1- Thuận dòng theo 8 loại trí-tuệ-thiền-tuệ phần trước đó là: 1- Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 4 udayabbayānupassanāñāṇa. 2- Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 5 bhaṅgānupassanāñāṇa. 3- Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 6 bhayatupaṭṭhānañāṇa. 4- Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 7 ādīnavānupassanāñāṇa. 5- Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 8 nibbidānupassanāñāṇa. 6- Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 9 muñcitukamyatāñāṇa. 7- Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 10 paṭisaṅkhānupassanāñāṇa. 8- Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 11 saṅkhārupekkhāñāṇa. 2.2- Thuận dòng theo 37 pháp bodhipakkhiyadhamma chứng đắc Thánh-đạo phần sau là: * Satipaṭṭhāna: 4 pháp-niệm-xứ

- Thân niệm-xứ. - Thọ niệm-xứ.
- Tâm niệm-xứ. - Pháp niệm-xứ.

* Samappadhāna: 4 pháp-tinh-tấn
- Tinh-tấn ngăn ác-pháp chưa sinh, không sinh.
- Tinh-tấn diệt ác-pháp đã sinh.
- Tinh tấn làm cho thiện-pháp sinh.
- Tinh-tấn làm tăng trưởng thiện-pháp đã sinh.
* Iddhipāda: 4 pháp-thành-tựu
- Thành-tựu do hài lòng.
- Thành-tựu do tinh-tấn.
- Thành-tựu do quyết tâm.
- Thành-tựu do trí-tuệ.
* Indriya: 5 pháp-chủ
- Tín pháp-chủ. - Tấn pháp-chủ.
- Niệm pháp-chủ. - Định pháp-chủ.
- Tuệ pháp-chủ.
* Bala: 5 pháp-lực
- Tín pháp-lực. - Tấn pháp-lực.
- Niệm pháp-lực. - Định pháp-lực.
- Tuệ pháp-lực.
* Bojjhaṅga: 7 pháp-giác-chi
- Niệm giác-chi. - Phân-tích giác-chi.
- Tinh-tấn-giác-chi. - Hỷ giác-chi.
- Tịnh giác-chi. - Định giác-chi.
- Xả giác-chi.
Pháp-Hành Thiền-Tuệ 165 * Magga: 8 pháp-chánh-đạo - Chánh-kiến. - Chánh-tư-duy. - Chánh-ngữ. - Chánh-nghiệp. - Chánh-mạng. - Chánh-tinh-tấn. - Chánh-niệm. - Chánh-định. Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 12 saccānulomañāṇa là trí-tuệ-thiền-tuệ có đối-tượng sắc-pháp hoặc danh-pháp tam-giới cuối cùng trong Thánh-đạo lộ-trình-tâm (Maggavīthicitta), cũng là trí-tuệthiền-tuệ tam-giới cuối cùng trong pháp-thanhtịnh thứ 6 gọi là paṭipadāñāṇadassanavisuddhi pháp-hành tri-kiến-thanh-tịnh gồm có 9 loại trítuệ thiền-tuệ là: 1-Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 4 udayabbayānupassanāñāṇa đã thoát khỏi 10 bẩn của trí-tuệ-thiền-tuệ. 2- Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 5 bhaṅgānupassanāñāṇa. 3- Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 6 bhayatupaṭṭhānañāṇa. 4- Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 7 ādīnavānupassanāñāṇa. 5- Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 8 nibbidānupassanāñāṇa. 6- Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 9 muñcitukamyatāñāṇa. 7- Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 10 paṭisaṅkhānupassanāñāṇa. 8- Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 11 saṅkhārupekkhāñāṇa.

166 TÌM HIỂU KINH TRẠNG-THÁI VÔ-NGÃ

9- Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 12 saccānulomañāṇa. Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 12 saccānulomañāṇa còn có 2 phận sự cuối cùng của sắc-pháp hoặc danh-pháp trong tam-giới như sau: - Phận sự cuối cùng thấy rõ, biết rõ trạngthái vô-thường hoặc trạng-thái khổ, hoặc trạngthái vô-ngã của sắc-pháp hoặc danh-pháp tamgiới, rồi buông

bỏ sắc-pháp, danh-pháp tam-giới. - Phận sự cuối cùng diệt-từng-thời (tadaṅgappahāna) được các phiền-não làm ô nhiễm che phủ sự thật chân-lý tứ Thánh-đế nhờ 37 pháp bodhipakkhiyadhamma, để cho Thánh-đạo-tâm (Maggacitta) sẽ phát sinh. Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 12 saccānulomañāṇa sinh rồi diệt, làm nền tảng, làm duyên (paccaya), có 6 duyên là anantarapaccaya: liên-tục-duyên, samanantarapaccaya: liên-tục-hệ-duyên, āsevana- paccaya: tác-hành-duyên, upanissayapaccaya: tiềm-năng-duyên, natthipaccaya: vô-hiện-duyên, vigatapaccaya: ly-duyên, để trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 13 gotrabhuñāṇa phát sinh liền tiếp theo sau.

13- Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 13 Gotrabhuñāṇa

Trong cùng Nhất-lai Thánh-đạo lộ-trình-tâm (Sakadāgāmimaggavīthicitta) có 7 sát-na-tâm javanacitta, theo tuần tự:

Pháp-Hành Thiền-Tuệ 167 - Sát-na-tâm thứ 4 gọi là gotrabhu: trí-tuệthiền-tuệ thứ 13 gotrabhuñāṇa trong dục-giới thiện-tâm hợp với trí-tuệ có khả năng đặc biệt tiếp nhận đối-tượng danh-pháp Niết-bàn siêutam-giới mở đầu, làm phận sự chuyển-dòng từ bậc Thánh Nhập-lưu lên dòng bậc Thánh Nhấtlai như thế nào? Ví dụ: Một người nhận thức thấy rõ, biết rõ bờ bên này đầy nguy hiểm, còn bờ bên kia là an toàn, an-lạc tuyệt đối, nên người ấy tìm phương pháp sang bờ bên kia cho được an toàn, an-lạc tuyệt đối. Người ấy cột sợi dây trên cành cây cao (hoặc cầm cây sào), rồi chạy nhanh lấy trớn, nắm đầu sợi dây nhảy tung người lên cao, lao người qua bờ bên kia, rồi buông sợi dây, đứng vững trên bờ bên kia an toàn, vẫn còn bỡ ngỡ như thế nào. Cũng như vậy, hành-giả thực hành pháp-hành thiền-tuệ đã nhận thức thấy rõ, biết rõ 3 giới: dục-giới, sắc-giới, vô-sắc-giới này như 3 hầm lửa than hồng cháy đỏ vô cùng nóng nảy đang thiêu đốt tất cả mọi chúng-sinh trong 4 loài: thai-sinh, noãn-sinh, thấp-sinh, hóa-sinh, phải chịu mọi cảnh khổ tử sinh luân-hồi trong ba giới bốn loài, nên chỉ muốn chứng ngộ Niết-bàn giải thoát khổ tử sinh luân-hồi, được an toàn, an-lạc tuyệt đối mà thôi.

168 TÌM HIỂU KINH TRẠNG-THÁI VÔ-NGÃ

Hành-giả chạy lấy trớn từ trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 4 udayabbayānupassanāñāṇa, v.v... nắm sợi dây đó là 1 trong 5 uẩn chấp-thủ hoặc sắcpháp hoặc danh-pháp tam-giới, có 1 trong 3 trạng-thái-chung làm đối-tượng là trạng-thái vôthường, hoặc trạng-thái khổ, hoặc trạng-thái vôngã, đến khi trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 12 saccānulomañāṇa phát sinh trong Nhất-lai Thánh-đạo lộ-trình-tâm có 7 sát-na-tâm javanacitta: táchành-tâm phát sinh theo tuần tự. * Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 12 saccānulomañāṇa có 3 sát-na-tâm đầu: - Sát-na-tâm thứ nhất gọi là parikamma phát sinh lấy trớn tung người lên cao rồi diệt, làm nhân-duyên cho sát-na-tâm tiếp theo. - Sát-na-tâm thứ nhì gọi là upacāra phát sinh lao người qua gần bờ bên kia là Niết-bàn siêu-tam-giới rồi diệt, làm nhân-duyên cho sátna-tâm tiếp theo. - Sát-na-tâm thứ ba gọi là anuloma phát sinh sắp đến sát bờ bên kia là Niết-bàn siêu-tam-giới, nên buông bỏ sợi dây đó là buông bỏ đối-tượng sắc-pháp hoặc danh-pháp tam-giới có 1 trong 3 trạng-thái-chung rồi diệt, đồng thời trí-tuệ thiêntuệ thứ 12 saccānulomañāṇa đã hoàn thành xong phận sự rồi diệt, làm nhân-duyên cho sátna-tâm tiếp theo.

Pháp-Hành Thiền-Tuệ 169 - Sát-na-tâm thứ 4 gọi là gotrabhu phát sinh đứng bên bờ kia là Niết-bàn siêu-tam-giới, an toàn, an-lạc tuyệt đối, gọi là trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 13 gotrabhuñāṇa trong dục-giới thiện-tâm hợp với trí-tuệ tiếp nhận đối-tượng Niết-bàn siêu-tam-giới mở đầu, làm phận sự chuyển dòng từ bậc Thánh Nhập-lưu lên dòng bậc Thánh Nhất-lai (Sakadāgāmī). Như vậy, hành-giả vẫn còn là bậc Thánh Nhập lưu dù cho dục-giới thiện-tâm hợp với trí-tuệ đặc biệt có đối-tượng danh-pháp Niết-bàn siêutam-giới. * Tính chất Gotrabhuñāṇa Gotrabhuñāṇa trong 4 Thánh-đạo lộ-trìnhtâm có phận sự: - Chuyển dòng từ bậc thiện-trí phàm-nhân lên dòng bậc Thánh Nhập-lưu. - Chuyển dòng từ bậc Thánh Nhập-lưu lên dòng bậc Thánh Nhất-lai. - Chuyển dòng từ bậc Thánh Nhất-lai lên dòng bậc Thánh Bất-lai. - Chuyển dòng từ bậc Thánh Bất-lai lên dòng bậc Thánh A-ra-hán cao thượng. Anulomañāṇa và Gotrabhuñāṇa Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 12 saccānulomañāṇa và trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 13 gotrabhuñāṇa là 2

trí-tuệ-thiền-tuệ cùng trong Nhất-lai Thánh-đạo lộ-trình-tâm (Sakadāgāmimaggavīthicitta). Hai trí-tuệ-thiền-tuệ này có pháp giống nhau và khác nhau như sau: Xét về tâm: Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 12 saccānulomañāṇa với trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 13 gotrabhuñāṇa cùng có dục-giới thiện-tâm hợp với trí-tuệ làm phận-sự trong javanacitta hoàn toàn giống nhau trong Thánh-đạo lộ-trình-tâm. Xét về đối-tượng: Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 12 saccānulomañāṇa với trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 13 gotrabhuñāṇa có đối-tượng hoàn toàn khác nhau trong Thánh-đạo lộ-trình-tâm. - Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 12 saccānulomañāṇa có đối-tượng sắc-pháp hoặc danh-pháp tam-giới có 1 trong 3 trạng-thái: trạng-thái vô-thường, hoặc trạng-thái khổ hoặc trạng-thái vô-ngã. - Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 13 gotrabhuñāṇa có đối-tượng danh-pháp Niết-bàn siêu-tam-giới, không có trạng-thái nào cả. - Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 12 saccānulomañāṇa có khả năng đặc biệt làm tan biến màn vô-minh che phủ sự thật chân-lý Thánh-đế, nhưng không có đối-tượng danh-pháp Niết-bàn siêu-tam-giới. - Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 13 gotrabhuñāṇa có khả năng đặc biệt tiếp nhận đối-tượng danh-

Pháp-Hành Thiền-Tuệ 171 pháp Niết-bàn siêu-tam-giới, nhưng không có khả năng làm tan biến màn vô-minh che phủ sự thật chân-lý tứ Thánh-đế. * Vuṭṭhānagāminīvipassanā: Trí-tuệ-thiềntuệ dẫn đến thoát khỏi đối-tượng thiền-tuệ tamgiới (lokiya ārammaṇa: sắc-pháp, danh-pháp tam-giới) và thoát khỏi trí-tuệ-thiền-tuệ tam-giới (lokiyavipassanāñāṇa), có 2 loại trí-tuệ-thiền-tuệ: - Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 12 saccānulomañāṇa là trí-tuệ-thiền-tuệ cuối cùng của đối-tượng sắcpháp, hoặc danh-pháp tam-giới (lokiya ārammaṇa) tiếp theo sau là trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 13 gotrabhuñāṇa có đối-tượng danh-pháp Niết-bàn siêu-tam-giới (lokuttara ārammaṇa). - Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 13 gotrabhuñāṇa là trí-tuệ-thiền-tuệ cuối cùng của trí-tuệ-thiền-tuệ tam-giới (lokiyavipassanā), tiếp theo sau là trítuệ-thiền-tuệ siêu-tam-giới thứ 14 (lokuttaravipassanāñāṇa) gọi là Maggañāṇa: Thánh-đạo-tuệ. - Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 13 gotrabhuñāṇa có đối-tượng danh-pháp Niết-bàn siêu-tam-giới, mở đầu làm phận sự chuyển dòng từ bậc Thánh Nhập-lưu sang dòng bậc Thánh

Nhất-lai. Cho nên, trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 13 gotrabhuñāṇa là trí-tuệ-thiền-tuệ cuối cùng của trí-tuệthiền-tuệ tam-giới (lokiyavipassanā) không ghép

vào pháp-thanh-tịnh thứ 6 paṭipadāñāṇadassanavisuddhi thuộc về lokiyavisuddhi: phápthanh-tịnh tam-giới, bởi vì trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 13 này không thấy rõ, biết rõ trạng-thái vôthường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của sắc-pháp, danh-pháp tam-giới. Và trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 13 gotrabhuñāṇa cũng không ghép vào pháp-thanh-tịnh thứ 7 ñāṇadassanavisuddhi thuộc về lokuttaravisuddhi pháp-thanh-tịnh siêu-tam-giới, bởi vì trí-tuệthiền-tuệ thứ 13 này không có khả năng diệt tận được phiền-não. Vì vậy, trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 13 gotrabhuñāṇa này ở khoảng giữa pháp-thanh-tịnh thứ 6 paṭipadāñāṇadassanavisuddhi và pháp-thanhtịnh thứ 7 ñāṇadassanavisuddhi. * Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 13 gotrabhuñāṇa này đặc biệt có đối-tượng danh-pháp Niết-bàn siêutam-giới mở đầu sinh rồi diệt, làm duyên (paccaya), có 6 duyên là anantarapaccaya: liêntục-duyên, samanantarapaccaya: liên-tục-hệduyên, āsevanapaccaya: tác-hành-duyên, upanis- sayapaccaya: tiềm-năng-duyên, natthipaccaya: vô-hiện-duyên, vigatapaccaya: ly-duyên, để trítuệ-thiền-tuệ siêu-tam-giới thứ 14 phát sinh liền tiếp theo sau.

Pháp-Hành Thiền-Tuệ 173 14- Trí-tuệ-thiền-tuệ siêu-tam-giới thứ 14 Maggañāṇa 15- Trí-tuệ-thiền-tuệ siêu-tam-giới thứ 15 Phalañāṇa Trong cùng Nhất-lai Thánh-đạo lộ-trình-tâm (Maggavīthicitta) có 7 sát-na-tâm javanacitta: - Sát-na-tâm thứ 5 gọi là Magga: Thánh-đạotâm đó là Nhất-lai Thánh-đạo-tâm, trí-tuệ trong Nhất-lai Thánh-đạo-tâm gọi là trí-tuệ-thiền-tuệ siêu-tam-giới thứ 14 Sakadāgāmimaggañāṇa: Nhất-lai Thánh-đạo-tuệ. * Trí-tuệ-thiền-tuệ siêu-tam-giới thứ 14 Nhấtlai Thánh-đạo-tuệ đồng sinh với Nhất-lai Thánhđạo-tâm này có đối-tượng danh-pháp Niết-bàn siêu-tam-giới, có phận sự diệt tận được tham-ái loại thô trong cõi dục-giới, và 2 loại phiền-não là lobha: tham loại thô cõi dục-giới trong 4 tham-tâm không hợp với tà-kiến và dosa: sân loại thô không còn dư sót, sinh rồi diệt, làm duyên (paccaya), có 6 duyên là anantarapaccaya: liêntục-duyên, samanantarapaccaya: liên-tục-hệ-duyên, āsevanapaccaya: tác-hành-duyên, upanissaya- paccaya: tiềm-năng-duyên, natthipaccaya: vôhiện-duyên, vigatapaccaya: ly-duyên, để Nhấtlai Thánh-quả-tâm phát sinh liền tiếp theo sau. - Sát-na-tâm thứ 6 và thứ 7 gọi là Phala: Phalacitta: Thánh-quả-tâm đó là Nhất-lai Thánh-

quả-tâm, trí-tuệ trong Nhất-lai Thánh-quả-tâm gọi là trí-tuệ-thiền-tuệ siêu-tam-giới thứ 15 Sakadāgāmiphalañāṇa: Nhất-lai Thánh-quả-tuệ. * Trí-tuệ-thiền-tuệ siêu-tam-giới thứ 15 Nhất-lai Thánh-quả-tuệ đồng sinh với Nhất-lai Thánh-quả-tâm có 2 sát-na-tâm là thứ 6 và thứ 7 có đối-tượng danh-pháp Niết-bàn siêu-tam-giới, có phận sự làm an tịnh phiền-não mà Nhất-lai Thánh-đạo-tuệ đã diệt tận được rồi, đồng thời chấm dứt Nhất-lai Thánh-đạo lộ-trình-tâm, trở thành bậc Thánh Nhất-lai (Sakadāgāmī) trong Phật-giáo, tiếp theo trí-tuệ thứ 16 cuối cùng.

16- Trí-tuệ thứ 16 Paccavekkhaṇañāṇa Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 16 paccavekkhaṇañāṇa làm phận sự quán triệt 5 điều: - Trí-tuệ quán triệt biết rõ rằng: đã chứng ngộ Niết-bàn lần thứ nhì. - Trí-tuệ quán triệt biết rõ rằng: đã chứng đắc Nhất-lai Thánh-đạo-tâm. - Trí-tuệ quán triệt biết rõ rằng: đã chứng đắc Nhất-lai Thánh-quả-tâm. - Trí-tuệ quán triệt biết rõ rằng: đã diệt tận tham-ái loại thô cõi dục-giới trong 4 tham-tâm không hợp với tà-kiến; và 2 loại phiền-não là lobha: tham loại thô trong cõi dục-giới và dosa: sân loại thô không còn dư sót.

Pháp-Hành Thiền-Tuệ 175 - Trí-tuệ quán triệt biết rõ rằng: chưa diệt tận được 8 loại phiền-não còn lại là lobha: tham, dosa: sân, moha: si, māna: ngã-mạn, thina: buồn-chán, uddhacca: phóng-tâm, ahirika: không biết hổ-thẹn tội-lỗi, anottappa: không biết ghê-sợ tội-lỗi. Bậc Thánh Nhất-lai là bậc Thánh-nhân thứ nhì trong Phật-giáo, đó là kết quả pháp-hành thiền-tuệ mà hành-giả đã thực hành đúng theo pháp-hành trung-đạo. Bậc Thánh Bất-lai (Anāgāmī) * Nhóm 5 vị tỳ-khưu Thánh Nhất-lai tiếp tục thực hành pháp-hành thiền-tuệ, bắt đầu từ trítuệ-thiền-tuệ thứ 4 udayabbayānupassanāñāṇa thấy rõ, biết rõ sự sinh, sự diệt của mỗi danhpháp, mỗi sắc-pháp hiện-tại do nhân-duyênsinh, do nhân-duyên-diệt; nên hiện rõ 3 trạng-thái-chung: trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp tam-giới hiện-tại. Và tiếp theo trí-tuệ-thiền-tuệ phát triển theo tuần tự phát sinh như sau: -Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 5 bhaṅgānupassanāñāṇa. -Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 6 bhayatupaṭṭhānañāṇa. -Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 7 ādīnavānupassanāñāṇa. -Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 8 nibbidānupassanāñāṇa.

-Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 9 muñcitukamyatāñāṇa. -Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 10 paṭisaṅkhānupassanāñāṇa. - Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 11 saṅkhārupekkhāñāṇa. Tiếp theo Bất-lai Thánh-đạo lộ-trình-tâm (Anāgāmimaggavīthicitta) có 7 sát-na tác-hànhtâm (javanacitta) phát sinh theo tuần tự. Trong Bất-lai Thánh-đạo lộ-trình-tâm có 7 sát-na-tâm javanacitta: * 3 sát-na-tâm đầu gọi là trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 12 saccānulomañāṇa làm ba phận sự: - Sát-na-tâm thứ nhất gọi là parikamma: chuẩn-bị-tâm cho Bất-lai Thánh-đạo-tâm phát sinh 1 sát-na-tâm làm phận sự xong rồi diệt, làm duyên cho sát-na-tâm sau là: - Sát-na-tâm thứ nhì gọi là upacāra: tâmcận với Bất-lai Thánh-đạo-tâm phát sinh 1 sátna-tâm làm phận sự xong rồi diệt, làm duyên cho sát-na-tâm sau là: - Sát-na-tâm thứ ba gọi là anuloma: tâmthuận-dòng theo 8 trí-tuệ-thiền-tuệ phần trước và thuận dòng theo 37 pháp bodhipakkhiyadhamma phần sau, để dẫn đến chứng đắc Bấtlai Thánh-đạo-tâm phát sinh 1 sát-na-tâm làm phận sự xong rồi diệt; đồng thời buông bỏ đốitượng sắc-pháp hoặc danh-pháp tam-giới, có 1

Pháp-Hành Thiền-Tuệ 177 trong 3 trạng-thái-chung: trạng-thái vô-thường, hoặc trạng-thái khổ, hoặc trạng-thái vô-ngã, làm duyên cho sát-na-tâm sau. * Sát-na-tâm thứ 4 gọi là gotrabhu (1) tâmchuyển-dòng từ bậc Thánh Nhất-lai lên dòng bậc Thánh Bất-lai gọi là trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 13 gotrabhuñāṇa phát sinh 1 sát-na-tâm có khả năng đặc biệt tiếp nhận đối-tượng danh-pháp Niết-bàn siêu-tam-giới mở đầu xong phận sự rồi diệt, làm duyên cho sát-na-tâm sau. * Sát-na-tâm thứ 5 gọi là Magga: Thánh-đạotâm đó

là Bất-lai Thánh-đạo-tâm, trí-tuệ trong Bất-lai Thánh-đạo-tâm gọi là trí-tuệ-thiền-tuệ siêu-tam-giới thứ 14 Anāgāmimaggañāṇa: Bấtlai Thánh-đạo-tuệ. - Trí-tuệ-thiền-tuệ siêu-tam-giới thứ 14 Bấtlai Thánh-đạo-tuệ đồng sinh với Bất-lai Thánhđạo-tâm này có đối-tượng danh-pháp Niết-bàn siêu-tam-giới, có phận sự diệt tận được tham-ái loại vi-tế cõi dục-giới trong 4 tham-tâm không hợp với tà-kiến và diệt tận được 1 loại phiềnnão là dosa: sân loại vi-tế trong 2 sân-tâm không còn dư sót, sinh rồi diệt, làm duyên (paccaya), có 6 duyên là anantarapaccaya: liêntục-duyên, samanantarapaccaya: liên-tục-hệduyên, āsevanapaccaya: tác-hành-duyên, upanis- 1 Bộ sách khác, gọi là "Vodāna" cho 3 Thánh-nhân bậc cao.

sayapaccaya: tiềm-năng-duyên, natthipaccaya: vô-hiện-duyên, vigatapaccaya: ly-duyên, để Bất-lai Thánh-quả-tâm phát sinh liền tiếp theo. * Sát-na-tâm thứ 6 và thứ 7 gọi là Phala: Phalacitta đó là Bất-lai Thánh-quả-tâm, trí-tuệ trong Bất-lai Thánh-quả-tâm gọi là trí-tuệ-thiềntuệ siêu-tam-giới thứ 15 Anāgāmiphalañāṇa: Bất-lai Thánh-quả-tuệ. - Trí-tuệ-thiền-tuệ siêu-tam-giới thứ 15 Bấtlai Thánh-quả-tuệ đồng sinh với Bất-lai Thánhquả-tâm có 2 sát-na-tâm thứ 6 và thứ 7 có đốitượng danh-pháp Niết-bàn siêu-tam-giới, có phận sự làm an tịnh phiền-não mà Bất-lai Thánh-đạo-tuệ đã diệt tận được rồi diệt, đồng thời chấm dứt Bất-lai Thánh-đạo lộ-trình-tâm, trở thành bậc Thánh Bất-lai (Anāgāmī) trong Phật-giáo, tiếp theo trí-tuệ thứ 16 cuối cùng. * Trí-tuệ thứ 16 Paccavekkhaṇañāṇa: Trí-tuệ làm phận sự quán triệt 5 điều: - Trí-tuệ quán triệt biết rõ rằng: đã chứng ngộ Niết-bàn lần thứ ba. - Trí-tuệ quán triệt biết rõ rằng: đã chứng đắc Bất-lai Thánh-đạo-tâm. - Trí-tuệ quán triệt biết rõ rằng: đã chứng đắc Bất-lai Thánh-quả-tâm. - Trí-tuệ quán triệt biết rõ rằng: đã diệt tận được tham-ái loại vi-tế cõi dục-giới và sân loại vi-tế trong 2 sân-tâm không còn dư sót.

 - Trí-tuệ quán triệt biết rõ rằng: chưa diệt tận được 7 loại phiền-não còn lại là lobha: tham, moha: si, māna: ngã-mạn, thina: buồn-chán, uddhacca: phóng-tâm, ahirika: không biết hổthẹn tội-lỗi, anottappa: không biết ghê-sợ tội-lỗi. Bậc Thánh Bất-lai là bậc Thánh-nhân thứ ba trong Phật-giáo, đó là kết quả pháp-hành thiềntuệ mà hành-giả đã thực hành đúng theo pháphành trung-đạo.

Bậc Thánh A-ra-hán (Arahanta)

* Nhóm 5 vị tỳ-khưu Thánh Bất-lai tiếp tục thực hành pháp-hành thiền-tuệ, bắt đầu từ trítuệ-thiền-tuệ thứ 4 udayabbayānupassanāñāṇa thấy rõ, biết rõ sự sinh, sự diệt của mỗi danhpháp, mỗi sắc-pháp hiện-tại do nhân-duyênsinh, do nhân-duyên-diệt; nên hiện rõ 3 trạng- thái-chung: trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp tam-giới hiện-tại. Và tiếp theo trí-tuệ-thiền-tuệ phát triển theo tuần tự phát sinh như sau: -Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 5 bhaṅgānupassanāñāṇa. -Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 6 bhayatupaṭṭhānañāṇa. -Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 7 ādīnavānupassanāñāṇa. -Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 8 nibbidānupassanāñāṇa.

-Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 9 muñcitukamyatāñāṇa. -Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 10 paṭisaṅkhānupassanāñāṇa. -Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 11 saṅkhārupekkhāñāṇa. Tiếp theo A-ra-hán Thánh-đạo lộ-trình-tâm (Arahattamaggavīthicitta) có 7 sát-na tác-hànhtâm (javanacitta) phát sinh theo tuần tự. Trong A-ra-hán Thánh-đạo lộ-trình-tâm có 7 sát-na-tâm javanacitta: * 3 sát-na-tâm đầu gọi là trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 12 saccānulomañāṇa làm ba phận sự: - Sát-na-tâm thứ nhất gọi là parikamma: chuẩn-bị-tâm cho A-ra-hán Thánh-đạo-tâm phát sinh 1 sát-na-tâm làm phận sự xong rồi diệt, làm duyên cho sát-na-tâm sau. - Sát-na-tâm thứ nhì gọi là upacāra: tâmcận với A-ra-hán Thánh-đạo-tâm phát sinh 1 sát na-tâm làm phận sự xong rồi diệt, làm duyên cho sát-na-tâm sau. - Sát-na-tâm thứ ba gọi là anuloma: tâmthuận-dòng theo 8 trí-tuệ-thiền-tuệ phần trước và thuận dòng theo 37 pháp bodhipakkhiyadhamma phần sau, để dẫn đến chứng đắc A-rahán Thánh-đạo-tâm, phát sinh 1 sát-na-tâm làm phận sự xong rồi diệt; đồng thời buông bỏ đốitượng sắc-pháp hoặc danh-pháp tam-giới, có 1

Pháp-Hành Thiền-Tuệ 181 trong 3 trạng-thái-chung: trạng-thái vô-thường, hoặc trạng-thái khổ, hoặc trạng-thái vô-ngã, làm duyên cho sát-na-tâm sau. * Sát-na-tâm thứ 4 gọi là gotrabhu (1): Tâmchuyển-dòng từ bậc Thánh Bất-lai lên dòng bậc Thánh A-ra-hán gọi là trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 13 gotrabhuñāṇa phát sinh 1 sát-na-tâm có khả năng đặc biệt tiếp nhận đối-tượng danh-pháp Niết-bàn siêu-tam-giới mở đầu xong phận sự rồi diệt, làm duyên cho sát-na-tâm sau. * Sát-na-tâm thứ 5 gọi là Magga: Thánh-đạotâm đó là A-ra-hán Thánh-đạo-tâm, trí-tuệ trong A-ra-hán Thánh-đạo-tâm gọi là trí-tuệ-thiền-tuệ siêu-tam-giới thứ 14 Arahattāmaggañāṇa: A-rahán Thánh-đạo-tuệ. - Trí-tuệ-thiền-tuệ siêu-tam-giới thứ 14 A-rahán Thánh-đạo-tuệ đồng sinh với A-ra-hán Thánh-đạo-tâm này có đối-tượng danh-pháp Niếtbàn siêu-tam-giới, có phận sự diệt tận được thamái trong cõi sắc-giới, cõi vô-sắc-giới trong 4 tham-tâm không hợp với tà-kiến và diệt tận được 7 loại phiền-não còn lại là lobha: tham, moha: si, māna: ngã-mạn, thina: buồn-chán, uddhacca: phóng-tâm, ahirika: không biết hổ-thẹn tội-lỗi, anottappa: không biết ghê-sợ tội-lỗi không còn dư sót, sinh rồi diệt, làm duyên (paccaya), có 6 1 Bộ sách khác, gọi là “Vodāna” cho 3 Thánh-nhân bậc cao.

duyên là anantarapaccaya: liên-tục-duyên, samanantarapaccaya: liên-tục-hệ-duyên, āsevana- paccaya: tác-hành-duyên, upanissayapaccaya: tiềm-năng-duyên, natthipaccaya: vô-hiện-duyên, vigatapaccaya: ly-duyên, để A-ra-hán Thánhquả-tâm phát sinh liền tiếp theo. * Sát-na-tâm thứ 6 và thứ 7 gọi là Phala: Phalacitta đó là A-ra-hán Thánh-quả-tâm, trítuệ trong A-ra-hán Thánh-quả-tâm gọi là trítuệ-thiền-tuệ siêu-tam-giới thứ 15 Arahatta- phalañāṇa: A-ra-hán Thánh-quả-tuệ. - Trí-tuệ-thiền-tuệ siêu-tam-giới thứ 15 A-rahán Thánh-quả-tuệ đồng sinh với A-ra-hán Thánh-quả-tâm có 2 sát-na-tâm thứ 6 và thứ 7 có đối-tượng danh-pháp Niết-bàn siêu-tam-giới, có phận sự làm an tịnh phiền-não mà A-ra-hán Thánh-đạo-tuệ đã diệt tận được rồi diệt, đồng thời chấm dứt A-ra-hán Thánh-đạo lộ-trình-tâm, trở thành bậc Thánh A-ra-hán (Arahanta) trong Phật-giáo, tiếp theo trí-tuệ thứ 16 cuối cùng. * Trí-tuệ thứ 16 Paccavekkhaṇañāṇa: Trí-tuệ làm phận sự quán triệt 4 điều: - Trí-tuệ quán triệt biết rõ

rằng: đã chứng ngộ Niết-bàn lần thứ tư. - Trí-tuệ quán triệt biết rõ rằng: đã chứng đắc A-ra-hán Thánh-đạo-tâm.

Pháp-Hành Thiền-Tuệ 183 - Trí-tuệ quán triệt biết rõ rằng: đã chứng đắc A-ra-hán Thánh-quả-tâm. - Trí-tuệ quán triệt biết rõ rằng: đã diệt tận được tham-ái trong cõi sắc-giới, cõi vô-sắc-giới trong 4 tham-tâm không hợp với tà-kiến và đã diệt tận được 7 loại phiền-não còn lại là lobha: tham, moha: si, māna: ngã-mạn, thina: buồn-chán, uddhacca: phóng-tâm, ahirika: không biết hổthẹn tội-lỗi, anottappa: không biết ghê-sợ tội-lỗi. Bậc Thánh A-ra-hán là bậc Thánh-nhân thứ tư cao thượng trong Phật-giáo, đó là kết quả pháp-hành thiền-tuệ mà hành-giả đã thực hành đúng theo pháp-hành trung-đạo. 4 Thánh-đạo-tuệ này đạt đến pháp-thanhtịnh thứ 7 cuối cùng gọi là ñāṇadassana- visuddhi: tri-kiến-thanh-tịnh. Trong Kinh Anattalakkhaṇasutta (Kinh trạngthái vô-ngã), Đức-Phật thuyết dạy nhóm 5 vị tỳkhưu rằng: - "Evaṃ passaṃ bhikkhave sutavā ariyasāvako rūpasmimpi nibbindati, vedanāyapi nibbindati, saññāyapi nibbindati, saṅkhāresupi nibbindati, viññāṇasmimpi nibbindati." Ý nghĩa - "Này chư tỳ-khưu! Thật-tánh của ngũ-uẩn như vậy, bậc Thánh Thanh-văn có trí-tuệ-thiền-

tuệ thấy rõ, biết rõ đúng theo thật-tánh của ngũuẩn, nên phát sinh trí-tuệ-thiền-tuệ nhàm chán trong sắc-uẩn, nhàm chán trong thọ-uẩn, nhàm chán trong tưởng-uẩn, nhàm chán trong hànhuẩn, nhàm chán trong thức-uẩn." Giảng giải Ngũ-uẩn là đối-tượng thiền-tuệ đó là ngũ-uẩn chấp-thủ nghĩa là ngũ-uẩn là đối-tượng của 4 pháp chấp-thủ: * Ngũ-uẩn chấp-thủ có 5 pháp 1- Sắc-uẩn chấp-thủ đó là 28 sắc-pháp là đối-tượng của pháp chấp-thủ do tà-kiến cho là ta và do tham-ái cho là của ta. 2- Thọ-uẩn chấp-thủ đó là thọ tâm-sở trong 81 tam-giới-tâm là đối-tượng của pháp chấp-thủ do tà-kiến cho là ta và do tham-ái cho là của ta. 3- Tưởng-uẩn chấp-thủ đó là tưởng tâm-sở trong 81 tam-giới-tâm là đối-tượng của pháp chấp-thủ do tà-kiến cho là ta và do tham-ái cho là của ta. 4- Hành-uẩn chấp-thủ đó là 50 tâm-sở (trừ thọ tâm-sở và tưởng tâm-sở) trong 81 tam-giớitâm là đối-tượng của pháp chấp-thủ do tà-kiến cho là ta và do tham-ái cho là của ta. 5- Thức-uẩn chấp-thủ đó là 81 tam-giới-tâm là đối-tượng của pháp chấp-thủ do tà-kiến cho là ta và do tham-ái cho là của ta.

Pháp-Hành Thiền-Tuệ 185 * Chấp ngã do tà-kiến, tham-ái, ngã-mạn - Tà-kiến theo chấp ngã cho là tự ngã của ta rằng: Ngũ-uẩn là tự ngã của ta (eso me attā). - Tham-ái theo chấp ngã cho là của ta rằng: Ngũ-uẩn là của ta (etaṃ mama). - Ngã-mạn theo chấp ngã cho là ta rằng: Ngũ-uẩn là ta (esohamasmi). Đối với tất cả mọi chúng-sinh còn là phàmnhân thường chấp-thủ trong ngũ-uẩn do tà-kiến cho là tự ngã của ta, do tham-ái cho là của ta, và do ngã-mạn cho là ta vốn dĩ đã có từ vô thủy, trải qua vô số kiếp được lưu trữ vững chắc trong tâm của mỗi chúng-sinh dù nhỏ dù lớn, không dễ gì nhàm chán ngũ-uẩn, không dễ gì buông bỏ ngũ-uẩn được.

Đức-Phật xuất hiện trên thế gian Khi Đức-Phật xuất hiện trên thế gian, thuyết pháp giảng dạy tế độ chúng-sinh hiểu biết rõ thật-tánh của ngũ-uẩn đó là sắc-uẩn, thọ-uẩn,

tưởng-uẩn, hành-uẩn, thức-uẩn đều là pháp-vôngã (anattā), không phải ta, không phải người, không phải người nam, không phải người nữ, không phải chúng-sinh, v.v..., không phải của ta, không phải của người, không phải của ai, không chiều theo ý muốn của ai cả, là vô chủ.

186 TÌM HIỂU KINH TRẠNG-THÁI VÔ-NGÃ

Ngũ-uẩn có sự sinh, sự diệt, có 3 trạng-thái chung: trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã, thật đáng kinh sợ, đầy tội chướng, thật đáng nhàm chán thật sự. Thật vậy, chư vị Bồ-tát Thanh-văn-giác nào thuộc về hạng người tam-nhân (tihetukapuggala) đã từng tích lũy đầy đủ 10 pháp-hạnh ba-la-mật, 5 pháp-chủ: tín pháp-chủ, tấn pháp-chủ, niệm pháp-chủ, định pháp-chủ, tuệ pháp-chủ từ vô số kiếp quá-khứ được tích lũy trong tâm sinh rồi diệt liên tục từ kiếp này sang kiếp kia trong vòng tử sinh luân-hồi trong ba giới bốn loài. Kiếp hiện-tại, vị Bồ-tát Thanh-văn-giác ấy có duyên may lắng nghe chánh-pháp của Đức-Phật, rồi thực hành pháp-hành trung-đạo đó là thực hành pháp-hành tứ-niệm-xứ hoặc pháp-hành thiền-tuệ dẫn đến phát sinh trí-tuệ-thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ thật-tánh của ngũ-uẩn, của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp tam-giới đều là pháp vô-ngã (anattā), không phải ta, không phải của ta, không phải của ai cả, không chiều theo ý muốn của ai, đều là vô chủ; trí-tuệ-thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ sự sinh, sự diệt của ngũ-uẩn, mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp tam-giới, hiện rõ 3 trạng-thái-chung: trạng-thái vô-thường, trạngthái khổ, trạng-thái vô-ngã của ngũ-uẩn, mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp tam-giới.

Pháp-Hành Thiền-Tuệ 187 Trí-tuệ-thiền-tuệ càng cao càng thấy rõ biết rõ sự sinh, sự diệt của ngũ-uẩn, của mỗi sắcpháp, mỗi danh-pháp tam-giới thật đáng kinh sợ, đầy tội chướng, thật đáng nhàm chán cực độ thật sự, chỉ mong giải thoát khỏi ngũ-uẩn chấpthủ, khỏi mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp tam-giới mà thôi. Cho nên, Đức-Phật truyền dạy nhóm 5 vị tỳkhưu Thánh Nhập-lưu rằng: - "Này chư tỳ-khưu! Thật-tánh của ngũ-uẩn như vậy, bậc Thánh Thanh-văn có trí-tuệ-thiềntuệ thấy rõ, biết rõ đúng theo thật-tánh của ngũuẩn, nên phát sinh trí-tuệ-thiền-tuệ nhàm chán trong sắc-uẩn, nhàm chán trong thọ-uẩn, nhàm chán trong tưởng-uẩn, nhàm chán trong hànhuẩn, nhàm chán trong thức-uẩn." Vâng theo lời truyền dạy của Đức-Phật, nhóm 5 vị tỳ-khưu Thánh Nhập-lưu thực hành pháphành thiền-tuệ dẫn đến phát sinh các loại trítuệ-thiền-tuệ tam-giới (lokiyavipassanāñāṇa) thấy rõ, biết rõ đúng theo thật-tánh của ngũ-uẩn đều là pháp-vô-ngã (anattā), không phải là ta, không phải là của ta. Trí-tuệ-thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ sự sinh, sự diệt của ngũ-uẩn do nhân-duyên-sinh, do nhânduyên-diệt; trí-tuệ-thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ 3 trạng-thái-chung: trạng-thái vô-thường, trạng-

188 TÌM HIỂU KINH TRẠNG-THÁI VÔ-NGÃ

thái khổ, trạng-thái vô-ngã của ngũ-uẩn thật đáng kinh sợ, đầy tội chướng, thật đáng nhàm chán cực độ thật sự, dẫn đến phát sinh trí-tuệthiền-tuệ siêu-tam-giới (lokuttaravipassanāñāṇa), nên diệt tận được tà-kiến theo chấp-ngã cho ngũ-uẩn là tự ngã của ta (eso me attā); diệt tận được tham-ái theo chấp-ngã cho ngũ-uẩn là của ta

(etaṃ mama); diệt tận được ngã-mạn theo chấp-ngã cho ngũ-uẩn là ta (esohamasmi) do trí-tuệ-thiền-tuệ siêu-tam-giới như sau: - Ngũ-uẩn này không phải là tự ngã của ta (na meso attā), nên diệt tận được tà-kiến theo chấp ngã trong 4 tham-tâm hợp với tà-kiến không còn dư sót, do Nhập-lưu Thánh-đạo-tuệ trong Nhập-lưu Thánh-đạo-tâm. - Ngũ-uẩn này không phải là của ta (netaṃ mama), nên diệt tận được tham-ái theo chấp ngã loại thô cõi dục-giới trong 4 tham-tâm không hợp với tà-kiến không còn dư sót, do Nhất-lai Thánh-đạo-tuệ trong Nhất-lai Thánh-đạo-tâm. Và diệt tận được tham-ái theo chấp ngã loại vitế cõi dục-giới trong 4 tham-tâm không hợp với tà-kiến không còn dư sót, do Bất-lai Thánhđạo-tuệ trong Bất-lai Thánh-đạo-tâm. - Ngũ-uẩn này không phải là ta (nesohamasmi), nên diệt tận được ngã-mạn theo chấp ngã trong 4 tham-tâm không hợp với tà-kiến

Pháp-Hành Thiền-Tuệ 189 không còn dư sót, do A-ra-hán Thánh-đạo-tuệ trong A-ra-hán Thánh-đạo-tâm. Trong Kinh Anattalakkhaṇasutta (Kinh trạng-thái vô-ngã), Đức-Phật thuyết dạy nhóm 5 vị tỳ-khưu rằng: “Nibbindaṃ virajjati, virāgā vimuccati, vimuttasmiṃ “vimuttam” iti ñāṇaṃ hoti, “khīṇā jāti, vusitaṃ brahmacariyaṃ, kataṃ karaṇīyaṃ, nāparaṃ itthattāyā” ti pajānātīti. Idamavoca Bhagavā, attamanā pañcavaggiyā bhikkhū Bhagavato bhāsitaṃ abhinanduṃ. Imasmiṃ ca pana veyyākaraṇasmiṃ bhaññamāne pañcavaggiyānaṃ bhikkhūnaṃ anupādāya āsavehi cittāni vimucciṃsūti.” (Anattalakkhaṇasuttaṃ niṭṭhitaṃ.) Ý nghĩa Khi trí-tuệ-thiền-tuệ nhàm chán trong ngũuẩn nên tâm xả ly tham-ái, do tâm xả ly tham-ái nên chứng đắc A-ra-hán Thánh-đạo-tâm giải thoát khỏi mọi tham-ái, mọi phiền-não. Trí-tuệ quán-triệt biết rõ rằng: “A-ra-hán Thánh-quả-tâm đã giải-thoát hoàn toàn mọi phiền-não trầm-luân. Không còn phải thực hành pháp-hành bát-chánh-đạo nữa, mọi phận sự trong tứ Thánh-đế đã hoàn thành xong, phạm

hạnh cao thượng đã hoàn thiện xong. Kiếp này là kiếp chót, không còn tái-sinh kiếp nào nữa.” Đức-Phật thuyết giảng bài Kinh Trạng-Thái Vô-Ngã này xong, nhóm 5 tỳ-khưu phát sinh đại-duy-tác-tâm vô cùng hoan-hỷ với lời giáo huấn của Đức-Phật. Trong khi Đức-Phật thuyết giảng bài kinh này, nhóm 5 tỳ-khưu thực hành pháp-hành thiền-tuệ dẫn đến chứng ngộ chân-lý tứ Thánhđế, chứng đắc Nhất-lai Thánh-đạo, Nhất-lai Thánh-quả, Niết-bàn, Bất-lai Thánh-đạo, Bất-lai Thánh-quả, Niết-bàn, đến A-ra-hán Thánh-đạo, A-ra-hán Thánh-quả, Niết-bàn, diệt tận được mọi tham-ái, mọi phiền-não trầm-luân, không còn chấp-thủ trong ngũ-uẩn này nữa, trở thành bậc Thánh A-ra-hán cao thượng. (Xong bài Kinh Trạng-Thái Vô-Ngã.)

Nhóm 5 vị tỳ-khưu là Ngài Đại-Trưởng-lão Aññāsikoṇḍaññā, Ngài Trưởng-lão Vappa, Ngài Trưởng-lão Bhaddiya, Ngài Trưởng-lão Mahānāma, Ngài Trưởng-lão Assaji đều trở thành bậc Thánh A-ra-hán thanh-văn đệ-tử đầu tiên của Đức-Phật Gotama, vào ngày 20 tháng 6, trong hạ thứ nhất của Đức-Phật Gotama, tại khu rừng phóng sinh nai gọi là Isipatana, gần kinh-thành Bārāṇasī.

Phần II: Những Pháp Cần Biết Đối Với Hành-Giả 191

Phần II Những Pháp Cần Biết Đối Với Hành-Giả Sự-Thật Trong Đời (Sacca) Đức-Phật dạy có hai sự-thật trong đời: - Sammutisacca: Sự-thật ngôn-ngữ chế-định. - Paramatthasacca: Sự-thật chân-nghĩa-pháp. 1- Sự-thật ngôn-ngữ chế-định (Sammutisacca) Trong đời, mỗi nước, mỗi nòi giống thường chế định đặt ra ngôn-ngữ riêng, từ người xưa được lưu truyền lại cho đến ngày nay, sử dụng nói năng truyền đạt ý nghĩ, để cho người nghe hiểu biết ý nghĩ của mình. Do có nhiều ngôn-ngữ khác nhau, nên cùng một vật, một ý nghĩ, v.v... mỗi ngôn-ngữ đặt ra mỗi danh-từ khác nhau. Những danh-từ ngônngữ này gọi là sự-thật, bởi vì mọi người đã có quy ước với nhau cho là lời nói thật (saccavācā), đó là sự-thật theo đời. Nếu người nào có tác-ý lừa dối người nghe, thì người ấy nói sai sự-thật, phạm điều-giới nói dối (musāvāda). Sự-thật ngôn-ngữ chế-định có 2 loại: - Ngôn-ngữ Pāḷi mà Đức-Phật sử dụng để thuyết pháp tế độ chúng-sinh, được ghi chép lại trong bộ Tam-tạng: Luật-tạng (Vinayapiṭaka),

Kinh-tạng (Suttantapiṭaka), Vi-diệu-pháp-tạng (Abhidhammapiṭaka). - Ngôn-ngữ địa-phương mà người đời sử dụng nói năng trong cuộc sống hằng ngày đêm trong mỗi dân tộc. Nếu muốn biết sự-thật ngônngữ chế-định nào, thì người ấy cần phải học hỏi nghiên cứu ngôn-ngữ ấy. Sự-thật ngôn-ngữ chế-định này thuộc về chếđịnh-pháp (paññattidhamma). Paññattidhamma: Chế-định-pháp có 2 loại: - Atthapaññatti: Ý-nghĩa, hình-dạng chế-định. - Saddapaññatti: Danh-từ ngôn-ngữ chế-định. * Atthapaññatti: Ý-nghĩa, hình-dạng chế-định Ý-nghĩa, hình-dạng chế-định (Atthapaññatti) cho biết được sự khác biệt của mỗi pháp, mỗi đối-tượng, có rất nhiều loại. Ví dụ: - Nương nhờ nơi tứ-đại (đất, nước, lửa, gió) kết dính liền lại với nhau trở thành khối có hình dạng khác nhau như: Mặt đất bằng, núi cao, sông dài, biển rộng, v.v... * Saddapaññatti: Danh-từ ngôn-ngữ chế-định Danh-từ ngôn-ngữ chế-định (Saddapaññatti) danh-từ ngôn-ngữ gọi, diễn tả làm cho người nghe hiểu biết được ý-nghĩa, hình-dạng của atthapaññatti ấy.

Mỗi ngôn-ngữ có danh-từ nói, gọi khác nhau, nếu biết ngôn ngữ ấy thì hiểu được ý nghĩa của atthapaññatti ấy.

Saddapaññatti hoặc Nāmapaññatti (1)

Saddapaññatti hoặc nāmapaññatti có 6 loại:

1- Vijjamānapaññatti.

2- Avijjamānapaññatti.

3- Vijjamānena avijjamānapaññatti.

4- Avijjamānena vijjamānapaññatti.

5- Vijjamānena vijjamānapaññatti.

6- Avijjamānena avijjamānapaññatti.

Giảng giải

1- Vijjamānapaññatti là danh-từ ngôn-ngữ chếđịnh-pháp (nāmapaññatti) có thật-tánh của chânnghĩa-pháp (paramatthadhamma) làm nền tảng.

Paramatthadhamma: Chân-nghĩa-pháp có 4 pháp là:
- Citta: Tâm có 89 hoặc 121 tâm.
- Cetasika: Tâm-sở có 52 tâm-sở.
- Rūpadhamma: Sắc-pháp có 28 sắc-pháp.
- Nibbāna: Niết-bàn có 2 hoặc 3 loại.
Như vậy, danh-từ ngôn-ngữ gọi citta: tâm,
cetasika: tâm-sở, rūpadhamma: sắc-pháp, và
1
Tìm hiểu rõ quyển "Tìm Hiểu Pháp-Hành Thiền-Tuệ" phần chế-định-pháp, cùng soạn giả.

Nibbāna: Niết-bàn không phải là chân-nghĩapháp thật sự, mà chỉ là chế-định-pháp thuộc về vijjamānapaññatti mà thôi. 2- Avijjamānapaññatti là danh-từ ngôn-ngữ chế-định-pháp không có thật-tánh của châannghĩa-pháp làm nền tảng. Ví dụ: Mặt đất, cái nhà, chiếc xe, con người, người nam, người nữ, con voi, v.v...là những danh-từ ngôn-ngữ không có thật-tánh của châannghĩa-pháp làm nền tảng. 3- Vijjamānena avijjamānapaññatti là danhtừ ngôn-ngữ chế-định-pháp có thật-tánh của chân-nghĩa-pháp làm nền tảng với pháp không có thật-tánh của chân-nghĩa-pháp làm nền tảng. Ví dụ: Chaḷabhiññho, tevijjo, paṭisambhidappatto, sotāpanno, v.v... những danh-từ ngôn-ngữ Pāḷi này ám chỉ rằng: chaḷabhiññapuggala, tevijjapuggala, paṭisambhidappattapuggala, sotāpannapuggala. - Chaḷabhiññapuggala: Bậc Thánh A-ra-hán chứng đắc lục-thông (6 loại abhiññācitta). - Tevijjapuggala: Bậc Thánh A-ra-hán chứng đắc tam-minh (3 vijjāñāṇa). - Paṭisambhidappattapuggala: Bậc Thánh Ara-hán chứng đắc tứ-tuệ paṭisambhidā (4 paṭisambhidāñāṇa).

Phần II: Những Pháp Cần Biết Đối Với Hành-Giả 195 - Sotāpannapuggala: Bậc Thánh-Nhập-lưu (Sotāpattiphalacitta), v.v... Những danh-từ ngôn-ngữ Pāḷi chế-định-pháp chaḷabhiññho, tevijjo, v.v... này có thật-tánh của chân-nghĩa-pháp làm nền tảng với puggala (người) không có thật-tánh của chân-nghĩa-pháp làm nền tảng, nên gọi là vijjamānena avijjamānapaññatti. 4- Avijjamānena vijjamānapaññatti là danhtừ ngôn-ngữ chế-định-pháp không có thật-tánh của chân-nghĩa-pháp làm nền tảng với pháp có thật-tánh của chân-nghĩa-pháp làm nền tảng. Ví dụ: Itthisaddo: Âm thanh người nữ, suvaṇṇavaṇṇo: màu vàng, pupphagandho: mùi hương hoa, v.v... Danh-từ ngôn-ngữ Pāḷi gọi Itthi: người nữ, suvaṇṇa: vàng, puppha: đóa hoa, ... là những danh-từ ngôn-ngữ Pāḷi không có thật-tánh của chân-nghĩa-pháp làm nền tảng; với danh-từ ngôn-ngữ Pāḷi gọi saddo: âm thanh, vaṇṇo: màu sắc, gandho: mùi hương, ... là những danh-từ ngôn-ngữ Pāḷi có thật-tánh của châannghĩa-pháp làm nền tảng, nên gọi là avijjamānena vijjamānapaññatti. 5- Vijjamānena vijjamānapaññatti là danhtừ ngôn-ngữ chế-định-pháp có thật-tánh của

chân-nghĩa-pháp làm nền tảng với pháp có thậttánh của chân-nghĩa-pháp làm nền tảng. Ví dụ: Cakkhuviññāṇa: Nhãn-thức-tâm là thức-tâm phát sinh do nương nhờ nhãn-tịnh-sắc, cakkhusamphassa: nhãn xúc là xúc tâm-sở đồng sinh với nhãn-thức-tâm, v.v... Danh-từ ngôn-ngữ Pāḷi gọi cakkhu đó là cakkhupasāda: nhãn-tịnh-sắc, viññāṇa đó là citta: tâm; phassa đó là phassacetasika: xúc tâm-sở, ... đều là những danh-từ ngôn-ngữ Pāḷi có thật-tánh của chân-nghĩa-pháp làm nền tảng, nên gọi là vijjamānena vijjamānapaññatti. 6- Avijjamānena avijjamānapaññatti là danh-từ ngôn-ngữ chế-định-pháp không có thậttánh của chân-nghĩa-pháp làm nền tảng với pháp không có thật-tánh của chân-nghĩa-pháp làm nền tảng. Ví dụ: Rājaputto: Hoàng-tử của Đức-vua, seṭṭhibhariyā: phu-nhân của ông phú-hộ, jeṭṭhabhaginī: chị cả, v.v... Những danh-từ ngôn-ngữ Pāḷi gọi Rāja: Đức-vua, putto: hoàngtử; seṭṭhi: ông phú hộ, bhariyā: phu-nhân; jeṭṭha: lớn, cả, bhaginī: chị, v.v... đều là những danh-từ ngôn-ngữ Pāḷi không có thật-tánh của chân-nghĩa-pháp làm nền tảng, nên gọi là avijjamānena avijjamānapaññatti.

Phần II: Những Pháp Cần Biết Đối Với Hành-Giả 197 Tóm lại, tất cả mọi danh-từ ngôn-ngữ chế-định (paññatti) dù có thật-tánh của chân-nghĩa-pháp (paramatthadhamma) làm nền tảng, dù không có thật-tánh của chân-nghĩa-pháp làm nền tảng cũng chỉ thuộc về danh-từ ngôn-ngữ chế-định-pháp (paññattidhamma) mà thôi. Vì vậy, chế-địnhpháp (paññattidhamma) có các tính chất như sau: - Không có trạng-thái riêng của mỗi pháp. - Không có thật-tánh của mỗi pháp. - Không có sự sinh, sự diệt của mỗi pháp. - Không có 3 trạng-thái-chung: trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của mỗi pháp. Cho nên, chế-định-pháp (paññattidhamma) chỉ có thể làm đối-tượng của pháp-hành thiềnđịnh được mà thôi, chắc chắn không thể làm đốitượng của pháp-hành thiền-tuệ được. 2- Sự-thật chân-nghĩa-pháp (Paramatthasacca) Chân-nghĩa-pháp (paramatthadhamma) (1) có 4 pháp đó là: - Citta: Tâm có 89 hoặc 121 tâm. - Cetasika: Tâm-sở có 52 tâm-sở. - Rūpadhamma: Sắc-pháp có 28 sắc-pháp. - Nibbāna: Niết-bàn có 2 hoặc 3 loại. 1 Tìm hiểu rõ trong quyển Vi-Diệu-Pháp Hiện Thực Trong Cuộc Sống, cùng soạn giả.

198 TÌM HIỂU KINH TRẠNG-THÁI VÔ-NGÃ

1- Citta: Tâm có trạng-thái biết đối-tượng (ārammaṇavijānanalakkhaṇaṃ), có 89 hoặc 121 loại tâm đều có trạng-thái biết đối-tượng tùy theo khả năng của mỗi loại tâm. * Citta: Tâm có 89 hoặc 121 tâm chia ra làm 6 loại, có phận-sự biết 6 loại đối-tượng như sau: - Cakkhuviññāṇa: Nhãn-thức-tâm có 2 tâm làm phận-sự thấy đối-tượng sắc. - Sotaviññāṇa: Nhĩ-thức-tâm có 2 tâm làm phận-sự nghe đối-tượng thanh. - Ghānaviññāṇa: Tỷ-thức-tâm có 2 tâm làm phận-sự ngửi đối-tượng hương. - Jivhāviññāṇa: Thiệt-thức-tâm có 2 tâm làm phận-sự nếm đối-tượng vị. - Kāyaviññāṇa: Thân-thức-tâm có 2 tâm làm phận-sự xúc-giác đối-tượng xúc. - Manoviññāṇa: Ý-thức-tâm có 79 hoặc 111 tâm làm phận-sự biết đối-tượng pháp (1) tùy theo khả năng của mỗi loại tâm. 2- Cetasika: Tâm-sở đều có trạng-thái nương nhờ nơi tâm (cittanissitalakkhanaṃ), có 52 loại, mà mỗi tâm-sở có mỗi trạng-thái riêng, đều đồng sinh với tâm, có 4 trạng-thái:

1 Đối-tượng pháp gồm có 6 loại là 89 tâm, 52 tâm-sở, 5 tịnh- sắc, 18 sắc vi-tế, Niết-bàn, chế-định-pháp.

Phần II: Những Pháp Cần Biết Đối Với Hành-Giả 199 - Đồng sinh với tâm (ekuppāda). - Đồng diệt với tâm (ekanirodha). - Đồng đối-tượng với tâm (ekālambana). - Đồng nơi sinh với tâm (ekavatthuka). Khi mỗi tâm nào phát sinh ắt có một số tâmsở ít hoặc nhiều tương xứng đồng sinh với tâm ấy làm phận-sự của tâm ấy. Tâm với tâm-sở thuộc về danh-pháp. 3- Rūpadhamma: Sắc-pháp có trạng-thái bị hủy hoại do nghịch duyên (ruppanalakkhaṇaṃ). Rūpadhamma: Sắc-pháp có 28 loại, mà mỗi sắcpháp có mỗi trạng-thái. 4- Nibbāna: Niết-bàn có trạng-thái tịch tịnh mọi tham-ái, mọi phiền-não, ngũ-uẩn, mọi sắcpháp, danh-pháp tam-giới (santilakkhaṇaṃ). Niết-bàn có 2 loại đối với bậc Thánh A-ra-hán, và Niết-bàn có 3 loại đối-tượng đối với hành-giả thực hành pháp-hành thiền-tuệ. Niết-bàn thuộc về danh-pháp siêu-tam-giới (lokuttara nāmadhamma) chỉ là đối-tượng của siêu-tam-giới-tâm đó là 4 hoặc 20 Thánh-đạotâm và 4 hoặc 20 Thánh-quả-tâm mà thôi. Như vậy, 4 chân-nghĩa-pháp (paramatthadhamma) này có trạng-thái riêng của mỗi pháp, có thật-tánh của mỗi pháp, nên không phải là danh-từ ngôn-ngữ chế-định (paññatti).

200 TÌM HIỂU KINH TRẠNG-THÁI VÔ-NGÃ

Cho nên, citta: tâm, cetasika: tâm-sở, rūpa- dhamma: sắc-pháp, Nibbāna: Niết-bàn này thuộc về chân-nghĩa-pháp (paramatthadhamma) thật sự (không phải chế-định-pháp), nên có thể làm đối-tượng của pháp-hành thiền-tuệ như sau: - Citta: tâm, cetasika: tâm-sở, rūpadhamma: sắc-pháp, cả 3 loại chân-nghĩa-pháp này làm đối-tượng thiền-tuệ tam-giới của đại-thiện-tâm, đối với hành-giả thực hành pháp-hành thiền-tuệ. - Nibbāna: Niết-bàn chỉ là đối-tượng siêutam-giới của siêu-tam-giới-tâm đó là 4 hoặc 20 Thánh-đạo-tâm, 4 hoặc 20 Thánh-quả-tâm, đối với 4 bậc Thánh-nhân trong Phật-giáo mà thôi. Nguyên nhân che phủ thật-tánh-pháp Thật-tánh của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp tam-giới đó là sự-thật hiển nhiên. Vậy, do nguyên nhân nào mà hành-giả thực hành pháp-hành thiền-tuệ không thấy rõ, không biết rõ thật-tánh của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp tam-giới ấy? Hành-giả thực hành pháp-hành thiền-tuệ không thấy rõ, không biết rõ thật-tánh của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp tam-giới là do nguyên nhân si tâm-sở che phủ thật-tánh của mọi sắcpháp, mọi danh-pháp tam-giới. Thật vậy, si tâm-sở (mohacetasika) đồng sinh với 12 bất-thiện-tâm có 4 đặc tính riêng biệt:

Phần II: Những Pháp Cần Biết Đối Với Hành-Giả 201 1- Aññāṇalakkhaṇo: Si tâm-sở có trạng-thái không biết thật-tánh của mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp tam-giới, hoặc không biết chân-lý tứ Thánh-đế. 2- Ārammaṇasabhāvacchādanaraso: Si tâmsở có phận sự che phủ thật-tánh của mọi sắcpháp, mọi danh-pháp tam-giới. 3- Andhakārapaccupaṭṭhāno: Si tâm-sở làm cho tâm tối tăm là quả hiện hữu. 4- Ayonisomanasikārapadaṭṭhāno: Sự biết trong tâm do si-tâm biết sai lầm trong 4 trạngthái của mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp tam-giới là thường, lạc, ngã, tịnh. Đó là nguyên nhân gần phát sinh si tâm-sở. Do nguyên nhân si tâm-sở đồng sinh với 12 bất-thiện-tâm che phủ thật-tánh của mỗi sắcpháp, mỗi danh-pháp tam-giới, cho nên dù hànhgiả thực hành pháp-hành

thiền-tuệ cũng không thể phát sinh trí-tuệ thấy rõ, biết rõ thật-tánh của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp tam-giới. Để thấy rõ, biết rõ thật-tánh của mỗi sắcpháp, mỗi danh-pháp tam-giới, hành-giả thực hành pháp-hành thiền-tuệ cần phải có trí-tuệ biết đúng trong tâm về sự thật của mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp tam-giới. Thật vậy, trí-tuệ tâm-sở (paññācetasika) có 4 đặc tính riêng biệt:

1 -Yathābhūtapaṭivedhalakkhaṇā: Trí-tuệ tâmsở có trạng-thái thấy rõ, biết rõ thật-tánh của mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp tam-giới, chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánhđạo-tâm, 4 Thánh-quả-tâm. 2- Visayobhāsanarasā: Trí-tuệ tâm-sở có phận-sự thấy rõ ràng thật-tánh của mọi sắcpháp, mọi danh-pháp tam-giới. 3- Asammohapaccupaṭṭhānā: Trí-tuệ tâm-sở không mê muội, tâm sáng suốt là quả hiện hữu. 4- Yonisomanasikārapadaṭṭhānā: Sự hiểu biết trong tâm do trí-tuệ biết đúng trong 4 trạng-thái của mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp tam-giới là vô-thường, khổ, vô-ngã, bất-tịnh. Đó là nguyên nhân gần phát sinh trí-tuệ tâm-sở. Như vậy, si tâm-sở phát sinh do nguyên nhân gần là ayonisomanasikāra, còn trí-tuệ tâm-sở phát sinh do nguyên nhân gần là yonisomanasikāra. * Ayonisomanasikāra là như thế nào? Ayonisomanasikāra: Sự biết trong tâm do sitâm biết sai lầm trong 4 trạng-thái của mọi sắcpháp, mọi danh-pháp tam-giới như sau: - Sắc-pháp, danh-pháp tam-giới có trạng-thái vô-thường (anicca), thì si-tâm biết sai lầm cho là thường (nicca). - Sắc-pháp, danh-pháp tam-giới có trạng-thái

 khổ (dukkha), thì si-tâm biết sai lầm cho là lạc (sukha). - Sắc-pháp, danh-pháp tam-giới có trạng-thái vô-ngã (anattā), thì si-tâm biết sai lầm cho là ngã (attā). - Sắc-pháp, danh-pháp tam-giới có trạng-thái bất-tịnh (asubha), thì si-tâm biết sai lầm cho là tịnh, tốt đẹp (subha). Như vậy, ayonisomanasikāra: sự biết trong tâm do si-tâm biết sai lầm trong 4 trạng-thái của mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp tam-giới cho là thường, lạc, ngã, tịnh, là nguyên nhân gần phát sinh si tâm-sở (mohacetasika), làm che phủ thật-tánh của mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp tam-giới. * Yonisomanasikāra là như thế nào? Yonisomanasikāra: Sự hiểu biết trong tâm do trí-tuệ biết đúng trong 4 trạng-thái của mọi sắcpháp, mọi danh-pháp tam-giới như sau: - Sắc-pháp, danh-pháp tam-giới có trạng-thái vô-thường (anicca) thì trí-tuệ hiểu biết đúng là vô-thường (anicca). - Sắc-pháp, danh-pháp tam-giới có trạng-thái khổ (dukkha), thì trí-tuệ hiểu biết đúng là khổ (dukkha). - Sắc-pháp, danh-pháp tam-giới có trạng-thái

vô-ngã (anattā), thì trí-tuệ hiểu biết đúng là vôngã (anattā). - Sắc-pháp, danh-pháp tam-giới có trạng-thái bất-tịnh (asubha), thì trí-tuệ hiểu biết đúng là bất-tịnh (asubha). Như vậy, yonisomanasikāra: sự hiểu biết trong tâm do trí-tuệ biết đúng trong 4 trạng-thái của mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp tam-giới là vô-thường, khổ, vô-ngã, bất-tịnh, là nguyên nhân gần phát sinh trí-tuệ tâm-sở (paññācetasika), làm hiện rõ thật-tánh hiển nhiên của mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp tam-giới. Cho nên, hành-giả

thực hành pháp-hành thiềntuệ cần phải luôn luôn có yonisomanasikāra làm nhân-duyên phát sinh trí-tuệ thứ nhất nāmarūpa- paricchedañāṇa: trí-tuệ thấy rõ, biết rõ, phân biệt rõ thật-tánh hiển nhiên của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp tam-giới, hiện rõ đúng theo sựthật của mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp tam-giới. * Trạng-thái-chung (Sāmaññalakkhaṇa)

Tất cả mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp tam-giới đều có thật-tánh, có sự sinh, sự diệt, có 3 trạng-thái-chung: trạng-thái vô-thường, trạngthái khổ, trạng-thái vô-ngã, đó là sự-thật hiển nhiên. Do nguyên nhân nào che phủ 3 trạngthái-chung ấy?

Phần II: Những Pháp Cần Biết Đối Với Hành-Giả 205 Hành-giả thực hành pháp-hành thiền-tuệ, sở dĩ không thấy rõ, không biết rõ sự sinh, sự diệt của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp tam-giới; không thấy rõ, không biết rõ 3 trạng-thái-chung: trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp tam-giới, là vì 3 pháp che phủ 3 trạng-thái chung, nên hành-giả không thể thấy rõ, biết rõ 3 trạng-thái-chung của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp tam-giới. Vậy, 3 pháp che phủ 3 trạng-thái-chung như thế nào? Phương pháp diệt 3 pháp che phủ ấy bằng cách nào?

* Ba pháp che phủ 3 trạng-thái-chung, phương pháp diệt 3 pháp che phủ

Ba trạng-thái-chung: trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của mỗi sắcpháp, mỗi danh-pháp tam-giới, đó là sự-thật hiển nhiên. Sở dĩ 3 trạng-thái-chung này không hiện rõ là vì bị 3 pháp che phủ, đó là: - Santati: Dòng sinh diệt liên tục vô cùng mau lẹ của mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp tamgiới làm che phủ trạng-thái vô-thường của mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp tam-giới không hiện rõ. - Iriyāpatha: Các oai-nghi thay đổi làm che phủ trạng-thái khổ của các oai-nghi không hiện rõ.

- Ghana: Ngã-tưởng đồng-nhất của mọi sắcpháp, mọi danh-pháp tam-giới làm che phủ trạng-thái vô-ngã của mọi sắc-pháp, mọi danhpháp tam-giới không hiện rõ. Giảng giải 1- Santati là dòng sinh rồi diệt liên tục vô cùng mau lẹ của mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp tam-giới làm che phủ trạng-thái vô-thường của mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp tam-giới không hiện rõ như thế nào? Đức-Phật dạy: “Sabbe saṅkhārā aniccā.” Tất cả các pháp-hữu-vi đều có trạng-thái vôthường. Pháp-hữu-vi là pháp bị cấu tạo do 4 nhânduyên là kamma: nghiệp, citta: tâm, utu: thờitiết, āhāra: vật thực, đó là ngũ-uẩn (khandha), 12 xứ (āyatana), 18 tự-tánh (dhātu), mọi sắcpháp, mọi danh-pháp tam-giới, v.v… đều sinh rồi diệt liên tục không ngừng, nên có trạng-thái vô-thường của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp tamgiới, đó là sự-thật hiển nhiên của pháp-hữu-vi. Như vậy, trạng-thái vô-thường của mọi sắcpháp, mọi danh-pháp tam-giới là sự-thật hiển nhiên. Vậy do nguyên nhân nào làm cho trạngthái vô-thường không hiện rõ?

Phần II: Những Pháp Cần Biết Đối Với Hành-Giả 207 Trong bộ Visuddhimagga: Thanh-Tịnh-đạo giải rằng: “Aniccalakkhaṇaṃ tāva udayabbayānaṃ amanasikārā santatiyā paṭicchannattā na upaṭṭhāti.” (1) Trước hết, trạng-thái vô-thường của mọi sắcpháp, mọi danh-pháp tam-giới không hiện rõ, vì dòng sinh diệt liên tục (santati) vô cùng mau lẹ của mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp tam-giới, làm che phủ trạng-thái

vô-thường. Bởi vì không có trí-tuệ-thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ sự sinh, sự diệt của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp tam-giới. * Dòng sinh diệt liên tục (santati) vô cùng mau lẹ của mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp tamgiới, che phủ trạng-thái vô-thường như thế nào? Ví dụ thô thiển dễ hiểu để so sánh như: - Khi ta thấy những hình ảnh trên màn hình chiếu phim, cứ 1 giây đồng hồ có khoảng 24 tới 120 tấm hình liên tục quay nhanh qua máy chiếu phim, ta nhìn thấy hình ảnh những tài tử diễn viên có những cử chỉ, hành động, lời nói tự nhiên bình thường. Ta không thể thấy từng tấm phim cách khoảng nhau và cũng không nghe từng tiếng nói cách khoảng nhau.

1 Visuddhimagga, phần Paṭipadāñāṇadassanavisuddhiniddesa.

Đó là sự liên tục của cuộn phim quay nhanh. - Khi ta thấy bóng đèn đang cháy sáng, cứ mỗi giây đồng hồ có khoảng 50 hoặc 60 lần dòng điện tắt rồi cháy sáng liên tục không ngừng trong suốt thời gian bóng đèn cháy sáng. Ta không thể thấy bóng đèn cháy sáng rồi tắt liên tục suốt khoảng thời gian bóng đèn cháy sáng. Đó là sự liên tục của dòng điện cháy sáng rồi tắt liên tục. Còn sự sinh, sự diệt của sắc-pháp, của danhpháp tam-giới thật là vô cùng mau lẹ phi thường. Đức-Phật dạy rằng: - Này chư tỳ-khưu! Như-lai không thấy pháp nào có sự sinh, sự diệt vô cùng mau lẹ như tâm.(1) Trong Chú-giải giảng giải rằng: “Ekaccharakkhaṇe koṭisatasahassasaṅkhā (2) uppajitvā nirujjhati.” “Chỉ một lần búng đầu ngón tay, tâm với tâmsở (danh-pháp) sinh rồi diệt liên tục 1.000 tỷ lần.” Như vậy, chỉ có trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 4 gọi là udayabbayānupassanāñāṇa sắc bén nhanh nhạy có khả năng thấy rõ, biết rõ sự sinh, sự diệt của

1
Aṅguttaranikāya, phần Ekakanipāta.
2
Sam. Khandhavaggaṭṭhakathā, Pheṇapiṇḍūpamāsuttavaṇṇanā.

Phần II: Những Pháp Cần Biết Đối Với Hành-Giả 209 sắc-pháp, danh-pháp tam-giới hiện-tại mà thôi, nên thấy rõ, biết rõ, hiện rõ trạng-thái vô-thường của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp tam-giới. Nếu hành-giả thực hành pháp-hành thiền-tuệ chưa có khả năng phát sinh đến trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 4 udayabbayānupassanāñāṇa, thì không thể thấy rõ, biết rõ được sự sinh, sự diệt của sắcpháp, của danh-pháp tam-giới hiện-tại, nên chưa có khả năng cắt đứt santati: dòng sinh diệt liên tục của sắc-pháp, của danh-pháp tam-giới hiệntại. Vì vậy, hành-giả không thể thấy rõ, không biết rõ trạng-thái vô-thường của sắc-pháp, của danh-pháp tam-giới hiện-tại. Sở dĩ, hành-giả không thấy rõ, không biết rõ trạng-thái vô-thường của sắc-pháp, của danh-pháp tam-giới hiện-tại là vì dòng sinh diệt liên tục vô cùng mau lẹ của sắc-pháp, của danh-pháp tamgiới hiện-tại, làm che phủ trạng-thái vô-thường của sắc-pháp, của danh-pháp tam-giới hiện-tại. Phương pháp làm trạng-thái vô-thường hiện rõ Hành-giả thực hành pháp-hành thiền-tuệ dẫn đến phát sinh trí-tuệ thứ nhất nāmarūpaparic- chedañāṇa: trí-tuệ thấy rõ, biết rõ, phân biệt rõ thật-tánh của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp tam-giới là

pháp-vô-ngã (anattā), không phải là ta; tiếp theo trí-tuệ thứ nhì nāmarūpapaccaya-

pariggahañāṇa: trí-tuệ thấy rõ, biết rõ nhânduyên-sinh của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp tam-giới; tiếp theo trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 3 sam- masanañāṇa: trí-tuệ-thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ sự diệt của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp tam-giới do nhân-duyên-diệt, nên hiện rõ trạng-thái vôthường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã, của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp tam-giới. Dù hành-giả có 3 loại trí-tuệ này vẫn chưa có khả năng cắt đứt santati: dòng sinh diệt liên tục. Hành-giả tiếp tục thực hành pháp-hành thiềntuệ đến khi trí-tuệ-thiền-tuệ thứ tư udayabbayā- nupassanāñāṇa: trí-tuệ-thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ sự sinh, sự diệt của mỗi sắc-pháp, mỗi danhpháp tam-giới hiện-tại do nhân-duyên-sinh, do nhân-duyên-diệt; mới có khả năng cắt đứt santati: dòng sinh diệt liên tục vô cùng mau lẹ của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp tam-giới hiệntại, thì sự thật hiển nhiên trạng-thái vô-thường của sắc-pháp, danh-pháp tam-giới mới hiện rõ. Như bộ Visuddhimagga giải rằng: “Udayabbayampana pariggahetvā santatiyā vikopitāya aniccalakkhaṇaṃ yathāvasarasato upaṭṭhāti.” (1)

1 Visuddhimagga, phần Paṭipadāñāṇadassanavisuddhiniddesa.

 Hành-giả thực hành pháp-hành thiền-tuệ, khi trí-tuệ-thiền-tuệ phát sinh thấy rõ, biết rõ sự sinh, sự diệt của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp tam-giới hiện-tại, nên có khả năng cắt đứt santati: dòng sinh diệt liên tục của mỗi sắcpháp, mỗi danh-pháp tam-giới hiện-tại. Khi ấy, trạng-thái vô-thường của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp hiện-tại hiển nhiên mới hiện rõ sựthật của nó. Trí-tuệ-thiền-tuệ nào có khả năng thấy rõ, biết rõ sự sinh, sự diệt của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp tam-giới hiện-tại? Trong 16 loại trí-tuệ-thiền-tuệ theo tuần tự của pháp-hành thiền-tuệ, thì bắt đầu từ trí-tuệthiền-tuệ thứ 4 udayabbayānupassanāñāṇa có khả năng thấy rõ, biết rõ sự sinh, sự diệt của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp tam-giới hiện-tại do nhân-duyên-sinh, do nhân-duyên-diệt. Thật vậy, trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 4 udayabbayānupassanāñāṇa này là trí-tuệ-thiền-tuệ bắt đầu thấy rõ, biết rõ sự sinh, sự diệt của sắc-pháp, của danh-pháp tam-giới hiện-tại là: - Danh-pháp nào sinh, do nhân-duyên nào sinh. - Danh-pháp ấy diệt, do nhân-duyên ấy diệt. - Sắc-pháp nào sinh, do nhân-duyên nào sinh. - Sắc-pháp ấy diệt, do nhân-duyên ấy diệt.

Cho nên trí-tuệ-thiền-tuệ thứ tư udayabbayānupassanāñāṇa này chính thức được gọi là trítuệ-thiền-tuệ, bởi vì trí-tuệ-thiền-tuệ thứ tư udayabbayānupassanāñāṇa có khả năng cắt đứt santati: dòng sinh diệt liên tục mau lẹ không ngừng của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp tamgiới hiện-tại, nên hiện rõ trạng-thái vô-thường của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp hiện-tại. Như vậy, sự-thật trạng-thái vô-thường của sắc-pháp, của danh-pháp tam-giới hiện-tại được hiển nhiên hiện rõ. Thật ra, không chỉ trạng-thái vô-thường của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp tam-giới hiện-tại được hiển nhiên hiện rõ, mà còn trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của mỗi sắc-pháp, mỗi danhpháp tam-giới

hiện-tại cũng được hiển nhiên hiện rõ, bởi vì 3 trạng-thái-chung này có sự liên quan với nhau. Bắt đầu từ trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 4 udayabbayānupassanāñāṇa này cho đến trí-tuệ-thiềntuệ thứ 12 gọi là saccānulomañāṇa đều có khả năng thấy rõ, biết rõ sự sinh, sự diệt của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp tam-giới hiện-tại do nhân-duyên-sinh, do nhân-duyên-diệt; nên hiện rõ trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạngthái-vô-ngã của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp

Phần II: Những Pháp Cần Biết Đối Với Hành-Giả 213 tam-giới hiện-tại, dẫn đến chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế. Nếu hành-giả nào là hạng người tam-nhân (tihetukapuggala) thực hành pháp-hành thiềntuệ, có khả năng phát sinh đến trí-tuệ-thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ sự sinh, sự diệt của mỗi sắcpháp, mỗi danh-pháp tam-giới hiện-tại do nhânduyên-sinh, do nhân-duyên-diệt, thì hành-giả ấy thật là cao quý. Trong Dhammapadagāthā (113) Đức-Phật dạy: "Yo ca vassasataṃ jīve, apassaṃ udaybbayaṃ. Ekāhaṃ jīvitaṃ seyyo, passato udaybbayaṃ." Người nào dù sống đến trăm năm, Mà không có trí-tuệ-thiền-tuệ, Không thấy sự sinh và sự diệt. Không bằng hành-giả sống một ngày, Có trí-tuệ-thiền-tuệ phát sinh, Thấy rõ sự sinh và sự diệt, Của sắc-pháp danh-pháp hiện-tại, Cuộc đời cao quý biết dường nào! 2- Iriyāpatha là các oai-nghi thay đổi làm che phủ trạng-thái khổ của các oai-nghi không hiện rõ như thế nào?

214 TÌM HIỂU KINH TRẠNG-THÁI VÔ-NGÃ

Đức-Phật dạy rằng: "Sabbe saṅkhārā dukkhā." Tất cả các pháp-hữu-vi đều có trạng-thái khổ. Pháp-hữu-vi là pháp bị cấu tạo do 4 nhânduyên là kamma: nghiệp, citta: tâm, utu: thờitiết, āhāra: vật thực, đó là ngũ-uẩn (khandha), 12 xứ (āyatana), 18 tự-tánh (dhātu), mọi sắcpháp, mọi danh-pháp tam-giới, v.v... đều sinh rồi diệt liên tục không ngừng, nên có trạng-thái khổ của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp tam-giới, đó là sự-thật hiển nhiên của pháp-hữu-vi. Như vậy, trạng-thái khổ của mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp tam-giới là sự-thật hiển nhiên. Vậy do nguyên nhân nào làm cho trạng-thái khổ không hiện rõ? Trong bộ Visuddhimagga: Thanh-Tịnh-đạo giải rằng: "Dukkhalakkhaṇaṃ abhiṇhasampaṭipīḷanassa amanasikārā iriyāpathehi paṭicchannattā na upaṭṭhāti." (1) Trạng-thái khổ không hiện rõ, vì các oainghi thay đổi che phủ, do không có trí-tuệ-thiềntuệ thấy rõ, biết rõ sự sinh, sự diệt, trạng-thái vô-thường của mỗi sắc-pháp luôn luôn hành hạ. 1 Visuddhimagga, phần Paṭipadāñāṇadassanavisuddhiniddesa.

Phần II: Những Pháp Cần Biết Đối Với Hành-Giả 215 Các oai-nghi làm che phủ trạng-thái khổ không hiện rõ như thế nào? Tứ-oai-nghi: Oai-nghi đi, oai-nghi đứng, oai-nghi ngồi, oai-nghi nằm và các oai-nghi phụ là bước tới trước, bước lui sau, quay bên phải, quay bên trái, co tay vào, co chân vào, duỗi tay ra, duỗi chân ra, v.v... Tứ-oai-nghi và các oai-nghi phụ thuộc về sắc-pháp phát sinh do tâm (cittajarūpa), có sự sinh, sự diệt liên tục không ngừng, có trạng-thái vô-thường luôn luôn hành hạ các oai-nghi, nên oai-nghi có trạng-thái khổ. Thế mà mỗi khi có oai-nghi nào phát sinh khổ, theo thói quen liền thay đổi từ oai-nghi cũ ấy sang oai-nghi mới ngay, mà không có trí-tuệthiền-tuệ thấy rõ, biết rõ sự sinh, sự diệt của oainghi cũ ấy, nên không có trí-tuệ-thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ trạng-thái khổ của oai-nghi cũ ấy. Vì vậy, oai-nghi mới làm che phủ trạng-thái khổ của oai-nghi cũ. Phương pháp làm cho trạng-thái khổ hiện

rõ Hành-giả thực hành pháp-hành thiền-tuệ, trước khi thay đổi mỗi oai-nghi, cần phải có trítuệ-thiền-tuệ biết rõ nguyên nhân chính đáng, đó là sự khổ bắt buộc phải thay đổi từ oai-nghi cũ sang oai-nghi mới.

216 TÌM HIỂU KINH TRẠNG-THÁI VÔ-NGÃ

Khi thay đổi oai-nghi, hành-giả có trí-tuệthiền-tuệ theo dõi nhất cử nhất động từ oai-nghi cũ sang oai-nghi mới, trí-tuệ-thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ sự sinh, sự diệt của các sắc-pháp oai-nghi cũ ấy do nhân-duyên-sinh, do nhân-duyên-diệt, nên hiện rõ trạng-thái vô-thường luôn luôn hành hạ các oai-nghi cũ ấy. Vì vậy, trạng-thái khổ của sắc-pháp các oai-nghi ấy hiện rõ. Như bộ Visuddhimagga giải rằng: "Abhiṇhapaṭisampaṭipīḷanaṃ manasikatvā iriyāpathe ugghāṭite dukkhalakkhaṇaṃ yathāvasarasato upaṭṭhāti." (1) Hành-giả thực hành pháp-hành thiền-tuệ, khi trí-tuệ-thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ sự sinh, sự diệt của sắc-pháp oai-nghi ấy, hiện rõ trạng-thái vôthường luôn luôn hành hạ oai-nghi ấy, nên diệt được các oai-nghi che phủ trạng-thái khổ. Khi ấy, trạng-thái khổ của sắc-pháp oai-nghi ấy hiển nhiên hiện rõ sự thật của nó. Hành-giả thực hành pháp-hành thiền-tuệ, đến khi trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 4 udayabbayānupassanāñāṇa phát sinh thấy rõ, biết rõ sự sinh, sự diệt của mỗi sắc-pháp oai-nghi, mỗi danh-pháp tam-giới hiện-tại do nhân-duyên-sinh, do nhânduyên-diệt, nên hiện rõ trạng-thái vô-thường 1 Visuddhimagga, phần Paṭipadāñāṇadassanavisuddhiniddesa.

Phần II: Những Pháp Cần Biết Đối Với Hành-Giả 217 luôn luôn hành hạ. Nên trạng-thái khổ của sắcpháp oai-nghi, của danh-pháp tam-giới biết oainghi ấy hiển nhiên hiện rõ sự thật của nó. 3- Ghana là ngã-tưởng đồng-nhất của mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp tam-giới làm che phủ trạng-thái vô-ngã của mọi sắc-pháp, mọi danhpháp tam-giới không hiện rõ, như thế nào? Đức-Phật dạy rằng: "Sabbe dhammā anattā." Tất cả các pháp đều có trạng-thái vô-ngã. Dhammā đó là các pháp-hữu-vi bị cấu tạo do 4 nhân-duyên (kamma: nghiệp, citta: tâm, utu: thời-tiết, āhāra: vật thực), đó là ngũ-uẩn (khandha), 12 xứ (āyatana), 18 tự-tánh (dhātu), mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp tam-giới, v.v... đều sinh rồi diệt liên tục không ngừng, nên có trạng-thái vô-ngã của mỗi sắc-pháp, mỗi danhpháp tam-giới, đó là sự-thật hiển nhiên của tất cả các pháp-hữu-vi. Như vậy, trạng-thái vô-ngã của mọi sắcpháp, mọi danh-pháp tam-giới là sự thật hiển nhiên. Vậy do nguyên nhân nào làm cho trạngthái vô-ngã không hiện rõ? Trong bộ Visuddhimagga: Thanh-Tịnh-Đạo trong phần paṭipadāṇadassanavisuddhinidesa giảng giải rằng:

218 TÌM HIỂU KINH TRẠNG-THÁI VÔ-NGÃ

"Anattalakkhaṇaṃ nānādhātuvinibhogassa amanasikārā ghanena paṭicchannattā na upaṭṭhāti." (1) Trạng-thái vô-ngã không hiện rõ, vì ngãtưởng đồng-nhất che phủ, do không có trí-tuệthiền-tuệ thấy rõ, biết rõ, phân tích rõ thật-tánh của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp tam-giới riêng biệt với nhau. Ngã-tưởng đồng-nhất che phủ trạng-thái vôngã của sắc-pháp, của danh-pháp như thế nào? Ghana: Ngã-tưởng đồng-nhất có 3 loại: - Samūhaghana: Ngã-tưởng đồng-nhất tổng-hợp là gom mọi sắc-pháp, mọi

danh-pháp tam-giới lại cho là ta. - Kiccaghana: Ngã-tưởng đồng-nhất phậnsự là gom mọi phận-sự của mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp tam-giới lại cho là ta. - Ārammaṇaghana: Ngã-tưởng đồng-nhất đối-tượng là gom mọi đối-tượng lại cho là ta. Sự-thật theo chân-nghĩa-pháp (paramatthadhamma) thì mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp được phân biệt như sau: - Sắc-pháp (rūpadhamma) gồm có 28 loại sắcpháp. Mỗi sắc-pháp có trạng thái riêng khác nhau. 1 Visuddhimagga, phần Paṭipadāñāṇadassanavisuddhiniddesa.

Phần II: Những Pháp Cần Biết Đối Với Hành-Giả 219 - Danh-pháp (nāmadhamma) đó là tâm với tâm-sở: Tâm (citta) gồm có 89 hoặc 121 tâm. Tâm-sở (cetasika) gồm có 52 tâm-sở. Mỗi tâm, tâm-sở đều có trạng thái riêng, có phận sự riêng, có đối-tượng riêng khác nhau. Thế mà, ngã-tưởng đồng-nhất do tà-kiến thấy sai chấp thủ trong mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp tam-giới gom lại cho là ta theo 3 loại ngã-tưởng đồng-nhất là: - Ngã-tưởng đồng-nhất tổng-hợp. - Ngã-tưởng đồng-nhất phận sự. - Ngã-tưởng đồng-nhất đối-tượng. Do 3 loại ngã-tưởng đồng-nhất này che phủ trạng-thái vô-ngã của mọi sắc-pháp, mọi danhpháp tam-giới như sau: 3.1- Samūhaghana: Ngã-tưởng đồng-nhất tổng-hợp là gom mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp tam-giới lại cho là ta như thế nào? Ví dụ: Sở dĩ gọi là “chiếc xe” là vì có các bộ phận được lắp ráp lại với nhau. Nếu tháo rời mỗi bộ phận ra riêng rẽ thì không còn thấy chiếc xe nữa. Gọi là “ngôi nhà” là vì được xây dựng các thứ vật liệu lại với nhau. Nếu phá vỡ ra thành mảnh vụn thì không còn thấy ngôi nhà nữa, như thế nào.

220 TÌM HIỂU KINH TRẠNG-THÁI VÔ-NGÃ

Cũng như vậy, sở dĩ gọi là ta, người, chúngsinh, … là vì có ngũ-uẩn: sắc-uẩn, thọ-uẩn, tưởng-uẩn, hành-uẩn, thức-uẩn nương nhờ lẫn nhau, liên kết lại với nhau. Nếu có trí-tuệ-thiền-tuệ biết phân tích ngũ uẩn ra năm uẩn riêng biệt như sau: - Sắc-uẩn gồm có 28 loại sắc-pháp không phải ta, không phải người, không phải chúngsinh nào, … - Thọ-uẩn đó là thọ tâm-sở đồng sinh với tâm. - Tưởng-uẩn đó là tưởng tâm-sở đồng sinh với mỗi tâm. - Hành-uẩn đó là 50 tâm-sở còn lại (trừ thọ tâm-sở và tưởng tâm-sở) đồng sinh với mỗi tâm. - Thức-uẩn đó là tâm gồm có 89 tâm hoặc 121 tâm. Bốn uẩn là thọ-uẩn, tưởng-uẩn, hành-uẩn, thức-uẩn thuộc về danh-pháp không phải ta, không phải người, không phải chúng-sinh nào. Thế mà ngã-tưởng đồng-nhất tổng-hợp cho là ta, người, chúng-sinh, … nên che phủ trạngthái vô-ngã của mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp tam-giới. 3.2- Kiccaghana: Ngã-tưởng đồng-nhất phậnsự là gom mọi phận sự của mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp tam-giới lại cho là ta như thế nào?

Phần II: Những Pháp Cần Biết Đối Với Hành-Giả 221 Theo chân-nghĩa-pháp (paramatthadhamma), tâm được phân ra 6 loại tâm. Mỗi tâm nào phát sinh có số tâm-sở đồng sinh với tâm ấy làm phận sự như sau: - Cakkhuviññāṇacitta: Nhãn-thức-tâm, có 7 tâm-sở đồng sinh với 2 nhãn-thức-tâm làm phận sự thấy đối-tượng sắc. - Sotaviññānacitta: Nhĩ-thức-tâm, có 7 tâm-sở đồng sinh với 2 nhĩ-thức-tâm làm phận sự nghe đối-tượng thanh. - Ghānaviññānacitta: Tỷ-thức-tâm, có 7 tâmsở đồng sinh với 2 tỷ-thức-tâm làm phận sự ngửi đối-tượng hương. - Jivhāviññānacitta: Thiệt-thức-tâm, có 7 tâm-sở đồng sinh với 2 thiệt-thức-tâm làm phận sự nếm đối-tượng

vị. - Kāyaviññānacitta: Thân-thức-tâm, có 7 tâm-sở đồng sinh với 2 thân-thức-tâm làm phận sự xúc-giác đối-tượng xúc. - Manoviññānacitta: Ý-thức-tâm, có 79 hoặc 111 tâm (trừ 10 thức-tâm trên) có số tâm-sở tương xứng với ý-thức-tâm ấy làm phận-sự biết đối-tượng pháp. (1) Thế mà, ngã-tưởng đồng-nhất phận sự cho là

1 Đối-tượng pháp có 6 loại: 79 tâm, 52 tâm-sở, 5 tịnh-sắc, 16 sắc vi-tế, Niết-bàn, chế-định-pháp (paññattidhamma).

ta thấy người, ta nghe tiếng, ta ngửi hương thơm, ta nếm vị, ta xúc-giác mềm mại, ấm áp, ta biết điều này điều kia, nên che phủ trạng-thái vô-ngã của mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp tam-giới. 3.3- Ārammaṇaghana: Ngã-tưởng đồng-nhất đối-tượng là gom mọi đối-tượng lại cho là ta như thế nào? Theo Vi-Diệu-Pháp Yếu-Nghĩa (Abhidhammatthasaṅgaha), đối-tượng có 6 loại, mỗi đối-tượng được biết bằng mỗi loại tâm riêng biệt như sau: - Đối-tượng sắc được thấy bằng 2 nhãn-thứctâm. - Đối-tượng thanh được nghe bằng 2 nhĩthức-tâm. - Đối-tượng hương được ngửi bằng 2 tỷ-thứctâm. - Đối-tượng vị được nếm bằng 2 thiệt-thứctâm. - Đối-tượng xúc được xúc-giác bằng 2 thânthức-tâm. - Đối-tượng pháp được biết bằng 79 hoặc 111 ý-thức-tâm (trừ 10 thức-tâm). - 10 thức-tâm chỉ tiếp xúc biết 5 đối-tượng sắc, thanh, hương, vị xúc hiện-tại thuộc về chânnghĩa-pháp (paramatthadhamma) mà thôi, không biết đối-tượng chế-định-pháp (paññattidhamma).

Phần II: Những Pháp Cần Biết Đối Với Hành-Giả 223 Còn trong 79 hoặc 111 ý-thức-tâm có số dụcgiới-tâm tiếp xúc biết đối-tượng pháp thuộc về chân-nghĩa-pháp trong 3 thời (quá-khứ, hiện-tại, vị-lai) và chế-định-pháp, tùy theo mỗi dục-giớitâm; có số sắc-giới-tâm và vô-sắc-giới-tâm chỉ có biết đối-tượng thuộc về chế-định-pháp mà thôi. Riêng siêu-tam-giới-tâm đó là 4 hoặc 20 Thánh-đạo-tâm, 4 hoặc 20 Thánh-quả-tâm chỉ biết đối-tượng Niết-bàn siêu-tam-giới mà thôi. Thế mà, ngã-tưởng đồng-nhất đối-tượng cho là ta thấy người, ta nghe tiếng, ta ngửi hương thơm, ta nếm vị ngon, ta xúc-giác mềm mại, ấm áp, ta biết môn học này, ta biết công việc kia, … nên che phủ trạng-thái vô-ngã của mọi sắcpháp, mọi danh-pháp tam-giới. Phương pháp làm trạng-thái vô-ngã hiện rõ Hành-giả thực hành pháp-hành thiền-tuệ, đến khi phát sinh trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 4 uddayab- bayānupassanāñāṇa: trí-tuệ-thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ thật-tánh của mỗi sắc-pháp, mỗi danhpháp tam-giới, thấy rõ, biết rõ sự sinh, sự diệt của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp tam-giới do nhân-duyên-sinh do nhân-duyên-diệt; nên thấy rõ, biết rõ 3 trạng-thái-chung: trạng-thái vôthường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp tam-giới.

Như bộ Visuddhimagga giải rằng: “Nānādhātuyo vinibbhujitvā ghanavinibbhoge kate anattalakkhaṇaṃ yathāvasarasato (1) upaṭṭhāti.” Hành-giả thực hành pháp-hành thiền-tuệ, khi trí-tuệ-thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ, phân biệt rõ thật-tánh của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp tam-giới khác nhau; nên ngã-tưởng đồng-nhất bị tách rời ra từng mỗi tâm khác nhau, phận sự của mỗi tâm khác nhau, mỗi tâm biết mỗi đốitượng khác

nhau; nên trí-tuệ-thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ sự sinh, sự diệt của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp do nhân-duyên-sinh, do nhân-duyên diệt; nên trạng-thái vô-ngã của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp tam-giới hiển nhiên hiện rõ sựthật của chúng.

Sự sinh, sự diệt của danh-pháp, sắc-pháp Danh-pháp, sắc-pháp là pháp-hữu-vi (saṅkhatadhamma) bị cấu tạo do 4 nhân-duyên (nghiệp: kamma, tâm: citta, thời-tiết: utu, vật- thực: āhāra) thuộc về chân-nghĩa-pháp (paramatthadhamma), có thật-tánh của mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp tam-giới; có sự sinh, sự diệt của mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp tam-giới do nhân-

1 Visuddhimagga, phần Paṭipadāñāṇadassanavisuddhiniddesa.

Phần II: Những Pháp Cần Biết Đối Với Hành-Giả 225 duyên-sinh, do nhân-duyên-diệt; nên hiện rõ 3 trạng-thái-chung: trạng-thái vô-thường, trạngthái khổ, trạng-thái vô-ngã của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp tam-giới. Nibbāna: Niết-bàn thuộc về pháp-vô-vi (asaṅkhatadhamma) không bị cấu tạo do 4 nhân-duyên (nghiệp: kamma, tâm: citta, thời- tiết: utu, vật-thực: āhāra), thuộc về danh-pháp siêu-tam-giới đặc biệt hoàn toàn khác với danhpháp tam-giới (tâm với tâm-sở), có thật-tánhpháp; nhưng không có sự sinh, sự diệt, không có 3 trạng-thái-chung: trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã, bởi vì Niếtbàn hiện hữu không do nhân-duyên nào. Niết-bàn thuộc về chân-nghĩa-pháp (paramatthadhamma) là pháp-vô-ngã (anattā) cũng là đối-tượng siêu-tam-giới của siêu-tam-giới-tâm đó là 4 hoặc 20 Thánh-đạo-tâm, 4 hoặc 20 Thánh-quả-tâm mà thôi.

226 TÌM HIỂU KINH TRẠNG-THÁI VÔ-NGÃ

Pháp-hành trong Phật-giáo Trong Phật-giáo có 2 loại pháp-hành: - Pháp-hành thiền-định (Samāthakammaṭṭhāna). - Pháp-hành thiền-tuệ (Vipassanākammaṭṭhāna). 1- Pháp-hành thiền-định có trong Phật-giáo và ngoài Phật-giáo. Đối-tượng của pháp-hành thiền-định thuộc về chế-định-pháp (paññattidhamma) không có thật-tánh, không có sự sinh, sự diệt; không có 3 trạng-thái-chung: trạngthái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã. Hành-giả nào thuộc về hạng người tam-nhân (tihetukapuggala), có giới-hạnh trong sạch làm nơi nương nhờ, thực hành pháp-hành thiềnđịnh, có khả năng dẫn đến chứng đắc 5 bậc thiền sắc-giới thiện-tâm, 4 bậc thiền vô-sắc-giới thiện-tâm, chứng đắc 5 phép-thần-thông. Sau khi hành-giả ấy chết, chắc chắn chỉ có vô-sắc-giới thiện-nghiệp trong đệ-tứ-thiền vôsắc-giới thiện-tâm cao nhất gọi là phi-tưởngphi-phi-tưởng-xứ-thiền thiện-tâm có quyền ưu tiên cho quả trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla) có phi-tưởng-phi-phi-tưởngxứ-thiền quả-tâm gọi là vô-sắc-giới tái-sinhtâm (paṭisandhicitta) làm phận-sự tái-sinh kiếp sau hóa-sinh làm vị phạm-thiên trên tầng trời

Pháp-Hành Trong Phật-Giáo 227 vô-sắc-giới phạm-thiên phi-tưởng-phi-phi-tưởngxứ-thiên. Vị phạm-thiên có tuổi thọ 84.000 đạikiếp lâu dài nhất, khi hết tuổi thọ (chết) tại tầng trời vô-sắc-giới phạm-thiên này, thiện-nghiệp khác cho quả tái-sinh kiếp sau trong cõi-giới khác tùy theo nghiệp và quả của nghiệp của vị phạm-thiên ấy. (1) Còn 5 bậc thiền sắc-giới thiện-tâm và 3 bậc thiền vô-sắc-giới

thiện-tâm bậc thấp trở thành vô-hiệu-quả-nghiệp (ahosikamma) không có cơ hội cho quả được nữa.

2- Pháp-hành thiền-tuệ chỉ có trong Phậtgiáo mà thôi, hoàn toàn không có ngoài Phậtgiáo. Đối-tượng của pháp-hành thiền-tuệ đó là mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp tam-giới chỉ thuộc về chân-nghĩa-pháp (paramatthadhamma) mà thôi, không phải chế-định-pháp (paññattidhamma), có thật-tánh của mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp tam-giới; có sự sinh, sự diệt của mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp tam-giới; có 3 trạng-thái-chung: trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp tam-giới. Hành-giả nào thuộc về tihetukapuggala: người 1 Tìm hiểu rõ trong bộ Nền-Tảng-Phật-Giáo, quyển IX: Pháp- Hành Thiền-Định, cùng soạn-giả.

tam-nhân đã từng tích lũy đầy đủ 10 pháp-hạnh ba-la-mật và 5 pháp-chủ: tín pháp-chủ, tấn pháp-chủ, niệm pháp-chủ, định pháp-chủ, tuệ pháp-chủ từ vô số kiếp quá-khứ, được tích lũy đầy đủ trọn vẹn trong tâm sinh rồi diệt từ kiếp này sang kiếp kia trong vòng tử sinh luân-hồi trong tam giới. Kiếp hiện-tại hành-giả ấy có giới-hạnh trong sạch trọn vẹn làm nơi nương nhờ, thực hành pháp-hành thiền-tuệ, có khả năng dẫn đến chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả, Niết-bàn, diệt tận được mọi tham-ái, mọi phiền-não không còn dư sót, trở thành bậc Thánh A-ra-hán sẽ tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới. (1) Sự Sinh, Sự Diệt Đối-tượng thiền-tuệ đó là tất cả mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp tam-giới thuộc về chân-nghĩapháp (paramatthadhamma) có sự sinh, sự diệt của mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp tam-giới; có 3 trạng-thái-chung: trạng-thái vô-thường, trạngthái khổ, trạng-thái vô-ngã của mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp tam-giới.

1 Tìm hiểu rõ trong bộ Nền-Tảng-Phật-Giáo, quyển X: Pháp- Hành Thiền-Tuệ, cùng soạn-giả.

Pháp-Hành Trong Phật-Giáo 229 Như vậy, sự sinh, sự diệt có 2 loại: 1- Sự sinh, sự diệt của danh-pháp tam-giới Danh-pháp đó là tâm với tâm-sở, mỗi tâm nào phát sinh ắt có số tâm-sở ít hoặc nhiều đồng sinh với tâm ấy làm phận-sự biết đối-tượng của tâm ấy trong mỗi lộ-trình-tâm. Mỗi tâm có sự sinh, sự diệt vô cùng mau lẹ. Đức-Phật dạy: - Này chư tỳ-khưu! Như-lai không thấy pháp nào có sự sinh, sự diệt vô cùng mau lẹ như tâm.(1) Trong Chú-giải Pāḷi dạy rằng: Chỉ một lần búng đầu ngón tay, tâm với tâmsở (danh-pháp) sinh rồi diệt 1.000 tỷ lần.” (2) Mỗi tâm có 3 sát-na nhỏ: 1- Uppādakkhaṇa: Sát-na-sinh. 2- Ṭhitikhaṇa: Sát-na-trụ. 3- Bhaṅgakhaṇa: Sát-na-diệt. Trong lộ-trình-tâm (vīthicitta) mỗi tâm có 3 sát-na: sát-na sinh, sát-na trụ, sát-na diệt theo tuần tự trải qua lộ-trình-tâm, biết đối-tượng chân-nghĩa-pháp trong 3 thời (hiện-tại hoặc quá-khứ hoặc vị-lai), hoặc biết đối-tượng chếđịnh-pháp phi thời tùy theo mỗi đối-tượng trong mỗi lộ-trình-tâm, từ lộ-trình-tâm này sang lộ- 1 Bộ Aṅguttaranikāya, phần ekakanipāta. 2 Saṃ Aṭṭhakathā, Khandhavagga, Pheṇapindupamāsuttavaṇṇanā.

trình-tâm kia liên tục không ngừng trong đời sống sinh hoạt bình thường của mỗi chúng-sinh. Khi nằm ngủ say, lộ-trình-tâm không phát sinh, chỉ có dòng bhavaṅgacitta: hộ-kiếp-tâm sinh rồi diệt liên tục không ngừng chỉ có đốitượng cũ kiếp trước đó là kamma (đối-tượng nghiệp) hoặc kammanimitta (đối-tượng hiệntượng tạo nghiệp) hoặc gatinimitta (đối-tượng hiện-tượng dắt dẫn tái-sinh kiếp sau) mà thôi, cho đến khi tỉnh giấc. Mỗi danh-pháp (tâm với tâm-sở) phát sinh có 3 sát-na: sát-na-sinh, sát-na-trụ, sát-na-diệt. 2- Sự sinh, sự diệt của sắc-pháp Sự sinh, sự diệt của sắc-pháp chậm hơn sự sinh, sự diệt của danh-pháp theo sự so sánh với 3 sát-na: sát-na-sinh, sát-na-trụ, sát-na-diệt của danh-pháp như sau: * Sát-na-sinh và sát-na-diệt của sắc-pháp giống như sát-na-sinh và sát-na-diệt của danh-pháp. * Thời-gian-trụ của sắc-pháp có 49 sát-nanhỏ, lâu hơn 1 sát-na-trụ của danh-pháp. Ví dụ: Nhãn-môn lộ-trình-tâm (cakkhudvāravīthicitta) có đối-tượng sắc rõ ràng, gồm có 17 tâm liên tục sinh rồi diệt, mỗi tâm có 3 sát-na: sát-nasinh, sát-na-trụ, sát-na-diệt.

Pháp-Hành Trong Phật-Giáo 231 Như vậy, suốt nhãn-môn lộ-trình-tâm gồm có 51 sát-na-nhỏ. Đối-tượng sắc rõ ràng làm đối-tượng của nhãn-môn lộ-trình-tâm, có thời gian tồn tại trải qua suốt nhãn-môn lộ-trình-tâm gồm có 17 tâm mà mỗi tâm có 3 sát-na: sát-na-sinh, sát-na-trụ, sát-na-diệt liên tục, gồm có 51 sát-na-nhỏ. Trong 51 sát-na-nhỏ của đối-tượng sắc-pháp ấy, có 1 sát-na-sinh và 1 sát-na-diệt, còn lại 49 sát-na-trụ (thời-gian-trụ) của đối-tượng sắc-pháp. Như vậy, 1 sát-na-sinh và 1 sát-na-diệt của sắc-pháp giống với 1 sát-na-sinh và 1 sát-nadiệt của danh-pháp, nhưng sát-na-trụ (thờigian-trụ) của sắc-pháp gồm có 49 sát-na-nhỏ, lâu hơn so với 1 sát-na-trụ của tâm. Xem đồ biểu nhãn-môn lộ-trình-tâm có đốitượng sắc rõ ràng, để có sự so sánh giữa 3 sát- na: sát-na-sinh, sát-na-trụ, sát-na-diệt của danhpháp với sắc-pháp. Cakkhudvāravīthicitta (Nhãn-môn lộ-trình-tâm)

Đối-tượng cũ kiếp Đối-tượng sắc-pháp hiện tại Đối-tượng cũ kiếp trước

1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 11 12 13 14 bha bha atī na da pañ cak sam san vot ja ja ja ja ja ja ja ta ta bha bha

Thời gian trụ của sắc-pháp lâu đến 49 sát-na nhỏ

Sát-na-sinh của danh-pháp và sắc-pháp Sát-na-diệt của danh-pháp và sắc-pháp

232 TÌM HIỂU KINH TRẠNG-THÁI VÔ-NGÃ

Giải thích: Nhãn-môn lộ-trình-tâm Nhãn-môn lộ-trình-tâm gồm có những sát-na- tâm sinh rồi diệt theo tuần tự liên tục, có đối- tượng sắc rõ ràng. Bắt đầu từ hộ-kiếp-tâm quá- khứ thứ nhất cho đến tiếp đối-tượng-tâm thứ 17 là chấm dứt nhãn-môn lộ-trình-tâm. Nhãn-thức-tâm phát sinh có đối-tượng sắc rõ ràng tiếp xúc với nhãn-tịnh-sắc, theo nhãn-môn lộ-trình-tâm sinh rồi diệt tuần tự như sau: - Bhavaṅgacitta: Hộ-kiếp-tâm viết tắt (bha) 1-Atītabhavaṅgacitta: Hộ-kiếp-tâm quá-khứ vt (atī) 2- Bhavaṅgacalana: Hộ-kiếp-tâm rung động vt (na) 3-Bhavaṅgupaccheda: Hộ-kiếp-tâm bị cắt đứt vt (da) 4-Pañcadvāravajjanacitta: Ngũ-môn-hướng-tâm vt (pañ) 5- Cakkhuviññāṇacitta: Nhãn-thức-tâm vt (cak) 6- Sampaṭicchanacitta: Tiếp-nhận-tâm vt (sam) 7- Santīraṇacitta: Suy-xét-tâm vt (san) 8- Voṭṭhabbanacitta: Xác-định-tâm vt

(vot) 9- 15- Javanacitta: Tác-hành-tâm vt (ja) 16- 17- Tadālambana: Tiếp đối-tượng-tâm vt (ta) Bhavaṅgacitta: Hộ-kiếp-tâm vt (bha)

Nhãn-môn lộ-trình-tâm (Cakkhudvāravīthicitta) Bhavaṅgacitta: Hộ-kiếp-tâm là quả-tâm có đối-tượng cũ từ kiếp trước, làm phận sự giữ gìn hộ trì kiếp sống của mỗi kiếp chúng-sinh cho đến cuối cùng. (viết tắt bha)

Pháp-Hành Trong Phật-Giáo 233 1- Atītabhavaṅgacitta: Hộ-kiếp-tâm quá-khứ phát sinh 1 sát-na-tâm vẫn còn giữ đối-tượng cũ kiếp trước, dù có đối-tượng sắc mới hiện-tại xuất hiện. (viết tắt atī) 2- Bhavaṅgacalanacitta: Hộ-kiếp-tâm rung động phát sinh 1 sát-na-tâm bị rung động, khi có đối-tượng sắc mới hiện-tại xuất hiện. (viết tắt na) 3- Bhavaṅgupacchedacitta: Hộ-kiếp-tâm bị cắt đứt phát sinh 1 sát-na-tâm rồi diệt cùng với đối-tượng cũ kiếp trước, do đối-tượng sắc mới hiện-tại xuất hiện. (viết tắt da) 4- Pañcadvāravajjanacitta: Ngũ-môn hướngtâm phát sinh 1 sát-na-tâm làm phận sự tiếp nhận 5 đối-tượng mới hiện-tại (sắc, thanh, hương, vị, xúc). (viết tắt pañ) (Trong nhãn-môn lộ-trình-tâm này chỉ tiếp nhận đối-tượng sắc mới hiện-tại mà thôi). 5- Cakkhuviññāṇacitta: Nhãn-thức-tâm phát sinh 1 sát-na-tâm làm phận sự thấy đối-tượng sắc hiện-tại. (viết tắt cak) 6- Sampaṭicchanacitta: Tiếp-nhận-tâm phát sinh 1 sát-na-tâm làm phận sự tiếp nhận đốitượng sắc hiện-tại từ nhãn-thức-tâm. (viết tắt sam) 7- Santīraṇacitta: Suy-xét-tâm phát sinh 1 sátna-tâm làm phận sự suy xét đối-tượng sắc tốt hoặc xấu. (viết tắt san)

234 TÌM HIỂU KINH TRẠNG-THÁI VÔ-NGÃ

8- Voṭṭhabbanacitta: Xác-định-tâm, đó là ýmôn hướng-tâm (manodvāravajjanacitta) phát sinh 1 sát-na-tâm làm phận sự xác định đốitượng của bất-thiện-tâm hoặc của đại-thiện-tâm hoặc của đại-duy-tác-tâm, tùy theo trình độ hiểu biết của chúng-sinh ấy. (viết tắt vot) 9-15- Javanacitta: Tác-hành-tâm đó là bấtthiện-tâm, hoặc đại-thiện-tâm, hoặc đại-duy-tácтâm phát sinh liên tục 7 sát-na-tâm cùng loại tâm làm phận sự tạo bất-thiện-nghiệp hoặc đại-thiệnnghiệp tùy theo trình độ hiểu biết của chúngsinh, hoặc đại-duy-tác-tâm đối với bậc Thánh Ara-hán không thành đại-thiện-nghiệp, bất-thiệnnghiệp nào cả. (viết tắt ja) 16-17- Tadārammaṇacitta: Tiếp-đối-tượngtâm thuộc về quả-tâm đặc biệt phát sinh 2 sátna-tâm làm phận sự tiếp đối-tượng sắc hiện-tại từ tác-hành-tâm còn thừa 2 sát-na-tâm, hết tuổi thọ 17 sát-na-tâm của đối-tượng sắc hiện-tại, để chấm dứt nhãn-môn lộ-trình-tâm. (viết tắt ta) - Bhavaṅgacitta: Hộ-kiếp-tâm phát sinh có đối-tượng cũ từ kiếp trước trở lại, đồng thời chấm dứt nhãn-môn lộ-trình-tâm. Xem đồ biểu nhãn-môn lộ-trình-tâm có đốitượng sắc rõ ràng, có đủ 17 sát-na-tâm sinh rồi diệt theo tuần tự thấy rằng: - Sát-na-sinh của atītabhavaṅgacitta thứ nhất

Pháp-Hành Trong Phật-Giáo 235 là 1 sát-na-sinh chung của danh-pháp và sắcpháp (đối-tượng sắc). - Sát-na-diệt của tadārammaṇacitta thứ 17 cuối cùng là 1 sát-na-diệt chung của danh-pháp và sắc-pháp (đối-tượng sắc). - Thời gian sát-na-trụ của danh-pháp trong mỗi sát-na-tâm. - Thời gian sát-na-trụ của sắc-pháp bắt đầu sát-na trụ của atītabhavaṅgacitta thứ nhất cho đến sát-na trụ của tadārammṇacitta thứ 17 cuối cùng,

gồm có 49 sát-na nhỏ của tâm.

Trạng-thái-riêng (Visesalakkhaṇa)

Tất cả mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp đều có trạng-thái-riêng của mỗi pháp. - Citta: Tâm gồm có 89 hoặc 121 tâm cùng có một trạng-thái-riêng là: ārammaṇavijānanalakkhaṇa: trạng-thái biết các đối-tượng. - Cetasika: Tâm-sở gồm có 52 tâm-sở, mỗi tâm-sở có mỗi trạng-thái-riêng, nên có 52 trạngthái-riêng. Tâm-sở có 4 trạng-thái với tâm: *Tâm-sở đồng sinh với tâm (ekuppāda). *Tâm-sở đồng diệt với tâm (ekanirodha). *Tâm-sở đồng đối-tượng với tâm(ekārammaṇa).

* Tâm-sở đồng nơi sinh với tâm (ekavatthuka). - Rūpadhamma: Sắc-pháp gồm có 28 sắc-pháp, mỗi sắc pháp có mỗi trạng-thái-riêng, nên có 28 trạng-thái-riêng. - Nibbāna: Niết-bàn có trạng-thái-riêng là santilakkhaṇa: trạng-thái tịch tịnh mọi tham-ái, mọi phiền-não, mọi nỗi khổ của sắc-pháp, của danh-pháp. Mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp tam-giới có trạng-thái-riêng để phân biệt sự khác nhau của mỗi pháp. (1)

Trạng-thái-chung (Sāmaññalakkhaṇa)

Tất cả các pháp-hữu-vi bị cấu tạo do 4 nhânduyên là kamma: nghiệp, citta: tâm, utu: thời-tiết, āhāra: vật-thực, đó là ngũ-uẩn (khandha), 12 xứ (āyatana), 18 tự-tánh (dhātu), mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp tam-giới, thuộc về chân-nghĩa-pháp (paramatthadhamma) có thật-tánh, có sự sinh, sự diệt, có 3 trạng-thái-chung (sāmaññalakkhaṇa) là: - Aniccalakkhaṇa: Trạng-thái vô-thường. - Dukkhalakkhaṇa: Trạng-thái khổ. - Anattalakkhaṇa: Trạng-thái vô-ngã.

1 Tìm hiểu rõ trong quyển Vi-Diệu-Pháp Hiện Thực Trong Cuộc Sống, cùng soạn giả.

Pháp-Hành Trong Phật-Giáo 237 1- Trạng-thái vô-thường (Aniccalakkhaṇa) Ý nghĩa anicca: Aniccaṃ khayaṭṭhena (1): Vô-thường có ý nghĩa diệt, bởi vì tất cả mọi sắc-pháp, mọi danhpháp sinh rồi diệt cả thảy. Hoặc Hutvā abhāvaṭṭhena aniccā: Có rồi lại không, có ý nghĩa là vô-thường. Anicca: Vô-thường có 3 loại: 1.1- Anicca: Vô-thường Sabbe saṅkhārā aniccā: Tất cả các pháphữu-vi đều là vô-thường. Saṅkhārā: Pháp-hữu-vi bị cấu tạo do 4 nhânduyên (kamma: nghiệp, citta: tâm, utu: thời-tiết, āhāra: vật-thực), đó là ngũ-uẩn (khandha), 12 xứ (āyatana), 18 tự-tánh (dhātu), ... mọi sắcpháp, mọi danh-pháp tam-giới đều là vô-thường. Bởi vì các pháp-hữu-vi sinh rồi diệt theo tự nhiên của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp tam-giới. 1.2- Aniccalakkhaṇa: Trạng-thái vô-thường Hành-giả thực hành pháp-hành thiền-tuệ, khi trí-tuệ-thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ sự sinh, sự diệt của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp tam-giới do nhân-duyên-sinh, do nhân-duyên-diệt nào, nên 1 Bộ Visuddhimagga, phần Sammasanañāṇakathā.

hiện rõ trạng-thái vô-thường của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp tam-giới ấy. 1.3- Aniccānupassanā: Trí-tuệ-thiền-tuệ dõi theo trạng-thái vô-thường Hành-giả thực hành pháp-hành thiền-tuệ, trítuệ-thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp

tam-giới có trạng-thái vô-thường, rồi dõi theo trạng-thái vô-thường, nên diệt được thường-tưởng (niccasaññā: sự tưởng sai, chấp lầm) cho rằng: sắc-pháp, danh-pháp tam-giới là thường. Nếu hành-giả tiếp tục thực hành pháp-hành thiền-tuệ, trí-tuệ-thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp tam-giới có trạng-thái vô-thường, rồi dõi theo trạng-thái vô-thường của mỗi sắc-pháp hoặc mỗi danh-pháp tam-giới ấy, dẫn đến chứng ngộ Niết-bàn gọi là animittanibbāna: vô-hiện-tượng Niết-bàn, Niếtbàn không có hiện tượng các pháp-hữu-vi. Hành-giả chứng ngộ animittanibbāna: vôhiện-tượng Niết-bàn do tín pháp-chủ (saddhindriya) có nhiều năng lực hơn 4 phápchủ còn lại (tấn pháp-chủ, niệm pháp-chủ, định pháp-chủ, tuệ pháp-chủ) hoặc do năng lực của giới (sīla).

Pháp-Hành Trong Phật-Giáo 239

2- Trạng-thái khổ (Dukkhalakkhaṇa)

Ý nghĩa Dukkha

Dukkhaṃ bhayaṭṭhena (1): Khổ có ý nghĩa

5

đáng kinh sợ, bởi vì tất cả mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp tam-giới sinh rồi diệt liên tục không ngừng, vô-thường, diệt mất, nên đáng kinh sợ. Uppādavayapaṭipīḷanaṭṭhena dukkhā: Sự sinh, sự diệt luôn luôn hành hạ có ý nghĩa là khổ. Tính chất khổ có 3 loại: - Dukkhadukkha: Khổ-thật-khổ đó là thọ-khổ (dukkhavedanā) khó chịu đựng nổi, như khổ thân, khổ tâm. - Vipariṇāmadukkha: Biến-chất-khổ đó là thọ-lạc (sukhavedanā) bị vô-thường sinh rồi diệt làm biến chất, nên thọ-lạc cũng vẫn là khổ-đế, dù khổ vẫn còn dễ chịu đựng được. - Saṅkhāradukkha: Pháp-hành-khổ đó là tất cả mọi pháp-hữu-vi là mọi sắc-pháp, mọi danhpháp tam-giới sinh rồi diệt liên tục không ngừng hành hạ, nên chỉ có khổ mà thôi. Dukkha: Khổ có 3 loại: 2.1- Dukkha: Khổ thân, khổ tâm Sabbe saṅkhārā dukkhā: Tất cả mọi pháphữu-vi đều là khổ. 1 Bộ Visuddhimagga, phần Sammasanañāṇakathā.

240 TÌM HIỂU KINH TRẠNG-THÁI VÔ-NGÃ

Saṅkhārā: Pháp-hữu-vi bị cấu tạo do 4 nhânduyên (kamma: nghiệp, citta: tâm, utu: thời-tiết, āhāra: vật-thực), đó là ngũ-uẩn (khandha), 12 xứ (āyatana), 18 tự-tánh (dhātu), … mọi sắcpháp, mọi danh-pháp tam-giới đều là khổ. Bởi vì sinh rồi diệt liên tục không ngừng, vô-thường luôn luôn hành hạ (abhiṇhapaṭipīḷana), nên chỉ có khổ mà thôi. 2.2- Dukkhalakkhaṇa: Trạng-thái khổ Tất cả mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp tam-giới đều có trạng-thái vô-thường, nên tất cả mọi sắcpháp, mọi danh-pháp tam-giới cũng có trạngthái khổ. Đức-Phật dạy trong kinh Anattalakkhaṇasutta: “Yadaniccaṃ taṃ dukkhaṃ.” Ngũ-uẩn, sắc-pháp, danh-pháp tam-giới nào có trạng-thái vô-thường, thì ngũ-uẩn, sắc-pháp, danh-pháp tam-giới ấy có trạng-thái khổ. Hành-giả thực hành pháp-hành thiền-tuệ, khi trí-tuệ-thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ sự sinh, sự diệt của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp tam-giới nào do nhân-duyên-sinh, do nhân-duyên-diệt, sinh rồi diệt liên tục không ngừng luôn luôn hành hạ, nên hiện rõ trạng-thái khổ của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp tam-giới ấy.

Pháp-Hành Trong Phật-Giáo 241 2.3- Dukkhānupassanā: Trí-tuệ-thiền-tuệ dõi theo trạng-thái khổ. Hành-giả thực hành pháp-hành thiền-tuệ, trítuệ-thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp tam-giới có trạng-thái khổ, rồi dõi theo trạng-thái khổ; nên diệt được lạc-tưởng (sukhasaññā: sự tưởng lầm, chấp lầm) cho rằng: mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp tam-giới là lạc. Nếu hành-giả tiếp tục thực hành pháp-hành thiền-tuệ, trí-tuệ-thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ sắcpháp hoặc danh-pháp tam-giới có trạng-thái khổ, rồi dõi theo trạng-thái khổ của sắc-pháp hoặc danh-pháp tam-giới ấy, dẫn đến chứng ngộ Niết-bàn gọi là appaṇihitanibbāna: vô-ái Niếtbàn, Niết-bàn không có tham-ái nương nhờ. Hành-giả chứng ngộ appaṇihitanibbāna: vôái Niết-bàn do định pháp-chủ (samādhindriya) có nhiều năng lực hơn 4 pháp-chủ còn lại (tín pháp-chủ, tấn pháp-chủ, niệm pháp-chủ, tuệ pháp-chủ), hoặc do năng lực của định (samādhi).

3- Trạng-thái vô-ngã (Anattalakkhaṇa) Ý nghĩa Anattā Anattā asārakaṭṭhena (1): Vô-ngã nghĩa là

1 Bộ Visuddhimagga, phần Sammasanañāṇakathā.

vô dụng, bởi vì không phải ta, không phải của ta, không chiều theo ý muốn của ai. Hoặc Anattā: Vô-ngã còn có 4 ý nghĩa theo ṭīkā (1) giảng giải là: - Avasavattanaṭṭha: Vô-ngã nghĩa là không chiều theo ý muốn của một ai cả. - Asāmikaṭṭha: Vô-ngã nghĩa là vô chủ, không có ai là chủ cả. - Suññataṭṭha: Vô-ngã nghĩa là không, không phải ta, không phải của ta, không phải của ai cả. - Attapaṭikkhepaṭṭha: Vô-ngã nghĩa là phủ nhận cái ngã, cái ta, cái đại ngã theo quan niệm tà-kiến thấy sai chấp lầm. Anattā: Vô-ngã có 3 loại: 3.1- Anattā: Pháp-vô-ngã, không phải ta, không phải của ta. “Sabbe dhammā anattā”: Tất cả các pháphữu-vi và pháp-vô-vi đều là vô-ngã. * Pháp-hữu-vi (saṅkhatadhamma) bị cấu tạo do 4 nhân-duyên (kamma: nghiệp, citta: tâm, utu: thời-tiết, āhāra: vật-thực), đó là ngũ-uẩn (khandha), 12 xứ (āyatana), 18 tự-tánh (dhātu), … mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp tam-giới, đều là pháp-vô-ngã. 1 Sāratthadīpanīṭīkā, Anattalakkhaṇasuttavaṇṇanā.

Pháp-Hành Trong Phật-Giáo 243 * Pháp-vô-vi (asaṅkhatadhamma) không bị cấu tạo do 4 nhân-duyên (kamma: nghiệp, citta: tâm, utu: thời-tiết, āhāra: vật-thực), đó là Niếtbàn và gom cả chế-định-pháp (paññattidhamma) cũng là pháp-vô-ngã. 3.2- Anattalakkhaṇa: Trạng-thái vô-ngã Tất cả mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp tam-giới đều có trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, thì cũng có trạng-thái vô-ngã. Đức-Phật dạy trong kinh Anattalakkhaṇasutta: - Yadaniccaṃ taṃ dukkhaṃ. - Yaṃ dukkhaṃ tadanattā. Ngũ-uẩn, sắc-pháp, danh-pháp tam-giới nào có trạng-thái vô-thường, thì ngũ-uẩn, sắc-pháp, danh-pháp tam-giới ấy có trạng-thái khổ. Ngũ-uẩn, sắc-pháp, danh-pháp tam-giới nào có trạng-thái khổ, thì ngũ-uẩn, sắc-pháp, danh-pháp tam-giới ấy có trạng-thái vô-ngã. Hành-giả thực hành pháp-hành thiền-tuệ, khi trí-tuệ-thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ sự sinh, sự diệt của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp tam-giới nào do nhân-duyên-sinh, do nhân-duyên-diệt, sinh rồi diệt liên tục không ngừng, không chiều theo ý muốn của một ai cả, nên hiện rõ trạng-thái vôngã của mỗi sắc-pháp, mỗi

danh-pháp tam-giới ấy.

244 TÌM HIỂU KINH TRẠNG-THÁI VÔ-NGÃ

3.3- Anattānupassanā: Trí-tuệ-thiền-tuệ dõi theo trạng-thái vô-ngã. Hành-giả thực hành pháp-hành thiền-tuệ, trítuệ-thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ sắc-pháp, danhpháp tam-giới có trạng-thái vô-ngã, rồi dõi theo trạng-thái vô-ngã, nên diệt được ngã-tưởng (attasaññā: sự tưởng lầm, chấp lầm) cho rằng: sắc-pháp, danh-pháp là ngã. Nếu hành-giả tiếp tục thực hành pháp-hành thiền-tuệ, trí-tuệ-thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ sắcpháp hoặc danh-pháp tam-giới có trạng-thái vôngã, rồi dõi theo trạng-thái vô-ngã của sắc-pháp hoặc danh-pháp tam-giới ấy, dẫn đến chứng ngộ Niết-bàn gọi là suññatanibbāna: chơn-không Niết-bàn, Niết-bàn hoàn toàn vô-ngã, không phải ta, không phải của ta. Hành-giả chứng ngộ suññatanibbāna: chơnkhông Niết-bàn do tuệ pháp-chủ (paññindriya) có nhiều năng lực hơn 4 pháp-chủ còn lại (tín pháp-chủ, tấn pháp-chủ, niệm pháp-chủ, định pháp-chủ), hoặc do năng lực của tuệ (paññā). Sự liên quan giữa 3 trạng-thái-chung Ba trạng-thái-chung: Trạng-thái vô-thường, trạng-thái-khổ, trạng-thái vô-ngã của mỗi sắcpháp, mỗi danh-pháp tam-giới có sự liên quan lẫn nhau.

Pháp-Hành Trong Phật-Giáo 245 Đức-Phật dạy rằng: “Yadaniccaṃ, taṃ dukkhaṃ. Yaṃ dukkhaṃ, tadanattā.” (1) Pháp ngũ-uẩn, sắc-pháp, danh-pháp tam-giới nào có trạng-thái vô-thường, thì ngũ-uẩn, sắc pháp, danh-pháp tam-giới ấy có trạng-thái khổ. Pháp ngũ-uẩn, sắc-pháp, danh-pháp tam-giới nào có trạng-thái khổ, thì ngũ-uẩn, sắc-pháp, danh-pháp tam-giới ấy có trạng-thái vô-ngã. Như vậy, mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp tam giới đều có 3 trạng-thái-chung: trạng-thái vôthường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã. Thật ra, trí-tuệ-thiền-tuệ đó là trí-tuệ tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm hợp với trí-tuệ chỉ có khả năng thấy rõ, biết rõ mỗi đối-tượng sắcpháp hoặc danh-pháp tam-giới mà thôi (một tâm không thể biết nhiều đối-tượng cùng một lúc). - Khi nào trí-tuệ-thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ sự sinh, sự diệt của sắc-pháp nào hoặc danhpháp tam-giới nào do nhân-duyên-sinh, do nhân-duyên-diệt; nên hiện rõ trạng-thái vôthường, thì khi ấy, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của sắc-pháp ấy, của danh-pháp tam-giới ấy không hiện rõ.

1 Saṃyuttanikāya, Khandhavagga, Anattalakkhaṇasutta.

246 TÌM HIỂU KINH TRẠNG-THÁI VÔ-NGÃ

- Khi nào trí-tuệ-thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ sự sinh, sự diệt của sắc-pháp nào hoặc danhpháp tam-giới nào do nhân-duyên-sinh, do nhân-duyên-diệt; nên hiện rõ trạng-thái khổ, thì khi ấy, trạng-thái vô-thường, trạng-thái vôngã của sắc-pháp ấy, của danh-pháp tam-giới ấy không hiện rõ. - Khi nào trí-tuệ-thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ sự sinh, sự diệt của sắc-pháp nào hoặc danh-pháp tam-giới nào do nhân-duyên-sinh, do nhânduyên-diệt, nên hiện rõ trạng-thái vô-ngã; thì khi ấy, trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ của sắc-pháp ấy, của danh-pháp tam-giới ấy không hiện rõ. Cho nên, khi trí-tuệ-thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ trạng-thái-chung nào của sắc-pháp nào, hoặc của danh-pháp tam-giới nào làm đối-tượng thiềntuệ, thì 2 trạng-thái-chung còn lại mặc dù không hiện rõ, nhưng tiềm năng của trí-tuệ-thiền-tuệ ấy vẫn có khả năng diệt được sự

tưởng lầm, chấp lầm cho rằng: sắc-pháp ấy, hoặc danh-pháp tam-giới ấy là thường, lạc, ngã. Bởi vì 3 trạng- thái-chung: trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã có liên quan lẫn nhau.

Quan niệm vô-thường, khổ, vô-ngã theo đời Trong thời-kỳ Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác

Pháp-Hành Trong Phật-Giáo 247 chưa xuất hiện trên thế gian, hoặc đối với những người không hiểu biết về giáo-pháp của Đức- Phật, có các quan niệm như sau: * Quan niệm về vô-thường: Đối với số người ấy, những gì có tính chất không được bền vững lâu dài, có rồi lại bị hư hại, hoặc mất đi, v.v... người ta cho là vô-thường. Ví dụ: Khi nghe người chết, chiếc xe bị hư, cái ly bị bể, xảy ra sự biến đổi, v.v... Người ta than thở với nhau rằng: "Vô-thường!" * Quan niệm về khổ: Đối với số người ấy, khi gặp sự khổ thân như: bị bệnh hoạn ốm đau, bị tai nạn, bị đánh đập, v.v... Người ta than vãn với nhau rằng: "Khổ quá!" Hoặc khi gặp nỗi khổ tâm như: sầu não khóc than thương tiếc đến người thân đã chết, của cải tài sản bị mất, v.v... Người ta than vãn với nhau rằng: "Khổ quá!" * Quan niệm về vô-ngã: Đối với số người ấy không từng học hỏi giáo-pháp của Đức-Phật, không từng nghe chánh-pháp của Đức-Phật, thì không có quan niệm về vô-ngã, bởi vì số người ấy vốn dĩ là người thường chấp ngã, chấp thủ có ta, của ta. Dù cho số người ấy có quan niệm về vô-thường

quan niệm về khổ nhưng cũng chỉ là một cách thô thiển mà thôi. Thật vậy, một người sống qua bấy nhiêu năm rồi mới chết, một chiếc xe chạy qua thời gian rồi mới bị hư, một cái ly đã sử dụng qua, rồi mới bị bể, v.v... Như vậy, quan niệm về vô-thường đối với họ chờ có thời gian. Và quan niệm về khổ đối với họ phải chờ có bệnh hoạn ốm đau, bị tai nạn thương tích, v.v... Trong Phật-giáo, chư vị Bồ-tát Thanh-văn-đệtử của Đức-Phật, thuộc về hạng người tamnhân (tihetukapuggala) đã từng thực hành đầy đủ 10 pháp-hạnh ba-la-mật từ vô số kiếp quákhứ, và có đủ 5 pháp-chủ là tín pháp-chủ, tấn pháp-chủ, niệm pháp-chủ, định pháp-chủ, tuệ pháp-chủ được tích lũy trong tâm sinh rồi diệt liên tục từ kiếp này sang kiếp kia trong vòng tử sinh luân-hồi trong ba giới. Kiếp hiện-tại, chư vị Bồ-tát thanh-văn đệ-tử nào của Đức-Phật có duyên may lắng nghe chánh-pháp của Đức-Phật hoặc lắng nghe chánh-pháp của bậc Thánh thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật, rồi chư vị Bồ-tát Thanh-văn-giác ấy thực hành pháp-hành thiền-tuệ có khả năng phát sinh trí-tuệ thứ nhất nāmarūpaparicchedañāṇa thấy rõ, biết rõ, phân biệt rõ thật-tánh của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp tam-giới là pháp-vô-

Pháp-Hành Trong Phật-Giáo 249 ngã (anattā). Tiếp tục phát sinh đến trí-tuệthiền-tuệ thứ 4 uddayabbayānupassanāñāṇa: trí-tuệ-thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ sự sinh, sự diệt của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp tam-giới hiện tại do nhân-duyên-sinh, do nhân-duyên-diệt; nên thấy rõ, biết rõ 3 trạng-thái-chung: trạngthái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vôngã của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp tam-giới hiện-tại ấy. Hành-giả tiếp tục thực hành pháp-hành thiềntuệ để phát sinh theo tuần tự từ các trí-tuệ-thiềntuệ tam-giới cho đến trí-tuệ-thiền-tuệ siêu-tamgiới, dẫn đến chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế y theo Đức-Phật, chứng đắc Thánh-đạo, Thánhquả, Niết-bàn, trở

thành bậc Thánh-nhân trong Phật-giáo. Thật ra, 3 trạng-thái-chung: trạng-thái vôthường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp tam-giới là sự-thật hiển nhiên trong thế gian, nhưng không có một vị thầy nào có khả năng chỉ dạy để cho thấy, cho biết sự-thật hiển nhiên này, mãi cho đến khi Đức-Phật Gotama xuất hiện trên thế gian. Khi ấy, Đức-Phật Gotama thuyết pháp, giảng dạy sự-thật thật-tánh của mỗi sắc-pháp, mỗi danhpháp tam-giới ấy, để tế độ các chúng-sinh hữuduyên nên tế độ.

250 TÌM HIỂU KINH TRẠNG-THÁI VÔ-NGÃ

Ba trạng-thái-chung có trạng-thái chi tiết Tất cả mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp tam-giới thuộc về pháp-hữu-vi bị cấu tạo do 4 nhânduyên (kamma: nghiệp, citta: tâm, utu: thời-tiết, āhāra: vật-thực), đó là ngũ-uẩn (khandha), 12 xứ (āyatana), 18 tự-tánh (dhātu), mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp tam-giới có sự sinh, sự diệt; nên có 3 trạng-thái-chung: trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã. Trong mỗi trạng-thái-chung của mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp tam-giới ấy có nhiều trạng-thái chi-tiết được trình bày trong bộ Visuddhimagga phần Maggāmaggañāṇadassanavisuddhi như sau:

1- Aniccalakkhaṇa: Trạng-thái vô-thường

Trạng-thái vô-thường có 10 trạng-thái chi-tiết:
1- Aniccato: Trạng-thái vô-thường.
2- Palokato: Trạng-thái tiêu diệt.
3- Calato: Trạng-thái biến đổi.
4- Pabhaṅguto: Trạng-thái tan rã.
5- Addhuvato: Trạng-thái không bền vững.
6- Vipariṇāmadhammato: Trạng-thái biến đổi là thường.
7- Asārakato: Trạng-thái vô dụng, không cốt lõi.
8- Vibhavato: Trạng-thái bị suy tàn.
Pháp-Hành Trong Phật-Giáo 251 9- Saṅkhatato: Trạng-thái bị cấu tạo. 10- Maraṇadhammato: Trạng-thái diệt, chết là thường. Trạng-thái vô-thường có 10 trạng-thái chi-tiết của sắc-pháp, danh-pháp tam-giới, cũng là đốitượng của trí-tuệ-thiền-tuệ aniccānupassanā. Mỗi trạng-thái chi tiết của trạng-thái vô-thường hiện rõ tùy theo khả năng trí-tuệ-thiền-tuệ của mỗi hành-giả.

2- Dukkhalakkhaṇa: Trạng-thái khổ
Trạng-thái khổ có 25 trạng-thái chi-tiết:
1- Dukkhato: Trạng-thái khổ khó chịu.
2- Rogato: Trạng-thái khổ như bệnh tật.
3- Gaṇḍato: Trạng-thái khổ như ung nhọt.
4- Sallato: Trạng-thái khổ như mũi tên độc.
5- Aghato: Trạng-thái khổ bất hạnh.
6- Ābādhato: Trạng-thái khổ như ốm đau.

7- Ītito: Trạng-thái khổ suy đồi.

8- Upaddavato: Trạng-thái khổ tai nạn.

9- Bhayato: Trạng-thái khổ đáng kinh sợ.

10- Upasaggato: Trạng-thái khổ cản trở.

11- Atāṇato: Trạng-thái khổ không có nơi bảo hộ

12- Aleṇato: Trạng-thái khổ không có nơi ẩn náu.

13- Asaraṇato: Trạng-thái khổ vì không có nơi nương nhờ.

252 TÌM HIỂU KINH TRẠNG-THÁI VÔ-NGÃ

14- Ādīnavato: Trạng-thái khổ vì tội chướng. 15- Aghamūlato: Trạng-thái nguồn gốc của khổ. 16- Vadhakato: Trạng-thái khổ như kẻ sát hại. 17- Sāsavato: Trạng-thái khổ do phiền-não trầm-luân. 18- Mārāmisato: Trạng-thái khổ như mồi của Ma. 19- Jātidhammato: Trạng-thái khổ sinh là thường. 20- Jarādhammato: Trạng-thái khổ già là thường. 21- Byādhidhammato: Trạng-thái khổ bệnh là thường. 22- Sokadhammato: Trạng-thái khổ sầu não là thường. 23- Paridevadhammato: Trạng-thái khổ than khóc là thường. 24- Upāyāsadhammato: Trạng-thái nỗi thống khổ cùng cực. 25- Saṃkilesikadhammato: Trạng-thái khổ bị ô nhiễm bởi phiền-não. Trạng-thái khổ có 25 trạng-thái chi-tiết của sắc-pháp, danh-pháp tam-giới, cũng là đối-tượng của trí-tuệ-thiền-tuệ dukkhānupassanā. Mỗi trạngthái chi tiết của trạng-thái khổ hiện rõ tùy theo khả năng trí-tuệ-thiền-tuệ của mỗi hành-giả.

Pháp-Hành Trong Phật-Giáo 253 3- Anattalakkhaṇa: Trạng-thái vô-ngã

Trạng-thái vô-ngã có 5 trạng-thái chi-tiết: 1- Anattato: Trạng-thái vô-ngã, không phải ta. 2- Parato: Trạng-thái khác lạ, không phải ta. 3- Rittato: Trạng-thái rỗng không, không có thường, lạc, ngã. 4- Tucchato: Trạng-thái không có thật là ta. 5- Suññato: Trạng-thái hoàn toàn không phải ta, không phải của ta. Trạng-thái vô-ngã có 5 trạng-thái chi-tiết của sắc-pháp, danh-pháp tam-giới, cũng là đốitượng của trí-tuệ-thiền-tuệ anattānupassanā. Mỗi trạng-thái chi-tiết của trạng-thái vô-ngã hiện rõ tùy theo khả năng trí-tuệ-thiền-tuệ của mỗi hành-giả. Như vậy, 3 trạng-thái-chung: trạng-thái vôthường có 10 trạng-thái chi-tiết, trạng-thái khổ có 25 trạng-thái chi-tiết, trạng-thái vô-ngã có 5 trạng-thái chi-tiết, gồm có 40 trạng-thái chitiết. Mỗi loại trạng-thái chi-tiết của mọi sắcpháp, mọi danh-pháp tam-giới này được hiện rõ đối với hành-giả thực hành pháp-hành thiền-tuệ, tùy theo năng lực của 5 pháp-chủ: tín pháp-chủ, tấn pháp-chủ, niệm pháp-chủ, định pháp-chủ,

254 TÌM HIỂU KINH TRẠNG-THÁI VÔ-NGÃ

tuệ pháp-chủ và tùy theo năng lực của giới, định, tuệ của mỗi hành-giả. Mỗi loại trạng-thái chi-tiết ấy đều có khả năng dẫn đến chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả, Niết-bàn, trở thành bậc Thánh-nhân trong Phật-giáo như sau: - Nếu hành-giả có tín pháp-chủ có nhiều năng lực hơn 4 pháp-chủ còn lại (tấn pháp-chủ, niệm pháp-chủ, định pháp-chủ, tuệ pháp-chủ), và giới có nhiều năng lực thì trạng-thái vôthường hiện rõ; dẫn đến chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánhquả, Niết-bàn, diệt tận được mọi tham-ái, mọi phiền-não không

còn dư sót, trở thành bậc Thánh A-ra-hán cao thượng trong Phật-giáo. Hành-giả trở thành Thánh-nhân bậc nào tùy theo năng lực của 10 pháp-hạnh ba-la-mật, và năng lực của 5 pháp-chủ của hành-giả. - Nếu hành-giả có định pháp-chủ có nhiều năng lực hơn 4 pháp-chủ còn lại (tín pháp-chủ, tấn pháp-chủ, niệm pháp-chủ, tuệ pháp-chủ) và định có nhiều năng lực thì trạng-thái khổ hiện rõ; dẫn đến chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả, Niếtbàn, diệt tận được mọi tham-ái, mọi phiền-não

Pháp-Hành Trong Phật-Giáo 255 không còn dư sót, trở thành bậc Thánh A-ra-hán cao thượng trong Phật-giáo. Hành-giả trở thành Thánh-nhân bậc nào tùy theo năng lực của 10 pháp-hạnh ba-la-mật, và năng lực của 5 pháp-chủ của hành-giả. - Nếu hành-giả có tuệ pháp-chủ có nhiều năng lực hơn 4 pháp-chủ còn lại (tín pháp-chủ, tấn pháp-chủ, niệm pháp-chủ, định pháp-chủ) và tuệ có nhiều năng lực thì trạng-thái vô-ngã hiện rõ; dẫn đến chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả, Niếtbàn, diệt tận được mọi tham-ái, mọi phiền-não không còn dư sót, trở thành bậc Thánh A-ra-hán cao thượng trong Phật-giáo. Hành-giả trở thành Thánh-nhân bậc nào tùy theo năng lực của 10 pháp-hạnh ba-la-mật và năng lực của 5 pháp-chủ của hành-giả.

256 TÌM HIỂU KINH TRẠNG-THÁI VÔ-NGÃ

Bốn Thánh-đạo-tuệ (Maggañāṇa) - Nhập-lưu Thánh-đạo-tuệ (Sotāpattimaggañāṇa). - Nhất-lai Thánh-đạo-tuệ (Sakadāgāmimaggañāṇa). - Bất-lai Thánh-đạo-tuệ (Anāgāmimaggañāṇa). - A-ra-hán Thánh-đạo-tuệ (Arahattamaggañāṇa). 1- Nhập-lưu Thánh-đạo-tuệ (Sotāpattimaggañāṇa) đó là trí-tuệ-thiền-tuệ siêu-tam-giới thứ 14 Sotāpattimaggañāṇa trong Nhập-lưu Thánhđạo-tâm của Nhập-lưu Thánh-đạo lộ-trình-tâm (Sotāpattimaggavīthicitta) có phận-sự đặc biệt diệt tận được tham-ái, phiền-não, ác-pháp theo khả năng của Nhập-lưu Thánh-đạo-tuệ. 2- Nhất-lai Thánh-đạo-tuệ (Sakadāgāmimaggañāṇa) đó là trí-tuệ-thiền-tuệ siêu-tam-giới thứ 14 Sakadāgāmimaggañāṇa trong Nhất-lai Thánh đạo-tâm của Nhất-lai Thánh-đạo lộ-trìnhtâm (Sakadāgāmimaggavīthicitta) có phận-sự đặc biệt diệt tận được tham-ái, phiền-não, ácpháp theo khả năng của Nhất-lai Thánh-đạo-tuệ. 3- Bất-lai Thánh-đạo-tuệ Anāgāmimaggañāṇa) đó là trí-tuệ-thiền-tuệ siêu-tam-giới thứ 14 Anāgāmimaggañāṇa trong Nhất-lai Thánh-

Bốn Thánh-Đạo-Tuệ 257 đạo-tâm của Bất-lai Thánh-đạo lộ-trình-tâm (Anāgāmimaggavīthicitta) có phận-sự đặc biệt diệt tận được tham-ái, phiền-não, ác-pháp theo khả năng của Bất-lai Thánh-đạo-tuệ. 4- A-ra-hán Thánh-đạo-tuệ (Arahattamaggañāṇa) đó là trí-tuệ-thiền-tuệ siêu-tam-giới thứ 14 Arahattamaggañāṇa trong A-ra-hán Thánh-đạotâm của A-ra-hán Thánh-đạo lộ-trình-tâm (Arahattamaggavīthicitta) có phận-sự đặc biệt diệt tận được tham-ái, phiền-não, ác-pháp theo khả năng của A-ra-hán Thánh-đạo-tuệ. Mỗi Thánh-đạo-tuệ có khả năng đặc biệt diệt tận được (samucchedappahāna) tham-ái, phiềnnão, ác-pháp theo khả năng của mỗi Thánh-đạotuệ như sau: 1- Tham-ái (Taṇhā) Tham-ái (taṇhā) đó là tham tâm-sở (lobhacetasika) đồng sinh với 8 tham-tâm (lobhacitta) là nhân sinh

khổ-Thánh-đế dẫn dắt tái-sinh kiếp sau trong ba giới bốn loài. Tham-ái có 3 loại: 1- Kāmataṇhā: Dục-ái là tham-ái trong 6 đối- tượng: sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp trong cõi dục-giới. 2- Bhavataṇhā: Hữu-ái là tham-ái trong 6 đối-tượng hợp với thường-kiến, hoặc tham-ái

trong 5 bậc thiền sắc-giới thiện-tâm, 4 bậc thiền vô-sắc-giới thiện-tâm, trong 16 tầng trời sắc-giới phạm-thiên, 4 tầng trời vô-sắc-giới phạm-thiên. 3- Vibhavataṇhā: Phi-hữu-ái là tham-ái trong 6 đối-tượng hợp với đoạn-kiến. Bốn Thánh-đạo-tuệ diệt tận 3 loại tham-ái * Nhập-lưu Thánh-đạo-tuệ diệt tận được 2 loại tham-ái đó là: - Vibhavataṇhā: Tham-ái trong 6 đối-tượng hợp với đoạn-kiến. - Bhavataṇhā: Tham-ái trong 6 đối-tượng hợp với thường-kiến, có chi-pháp là tham tâm-sở (lobhacetasika) đồng sinh với 4 tham-tâm hợp với tà-kiến không còn dư sót. * Nhất-lai Thánh-đạo-tuệ diệt tận được 1 loại tham-ái đó là: - Kāmataṇhā: Tham-ái trong 6 đối-tượng loại thô trong cõi dục-giới, có chi-pháp là tham tâm-sở (lobhacetasika) đồng sinh với 4 tham-tâm không hợp với tà-kiến không còn dư sót. * Bất-lai Thánh-đạo-tuệ diệt tận được 1 loại tham-ái đó là: - Kāmataṇhā: Tham-ái trong 6 đối-tượng loại vi-tế trong cõi dục-giới, có chi-pháp là tham tâm-sở (lobhacetasika) đồng sinh với 4 thamtâm không hợp với tà-kiến không còn dư sót.

Bốn Thánh-Đạo-Tuệ 259 * A-ra-hán Thánh-đạo-tuệ diệt tận được 2 loại tham-ái còn lại đó là: - Bhavataṇhā: Tham-ái trong thiền sắc-giới, thiền vô-sắc-giới; trên tầng trời sắc-giới phạmthiên, tầng trời vô-sắc-giới phạm-thiên có chipháp là tham tâm-sở (lobhacetasika) đồng sinh với 4 tham-tâm không hợp với tà-kiến cõi sắcgiới, cõi vô-sắc-giới không còn dư sót. - Kāmataṇhā: Tham-ái trong 6 đối-tượng loại vi-tế trong 5 bậc thiền sắc-giới, trong 4 bậc thiền vô-sắc-giới; trên tầng trời sắc-giới phạmthiên, trên tầng trời vô-sắc-giới phạm-thiên có chi-pháp là tham tâm-sở (lobhacetasika) đồng sinh với 4 tham-tâm không hợp với tà-kiến cõi sắc-giới, cõi vô-sắc-giới không còn dư sót. Bậc Thánh A-ra-hán đã diệt tận được tất cả mọi tham-ái là nhân sinh khổ Thánh-đế, cho nên bậc Thánh A-ra-hán không còn tái-sinh kiếp sau nữa. 2- Pháp-trầm-luân (Āsava) Pháp-trầm-luân (āsava) là pháp làm cho tất cả mọi chúng-sinh bị chìm đắm trong ba giới bốn loài, không thể vươn lên trở thành bậc Thánh-nhân được. Pháp-trầm-luân có 4 pháp: 1- Kāmāsava: Cõi-dục trầm-luân là chìm đắm

trong 6 đối-tượng cõi dục-giới, có chi-pháp là tham tâm-sở đồng sinh với 8 tham-tâm. 2- Bhavāsava: Kiếp trầm-luân là chìm đắm trong cõi trời sắc-giới, cõi trời vô-sắc-giới, có chi-pháp là tham tâm-sở đồng sinh với 4 thamtâm không hợp với tà-kiến. 3-Diṭṭhāsava: Tà-kiến trầm-luân là chìm đắm trong mọi tà-kiến, có chi-pháp là tà-kiến tâm-sở đồng sinh với 4 tham-tâm hợp với tà-kiến. 4- Avijjāsava: Vô-minh trầm-luân là chìm đắm trong vô-minh không biết chân-lý tứ Thánh-đế, ... có chi-pháp là si tâm-sở đồng sinh với 12 bất thiện-tâm. Bốn Thánh-đạo-tuệ diệt tận 4 pháp-trầm-luân * Nhập-lưu Thánh-đạo-tuệ diệt tận được 1 pháp-trầm-luân, đó là: - Diṭṭhāsava: Tà-kiến trầm-luân là

chìm đắm trong mọi tà-kiến, có chi-pháp là tà-kiến tâm-sở đồng sinh với 4 tham-tâm hợp với tà-kiến không còn dư sót. * Nhất-lai Thánh-đạo-tuệ diệt tận được 1 pháp-trầm-luân, đó là: - Kāmāsava: Cõi-dục trầm-luân là chìm đắm trong 6 đối-tượng loại thô trong cõi dục-giới, có chi-pháp là tham tâm-sở đồng sinh với 4 tham-

Bốn Thánh-Đạo-Tuệ 261 tâm không hợp với tà-kiến trong cõi dục-giới không còn dư sót. * Bất-lai Thánh-đạo-tuệ diệt tận được 1 pháp-trầm-luân, đó là: - Kāmāsava: Cõi-dục trầm-luân là chìm đắm trong 6 đối-tượng loại vi-tế cõi dục-giới, có chipháp là tham tâm-sở đồng sinh với 4 tham-tâm không hợp với tà-kiến trong cõi dục-giới không còn dư sót. * A-ra-hán Thánh-đạo-tuệ diệt tận được 2 pháp trầm-luân, đó là: - Bhavāsava: Kiếp trầm-luân là chìm đắm trong cõi trời sắc-giới, trong cõi trời vô-sắc-giới, có chi-pháp là tham tâm-sở đồng sinh với 4 thamtâm không hợp với tà-kiến không còn dư sót. - Avijjāsava: Vô-minh trầm-luân là chìm đắm trong vô-minh không biết chân-lý tứ Thánh-đế, … có chi-pháp là si tâm-sở đồng sinh với 12 bất-thiện-tâm không còn dư sót. 3- Pháp-chấp-thủ (Upādāna) Pháp-chấp-thủ (Upādāna) là pháp cố chấp vững chắc trong đối-tượng khó mà buông bỏ. Pháp-chấp-thủ có 4 pháp là: 1- Kāmupādāna: Tham-dục chấp-thủ là chấp thủ đối-tượng trong cõi dục-giới, trong cõi sắc-

giới, trong cõi vô-sắc-giới, có chi-pháp là tham tâm-sở đồng sinh với 8 tham-tâm. 2- Diṭṭhupādāna: Tà-kiến chấp-thủ là chấp thủ trong tà-kiến thấy sai chấp lầm (ngoài sīlabbattupādāna và attavādupādāna), có chipháp là tà-kiến tâm-sở đồng sinh với 4 thamtâm hợp với tà-kiến. 3- Sīlabbatupādāna: Chấp-thủ pháp thườnghành sai lầm, có chi-pháp là tà-kiến tâm-sở đồng sinh với 4 tham-tâm hợp với tà-kiến. 4- Attavādupādāna: Ngã-kiến chấp-thủ là chấp thủ trong ngũ-uẩn cho là ta, có chi-pháp là tà-kiến tâm-sở đồng sinh với 4 tham-tâm hợp với tà-kiến. Bốn Thánh-đạo-tuệ diệt tận 4 pháp-chấp-thủ * Nhập-lưu Thánh-đạo-tuệ diệt tận được 3 pháp-chấp-thủ, đó là: - Diṭṭhupādāna: Tà-kiến chấp thủ là chấp thủ vững chắc trong tà-kiến thấy sai chấp lầm. - Sīlabbatupādāna: Pháp thường-hành chấpthủ là chấp thủ vững chắc trong pháp thườnghành sai lầm. - Attavādupādāna: Ngã-kiến chấp-thủ là chấp thủ vững chắc trong ngũ-uẩn cho là ta. Nhập-lưu Thánh-đạo-tuệ diệt tận được 3 pháp

Bốn Thánh-Đạo-Tuệ 263 chấp-thủ này, có chi-pháp là tà-kiến tâm-sở đồng sinh với 4 tham-tâm hợp với tà-kiến không còn dư sót. * Nhất-lai Thánh-đạo-tuệ diệt tận được 1 pháp-chấp-thủ, đó là: - Kāmupādāna: Tham-dục chấp-thủ là chấp thủ đối-tượng loại thô trong cõi dục-giới, có chipháp là tham-tâm-sở đồng sinh với 4 tham-tâm không hợp với tà-kiến không còn dư sót. * Bất-lai Thánh-đạo-tuệ diệt tận được 1 pháp chấp-thủ, đó là: - Kāmupādāna: Tham-dục chấp-thủ là chấp thủ đối-tượng loại vi-tế trong cõi dục-giới, có chi-pháp là tham-tâm-sở đồng sinh với 4 thamtâm không hợp với tà-kiến không còn dư sót. * A-ra-hán Thánh-đạo-tuệ diệt tận được 1 pháp chấp-thủ, đó là: - Kāmupādāna: Tham-dục chấp-thủ là chấp thủ đối-tượng loại vi-tế trong cõi sắc-giới, cõi vô-sắc-giới, có chi-pháp là tham-tâm-sở đồng sinh với 4 tham-tâm không hợp với tà-kiến không còn dư sót. 4- Pháp-ngấm-ngầm (Anusaya) Pháp-ngấm-ngầm trong tâm (anusaya) là phiền-não anusayakilesa vô cùng vi-tế ngấm-

ngầm tàng ẩn sâu kín trong tâm, chưa hiện rõ ra môn nào trong 6 môn (nhãn-môn, nhĩ-môn, tỷmôn, thiệt-môn, thân-môn, ý-môn). - Anusayakilesa là phiền-não loại vi-tế ngấm-ngầm tàng ẩn sâu kín trong tâm không có một vị nào có khả năng phát hiện ra được, duy nhất chỉ có Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác thấy rõ, biết rõ được mà thôi. Nếu khi có đối-tượng nào tiếp xúc với môn nào thì anusayakilesa loại vi-tế ấy biến đổi sang pariyuṭṭhānakilesa là phiền-não loại trung, tùy theo phiền-não ấy. - Pariyuṭṭhānakilesa là phiền-não loại trung đó là 5 pháp-chướng-ngại (nīvaraṇa) phát sinh tâm hài lòng hoặc bực tức trong tâm, (thuộc về ý ác-nghiệp) chưa biểu lộ ra bên ngoài thân, khẩu. Nếu phiền-não loại trung nào phát sinh trong tâm có nhiều năng lực, thì phiền-não loại trung ấy biến đổi trở thành vītikkamakilesa là phiềnnão loại thô, được biểu hiện ra bên ngoài thân hoặc khẩu. - Vītikkamakilesa là phiền-não loại thô được biểu hiện ra thân hành 3 ác-nghiệp, khẩu nói 4 ác-nghiệp. Như vậy, vītikkamakilesa phát sinh từ pariyuṭṭhānakilesa, còn pariyuṭṭhānakilesa phát sinh từ anusayakilesa.

Bốn Thánh-Đạo-Tuệ 265 Ba loại phiền-não - Anusayakilesa loại vi-tế ngấm-ngầm trong tâm. - Pariyuṭṭhānakilesa loại trung trong tâm. - Vītikkamakilesa loại thô ngoài thân, khẩu. 4.1- Anusayakilesa: Phiền-não ngấm-ngầm trong thâm tâm có 7 loại: 1- Kāmarāgānusaya: Tham-dục ngấm-ngầm trong thâm tâm là phiền-não tham loại vi-tế trong đối-tượng dục-giới ngấm-ngầm trong tâm, có chi-pháp là tham tâm-sở đồng sinh với 8 tham-tâm. 2- Bhavarāgānusaya: Kiếp-dục ngấm-ngầm trong thâm tâm là phiền-não tham loại vi-tế trong thiền sắc-giới thiện-tâm, thiền vô-sắc-giới thiện-tâm, trong kiếp phạm-thiên ngấm-ngầm trong tâm, có chi-pháp là tham tâm-sở đồng sinh với 4 tham-tâm không hợp với tà-kiến. 3- Paṭighānusaya: Sân-hận ngấm-ngầm trong thâm tâm là phiền-não sân loại vi-tế ngấm-ngầm trong tâm, có chi-pháp sân tâm-sở đồng sinh với 2 sân-tâm. 4- Mānānusaya: Ngã-mạn ngấm-ngầm trong thâm tâm là phiền-não ngã-mạn loại vi-tế ngấmngầm trong tâm, có chi-pháp là ngã-mạn tâm-sở đồng sinh với 4 tham-tâm không hợp với tà-kiến. 5- Diṭṭhānusaya: Tà-kiến ngấm-ngầm trong

thâm tâm là phiền-não tà-kiến loại vi-tế ngấmngầm trong tâm, có chi-pháp là tà-kiến tâm-sở đồng sinh với 4 tham-tâm hợp với tà-kiến. 6- Vicikicchānusaya: Hoài-nghi ngấm-ngầm trong thâm tâm là phiền-não hoài-nghi loại vi-tế ngấm-ngầm trong tâm, có chi-pháp là hoài-nghi tâm-sở đồng sinh với si-tâm hợp với hoài-nghi. 7- Avijjānusaya: Vô-minh ngấm-ngầm trong thâm tâm là phiền-não si loại vi-tế ngấm-ngầm trong tâm, có chi-pháp là si tâm-sở đồng sinh với 12 bất-thiện-tâm. Bốn Thánh-đạo-tuệ diệt tận 7 phiền-não vi-tế * Nhập-lưu Thánh-đạo-tuệ diệt tận được 2 loại phiền-não ngấm-ngầm trong thâm tâm, đó là: - Tà-kiến ngấm-ngầm trong thâm tâm, có chipháp là tà-kiến tâm-sở đồng sinh với 4 tham-tâm hợp với tà-kiến không còn dư sót. - Hoài-nghi ngấm-ngầm trong thâm tâm, có chi-pháp là hoài-nghi tâm-sở đồng sinh với 1 sitâm hợp với hoài-nghi không còn dư sót. * Nhất-lai Thánh-đạo-tuệ diệt tận được 2 loại phiền-não ngấm-ngầm trong thâm tâm, đó là: - Tham-dục ngấm-ngầm trong thâm tâm

loại thô trong cõi dục-giới, có chi-pháp là tham tâmsở đồng sinh với 4 tham-tâm không hợp với tàkiến không còn dư sót.

Bốn Thánh-Đạo-Tuệ 267 - Sân-hận ngấm-ngầm trong thâm tâm loại thô trong cõi dục-giới, có chi-pháp là sân tâm-sở đồng sinh với 2 sân-tâm không còn dư sót. * Bất-lai Thánh-đạo-tuệ diệt tận được 2 loại phiền-não ngấm-ngầm trong thâm tâm, đó là: - Tham-dục ngấm-ngầm trong thâm tâm loại vi-tế trong cõi dục-giới, có chi-pháp là tham tâm-sở đồng sinh với 4 tham-tâm không hợp với tà-kiến không còn dư sót. - Sân-hận ngấm-ngầm trong thâm tâm loại vitế trong cõi dục-giới, có chi-pháp là sân tâm-sở đồng sinh với 2 sân-tâm không còn dư sót. * A-ra-hán Thánh-đạo-tuệ diệt tận được 3 loại phiền-não ngấm-ngầm trong thâm tâm, đó là: - Kiếp-dục ngấm-ngầm trong thâm tâm trong cõi sắc-giới phạm-thiên, cõi vô-sắc-giới phạmthiên, có chi-pháp là tham tâm-sở đồng sinh với 4 tham-tâm không hợp với tà-kiến không còn dư sót. - Ngã-mạn ngấm-ngầm trong thâm tâm, có chi-pháp là tham tâm-sở đồng sinh với 4 thamtâm không hợp với tà-kiến không còn dư sót. - Vô-minh ngấm-ngầm trong thâm tâm, có chi-pháp là si tâm-sở đồng sinh với 12 bất-thiệntâm không còn dư sót.

268 TÌM HIỂU KINH TRẠNG-THÁI VÔ-NGÃ

4.2- Pariyuṭṭhānakilesa: Phiền-não loại trung Pariyuṭṭhānakilesa: Phiền-não loại trung đó là 5 pháp-chướng-ngại (nīvaraṇa) phát sinh trong tâm làm chướng ngại các thiện-pháp như phước-thiện bố-thí, phước-thiện giữ-giới, phướcthiện hành-thiền, nhất là pháp-hành thiền-định, không thể dẫn đến chứng đắc bậc thiền sắc-giới thiện-tâm. Khi hành-giả đã chứng đắc bậc thiền sắc-giới thiện-tâm nào rồi, nếu pháp-chướng-ngại này phát sinh thì cũng có thể làm mất bậc thiền sắc-giới thiện-tâm ấy của hành-giả. Pháp-chướng-ngại (Nīvaraṇa) có 5 pháp 1- Kāmacchandanīvaraṇa: Tham-dục chướngngại là tâm tham muốn trong ngũ-dục (sắc-dục, thanh-dục, hương-dục, vị-dục, xúc-dục) làm chướng ngại ngăn cản các thiện-pháp, có chipháp là tham tâm-sở đồng sinh với 8 tham-tâm. 2- Byāpādanīvaraṇa: Sân-hận chướng-ngại là tâm sân hận không hài lòng đối-tượng làm chướng-ngại ngăn cản các thiện-pháp, có chipháp là sân tâm-sở đồng sinh với 2 sân-tâm. 3- Thinamiddhanīvaraṇa: Buồn-chán - buồnngủ chướng-ngại là tâm buông bỏ đối-tượng làm chướng-ngại ngăn cản các thiện-pháp, có chipháp là buồn-chán tâm-sở và buồn-ngủ tâm-sở đồng sinh với 5 bất-thiện-tâm cần tác-động.

Bốn Thánh-Đạo-Tuệ 269 4- Uddhaccakukkucaṇīvaraṇa: Phóng-tâm hối-hận chướng-ngại là tâm bất an làm chướngngại ngăn cản các thiện-pháp, có chi-pháp là phóng-tâm tâm-sở đồng sinh với 12 bất-thiệntâm và hối-hận tâm-sở đồng sinh với 2 sân-tâm. 5- Vicikicchānīvaraṇa: Hoài-nghi chướngngại là tâm hoài-nghi trong đối-tượng làm chướng-ngại ngăn cản các thiện-pháp, có chipháp là hoài-nghi tâm-sở đồng sinh với si-tâm hợp với hoài-nghi. Bốn Thánh-đạo-tuệ diệt tận 5 pháp-chướng-ngại * Nhập-lưu Thánh-đạo-tuệ diệt tận được 1 pháp-chướng-ngại đó là: - Hoài-nghi chướng-ngại đó là hoài-nghi tâmsở đồng sinh với si-tâm hợp với hoài-nghi không còn dư sót. * Nhất-lai Thánh-đạo-tuệ diệt tận được 3 pháp-chướng-ngại loại thô cõi dục-giới, đó là: - Tham-dục chướng-ngại loại thô cõi dục-giới, có chi-pháp là tham tâm-sở đồng sinh với 4 thamtâm không hợp với tà-kiến không còn dư sót. - Sân-hận

chướng-ngại và hối-hận chướngngại loại thô cõi dục-giới, có chi-pháp là sân tâmsở đồng sinh với 2 sân-tâm không còn dư sót. * Bất-lai Thánh-đạo-tuệ diệt tận được 3 pháp chướng-ngại loại vi-tế cõi dục-giới, đó là:

270 TÌM HIỂU KINH TRẠNG-THÁI VÔ-NGÃ

- Tham-dục chướng-ngại loại vi-tế cõi dụcgiới, có chi-pháp là tham tâm-sở đồng sinh với 4 tham-tâm không hợp với tà-kiến không còn dư sót. - Sân-hận chướng-ngại và hối-hận chướngngại loại vi-tế cõi dục-giới, có chi-pháp là sân tâm-sở đồng sinh với 2 sân-tâm không còn dư sót. * A-ra-hán Thánh-đạo-tuệ diệt tận được 2 pháp-chướng-ngại còn lại, đó là: - Buồn-chán - buồn-ngủ chướng-ngại, có chipháp là buồn-chán tâm-sở và buồn-ngủ tâm-sở đồng sinh với 2 tham-tâm không hợp với tà-kiến cần tác-động. - Phóng-tâm chướng-ngại, có chi-pháp là phóng-tâm tâm-sở đồng sinh với 5 bất-thiện-tâm còn lại không còn dư sót. 4.3- Vītikkamakilesa: Phiền-não loại thô bên ngoài thân và khẩu Vītikkamakilesa: Phiền-não loại thô biểu hiện ra bên ngoài thân và khẩu. - Phiền-não loại thô biểu hiện ra bên ngoài thân tạo 3 ác-nghiệp: ác-nghiệp sát-sinh, ácnghiệp trộm-cắp, ác-nghiệp tà-dâm. - Phiền-não loại thô biểu hiện ra bên ngoài khẩu tạo 4 ác-nghiệp: ác-nghiệp nói-dối, ácnghiệp nói lời chia-rẽ, ác-nghiệp nói lời thô-tục, ác-nghiệp nói lời vô-ích.

Bốn Thánh-Đạo-Tuệ 271 Bốn Thánh-đạo-tuệ diệt tận 7 ác-nghiệp - Nhập-lưu Thánh-đạo-tuệ diệt tận được 4 loại ác-nghiệp, đó là ác-nghiệp sát-sinh, ácnghiệp trộm-cắp, ác-nghiệp tà-dâm, ác-nghiệp nói-dối không còn dư sót. - Nhất-lai Thánh-đạo-tuệ diệt tận được 2 ácnghiệp loại thô, đó là ác-nghiệp nói lời chia rẽ, ác-nghiệp nói lời thô-tục không còn dư sót. - Bất-lai Thánh-đạo-tuệ diệt tận được 2 ácnghiệp loại vi-tế, đó là ác-nghiệp nói lời chia rẽ, ác-nghiệp nói lời thô-tục không còn dư sót. - A-ra-hán Thánh-đạo-tuệ diệt tận được 1 loại ác-nghiệp còn lại, đó là ác-nghiệp nói lời vô-ích không còn dư sót.

5- Phiền-não (Kikesa)

Phiền-não (kilesa) là pháp làm tâm ô nhiễm, nóng nảy khổ tâm, phiền-não có 10 loại là: 1- Lobha: Tham là phiền-não tham muốn nơi đối-tượng tam-giới, có chi-pháp là tham tâm-sở đồng sinh với 8 tham-tâm. 2- Dosa: Sân là phiền-não không hài lòng nơi đối-tượng, có chi-pháp là sân tâm-sở đồng sinh với 2 sân-tâm.

272 TÌM HIỂU KINH TRẠNG-THÁI VÔ-NGÃ

3- Moha: Si là phiền-não si mê không biết thật-tánh các pháp, không biết chân-lý tứ Thánhđế, có chi-pháp là si tâm-sở đồng sinh với 12 bất-thiện-tâm. 4- Diṭṭhi: Tà-kiến là phiền-não thấy sai chấp lầm nơi đối-tượng, có chi-pháp là tà-kiến tâm-sở đồng sinh với 4 tham-tâm hợp với tà-kiến. 5- Māna: Ngã-mạn là phiền-não chấp ngã tự cho mình hơn người, bằng người, thua người, có chi-pháp là ngã-mạn tâm-sở đồng sinh với 4 tham-tâm không hợp với tà-kiến. 6- Vicikicchā: Hoài-nghi là phiền-não không tin, nghi ngờ nơi đáng tin, có chi-pháp là hoài-nghi tâm-sở đồng sinh với si-tâm hợp với hoài-nghi. 7- Uddhacca: Phóng-tâm là phiền-não tâm bất an, có chi-pháp là phóng-tâm tâm-sở đồng sinh với 12 bất-thiện-tâm. 8- Thina: Buồn-chán là phiền-não chán nản,

lười biếng, buông bỏ đối-tượng, có chi-pháp là buồn-chán tâm-sở đồng sinh với 5 bất-thiện-tâm cần tác-động. 9- Ahirika: Không biết hổ-thẹn tội-lỗi là phiền-não tự mình không biết hổ-thẹn tội-lỗi khi tạo ác-nghiệp, có chi-pháp là không biết hổ-thẹn tội-lỗi tâm-sở đồng sinh với 12 bất-thiện tâm. 10- Anottappa: Không biết ghê-sợ tội-lỗi là

Bốn Thánh-Đạo-Tuệ 273 phiền-não không biết sợ bậc thiện-trí chê trách, hoặc không biết sợ 4 cõi ác-giới khi tạo ácnghiệp tội-lỗi, có chi-pháp là không biết ghê-sợ tội-lỗi tâm-sở đồng sinh với 12 bất-thiện tâm. Bốn Thánh-đạo-tuệ diệt tận 10 loại phiền-não - Nhập-lưu Thánh-đạo-tuệ diệt tận được 2 loại phiền-não, đó là tà-kiến (diṭṭhi) trong 4 tham-tâm hợp với tà-kiến và hoài-nghi (vicikicchā) trong si-tâm hợp với hoài-nghi không còn dư sót. - Nhất-lai Thánh-đạo-tuệ diệt tận được 1 loại phiền-não đó là sân (dosa) loại thô trong 2 sântâm không còn dư sót. - Bất-lai Thánh-đạo-tuệ diệt tận được 1 loại phiền-não, đó là sân (dosa) loại vi-tế trong 2 sân-tâm không còn dư sót. - A-ra-hán Thánh-đạo-tuệ diệt tận được 7 loại phiền-não còn lại, đó là tham (lobha) trong 4 tham-tâm không hợp với tà-kiến, si (moha) trong 5 bất-thiện-tâm còn lại, ngã-mạn (māna) trong 4 tham-tâm không hợp với tà-kiến, buồnchán (thina) trong 2 bất-thiện-tâm cần tác-động còn lại, phóng-tâm (uddhacca) trong 5 bấtthiện-tâm còn lại, không biết hổ-thẹn tội-lỗi (ahirika), không biết ghê-sợ tội-lỗi (anottappa) trong 5 bất-thiện-tâm còn lại không còn dư sót.

274 TÌM HIỂU KINH TRẠNG-THÁI VÔ-NGÃ

6- Bất-thiện-tâm (Akusalacitta) Bất-thiện-tâm gọi là ác-tâm có 12 tâm đó là 8 tham-tâm, 2 sân-tâm, 2 si-tâm. Sở dĩ gọi là bấtthiện-tâm hoặc ác-tâm là vì 14 bất-thiện tâm-sở đồng sinh với 12 bất-thiện-tâm này. Bốn Thánh-đạo-tuệ diệt tận 12 bất-thiện-tâm * Nhập-lưu Thánh-đạo-tuệ diệt tận được 5 bất-thiện-tâm đó là: - 4 tham-tâm hợp với tà-kiến không còn dư sót. - 1 si-tâm hợp với hoài-nghi không còn dư sót. * Nhất-lai Thánh-đạo-tuệ diệt tận được 2 bất-thiện-tâm đó là: - 2 sân-tâm loại thô không còn dư sót. * Bất-lai Thánh-đạo-tuệ diệt tận được 2 bấtthiện-tâm đó là: - 2 sân-tâm loại vi-tế không còn dư sót. * A-ra-hán Thánh-đạo-tuệ diệt tận được 5 bất-thiện-tâm còn lại, đó là: - 4 tham-tâm không hợp với tà-kiến không còn dư sót. - Si-tâm hợp với phóng-tâm không còn dư sót. 7- Bất-thiện-tâm-sở (Akusalacetasika) Bất-thiện tâm-sở có 14 tâm-sở như sau:

Bốn Thánh-Đạo-Tuệ 275 - Nhóm tham tâm-sở có 3 tâm-sở đó là tham tâm-sở, tà-kiến tâm-sở, ngã-mạn tâm-sở. - Nhóm sân tâm-sở có 4 tâm-sở đó là sân tâmsở, ganh-tỵ tâm-sở, keo-kiệt tâm-sở, hối-hận tâm-sở. - Nhóm si tâm-sở có 4 tâm-sở đó là si tâm-sở, không biết hổ-thẹn tội-lỗi tâm-sở, không biết ghê-sợ tội-lỗi tâm-sở, phóng-tâm tâm-sở. - Nhóm buồn-chán có 2 tâm-sở đó là buồnchán tâm-sở, buồn-ngủ tâm-sở. - Hoài-nghi tâm-sở. 14 loại bất-thiện-tâm-sở này đồng sinh với 12 bất-thiện-tâm. Bốn Thánh-đạo-tuệ diệt tận 14 bất-thiện tâm-sở - Nhập-lưu Thánh-đạo-tuệ diệt tận được 4 bất-thiện tâm-sở, đó là tà-kiến tâm-sở, hoài-nghi tâm-sở, ganh-tỵ tâm-sở, keo-kiệt tâm-sở không còn dư sót. - Nhất-lai Thánh-đạo-tuệ diệt tận được 2 bất-thiện tâm-sở loại thô, đó là sân tâm-sở và hối-hận tâm-sở không còn dư sót. - Bất-lai Thánh-đạo-tuệ diệt tận được 2 bấtthiện-tâm-sở loại vi-tế, đó là sân tâm-sở và hốihận tâm-sở không còn dư sót.

- A-ra-hán Thánh-đạo-tuệ diệt tận được 8 bất-thiện tâm-sở còn lại, đó là tham tâm-sở, ngãmạn tâm-sở, si tâm-sở, buồn-chán tâm-sở, buồnngủ tâm-sở, không biết hổ-thẹn tội-lỗi tâm-sở, không biết ghê-sợ tội-lỗi tâm-sở, phóng-tâm tâmsở không còn dư sót.

8- Bất-thiện-nghiệp (Akusalakamma)

Bất-thiện-nghiệp (akusalakamma) gọi là ácnghiệp, đó là tác-ý tâm-sở (cetanācetasika) đồng sinh với 12 bất-thiện-tâm tạo 10 bất-thiệnnghiệp gọi là 10 ác-nghiệp bằng thân, khẩu, ý như sau:

* Thân ác-nghiệp có 3 loại:
- Ác-nghiệp sát-sinh.
- Ác-nghiệp trộm-cắp.
- Ác-nghiệp tà-dâm.

* Khẩu ác-nghiệp có 4 loại:
- Ác-nghiệp nói-dối.
- Ác-nghiệp nói lời chia rẽ.
- Ác-nghiệp nói lời thô-tục.
- Ác-nghiệp nói vô-ích.

* Ý ác-nghiệp có 3 loại:
- Ác-nghiệp tham-lam.
- Ác-nghiệp thù-hận.
- Ác-nghiệp tà-kiến.

Bốn Thánh-Đạo-Tuệ 277 Bốn Thánh-đạo-tuệ diệt tận 10 ác-nghiệp - Nhập-lưu Thánh-đạo-tuệ diệt tận được 5 loại ác-nghiệp, đó là ác-nghiệp sát-sinh, ácnghiệp trộm-cắp, ác-nghiệp tà-dâm, ác-nghiệp nói-dối, ác-nghiệp tà-kiến không còn dư sót. - Nhất-lai Thánh-đạo-tuệ diệt tận được 3 ácnghiệp loại thô, đó là ác-nghiệp nói lời chia rẽ, ác-nghiệp nói lời thô-tục, ác-nghiệp thù-hận không còn dư sót. - Bất-lai Thánh-đạo-tuệ diệt tận được 3 ácnghiệp loại vi-tế, đó là ác-nghiệp nói lời chia rẽ, ác-nghiệp nói lời thô-tục, ác-nghiệp thù-hận không còn dư sót. - A-ra-hán Thánh-đạo-tuệ diệt tận được 2 loại ác-nghiệp còn lại, đó là ác-nghiệp nói lời vô-ích, ác-nghiệp tham-lam không còn dư sót. 9- Pháp-ràng-buộc (Saṃyojana) Pháp-ràng-buộc (saṃyojana) là pháp như sợi dây vô hình buộc chặt chúng-sinh trong vòng tử sinh luân-hồi trong ba giới bốn loài. Saṃyojana: Pháp-ràng-buộc có 10 pháp 1- Kāmarāgasaṃyojana: Dục-ái ràng-buộc có trạng-thái ràng-buộc chúng-sinh trong đốitượng cõi dục-giới, có chi-pháp là tham tâm-sở đồng sinh với 8 tham-tâm.

2- Rūparāgasaṃyojana: Sắc-ái ràng-buộc có trạng-thái ràng-buộc chúng-sinh trong 5 bậc thiền sắc-giới thiện-tâm trong cõi sắc-giới phạmthiên, có chi-pháp là tham tâm-sở đồng sinh với 4 tham-tâm không hợp với tà-kiến. 3- Ārūparāgasaṃyojana: Vô-sắc-ái ràngbuộc có trạng-thái ràng-buộc chúng-sinh trong 4 bậc thiền vô-sắc-giới thiện-tâm

trong cõi vô-sắcgiới phạm-thiên, có chi-pháp là tham tâm-sở đồng sinh với 4 tham-tâm không hợp với tà-kiến. 4- Paṭighasaṃyojana: Sân-hận ràng-buộc có trạng-thái ràng-buộc chúng-sinh trong sân-hận, có chi-pháp là sân tâm-sở đồng sinh với 2 sân-tâm. 5- Mānasaṃyojana: Ngã-mạn ràng-buộc có trạng-thái ràng-buộc chúng-sinh trong ngã-mạn, có chi-pháp là ngã-mạn tâm-sở đồng sinh với 4 tham-tâm không hợp với tà-kiến. 6- Diṭṭhisaṃyojana: Tà-kiến ràng-buộc có trạng-thái ràng-buộc chúng-sinh trong tà-kiến, có chi-pháp là tà-kiến tâm-sở đồng sinh với 4 tham-tâm hợp với tà-kiến. 7- Sīlabbataparāmāsasaṃyojana: Pháp thườnghành chấp-thủ ràng-buộc có trạng-thái ràngbuộc chúng-sinh chấp thủ trong pháp thườnghành sai lầm, có chi-pháp là tà-kiến tâm-sở đồng sinh với 4 tham-tâm hợp với tà-kiến.

Bốn Thánh-Đạo-Tuệ 279 8- Vicikicchāsaṃyojana: Hoài-nghi ràngbuộc có trạng-thái ràng-buộc chúng-sinh trong hoài-nghi, có chi-pháp là hoài-nghi tâm-sở đồng sinh với si-tâm đồng sinh với hoài-nghi. 9- Uddhaccasaṃyojana: Phóng-tâm ràngbuộc có trạng-thái ràng-buộc chúng-sinh trong phóng-tâm, có chi-pháp là phóng-tâm tâm-sở đồng sinh với 12 bất-thiện-tâm. 10- Avijjāsaṃyojana: Vô-minh ràng-buộc có trạng-thái ràng-buộc chúng-sinh trong vô-minh, có chi-pháp là si tâm-sở đồng sinh với 12 bấtthiện-tâm. Bốn Thánh-đạo-tuệ diệt tận 10 pháp-ràng-buộc - Nhập-lưu Thánh-đạo-tuệ diệt tận được 3 pháp-ràng-buộc, đó là tà-kiến ràng-buộc, pháp thường-hành chấp-thủ ràng-buộc, hoài-nghi ràng-buộc không còn dư sót. - Nhất-lai Thánh-đạo-tuệ diệt tận được 2 pháp-ràng-buộc, đó là dục-ái ràng-buộc loại thô cõi dục-giới, sân-hận ràng-buộc loại thô cõi dụcgiới không còn dư sót. - Bất-lai Thánh-đạo-tuệ diệt tận được 2 pháp-ràng-buộc, đó là dục-ái ràng-buộc loại vitế cõi dục-giới, sân-hận ràng-buộc loại vi-tế cõi dục-giới không còn dư sót.

280 TÌM HIỂU KINH TRẠNG-THÁI VÔ-NGÃ

- A-ra-hán Thánh-đạo-tuệ diệt tận được 5 pháp-ràng-buộc còn lại, đó là sắc-ái ràng-buộc, vô-sắc-ái ràng-buộc, ngã-mạn ràng-buộc, phóngtâm ràng-buộc, vô-minh ràng-buộc không còn dư sót. 10- Pháp-thế-gian (Lokadhamma) Pháp-thế-gian (lokadhamma) là pháp thường hiện hữu đối với tất cả mọi người trong đời này. Pháp-thế-gian (lokadhamma) có 8 pháp chia ra thành 4 cặp trái nghĩa với nhau như sau: 1- Lābha: được lợi. 2- Alābha: mất lợi. 3- Yasa: được danh. 4- Ayasa: mất danh. 5- Pasaṃsā: được khen. 6- Nindā: bị chê. 7- Sukha: được an-lạc. 8- Dukkha: bị khổ. Lokadhamma là 8 pháp-thế-gian thường hiện hữu trong cõi đời này, từ khi mỗi người mới sinh ra, không phải của riêng một người nào. Nếu người nào tự nhận là của ta, thì thế nào? - Khi ta được lợi thì ta vui, khi ta mất lợi thì ta buồn. - Khi ta được danh thì ta vui, khi ta mất danh thì ta buồn. - Khi ta được khen thì ta vui, khi ta bị chê thì ta buồn.

Bốn Thánh-Đạo-Tuệ 281 - Khi ta được an-lạc thì ta vui, khi ta bị khổ thì ta buồn. Trong cuộc sống hằng ngày, nếu người nào bị lệ thuộc vào pháp thế-gian nào, thì người ấy phải chịu ảnh hưởng vui hoặc buồn vì pháp-thếgian ấy. Bốn Thánh-đạo-tuệ diệt tận 8 pháp-thế-gian - Nhập-lưu Thánh-đạo-tuệ chưa có khả năng diệt tận được pháp thế-gian nào cả. - Nhất-lai Thánh-đạo-tuệ diệt tận được 4 pháp-thế-gian loại thô, đó là mất lợi (alābha), mất danh (ayasa), bị chê (nindā), bị khổ (dukkha) không còn dư sót. - Bất-lai

Thánh-đạo-tuệ diệt tận được 4 pháp-thế gian loại vi-tế, đó là mất lợi (alābha), mất danh (ayasa), bị chê (nindā), bị khổ (dukkha) không còn dư sót. - A-ra-hán Thánh-đạo-tuệ diệt tận được 4 pháp-thế-gian còn lại, đó là được lợi (lābha), được danh (yasa), được khen (pasaṃsā), được an-lạc (sukha) không còn dư sót, nên bậc Thánh A-ra-hán hoàn toàn được tự do, an nhiên tự tại, không hề bị ảnh hưởng trong pháp-thếgian nào.

282 TÌM HIỂU KINH TRẠNG-THÁI VÔ-NGÃ

11- Pháp-thiên-vị (Agati) Pháp-thiên-vị (agati) là pháp đối xử thiên về một bên nào, không công bằng. Người có pháp thiên-vị đối xử với người khác không công bằng, không hợp với lẽ phải tự nhiên. Pháp-thiên-vị (Agati) có 4 pháp

1- Chandāgati: Thiên-vị vì thương, nghĩa là người nào đối xử với phạm-nhân đã phạm tội nặng, nhưng phạm-nhân ấy vốn là người thương yêu của mình, nên người ấy tha tội chết cho phạm-nhân ấy. Như vậy, gọi là thiên-vị vì thương. 2- Dosāgati: Thiên-vị vì ghét, nghĩa là người nào đối xử với phạm-nhân đã phạm tội nhẹ, nhưng phạm-nhân ấy vốn là người thù ghét của mình, nên kết tội chết cho phạm-nhân ấy. Như vậy, gọi là thiên-vị vì ghét. 3- Mohāgati: Thiên-vị vì si-mê, nghĩa là người nào đối xử với người bị hoài-nghi phạm pháp mà không có chứng cứ, không hiểu biết rõ về điều luật nào cả, rồi đem giam giữ người bị hoài-nghi ấy trong tù mà không xét xử. Người bị hoài-nghi ấy phải bị oan trong tù. Như vậy, gọi là thiên-vị vì si-mê. 4- Bhayāgati: Thiên-vị vì sợ, nghĩa là người nào đối xử với người có chức có quyền hoặc

Bốn Thánh-Đạo-Tuệ 283 người quen biết với người có chức có quyền, tuy họ đã phạm pháp có chứng cứ rõ ràng, nhưng người ấy không dám làm gì họ. Như vậy, gọi là thiên-vị vì sợ.

Bốn Thánh-đạo-tuệ diệt tận 4 pháp-thiên-vị - Nhập-lưu Thánh-đạo-tuệ hoàn toàn diệt tận được 4 pháp-thiên-vị không còn dư sót. - Bậc Thánh Nhất-lai, bậc Thánh Bất-lai, bậc Thánh A-ra-hán hoàn toàn không có phápthiên-vị nào cả. Trên đây trình bày một phần bất-thiện-pháp mà mỗi Thánh-đạo-tuệ (Maggañāṇa) có khả năng đặc biệt diệt tận được (samucchedappahāna). Thật ra, Thánh-đạo-tuệ nào đã diệt tận được bất-thiện-pháp (ác-pháp) nào rồi nếu bấtthiện-pháp (ác-pháp) ấy có trong phần bấtthiện-pháp (ác-pháp) khác cũng đều bị diệt tận được (samucchedappahāna) không còn dư sót, trong kiếp hiện-tại và các kiếp vị-lai nếu còn táisinh kiếp sau trong các cõi-thiện-giới khác, cho đến kiếp chót trở thành bậc Thánh A-ra-hán, rồi sẽ tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luânhồi trong tam-giới.

284 TÌM HIỂU KINH TRẠNG-THÁI VÔ-NGÃ

Tìm hiểu các bài kinh để hiểu biết về trạngthái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của ngũ-uẩn, của 12 xứ (āyatana) của mỗi người. Yadaniccasutta (1) “Sāvatthinidānaṃ. Rūpaṃ bhikkhave aniccaṃ, yadaniccaṃ taṃ dukkhaṃ, yaṃ dukkhaṃ tadanattā, yadanattā taṃ “netaṃ mama, nesohamasmi, na meso attā”ti. Evametaṃ yathābhūtaṃ sammappaññāya daṭṭhabbaṃ. Vedanā aniccā, yadaniccaṃ taṃ dukkhaṃ, yaṃ dukkhaṃ tadanattā, yadanattā taṃ “netaṃ mama, nesohamasmi, na meso attā”ti. Evametaṃ yathābhūtaṃ sammappaññāya daṭṭhabbaṃ. Saññā aniccā,

yadaniccaṃ taṃ dukkhaṃ, yaṃ dukkhaṃ tadanattā, yadanattā taṃ “netaṃ mama, nesohamasmi, na meso attā”ti. Evametaṃ yathābhūtaṃ sammappaññāya daṭṭhabbaṃ. Saṅkhārā aniccā, yadaniccaṃ taṃ dukkhaṃ, yaṃ dukkhaṃ tadanattā, yadanattā taṃ “netaṃ mama, nesohamasmi, na meso attā”ti. Evametaṃ yathā-bhūtaṃ sammappaññāya daṭṭhabbaṃ. Viññāṇaṃ aniccaṃ, yadaniccaṃ taṃ dukkhaṃ, yaṃ dukkhaṃ tadanattā, yadanattā taṃ “netaṃ mama, nesohamasmi, na meso attā”ti. Evametaṃ yathābhūtaṃ sammappaññāya daṭṭhabbaṃ. 1 Saṃyuttanikāya, Khandhasaṃyutta, Yadaniccasutta.

Các Bài Kinh Khác Và Ý Nghĩa 285 Evaṃ passaṃ bhikkhave sutavā ariyasāvako rūpasmimpi nibbindati, vedanāyapi nibbindati, saññāyapi nibbindati, saṅkhāresupi nibbindati, viññāṇasmimpi nibbindati. Nibbindaṃ virajjati, virāgā vimuccati, vimuttasmiṃ “vimuttam”iti ñāṇaṃ hoti, “khīṇā jāti, vusitaṃ brahmacariyaṃ, kataṃ karaṇīyaṃ, nāparaṃ itthattāyā”ti pajānātīti.” Ý nghĩa bài Kinh Yadaniccasutta Một thuở nọ, Đức-Phật ngự tại ngôi chùa Jetavana gần kinh-thành Sāvatthī. Khi ấy, Đức-Phật truyền dạy chư tỳ-khưu rằng: - Này chư tỳ-khưu! Sắc-uẩn là vô-thường, sắc-uẩn nào là vô-thường thì sắc-uẩn ấy là khổ, sắc-uẩn nào là khổ thì sắc-uẩn ấy là vô-ngã, sắc-uẩn nào là vô-ngã thì sắc-uẩn ấy không phải là của ta, không phải là ta, không phải là tự ngã của ta. Bậc Thánh thanh-văn có trí-tuệ-thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ sắc-uẩn này đúng theo sự-thật như vậy. Thọ-uẩn là vô-thường, thọ-uẩn nào là vôthường thì thọ-uẩn ấy là khổ, thọ-uẩn nào là khổ thì thọ-uẩn ấy là vô-ngã, thọ-uẩn nào là vô-ngã thì thọ-uẩn ấy không phải là của ta, không phải là ta, không phải là tự ngã của ta. Bậc Thánh thanh-văn có trí-tuệ-thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ thọ-uẩn này đúng theo sự-thật như vậy.

286 TÌM HIỂU KINH TRẠNG-THÁI VÔ-NGÃ

Tưởng-uẩn là vô-thường, tưởng-uẩn nào là vô-thường thì tưởng-uẩn ấy là khổ, tưởng-uẩn nào là khổ thì tưởng-uẩn ấy là vô-ngã, tưởnguẩn nào là vô-ngã thì tưởng-uẩn ấy không phải là của ta, không phải là ta, không phải là tự ngã của ta. Bậc Thánh thanh-văn có trí-tuệ-thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ tưởng-uẩn này đúng theo sự-thật như vậy. Hành-uẩn là vô-thường, hành-uẩn nào là vôthường thì hành-uẩn ấy là khổ, hành-uẩn nào là khổ thì hành-uẩn ấy là vô-ngã, hành-uẩn nào là vôngã thì hành-uẩn ấy không phải là của ta, không phải là ta, không phải là tự ngã của ta. Bậc Thánh thanh-văn có trí-tuệ-thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ hành-uẩn này đúng theo sự-thật như vậy. Thức-uẩn là vô-thường, thức-uẩn nào là vôthường thì thức-uẩn ấy là khổ, thức-uẩn nào là khổ thì thức-uẩn ấy là vô-ngã, thức-uẩn nào là vôngã thì thức-uẩn ấy không phải là của ta, không phải là ta, không phải là tự ngã của ta. Bậc Thánh thanh-văn có trí-tuệ-thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ thức-uẩn này đúng theo sự-thật như vậy. - Này chư tỳ-khưu! Thật-tánh của ngũ-uẩn như vậy, bậc Thánh Thanh-văn đã lắng nghe chánh-pháp của Đức-Phật, nên phát sinh trítuệ-thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ ngũ-uẩn đúng theo thật-tánh, nên trí-tuệ-thiền-tuệ nhàm chán trong

Các Bài Kinh Khác Và Ý Nghĩa 287 sắc-uẩn, nhàm chán trong thọ-uẩn, nhàm chán trong tưởng-uẩn, nhàm chán trong hành-uẩn, nhàm chán trong thức-uẩn. Khi

trí-tuệ-thiền-tuệ nhàm chán trong ngũuẩn nên tâm xả ly tham-ái, do tâm xả ly tham-ái nên chứng đắc A-ra-hán Thánh-đạo-tâm giải thoát khỏi mọi tham-ái, mọi phiền-não. Trí-tuệ quán-triệt biết rõ rằng: “A-ra-hán Thánh-quả-tâm đã giải-thoát hoàn toàn mọi phiền-não trầm-luân, không còn phải thực hành pháp-hành bát-chánh-đạo nữa, mọi phận sự trong tứ Thánh-đế đã hoàn thành, phạm hạnh cao thượng đã hoàn thiện. Kiếp này là kiếp chót, không còn tái-sinh kiếp nào nữa. Như vậy, mỗi uẩn có sự sinh, sự diệt nên có trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã, đó là sự-thật hiển nhiên của chân-nghĩapháp (paramatthadhamma) trong tam-giới. Pháp-vô-ngã trong 6 môn, 6 đối-tượng, 6 thức-tâm Trong kinh Anattasutta (1) Đức-Phật truyền dạy rằng: “Sāvatthinidānaṃ, tatra kho. Sabbaṃ bhikkhave anattā. Kiñca bhikkhave sabbaṃ anattā? 1 Saṃyuttanikāya, Saḷāyatanavaggasaṃyutta, Anattāsutta.

288 TÌM HIỂU KINH TRẠNG-THÁI VÔ-NGÃ

- Cakkhu bhikkhave anattā, rūpā anattā, cakkhuviññāṇaṃ anattā, cakkhusamphasso anattā, yampidaṃ cakkhusamphassapaccayā uppajjati vedayitaṃ sukhaṃ vā dukkhaṃ vā adukkhamasukhaṃ vā, tampi anattā. - Sotaṃ anattā, saddā anattā, sotaviññāṇaṃ anattā, sotasamphasso anattā, yampidaṃ sotasamphassapaccayā uppajjati vedayitaṃ sukhaṃ vā dukkhaṃ vā adukkhamasukhaṃ vā, tampi anattā. - Ghānaṃ anattā, gandhā anattā, ghānaviññāṇaṃ anattā, ghānasamphasso anattā, yampidaṃ ghānasamphassapaccayā uppajjati vedayitaṃ sukhaṃ vā dukkhaṃ vā adukkhamasukhaṃ vā, tampi anattā. - Jivhā anattā, rasā anattā, jivhāviññāṇaṃ anattā, jivhāsamphasso anattā, yampidaṃ jivhāsamphassapaccayā uppajjati vedayitaṃ sukhaṃ vā dukkhaṃ vā adukkhamasukhaṃ vā, tampi anattā. - Kāyo anattā, phoṭṭhabbā anattā, kāyaviññāṇaṃ anattā, kāyasamphasso anattā, yampidaṃ kāyasamphassapaccayā uppajjati vedayitaṃ sukhaṃ vā dukkhaṃ vā adukkhamasukhaṃ vā, tampi anattā. - Mano anattā, dhammā anattā, manoviññāṇaṃ anattā, manosamphasso anattā,

Các Bài Kinh Khác Và Ý Nghĩa 289 yampidaṃ manosamphassapaccayā uppajjati vedayitaṃ sukhaṃ vā dukkhaṃ vā adukkhamasukhaṃ vā, tampi anattā. Evaṃ passaṃ bhikkhave sutavā ariyasāvako cakkhusmimpi nibbindati, rūpesupi nibbindati, cakkhuviññāṇepi nibbindati, cakkhusamphassepi nibbindati, yampidaṃ cakkhusamphassapaccayā uppajjati vedayitaṃ sukhaṃ vā dukkhaṃ vā adukkhamasukhaṃ vā, tasmimpi nibbindati. - Sotasmimpi nibbindati, saddesupi nibbindati, sotaviññāṇepi nibbindati, sotasamphassepi nibbindati, yampidaṃ sotasamphassapaccayā uppajjati vedayitaṃ sukhaṃ vā dukkhaṃ vā adukkhamasukhaṃ vā, tasmimpi nibbindati. - Ghānasmimpi nibbindati, gandhesupi nibbindati, ghānaviññāṇepi nibbindati, ghānasamphassepi nibbindati, yampidaṃ ghānasamphassapaccayā uppajjati vedayitaṃ sukhaṃ vā dukkhaṃ vā adukkhamasukhaṃ vā, tasmimpi nibbindati. - Jivhāyapi nibbindati, rasesupi nibbindati, jivhāviññāṇepi nibbindati, jivhāsamphassepi nibbindati, yampidaṃ jivhāsamphassapaccayā uppajjati vedayitaṃ sukhaṃ vā dukkhaṃ vā adukkhamasukhaṃ vā, tasmimpi nibbindati. - Kāyasmimpi nibbindati,

phoṭṭhabbesupi nibbindati, kāyaviññāṇepi nibbindati, kāya-

samphassepi nibbindati, yampidaṃ kāyasamphassapaccayā uppajjati vedayitaṃ sukhaṃ vā dukkhaṃ vā adukkhamasukhaṃ vā, tasmimpi nibbindati. - Manasmimpi nibbindati, dhammesupi nibbindati, manoviññāṇepi nibbindati, manosamphassepi nibbindati, yampidaṃ manosamphassapaccayā uppajjati vedayitaṃ sukhaṃ vā dukkhaṃ vā adukkhamasukhaṃ vā, tasmimpi nibbindati. Nibbidaṃ virajjati, virāgā vimuccati, vimuttasmiṃ “vimuttamī”ti ñāṇaṃ hoti, “khīṇā jāti, vusitaṃ brahmacariyaṃ, kataṃ karaṇīyaṃ, nāparaṃ itthattāyā”ti pajānāti.” Ý nghĩa bài Kinh Vô-ngã Một thuở nọ, Đức-Thế-Tôn ngự tại ngôi chùa Jetavana gần kinh-thành Sāvatthī. Khi ấy, Đức- Thế-Tôn truyền dạy chư tỳ-khưu rằng: - Này chư tỳ-khưu! Tất cả các pháp-hữu-vi đều là pháp-vô-ngã (anattā: không phải ta, không phải của ta, không chiều theo ý của ta). - Này chư tỳ-khưu! Tất cả các pháp-hữu-vi đều là pháp-vô-ngã, đó là pháp nào? 1- Mắt là vô-ngã, đối-tượng sắc là vô-ngã, nhãn-thức-tâm là vô-ngã, nhãn-xúc là vô-ngã, dù thọ lạc, thọ khổ, thọ không khổ không lạc phát sinh do nhân-duyên nhãn-xúc cũng là vô-ngã.

Các Bài Kinh Khác Và Ý Nghĩa 291 2- Tai là vô-ngã, đối-tượng thanh là vô-ngã, nhĩ-thức-tâm là vô-ngã, nhĩ-xúc là vô-ngã, dù thọ lạc, thọ khổ, thọ không khổ không lạc phát sinh do nhân-duyên nhĩ-xúc cũng là vô-ngã. 3- Mũi là vô-ngã, đối-tượng hương là vô-ngã, tỷ-thức-tâm là vô-ngã, tỷ-xúc là vô-ngã, dù thọ lạc, thọ khổ, thọ không khổ không lạc phát sinh do nhân-duyên tỷ-xúc cũng là vô-ngã. 4- Lưỡi là vô-ngã, đối-tượng vị là vô-ngã, thiệtthức-tâm là vô-ngã, thiệt-xúc là vô-ngã, dù thọ lạc, thọ khổ, thọ không khổ không lạc phát sinh do nhân-duyên thiệt-xúc cũng là vô-ngã. 5- Thân là vô-ngã, đối-tượng xúc là vô-ngã, thân-thức-tâm là vô-ngã, thân-xúc là vô-ngã, dù thọ lạc, thọ khổ, thọ không khổ không lạc phát sinh do nhân-duyên thân-xúc cũng là vô-ngã. 6- Ý là vô-ngã, đối-tượng pháp là vô-ngã, ýthức-tâm là vô-ngã, ý-xúc là vô-ngã, dù thọ lạc, thọ khổ, thọ không khổ không lạc phát sinh do nhân-duyên ý-xúc cũng là vô-ngã. - Này chư tỳ-khưu! Thật-tánh của các pháphữu-vi như vậy, bậc Thánh Thanh-văn có trítuệ-thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ tất cả các pháp ấy đúng theo thật-tánh, nên phát sinh trí-tuệ-thiềntuệ nhàm chán cả trong mắt, cả trong đối-tượng sắc, cả trong nhãn-thức-tâm, cả trong nhãn-xúc,

cả trong thọ lạc, thọ khổ, thọ không khổ không lạc phát sinh do nhân-duyên nhãn-xúc. - Trí-tuệ-thiền-tuệ nhàm chán cả trong tai, cả trong đối-tượng thanh, cả trong nhĩ-thức-tâm, cả trong nhĩ-xúc, cả trong thọ lạc, thọ khổ, thọ không khổ không lạc phát sinh do nhân-duyên nhĩ-xúc. - Trí-tuệ-thiền-tuệ nhàm chán cả trong mũi, cả trong đối-tượng hương, cả trong tỷ-thức-tâm, cả trong tỷ-xúc, cả trong thọ lạc, thọ khổ, thọ không khổ không lạc phát sinh do nhân-duyên tỷ-xúc. - Trí-tuệ-thiền-tuệ nhàm chán cả trong lưỡi, cả trong đối-tượng vị, cả trong thiệt-thức-tâm, cả trong thiệt-xúc, cả trong thọ lạc, thọ khổ, thọ không khổ không lạc phát sinh do nhân-duyên thiệt-xúc. -

Trí-tuệ-thiền-tuệ nhàm chán cả trong thân, cả trong đối-tượng xúc, cả trong thân-thức-tâm, cả trong thân-xúc, cả trong thọ lạc, thọ khổ, thọ không khổ không lạc phát sinh do nhân-duyên thân-xúc. - Trí-tuệ-thiền-tuệ nhàm chán cả trong ý, cả trong đối-tượng pháp, cả trong ý-thức-tâm, cả trong ý-xúc, cả trong thọ lạc, thọ khổ, thọ không khổ không lạc phát sinh do nhân-duyên ý-xúc. Khi trí-tuệ-thiền-tuệ nhàm chán trong các pháp-hữu-vi ấy nên tâm xả ly tham-ái, do tâm xả

Các Bài Kinh Khác Và Ý Nghĩa 293 ly tham-ái nên chứng đắc A-ra-hán Thánh-đạotâm giải thoát khỏi mọi tham-ái, mọi phiền-não. Trí-tuệ quán-triệt biết rõ rằng: “A-ra-hán Thánh-quả-tâm đã giải-thoát hoàn toàn mọi phiền-não trầm-luân, không còn phải thực hành pháp-hành bát-chánh-đạo nữa, mọi phận sự trong tứ Thánh-đế đã hoàn thành xong, phạm hạnh cao thượng đã hoàn thiện xong. Kiếp này là kiếp chót, không còn tái-sinh kiếp nào nữa. Như vậy, 6 môn, 6 đối-tượng, 6 thức tâm đều là pháp-vô-ngã (anattā).

* Loka: Đời là khoảng thời gian từ khi sinh đến khi chết của mỗi chúng-sinh. Suññataloka: Đời người là không. Suññatalokasutta (1) Sāvatthinidānaṃ. Atha kho Āyasmā Ānando yena Bhagavā tenupasaṅkami, upasaṅkamitvā Bhagavantaṃ abhivādetvā ekamantaṃ nisīdi, ekamantaṃ nisinno kho Āyasmā Ānando Bhagavantaṃ etadavoca -- “Suñño loko suñño loko”ti Bhante vuccati, kittāvatā nu kho Bhante“ suñño loko”ti vuccatīti. 1 Saṃyuttanikāya, Saḷāyatanavaggasaṃyutta, Suññatalokasutta.

294 TÌM HIỂU KINH TRẠNG-THÁI VÔ-NGÃ

Yasmā ca kho Ānanda suññaṃ attena vā attaniyena vā, tasmā “suñño loko”ti vuccati. Kiñca Ānanda suññaṃ attena vā attaniyena vā? - Cakkhu kho Ānanda suññaṃ attena vā attaniyena vā, rūpā suññā attena vā attaniyena vā, cakkhuviññāṇaṃ suññaṃ attena vā attaniyena vā, cakkhusamphasso suñño attena vā attaniyena vā, yampidaṃ cakkhusamphassapaccayā uppajjati vedayitaṃ sukhaṃ vā dukkhaṃ vā adukkhamasukhaṃ vā, tampi suññaṃ attena vā attaniyena vā. - Sotaṃ suññaṃ attena vā attaniyena vā, saddā suññā attena vā attaniyena vā, sotaviññāṇaṃ suññaṃ attena vā attaniyena vā, sotasamphasso suñño attena vā attaniyena vā, yampidaṃ sotasamphassapaccayā uppajjati vedayitaṃ sukhaṃ vā dukkhaṃ vā adukkhamasukhaṃ vā, tampi suññaṃ attena vā attaniyena vā. - Ghānaṃ suññaṃ attena vā attaniyena vā, gandhā suññā attena vā attaniyena vā, ghānaviññāṇaṃ suññaṃ attena vā attaniyena vā, ghānasamphasso suñño attena vā attaniyena vā, yampidaṃ ghānasamphassapaccayā uppajjati vedayitaṃ sukhaṃ vā dukkhaṃ vā adukkhamasukhaṃ vā, tampi suññaṃ attena vā attaniyena vā. - Jivhā suññā attena vā attaniyena vā, rasā suññā attena vā attaniyena vā, jivhāviññāṇaṃ

Các Bài Kinh Khác Và Ý Nghĩa 295 suññaṃ attena vā attaniyena vā, jivhāsamphasso suñño attena vā attaniyena vā, yampidaṃ jivhāsamphassapaccayā uppajjati vedayitaṃ sukhaṃ vā dukkhaṃ vā adukkhamasukhaṃ vā, tampi suññaṃ attena vā attaniyena vā. - Kāyo suñño attena vā attaniyena vā, phoṭṭhabbā suññā attena vā

attaniyena vā, kāyaviññāṇaṃ suññaṃ attena vā attaniyena vā, kāyasamphasso suñño attena vā attaniyena vā, yampidaṃ kāyasamphassapaccayā uppajjati vedayitaṃ sukhaṃ vā dukkhaṃ vā adukkhamasukhaṃ vā, tampi suññaṃ attena vā attaniyena vā. - Mano suñño attena vā attaniyena vā, dhammā suññā attena vā attaniyena vā, manoviññāṇaṃ suññaṃ attena vā attaniyena vā, manosamphasso suñño attena vā attaniyena vā, yampidaṃ manosamphassapaccayā uppajjati vedayitaṃ sukhaṃ vā dukkhaṃ vā adukkhamasukhaṃ vā, tampi suññaṃ attena vā attaniyena vā. Yasmā ca kho Ānanda suññaṃ attena vā attaniyena vā, tasmā “suñño loko”ti vuccati.” Ý nghĩa bài Kinh Đời Người Là Không Một thuở nọ, Đức-Phật ngự tại ngôi chùa Jetavana gần kinh-thành Sāvatthī. Khi ấy, Ngài Trưởng-lão Ānanda đến hầu đảnh lễ Đức-Thế- Tôn, rồi ngồi một nơi hợp lẽ, bạch hỏi Đức-Thế- Tôn rằng:

296 TÌM HIỂU KINH TRẠNG-THÁI VÔ-NGÃ

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, do nguyên nhân thế nào gọi là “đời người là không?” Bạch Ngài. Đức-Thế-Tôn truyền dạy rằng: - Này Ānanda! Do nguyên nhân không phải ta hoặc không phải của ta. Vì vậy, gọi là “đời người là không”. - Này Ānanda! Những pháp nào là pháp không phải ta hoặc không phải của ta? 1- Mắt không phải ta hoặc không phải của ta; đối-tượng sắc không phải ta hoặc không phải của ta; nhãn-thức-tâm không phải ta hoặc không phải của ta; nhãn-xúc không phải ta hoặc không phải của ta; thọ lạc, thọ khổ, thọ không khổ không lạc phát sinh do nhân-duyên nhãnxúc cũng không phải ta hoặc không phải của ta. 2- Tai không phải ta hoặc không phải của ta; đối-tượng thanh không phải ta hoặc không phải của ta; nhĩ-thức-tâm không phải ta hoặc không phải của ta; nhĩ-xúc không phải ta hoặc không phải của ta; thọ lạc, thọ khổ, thọ không khổ không lạc phát sinh do nhân-duyên nhĩ-xúc cũng không phải ta hoặc không phải của ta. 3- Mũi không phải ta hoặc không phải của ta; đối-tượng hương không phải ta hoặc không phải của ta; tỷ-thức-tâm không phải ta hoặc không phải của ta; tỷ-xúc không phải ta hoặc không phải của ta; thọ lạc, thọ khổ, thọ không

Các Bài Kinh Khác Và Ý Nghĩa 297 khổ không lạc phát sinh do nhân-duyên tỷ-xúc cũng không phải ta hoặc không phải của ta. 4- Lưỡi không phải ta hoặc không phải của ta; đối-tượng vị không phải ta hoặc không phải của ta; thiệt-thức-tâm không phải ta hoặc không phải của ta; thiệt-xúc không phải ta hoặc không phải của ta; thọ lạc, thọ khổ, thọ không khổ không lạc phát sinh do nhân-duyên thiệt-xúc cũng không phải ta hoặc không phải của ta. 5- Thân không phải ta hoặc không phải của ta; đối-tượng xúc không phải ta hoặc không phải của ta; thân-thức-tâm không phải ta hoặc không phải của ta; thân-xúc không phải ta hoặc không phải của ta; thọ lạc, thọ khổ, thọ không khổ không lạc phát sinh do nhân-duyên thân-xúc cũng không phải ta hoặc không phải của ta. 6- Ý không phải ta hoặc không phải của ta; đối-tượng pháp không phải ta hoặc không phải của ta; ý-thức-tâm không phải ta hoặc không phải của ta; ý-xúc không phải ta hoặc không phải của ta; thọ lạc, thọ khổ, thọ không khổ không lạc phát sinh do nhân-duyên ý-xúc cũng không phải ta hoặc không phải của ta. - Này Ānanda! Do nguyên nhân các pháp ấy không phải ta hoặc không phải của ta, nên gọi là đời người là không (suññaloka). (Xong bài kinh Suññatalokasutta.)

Như vậy, mỗi người có 6 môn (nhãn-môn, nhĩ-môn, tỷ-môn, thiệt-môn, thân-môn, ý-môn); 6 đối-tượng (đối-tượng sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp); 6 thức-tâm (nhãn-thức-tâm, nhĩthức-tâm, tỷ-thức-tâm, thiệt-thức-tâm, thân-thứctâm, ý-thức-tâm) đều không phải ta, hoặc không phải của ta, đối với tất cả mọi chúng-sinh khác cũng là như vậy. Đối-tượng có 6 loại, trong 6 đối-tượng ấy, mỗi đối-tượng nào, nếu người nào không từng tiếp xúc thì người ấy không phát sinh tham-tâm say mê trong đối-tượng ấy được.

Tìm hiểu bài kinh Mālukyaputtasutta (1) Ý nghĩa tóm lược bài kinh Mālukyaputtasutta Khi ấy, Ngài Trưởng-lão Mālukyaputta đến hầu đảnh lễ Đức-Thế-Tôn, rồi ngồi một nơi hợp lẽ, bạch xin Đức-Thế-Tôn rằng: - Kính bạch Đức-Thế-Tôn, con kính xin Đức-Thế-Tôn thuyết pháp tóm tắt tế độ con. Con nghe chánh-pháp ấy của Đức-Thế-Tôn xong, con sẽ tránh xa ở chung trong nhóm, một mình ở nơi thanh vắng, không dể duôi, tinh-tấn thực hành pháp-hành ấy.

1 Saṃyuttanikāya, Saḷāyatanasaṃyutta, Mālukyaputtasutta.

Các Bài Kinh Khác Và Ý Nghĩa 299 Đức-Thế-Tôn truyền dạy rằng: - Này Mālukyaputta! Tuy con đã già, tuổi cao tác lớn nhưng con đến xin nghe pháp tóm tắt. Nay, Như-lai thuyết pháp tế độ con. - Này Mālukyaputta! Con hiểu biết về điều này như thế nào? * Con không thấy, cũng chưa từng thấy, ngay hiện-tại cũng không thấy các đối-tượng sắc nào bằng nhãn-thức-tâm; con có hài lòng hoặc tham muốn hoặc say mê trong các đối-tượng sắc ấy hay không? - Kính bạch Đức-Thế-Tôn, không có. Bạch Ngài. * Con không nghe, cũng chưa từng nghe, ngay hiện-tại cũng không nghe các đối-tượng thanh nào bằng nhĩ-thức-tâm; con có hài lòng hoặc tham muốn hoặc say mê trong các đốitượng thanh ấy hay không? - Kính bạch Đức-Thế-Tôn, không có. Bạch Ngài. * Con không ngửi, cũng chưa từng ngửi, ngay hiện-tại cũng không ngửi các đối-tượng hương nào bằng tỷ-thức-tâm; con có hài lòng hoặc tham muốn hoặc say mê trong các đối-tượng hương ấy hay không? - Kính bạch Đức-Thế-Tôn, không có. Bạch Ngài. * Con không nếm, cũng chưa từng nếm, ngay

hiện-tại cũng không nếm các đối-tượng vị nào bằng thiệt-thức-tâm; con có hài lòng hoặc tham muốn hoặc say mê trong các đối-tượng vị ấy hay không? - Kính bạch Đức-Thế-Tôn, không có. Bạch Ngài. * Con không xúc-giác, cũng chưa từng xúcgiác, ngay hiện-tại cũng không xúc-giác các đốitượng xúc nào bằng thân-thức-tâm; con có hài lòng hoặc tham muốn hoặc say mê trong các đối-tượng xúc ấy hay không? - Kính bạch Đức-Thế-Tôn, không có. Bạch Ngài. * Con không biết, cũng chưa từng biết, ngay hiện-tại cũng không biết các đối-tượng pháp nào bằng ý-thức-tâm; con có hài lòng hoặc tham muốn hoặc say mê trong các đối-tượng pháp ấy hay không? - Kính bạch Đức-Thế-Tôn, không có. Bạch Ngài. - Này Mālukyaputta! Trong 6 loại đối-tượng: khi đối-tượng sắc được thấy; khi đối-tượng thanh được nghe; khi đối-tượng hương, vị, xúc được tiếp xúc; khi đối-tượng pháp được biết. Đối với con, khi thấy đối-tượng sắc thì chỉ là thấy

đối-tượng sắc mà thôi. Khi nghe đối-tượng thanh thì chỉ là nghe đối-tượng thanh mà thôi. Khi tiếp xúc đối-tượng hương, vị, xúc thì chỉ là tiếp xúc đối-tượng hương, vị, xúc mà thôi. Khi

Các Bài Kinh Khác Và Ý Nghĩa 301 biết đối-tượng pháp thì chỉ là biết đối-tượng pháp mà thôi. - Này Mālukyaputta! Khi nào đối-tượng sắc được thấy; đối-tượng thanh được nghe; đốitượng hương, vị, xúc được tiếp xúc; đối-tượng pháp được biết. Đối với con, trong 6 đối-tượng, nếu khi thấy đối-tượng sắc thì chỉ là thấy đối-tượng sắc mà thôi; nếu khi nghe đối-tượng thanh thì chỉ là nghe đối-tượng thanh mà thôi; nếu khi tiếp xúc đốitượng hương, vị, xúc thì chỉ là tiếp xúc đối-tượng hương, vị, xúc mà thôi; nếu khi biết đối-tượng pháp thì chỉ là biết đối-tượng pháp mà thôi. - Mālukyaputta! Khi ấy, con sẽ không phát sinh tham-tâm chấp thủ, sân-tâm nóng nảy, sitâm mê muội. - Này Mālukyaputta! Khi nào tham-tâm chấp thủ, sân-tâm nóng nảy, si-tâm mê muội không phát sinh, khi ấy, con sẽ không có tham-tâm chấp thủ, sân-tâm nóng nảy, si-tâm mê muội trong 6 đối-tượng ấy. - Này Mālukyaputta! Khi ấy, kiếp hiện-tại này con không có (1), kiếp sau con cũng không có, cả kiếp này lẫn kiếp sau con cũng không có 1 Không có: có nghĩa là không có tâm tham, không có tâm sân, không có tâm si.

302 TÌM HIỂU KINH TRẠNG-THÁI VÔ-NGÃ

nữa, vì không còn tái-sinh nên tận cùng của sự khổ gọi là Niết-bàn. Sau khi lắng nghe Đức-Phật thuyết giảng bài pháp tóm tắt như vậy, Ngài Trưởng-lão Mālukyaputta kính bạch Đức-Phật rằng: - Kính bạch Đức-Thế-Tôn, con lắng nghe Đức-Thế-Tôn thuyết giảng bài pháp tóm tắt, con hiểu ý nghĩa rộng rằng: - Người nào hướng tâm thấy đối-tượng sắc đáng yêu, không có trí nhớ, quên mình, với tham-tâm chấp thủ trong đối-tượng sắc ấy, người ấy có tham-tâm hoan-hỷ, thọ lạc say đắm trong đối-tượng sắc ấy, có tham-tâm chấp thủ, người ấy đã tích lũy sự khổ ấy. Như vậy, gọi là xa Niết-bàn. - Người nào hướng tâm nghe đối-tượng thanh đáng yêu, không có trí nhớ, quên mình, với tham-tâm chấp thủ trong đối-tượng thanh ấy, người ấy có tham-tâm hoan-hỷ, thọ lạc say đắm trong đối-tượng thanh ấy, có tham-tâm chấp thủ, người ấy đã tích lũy sự khổ ấy. Như vậy, gọi là xa Niết-bàn. - Người nào hướng tâm ngửi đối-tượng hương đáng thích, không có trí nhớ, quên mình, với tham-tâm chấp thủ trong đối-tượng hương ấy, người ấy có tham-tâm hoan-hỷ, thọ lạc say

Các Bài Kinh Khác Và Ý Nghĩa 303 đắm trong đối-tượng hương ấy, có tham-tâm chấp thủ, người ấy đã tích lũy sự khổ ấy. Như vậy, gọi là xa Niết-bàn. - Người nào hướng tâm nếm đối-tượng vị đáng say mê, không có trí nhớ, quên mình, với tham-tâm chấp thủ trong đối-tượng vị ấy, người ấy có tham-tâm hoan-hỷ, thọ lạc say đắm trong đối-tượng vị ấy, có tham-tâm chấp thủ, người ấy đã tích lũy sự khổ ấy. Như vậy, gọi là xa Niết-bàn. - Người nào hướng tâm xúc giác đối-tượng xúc đáng hài lòng, không có trí nhớ, quên mình, với tham-tâm chấp thủ trong đối-tượng xúc ấy, người ấy có tham-tâm hoan-hỷ, thọ lạc say đắm trong đối-tượng xúc ấy, có tham-tâm chấp thủ, người ấy đã tích lũy sự khổ ấy. Như vậy, gọi là xa Niết-bàn. - Người nào hướng tâm biết đối-tượng pháp đáng thỏa thích, không có trí nhớ, quên mình, với tham-tâm chấp thủ trong đối-tượng pháp ấy, người ấy có tham-tâm hoan-hỷ, thọ lạc say đắm trong đối-tượng

pháp ấy, có tham-tâm chấp thủ, người ấy đã tích lũy sự khổ ấy. Như vậy, gọi là xa Niết-bàn. - Người nào thấy đối-tượng sắc có chánh-niệm

304 TÌM HIỂU KINH TRẠNG-THÁI VÔ-NGÃ

không say mê trong đối-tượng sắc ấy, với đạithiện-tâm không dính mắc trong đối-tượng sắc ấy. Người ấy thấy đối-tượng sắc, cảm thọ đốitượng sắc như vậy làm cho sự khổ giảm xuống, không tăng trưởng. Cho nên, người ấy có chánhniệm thực hành dẫn đến diệt sự khổ. Như vậy, gọi là gần Niết-bàn. - Người nào nghe đối-tượng thanh có chánhniệm không say mê trong đối-tượng thanh ấy, với đại-thiện-tâm không dính mắc trong đối-tượng thanh ấy. Người ấy nghe đối-tượng thanh, cảm thọ đối-tượng thanh như vậy làm cho sự khổ giảm xuống, không tăng trưởng. Cho nên, người ấy có chánh-niệm thực hành dẫn đến diệt sự khổ. Như vậy, gọi là gần Niết-bàn. - Người nào ngửi đối-tượng hương có chánhniệm không say mê trong đối-tượng hương ấy, với đại-thiện-tâm không dính mắc trong đốitượng hương ấy. Người ấy ngửi đối-tượng hương, cảm thọ đối-tượng hương như vậy làm cho sự khổ giảm xuống, không tăng trưởng. Cho nên, người ấy có chánh-niệm thực hành dẫn đến diệt sự khổ. Như vậy, gọi là gần Niết-bàn. - Người nào nếm đối-tượng vị có chánh-niệm không say mê trong đối-tượng vị ấy, với đại-

Các Bài Kinh Khác Và Ý Nghĩa 305 thiện-tâm không dính mắc trong đối-tượng vị ấy. Người ấy nếm đối-tượng vị, cảm thọ đối-tượng vị như vậy làm cho sự khổ giảm xuống, không tăng trưởng. Cho nên, người ấy có chánh-niệm thực hành dẫn đến diệt sự khổ. Như vậy, gọi là gần Niết-bàn. - Người nào xúc giác đối-tượng xúc có chánh-niệm không say mê trong đối-tượng xúc ấy, với đại-thiện-tâm không dính mắc trong đốitượng xúc ấy. Người ấy xúc giác đối-tượng xúc, cảm thọ đối-tượng xúc như vậy làm cho sự khổ giảm xuống, không tăng trưởng. Cho nên, người ấy có chánh-niệm thực hành dẫn đến diệt sự khổ. Như vậy, gọi là gần Niết-bàn. - Người nào biết đối-tượng pháp có chánhniệm không say mê trong đối-tượng pháp ấy, với đại-thiện-tâm không dính mắc trong đối-tượng pháp ấy. Người ấy biết đối-tượng pháp, cảm thọ đối-tượng pháp như vậy làm cho sự khổ giảm xuống, không tăng trưởng. Cho nên, người ấy có chánh-niệm thực hành dẫn đến diệt sự khổ. Như vậy, gọi là gần Niết-bàn. - Kính bạch Đức-Thế-Tôn, con hiểu biết ý nghĩa của bài pháp mà Đức-Thế-Tôn thuyết giảng tóm tắt ấy, con đã khai triển như vậy. Bạch Ngài.

306 TÌM HIỂU KINH TRẠNG-THÁI VÔ-NGÃ

- Này Mālukyaputta! Sādhu! Khá lắm! Con hiểu biết ý nghĩa bài pháp mà Như-lai đã thuyết giảng tóm tắt ấy, con đã khai triển đúng rằng: - Người nào hướng tâm thấy đối-tượng sắc đáng yêu, không có trí nhớ, quên mình, với tham-tâm chấp thủ trong đối-tượng sắc ấy, người ấy có tham-tâm hoan-hỷ, thọ lạc say đắm trong đối-tượng sắc ấy, có tham-tâm chấp thủ, người ấy đã tích lũy sự khổ ấy. Như vậy, gọi là xa Niết-bàn ... - Người nào biết đối-tượng pháp có chánhniệm không say mê trong đối-tượng pháp ấy, với đại-thiện-tâm không dính mắc trong đối-tượng pháp ấy. Người ấy biết đối-tượng pháp, cảm thọ đối-tượng pháp như vậy làm cho sự khổ giảm xuống, không tăng trưởng.

Cho nên, người ấy có chánh-niệm thực hành dẫn đến diệt sự khổ. Như vậy, gọi là gần Niết-bàn. Khi ấy, Ngài Trưởng-lão Mālukyaputta phát sinh đại-thiện-tâm hoan-hỷ lời giáo huấn của Đức-Phật, cung-kính đảnh lễ Đức-Phật, rồi xin phép từ giã. Ngay khi ấy, Ngài Trưởng-lão Mālukyaputta lánh xa nhóm, một mình ở nơi thanh vắng, không dể duôi, tinh-tấn thực hành pháp-hành thiền-tuệ. Sau thời gian không lâu, dẫn đến chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả, Niết-bàn, trở

Các Bài Kinh Khác Và Ý Nghĩa 307 thành bậc Thánh A-ra-hán cao thượng, đó là cứu cánh của các bậc xuất-gia, có trí-tuệ quán triệt thấy rõ, biết rõ đã hoàn thành mọi phận-sự tứ Thánh-đế, phạm hạnh đã hoàn thành, kiếp này là kiếp chót, không còn tái-sinh kiếp nào nữa. (Xong bài Kinh Mālukyaputtasutta.) Suy xét đoạn Kinh Mālukyaputtasutta Đức-Phật truyền hỏi Ngài Trưởng-lão Mālukyaputta rằng: - “Này Mālukyaputta! Con không thấy, cũng chưa từng thấy, ngay hiện-tại cũng không thấy các đối-tượng sắc nào bằng nhãn-thức-tâm; con có hài lòng hoặc tham muốn hoặc say mê trong các đối-tượng sắc ấy hay không?” Ngài Trưởng-lão Mālukyaputta kính bạch rằng: - Kính bạch Đức-Thế-Tôn, không có. Bạch Ngài. Như vậy, các đối-tượng sắc nào không từng thấy trong thời quá-khứ, ngay hiện-tại cũng không thấy, thì các đối-tượng sắc ấy không thể làm đối-tượng để phát sinh tham-tâm hài lòng hoặc tham muốn hoặc say mê trong các đốitượng sắc ấy. Tương tự như vậy, các đối-tượng thanh, … các đối-tượng hương, … các đối-tượng vị, … các đối-tượng xúc, …

308 TÌM HIỂU KINH TRẠNG-THÁI VÔ-NGÃ

Các đối-tượng pháp nào không biết, không từng biết trong thời quá-khứ, ngay hiện-tại cũng không biết, thì các đối-tượng pháp ấy không thể làm đối-tượng để phát sinh tham-tâm hài lòng hoặc tham muốn hoặc say mê trong các đốitượng pháp ấy. Thật ra, mỗi phiền-não nào phát sinh đều do đối-tượng làm nhân-duyên phát sinh thức-tâm nào trong 6 thức-tâm trong lộ-trình-tâm, phiềnnão ấy nương nhờ nơi bất-thiện-tâm (ác-tâm) làm phận-sự tác-hành-tâm (javanacitta). Như vậy, để tránh khỏi phiền-não có 2 cách: 1- Biết tránh xa các đối-tượng nào làm nhânduyên phát sinh phiền-não. 2- Hành-giả có chánh-niệm giữ gìn cẩn trọng 6 môn khi tiếp xúc với 6 đối-tượng như sau: - Nếu khi nhãn-thức-tâm thấy đối-tượng sắc thì chỉ là thấy đối-tượng sắc mà thôi. - Nếu khi nhĩ-thức-tâm nghe đối-tượng thanh thì chỉ là nghe đối-tượng thanh mà thôi. - Nếu khi tỷ-thức-tâm ngửi đối-tượng hương thì chỉ là ngửi đối-tượng hương mà thôi. - Nếu khi thiệt-thức-tâm nếm đối-tượng vị thì chỉ là nếm đối-tượng vị mà thôi. - Nếu khi thân-thức-tâm xúc-giác đối-tượng xúc thì chỉ là xúc-giác đối-tượng xúc mà thôi.

Các Bài Kinh Khác Và Ý Nghĩa 309 - Nếu khi ý-thức-tâm biết đối-tượng pháp thì chỉ là biết đối-tượng pháp mà thôi. Như vậy, nếu hành-giả có chánh-niệm cẩn trọng 6 môn tiếp xúc với 6 đối-tượng làm nhânduyên phát sinh 6 thức-tâm, trong 6 lộ-trìnhtâm như sau: - Nhãn-môn tiếp xúc với đối-tượng sắc làm nhân-duyên phát sinh nhãn-thức-tâm trong nhãnmôn lộ-trình-tâm, chỉ thấy đối-tượng sắc hiệntại mà thôi, có tác-hành-tâm đó là đại-thiện-tâm, nên phiền-não không nương nhờ phát sinh được. - Nhĩ-môn tiếp xúc với đối-tượng thanh làm nhân-duyên phát sinh nhĩ-thức-tâm trong nhĩmôn lộ-trình-tâm, chỉ nghe đối-tượng thanh hiệntại mà thôi, có tác-hành-tâm đó là

đại-thiện-tâm, nên phiền-não không nương nhờ phát sinh được. - Tỷ-môn tiếp xúc với đối-tượng hương làm nhân-duyên phát sinh tỷ-thức-tâm trong tỷ-môn lộ-trình-tâm, chỉ ngửi đối-tượng hương hiện-tại mà thôi, có tác-hành-tâm đó là đại-thiện-tâm, nên phiền-não không nương nhờ phát sinh được. - Thiệt-môn tiếp xúc với đối-tượng vị làm nhân-duyên phát sinh thiệt-thức-tâm trong thiệtmôn lộ-trình-tâm, chỉ nếm đối-tượng vị hiện-tại mà thôi, có tác-hành-tâm đó là đại-thiện-tâm, nên phiền-não không nương nhờ phát sinh được.

- Thân-môn tiếp xúc với đối-tượng xúc làm nhân-duyên phát sinh thân-thức-tâm trong thânmôn lộ-trình-tâm, chỉ xúc-giác đối-tượng xúc hiệntại mà thôi, có tác-hành-tâm đó là đại-thiện-tâm, nên phiền-não không nương nhờ phát sinh được. - Ý-môn tiếp xúc với đối-tượng pháp làm nhân-duyên phát sinh ý-thức-tâm trong ý-môn lộ-trình-tâm, chỉ biết đối-tượng pháp mà thôi, có tác-hành-tâm đó là đại-thiện-tâm, nên phiền-não không nương nhờ phát sinh được. Một cách khác về ngăn ngừa phiền-não: Đức-Phật truyền dạy rằng: - Này chư tỳ-khưu! Tỳ-khưu hành-giả giữ gìn cẩn trọng 6 môn trong 6 pháp-chủ (indriya) như thế nào? - Tỳ-khưu hành-giả trong Phật-giáo này khi thấy đối-tượng sắc bằng nhãn-thức-tâm không chấp thủ nimitta: đó là người nam, người nữ, thân hình xinh đẹp; và không chấp thủ anu- byañjana: đó là mặt mũi, tay chân, thân hình, v.v… hành-giả thực hành giữ gìn cẩn trọng nhãn-môn (cakkhudvāra). Nếu không giữ gìn cẩn trọng thì làm nhân cho ác-pháp đó là thamlam hoặc sân-hận phát sinh. Cho nên, hành-giả nên giữ gìn cẩn trọng nhãn-môn (cakkhudvāra).

Các Bài Kinh Khác Và Ý Nghĩa 311 - Tỳ-khưu hành-giả trong Phật-giáo này khi nghe đối-tượng thanh bằng nhĩ-thức-tâm không chấp thủ nimitta: là âm thanh người nam, âm thanh người nữ; và không chấp thủ anu- byañjana: là lời nói thanh tao, lời nói chua chát, thô tục, v.v… hành-giả thực hành giữ gìn cẩn trọng nhĩ-môn (sotadvāra). Nếu không giữ gìn cẩn trọng thì làm nhân cho ác-pháp đó là tham-lam hoặc sân-hận phát sinh. Cho nên, hành-giả nên giữ gìn cẩn trọng nhĩmôn (sotadvāra). - Tỳ-khưu hành-giả trong Phật-giáo này khi ngửi đối-tượng hương bằng tỷ-thức-tâm không chấp thủ nimitta: là hương người nam, hương người nữ; và không chấp thủ anubyañjana: là mùi thơm, mùi hôi, v.v… hành-giả thực hành giữ gìn cẩn trọng tỷ-môn (ghānadvāra). Nếu không giữ gìn cẩn trọng thì làm nhân cho ác-pháp đó là tham-lam hoặc sân-hận phát sinh. Cho nên, hành-giả nên giữ gìn cẩn trọng tỷmôn (ghānadvāra). - Tỳ-khưu hành-giả trong Phật-giáo này khi nếm đối-tượng vị bằng thiệt-thức-tâm không chấp thủ nimitta: là vị ngọt ngào, vị chua chát của người nam, người nữ; và không chấp thủ anubyañjana: là lời nói ngọt ngào, chua chát, v.v… hành-giả thực hành giữ gìn cẩn trọng

thiệt-môn (jivhādvāra). Nếu không giữ gìn cẩn trọng thì làm nhân cho ác-pháp đó là tham-lam hoặc sân-hận phát sinh. Cho nên, hành-giả nên giữ gìn cẩn trọng thiệt-môn (jivhādvāra). - Tỳ-khưu hành-giả trong Phật-giáo này khi xúc-giác đối-tượng xúc bằng

thân-thức-tâm không chấp thủ nimitta: là thân người nam, thân người nữ; và không chấp thủ anubyañjana: là mềm mại, thô cứng, v.v... hành-giả thực hành giữ gìn cẩn trọng thân-môn (kāyadvāra). Nếu không giữ gìn cẩn trọng thì làm nhân cho ácpháp đó là tham-lam hoặc sân-hận phát sinh. Cho nên, hành-giả nên giữ gìn cẩn trọng thân-môn (kāyadvāra). - Tỳ-khưu hành-giả trong Phật-giáo này khi biết đối-tượng pháp bằng ý-thức-tâm không chấp thủ nimitta: là người nam, người nữ; và không chấp thủ anubyañjana: là thân hình xinh đẹp, xấu xí, v.v... hành-giả thực hành giữ gìn cẩn trọng ý-môn (manodvāra). Nếu không giữ gìn cẩn trọng thì làm nhân cho ác-pháp đó là tham-lam hoặc sân-hận phát sinh. Cho nên, hành-giả nên giữ gìn cẩn trọng thân-môn (manodvāra).

Các Bài Kinh Khác Và Ý Nghĩa 313 Sự sinh và sự diệt của sự khổ Trong kinh Dukkhasutta (1) Đức-Phật truyền dạy chư tỳ-khưu rằng: - Này chư tỳ-khưu! Như-lai thuyết giảng sự sinh và sự diệt của sự khổ, các con hãy lắng nghe. - Này chư tỳ-khưu! Sự sinh của sự khổ là thế nào? Sự sinh của sự khổ như sau: - Do nương nhờ mắt làm nhân-duyên tiếp xúc với đối-tượng sắc, nên phát sinh nhãn-thứctâm; mắt, đối-tượng sắc với nhãn-thức-tâm, gom 3 pháp này gọi là nhãn-xúc; do nhãn-xúc làm nhân-duyên phát sinh thọ; do thọ làm nhânduyên phát sinh tham-ái; do tham-ái làm nhânduyên phát sinh pháp chấp-thủ; do pháp chấpthủ làm nhân-duyên phát sinh hữu; do hữu làm nhân-duyên phát sinh tái-sinh; do tái-sinh làm nhân-duyên phát sinh lão, tử, sầu-não, khócthan, khổ-thân, khổ-tâm, khổ cùng cực. Đó là sự sinh của mọi sự khổ. - Do nương nhờ tai làm nhân-duyên tiếp xúc với đối-tượng thanh, nên phát sinh nhĩ-thứctâm; tai, đối-tượng thanh với nhĩ-thức-tâm, gom 3 pháp này gọi là nhĩ-xúc; do nhĩ-xúc làm 1 Saṃyuttanikāya, Sāḷāyatanavaggasaṃyutta, Dukkhasutta.

314 TÌM HIỂU KINH TRẠNG-THÁI VÔ-NGÃ

nhân-duyên phát sinh thọ; do thọ làm nhânduyên phát sinh tham-ái; ... - Do nương nhờ mũi làm nhân-duyên tiếp xúc với đối-tượng hương, nên phát sinh tỷthức-tâm; mũi, đối-tượng hương với tỷ-thứctâm, gom 3 pháp này gọi là tỷ-xúc; do tỷ-xúc làm nhân-duyên phát sinh thọ; do thọ làm nhânduyên phát sinh tham-ái; ... - Do nương nhờ lưỡi làm nhân-duyên tiếp xúc với đối-tượng vị, nên phát sinh thiệt-thứctâm; lưỡi, đối-tượng vị với thiệt-thức-tâm, gom 3 pháp này gọi là thiệt-xúc; do thiệt-xúc làm nhân-duyên phát sinh thọ; do thọ làm nhânduyên phát sinh tham-ái; ... - Do nương nhờ thân làm nhân-duyên tiếp xúc với đối-tượng xúc, nên phát sinh thân-thứctâm; thân, đối-tượng xúc với thân-thức-tâm, gom 3 pháp này gọi là thân-xúc; do thân-xúc làm nhân-duyên phát sinh thọ; do thọ làm nhânduyên phát sinh tham-ái; ... - Do nương nhờ ý làm nhân-duyên tiếp xúc với đối-tượng pháp, nên phát sinh ý-thức-tâm; ý, đối-tượng pháp với ý-thức-tâm, gom 3 pháp này gọi là ý-xúc; do ý-xúc làm nhân-duyên phát sinh thọ; do thọ làm nhân-duyên phát sinh tham-ái; do tham-ái làm nhân-duyên phát sinh chấp-thủ; do pháp chấp-thủ làm nhân-duyên phát sinh

Các Bài Kinh Khác Và Ý Nghĩa 315 hữu; do hữu làm nhân-duyên phát sinh tái-sinh; do tái-sinh làm nhân-duyên phát sinh, lão, tử, sầu-não, khóc-than, khổ-thân, khổ-tâm, khổ cùng cực. Đó là sự sinh của mọi sự khổ. - Này chư tỳ-khưu! Sự diệt của sự khổ là thế

nào? Sự diệt của sự khổ như sau: - Do nương nhờ mắt làm nhân-duyên tiếp xúc với đối-tượng sắc, nên phát sinh nhãn-thức-tâm; mắt, đối-tượng sắc với nhãn-thức-tâm, gom 3 pháp này gọi là nhãn-xúc; do nhãn-xúc làm nhân-duyên phát sinh thọ; do thọ làm nhânduyên phát sinh tham-ái; do diệt tận được thamái không còn dư sót, nên diệt tận được pháp chấp-thủ; do diệt tận được pháp chấp-thủ, nên diệt tận được hữu; do diệt tận được hữu, nên diệt tận được tái-sinh; do diệt tận được tái-sinh, nên diệt tận được lão, tử, sầu-não, khóc-than, khổthân, khổ-tâm, khổ cùng cực, sự diệt tận của mọi sự khổ này như vậy. Đó là sự diệt của sự khổ. - Do nương nhờ tai làm nhân-duyên tiếp xúc với đối-tượng thanh, nên phát sinh nhĩ-thứctâm; tai, đối-tượng thanh với nhĩ-thức-tâm, gom 3 pháp này gọi là nhĩ-xúc; do nhĩ-xúc làm nhân-duyên phát sinh thọ; do thọ làm nhânduyên phát sinh tham-ái; do diệt tận được tham-

ái không còn dư sót, nên diệt tận được pháp chấp-thủ; do diệt tận được pháp chấp-thủ, ... - Do nương nhờ mũi làm nhân-duyên tiếp xúc với đối-tượng hương, nên phát sinh tỷthức-tâm; mũi, đối-tượng hương với tỷ-thứctâm, gom 3 pháp này gọi là tỷ-xúc; do tỷ-xúc làm nhân-duyên phát sinh thọ; do thọ làm nhânduyên phát sinh tham-ái; do diệt tận được thamái không còn dư sót, nên diệt tận được pháp chấp-thủ; do diệt tận được pháp chấp-thủ, ... - Do nương nhờ lưỡi làm nhân-duyên tiếp xúc với đối-tượng vị, nên phát sinh thiệt-thứctâm; lưỡi, đối-tượng vị với thiệt-thức-tâm, gom 3 pháp này gọi là thiệt-xúc; do thiệt-xúc làm nhân-duyên phát sinh thọ; do thọ làm nhânduyên phát sinh tham-ái; do diệt tận được thamái không còn dư sót, nên diệt tận được pháp chấp-thủ; do diệt tận được pháp chấp-thủ, ... - Do nương nhờ thân làm nhân-duyên tiếp xúc với đối-tượng xúc, nên phát sinh thân-thứctâm; thân, đối-tượng xúc với thân-thức-tâm, gom 3 pháp này gọi là thân-xúc; do thân-xúc làm nhân-duyên phát sinh thọ; do thọ làm nhânduyên phát sinh tham-ái; do diệt tận được thamái không còn dư sót, nên diệt tận được pháp chấp-thủ; do diệt tận được pháp chấp-thủ, ...

Các Bài Kinh Khác Và Ý Nghĩa 317 - Do nương nhờ ý làm nhân-duyên tiếp xúc với đối-tượng pháp, nên phát sinh ý-thức-tâm; ý, đối-tượng pháp với ý-thức-tâm, gom 3 pháp này gọi là ý-xúc; do ý-xúc làm nhân-duyên phát sinh thọ; do thọ làm nhân-duyên phát sinh tham-ái; do diệt tận được tham-ái không còn dư sót, nên diệt tận được pháp chấp-thủ; do diệt tận được pháp chấp-thủ, nên diệt tận được hữu; do diệt tận được hữu, nên diệt tận được tái-sinh; do diệt tận được tái-sinh, nên diệt tận được lão, tử, sầunão, khóc-than, khổ-thân, khổ-tâm, khổ cùng cực, sự diệt tận của mọi sự khổ này như vậy. Đó là sự diệt của sự khổ. (Xong bài kinh Dukkhasutta.)

Tìm hiểu về bài Kinh Dukkhasutta Đức-Phật thuyết giảng sự sinh của sự khổ và sự diệt của sự khổ liên quan đến 6 xứ bên trong đó là mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý tiếp xúc với 6 xứ bên ngoài đó là 6 đối-tượng: sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp; làm nhân-duyên phát sinh các pháp theo nhân quả liên hoàn theo sự sinh của sự khổ và sự diệt tận của sự khổ. * Sự sinh của sự khổ Những chúng-sinh thuộc về hạng phàm-nhân trong cuộc sống hằng ngày trong đời:

- “Do nương nhờ mắt làm nhân-duyên tiếp xúc với đối-tượng sắc, nên phát sinh nhãnthức-tâm; mắt, đối-tượng sắc với nhãn-thứctâm, gom 3 pháp này gọi là nhãn-xúc; do nhãnxúc làm nhân-duyên phát sinh thọ; do thọ làm nhân-duyên phát sinh tham-ái; do tham-ái làm nhân-duyên phát sinh pháp chấp-thủ; do pháp chấp-thủ làm nhân-duyên phát sinh hữu; do hữu làm nhân-duyên phát sinh tái-sinh; do tái-sinh làm nhân-duyên phát sinh, lão, tử, sầu-não, khóc-than, khổ-thân, khổ-tâm, khổ cùng cực, sự sinh của mọi sự khổ này.” Tương tự như vậy, do nương nhờ tai, mũi, lưỡi, thân, ý, làm nhân-duyên tiếp xúc với đốitượng thanh, hương, vị, xúc pháp, … * Sự diệt của sự khổ Những hành-giả thực hành pháp-hành tứniệm-xứ hoặc pháp-hành thiền-tuệ có đối-tượng thiền-tuệ đó là 12 xứ (āyatana): - Do nương nhờ mắt làm nhân-duyên tiếp xúc với đối-tượng sắc, nên phát sinh nhãn-thứctâm; mắt, đối-tượng sắc với nhãn-thức-tâm, gom 3 pháp này gọi là nhãn-xúc; do nhãn-xúc làm nhân-duyên phát sinh thọ; do thọ làm nhânduyên phát sinh tham-ái.

Các Bài Kinh Khác Và Ý Nghĩa 319 Thật ra, tham-ái là nhân sinh khổ-Thánh-đế là pháp nên diệt, hành-giả thực hành pháp-hành tứniệm-xứ có đối-tượng niệm thọ thuộc về danhpháp hoặc thực hành pháp-hành thiền-tuệ có đối-tượng danh-pháp; dẫn đến phát sinh trí-tuệthiền-tuệ thấy rõ biết rõ sự sinh, sự diệt của danh-pháp; thấy rõ, biết rõ 3 trạng-thái- chung: trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của danh-pháp; dẫn đến chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả, Niết-bàn, diệt tận được mọi tham-ái không còn dư sót, trở thành bậc Thánh A-ra-hán. Do diệt tận được tham-ái không còn dư sót, nên diệt tận được 4 pháp chấp-thủ; do diệt tận được 4 pháp chấp-thủ, nên diệt tận được nhịhữu; do diệt tận được nhị-hữu, nên diệt tận được tái-sinh; do diệt tận được tái-sinh, nên diệt tận được lão, tử, sầu-não, khóc-than, khổ-thân, khổ-tâm, khổ cùng cực, sự diệt tận của mọi sự khổ này như vậy (1). Đó là sự diệt tận của sự khổ. Như vậy, diệt tận được tái-sinh kiếp sau gọi là tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân hồi trong tam-giới. Đó là sự diệt tận của sự khổ.

(Xong phần II.) 1 Tìm hiểu trong quyển “Vòng Tử Sinh Luân-Hồi” cùng soạn giả

320 TÌM HIỂU KINH TRẠNG-THÁI VÔ-NGÃ

Từ ngữ Pāḷi bài kệ khai Kinh Trạng-thái vô-ngã

Dhammacakkaṃ: Kinh Chuyển-pháp-luân
Pavattetvā: đã thuyết giảng
Āsāḷhiyaṃ: tháng Āsāḷha (tháng 6)
puṇṇame: trong ngày rằm
Nagare: kinh-thành
Bārāṇasiyaṃ: kinh-thành Bārāṇasī
Isipatanavhaye: tên Isipatana
Vane: trong khu rừng

Pāpetvā: Đức-Phật đã thuyết giảng
ādiphalaṃ: chứng đắc Nhập-lưu Thánh-quả
nesaṃ: của nhóm 5 vị tỳ-khưu ấy
anukkamena: theo tuần tự ngày đêm
adesayi: đã thuyết pháp
Yaṃ: kinh Anattalakkhaṇasutta nào
taṃ: kinh Anattalakkhaṇasutta ấy
pakkhassa: nửa tháng sau
pañcamyaṃ: vào ngày thứ 5 (đúng vào ngày 20 tháng 6)
vimuttatthaṃ: để chứng đắc bậc A-ra-hán
Thánh-quả
bhaṇāma: chúng tôi xin tụng
he! : Này chư bậc thiện-trí!
Từ Ngữ Pāḷi 321

Từ ngữ Pāḷi trong bài Kinh Trạng-thái vô-ngã
1- Bhante Mahākassapa: Kính bạch Ngài
Đại-Trưởng-lão Mahākassapa.
Evaṃ me sutaṃ: Con là Ānanda được nghe bài Kinh Trạng-thái vô-ngã trực tiếp từ Đức-
Thế-Tôn đúng như vầy:
Ekaṃ samayaṃ: Một thuở nọ
Bhagavā: Đức-Thế-Tôn
Bārāṇasiyaṃ: kinh-thành Bārāṇasī
Viharati: ngự ở
Isipatane: gọi tên Isipatana (trước đây chư
Phật Độc-Giác thường bay trên hư không ngự xuống tại nơi này)
Migadāye: trong khu rừng phóng sinh nai
Tatra kho Bhagavā pañcavaggiye bhikkhu
āmantesi: Tại nơi ấy, Đức-Thế-Tôn truyền gọi nhóm 5 vị tỳ-khưu rằng:
“Bhikkhavo”ti. - Này chư tỳ-khưu!
“Bhaddante”ti te bhikkhu Bhagavato
paccassosuṃ: chư tỳ-khưu ấy kính bạch với
Đức-Thế-Tôn rằng: “Dạ vâng”, kính bạch Đức-
Thế-Tôn.
Bhagavā etadavoca: Đức-Thế-Tôn truyền dạy bài Kinh Trạng-thái vô-ngã này.
322 TÌM HIỂU KINH TRẠNG-THÁI VÔ-NGÃ

Ngũ-uẩn là vô-ngã 2- Sắc-uẩn là vô-ngã - Rūpaṃ bhikkhave anattā: - Này chư tỳ-khưu! Sắc-uẩn là vô-ngã, không phải ta, ta không làm chủ được, không theo ý muốn của ta. Rūpañca hidaṃ bhikkhave attā abhavissa: - Này chư tỳ-khưu! Thật vậy, nếu sắc-uẩn

này là ta, ta làm chủ, sắc-uẩn theo ý muốn của ta nayidaṃ rūpaṃ ābādhāya saṃvatteyya: thì sắc-uẩn này không bị bệnh khổ labbhetha ca rūpe: các con có thể mong muốn sắc-uẩn này rằng: “evaṃ me rūpaṃ hotu”: “Sắc-uẩn của tôi được khỏe mạnh, đẹp đẽ như thế này.” “evaṃ me rūpaṃ mā ahosī”ti: “Sắc-uẩn của tôi xin đừng có bệnh khổ thân như thế kia.” Yasmā ca kho bhikkhave rūpaṃ anattā: - Này chư tỳ-khưu! Sự-thật, bởi vì sắc-uẩn này là vôngã, không phải ta, không phải của ta. tasmā rūpaṃ ābādhāya saṃvattati: Vì vậy, sắcuẩn này bị vô thường luôn luôn hành hạ nên bị bệnh khổ thân. na ca labbhati rūpe: Cho nên, các con không thể mong muốn trong sắc-uẩn này rằng: “evaṃ me rūpaṃ hotu”: “Sắc-uẩn của tôi được khỏe mạnh, đẹp đẽ như thế này.”

Từ Ngữ Pāḷi 323 “evaṃ me rūpaṃ mā ahosī”ti: “Sắc-uẩn của tôi đừng có bệnh khổ thân, xấu xí như thế kia.” (Sắc-uẩn như thế nào tùy thuộc vào nhânduyên, không tùy thuộc theo ý muốn của ai.) Chú ý: Tương tự như trong đoạn Rūpaṃ anattā … Các từ-ngữ Pāḷi trong đoạn Vedanā anattā … đoạn Saññā anattā; đoạn Saṅkhārā anattā … đoạn Viññāṇaṃ anattā ... còn lại đều có ý nghĩa tương tự giống nhau, nhưng chỉ có khác nhau mỗi đoạn của mỗi uẩn mà thôi. 7- Ngũ-uẩn có 3 trạng-thái-chung * Sắc-uẩn có 3 trạng-thái-chung - Taṃ kiṃ maññatha bhikkhave: - Này chư tỳkhưu! Các con nhận thức thế nào về điều này? - Rūpaṃ niccaṃ vā aniccaṃ vā’ti: - Sắc-uẩn này là thường hay vô-thường? - Aniccaṃ Bhante: - Kính bạch Đức-Thế-Tôn, sắc-uẩn này sinh rồi diệt là vô-thường. - Yaṃ panāniccaṃ, dukkhaṃ vā taṃ sukhaṃ vā’ti: - Này chư tỳ-khưu! Sắc-uẩn nào là vôthường. Vậy, sắc-uẩn ấy là khổ hay lạc? - Dukkhaṃ Bhante: - Kính bạch Đức-Thế- Tôn, sắc-uẩn nào sinh rồi diệt vô-thường, luôn luôn biến đổi hành hạ, nên sắc-uẩn ấy là khổ. - Yaṃ panāniccaṃ dukkhaṃ vipariṇāmadham-

maṃ: - Này chư tỳ-khưu! Sắc-uẩn nào sinh rồi diệt, có trạng-thái vô-thường, luôn luôn hành hạ, có trạng-thái khổ, trạng-thái biến đổi, không chiều theo ý của ai. kallaṃ nu taṃ samanupassituṃ: Vậy, các con có nên theo chấp-thủ với tâm tham-ái, ngã-mạn, tà-kiến nơi sắc-uẩn ấy rằng: “etaṃ mama, esohamasmi, eso me attā”ti: “Sắc-uẩn ấy là của ta (do tâm tham-ái), sắcuẩn ấy là ta (do tâm ngã-mạn), sắc-uẩn ấy là tự ngã của ta (do tâm tà-kiến) hay không?” - No hetaṃ Bhante: - Kính bạch Đức-Thế- Tôn, quả thật không nên theo chấp-thủ sắc-uẩn ấy như vậy. Bạch Ngài. Chú ý: Tương tự như trong đoạn Rūpaṃ niccaṃ vā aniccaṃ vā’ti … Các từ-ngữ Pāḷi trong đoạn Vedanā niccā vā aniccā vā’ti, … đoạn Saññā niccā vā aniccā vā’ti, … đoạn Saṅkhārā niccā vā aniccā vā’ti, đoạn Viññāṇaṃ niccaṃ vā aniccaṃ vā’ti … còn lại đều có ý nghĩa tương tự giống nhau, nhưng chỉ có khác nhau mỗi đoạn của mỗi uẩn mà thôi. 8-Trí-tuệ-thiền-tuệ không chấp-thủ ngũ-uẩn * Trí-tuệ-thiền-tuệ không chấp-thủ nơi sắc-uẩn - Tasmā tiha bhikkhave: - Này chư tỳ-khưu! Vì vậy, trong đời này.

Từ Ngữ Pāḷi 325 * Yaṃ kiñci rūpaṃ atītānāgata paccuppannaṃ ajjhattaṃ vā bahidhā vā oḷārikaṃ vā sukhumaṃ vā hīnaṃ vā paṇītaṃ vā yaṃ dūre santike vā sabbaṃ rūpaṃ: Sắc-uẩn nào đã sinh trong thời quá-khứ, sẽ sinh trong thời vị-lai, đang sinh trong thời hiện-tại; hoặc sắc-uẩn bên trong của mình, hoặc sắc-uẩn bên ngoài mình

(của người khác), hoặc sắc-uẩn thô, hoặc sắc-uẩn vi-tế, hoặc sắcuẩn thấp hèn, hoặc sắc-uẩn cao quý, hoặc sắc-uẩn nào sinh ở nơi xa, hoặc sắc-uẩn nào sinh ở nơi gần, tất cả sắc-uẩn ấy (gồm có 11 loại sắc-uẩn). “netaṃ mama, nesohamasmi, na meso attā”ti: “Sắc-uẩn ấy không phải là của ta (do tham-ái), sắc-uẩn ấy không phải là ta (do ngã-mạn), sắc-uẩn ấy không phải là tự ngã của ta (do tà-kiến).” evametaṃ yathābhūtaṃ sammappaññāya daṭṭhabbaṃ: Như vậy, trí-tuệ-thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ đúng theo thật-tánh của tất cả mọi sắcuẩn, nên không chấp ngã.

Chú ý: Tương tự như trong đoạn Yaṃ kiñci rūpaṃ ... Các từ-ngữ Pāḷi trong đoạn Yā kāci vedanā, ... đoạn Yā kāci saññā, ... đoạn Ye keci saṅkhārā, ... đoạn Yaṃ kiñci viññāṇaṃ, ... còn lại đều có ý nghĩa tương tự giống nhau, nhưng chỉ có khác nhau mỗi đoạn của mỗi uẩn mà thôi.

326 TÌM HIỂU KINH TRẠNG-THÁI VÔ-NGÃ

9- Trí-tuệ-thiền-tuệ nhàm chán trong ngũ-uẩn - Evaṃ passaṃ bhikkhave sutavā ariyasāvako: - Này chư tỳ-khưu! Thật-tánh của ngũ-uẩn như vậy, bậc Thánh Thanh-văn có trí-tuệ-thiềntuệ thấy rõ, biết rõ ngũ-uẩn đúng theo thật-tánh. rūpasmimpi nibbindati, vedanāyapi nibbindati, saññāyapi nibbindati, saṅkhāresupi nibbindati, viññāṇasmimpi nibbindati: Trí-tuệ-thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ đúng theo thật-tánh của ngũ-uẩn như vậy, nên trí-tuệ-thiền-tuệ nhàm chán trong sắcuẩn, nhàm chán trong thọ-uẩn, nhàm chán trong tưởng-uẩn, nhàm chán trong hành-uẩn, nhàm chán trong thức-uẩn. Nibbindaṃ virajjati, virāgā vimuccati, vimuttasmiṃ “vimuttam”iti ñāṇaṃ hoti, “khīṇā jāti, vusitaṃ brahmacariyaṃ, kataṃ karaṇīyaṃ, nāparaṃ itthattāyā”ti pajānātīti: Khi trí-tuệ-thiền-tuệ nhàm chán trong ngũuẩn nên tâm xả ly tham-ái, do tâm xả ly tham-ái nên chứng đắc A-ra-hán Thánh-đạo-tâm giải thoát khỏi mọi tham-ái, mọi phiền-não. Trí-tuệ quán-triệt biết rõ rằng: “A-ra-hán Thánh-quả-tâm đã giải-thoát hoàn toàn mọi phiền-não trầm-luân. Không còn phải thực hành pháp-hành bát-chánh-đạo nữa, mọi phận sự trong tứ Thánh-đế đã hoàn thành xong,

Từ Ngữ Pāḷi 327 phạm hạnh cao thượng đã hoàn thiện xong. Kiếp này là kiếp chót, không còn tái-sinh kiếp nào nữa. Nhóm 5 tỳ-khưu trở thành bậc Thánh A-ra-hán Idamavoca Bhagavā, attamanā pañcavaggiyā bhikkhū Bhagavato bhāsitaṃ abhinanduṃ: Đức- Thế-Tôn thuyết giảng bài Kinh Trạng-thái vôngã này xong, nhóm 5 tỳ-khưu phát sinh đạiduy-tác-tâm vô cùng hoan-hỷ với lời giáo huấn của Đức-Thế-Tôn. Imasmiṃ ca pana veyyākaraṇasmiṃ bhaññamāne pañcavaggiyānaṃ bhikkhūnaṃ anupādāya āsavehi cittāni vimucciṃsūti: Trong khi Đức-Thế-Tôn thuyết giảng bài kinh này, nhóm 5 tỳ-khưu thực hành pháp-hành thiền-tuệ dẫn đến chứng ngộ chân-lý tứ Thánhđế, chứng đắc Nhất-lai Thánh-đạo, Nhất-lai Thánh-quả, Niết-bàn; Bất-lai Thánh-đạo, Bất-lai Thánh-quả, Niết-bàn; đến A-ra-hán Thánh-đạo, A-ra-hán Thánh-quả, Niết-bàn, diệt tận được mọi tham-ái, mọi phiền-não trầm-luân, không còn chấp-thủ trong ngũ-uẩn này nữa, trở thành bậc Thánh A-ra-hán. (Anattalakkhaṇasuttaṃ niṭṭhitaṃ.) (Xong bài Kinh Trạng-thái vô-ngã.)

Đoạn Kết

Anattā: Pháp-vô-ngã nghĩa là: Na attā anattā, natthi attā etassa khandhapañcakassā'ti vā anattā. Tất cả các pháp không phải ta, không phải của ta là pháp-vô-ngã; hay ngũ-uẩn ấy không phải ta, không phải của ta cũng là pháp-vô-ngã. Ý nghĩa Anattā: Vô-ngã ở đây là không phải ngã, không phải ta. Trong bộ Ṭīkā (1) giải thích danh từ anattā: vô-ngã có 4 ý nghĩa sau: 1- Avasavattanaṭṭha: Vô-ngã có nghĩa là không chiều theo ý muốn của một ai. 2- Asāmikaṭṭha: Vô-ngã có nghĩa là vô chủ, không có ai là chủ. 3- Suññataṭṭha: Vô-ngã có nghĩa là không, không phải ta, không phải của ta. 4- Attapaṭikkhepaṭṭha: Vô-ngã có nghĩa là phủ nhận cái ngã, cái ta, cái đại ngã theo quan niệm tà-kiến thấy sai chấp lầm. * Anattā: Vô-ngã không phải ta. Vậy cái ta do đâu mà có? 1 Bộ Sāratthadīpanīṭīkā, kinh Anattalakkhaṇasuttavaṇṇanā.

Sự-thật, attā: cái ngã, cái ta vốn dĩ không có thật. Sở dĩ có cái ngã, cái ta là vì tà-kiến thấy sai, chấp lầm nơi ngũ-uẩn, nơi sắc-pháp, nơi danh-pháp tam-giới cho là ngã, là ta như là sakkāyadiṭṭhi: tà-kiến chấp ngã trong ngũ-uẩn, hoặc attāditthi: tà-kiến chấp ngã, hoặc attānu- diṭṭhi: tà-kiến theo chấp ngã. Trong bộ Paṭisambhidāmagga, phần Diṭṭhikāthā trình bày sakkāyadiṭṭhi: tà-kiến chấp ngã trong ngũ-uẩn chấp thủ có 20 loại như sau: * Tà-kiến chấp ngã trong sắc-uẩn có 4 loại: - Sắc-uẩn là ta. - Ta có sắc-uẩn. - Sắc-uẩn trong ta. - Ta trong sắc-uẩn. * Tà-kiến chấp ngã trong thọ-uẩn có 4 loại: - Thọ-uẩn là ta. - Ta có thọ-uẩn. - Thọ-uẩn trong ta. - Ta trong thọ-uẩn. * Tà-kiến chấp ngã trong tưởng-uẩn có 4 loại: - Tưởng-uẩn là ta. - Ta có tưởng-uẩn. - Tưởng-uẩn trong ta. - Ta trong tưởng-uẩn. * Tà-kiến chấp ngã trong hành-uẩn có 4 loại: - Hành-uẩn là ta. - Ta có hành-uẩn. - Hành-uẩn trong ta. - Ta trong hành-uẩn. * Tà-kiến chấp ngã trong thức-uẩn có 4 loại: - Thức-uẩn là ta. - Ta có thức-uẩn. - Thức-uẩn trong ta. - Ta trong thức-uẩn.

ĐOẠN KẾT 3 Đó là 20 loại tà-kiến chấp ngã trong ngũ-uẩn chấp thủ đối với tất cả mọi chúng-sinh thuộc về hạng phàm-nhân, chưa phải bậc Thánh-nhân trong Phật-giáo. * Tà-kiến theo chấp ngã trong danh-pháp - Nếu khi cakkhuviññāṇa: nhãn-thức-tâm thấy đối-tượng sắc, thì tà-kiến thấy sai chấp lầm nơi nhãn-thức-tâm ấy cho là ta thấy người này, con vật kia, ... - Nếu khi sotaviññāṇa: nhĩ-thức-tâm nghe đối-tượng thanh, thì tà-kiến thấy sai chấp lầm nơi nhĩ-thức-tâm ấy cho là ta nghe âm thanh này, tiếng nói kia, ... - Nếu khi ghānaviññāṇa: tỷ-thức-tâm ngửi đốitượng hương, thì tà-kiến thấy sai chấp lầm nơi tỷthức-tâm ấy cho là ta ngửi mùi thơm, mùi hôi, ... - Nếu khi jivhāviññāṇa: thiệt-thức-tâm nếm đối-tượng vị, thì tà-kiến thấy sai chấp lầm nơi thiệt-thức-tâm ấy cho là ta nếm vị ngon này, vị chua kia, ... - Nếu khi kāyaviññāṇa: thân-thức-tâm xúcgiác đối-tượng xúc, thì tà-kiến thấy sai chấp lầm nơi thân-thức-tâm ấy cho là ta xúc-giác nóng, lạnh, ấm áp, ... - Nếu khi manoviññāṇa: ý-thức-tâm biết đối-

tượng pháp (1), thì tà-kiến thấy sai chấp lầm nơi ý-thức-tâm ấy cho là ta biết môn học này, ngành nghề kia, ... Đó là tà-kiến theo chấp ngã. Nếu khi tà-kiến thấy sai chấp lầm nơi tâm biết (chủ thể) cho là ta biết thì tà-kiến cũng thấy sai chấp lầm nơi các đối-tượng

cho là người, chúng-sinh, vật này, ... đáng hài lòng, nên phát sinh tham-ái nơi đốitượng ấy cho là của ta, đó là tham-ái theo chấp ngã. Nếu khi đã có của ta do tham-ái, thì phát sinh ngã-mạn tự sánh ta với người khác cho là ta hơn người, hoặc ta bằng người, hoặc ta thua kém người, đó là tâm ngã-mạn theo chấp ngã. * Tà-kiến theo chấp ngã trong sắc-pháp - Nếu khi thân đi hoặc sắc đi, thì tà-kiến thấy sai chấp lầm nơi sắc đi, cho là ta đi. - Nếu khi thân đứng hoặc sắc đứng, thì tà-kiến thấy sai chấp lầm nơi sắc đứng, cho là ta đứng. - Nếu khi thân ngồi hoặc sắc ngồi, thì tà-kiến thấy sai chấp lầm nơi sắc ngồi, cho là ta ngồi. - Nếu khi thân nằm hoặc sắc nằm, thì tà-kiến thấy sai chấp lầm nơi sắc nằm, cho là ta nằm, ... Như vậy, cái ta, cái ngã vốn dĩ không có thật, mà chỉ có tâm tà-kiến là có thật mà thôi. 1 Đối-tượng pháp có 6 loại: 89 tâm, 52 tâm-sở, 5 tịnh-sắc, 16 sắc vi-tế, Niết-bàn, chế-định-pháp.

ĐOẠN KẾT 5 Cho nên, không có pháp-hành diệt ngã, mà chỉ có pháp-hành thiền-tuệ dẫn đến diệt tận được tà-kiến chấp ngã mà thôi. * Nhân-duyên phát sinh tứ oai-nghi Tứ-oai-nghi: oai-nghi đi, oai-nghi đứng, oainghi ngồi, oai-nghi nằm. 1- Nhân-duyên phát sinh oai-nghi đi Oai-nghi đi đó là sắc-pháp phát sinh do tâm (cittajarūpa) diễn biến qua các nhân-duyên như sau: - Tâm nghĩ đi. - Do tâm nghĩ đi, nên làm cho phát sinh chất gió - Chất gió phát sinh do tâm ấy làm cho toàn thân chuyển động. - Toàn thân di chuyển bước đi theo mỗi tư thế đi, mỗi dáng đi do năng lực của chất gió phát sinh do tâm ấy. Vì vậy, gọi là thân đi hoặc “sắc đi” là sắcpháp phát sinh do tâm (cittajarūpa). 2- Nhân-duyên phát sinh oai-nghi đứng Oai-nghi đứng đó là sắc-pháp phát sinh do tâm (cittajarūpa) diễn biến qua các nhân-duyên như sau: - Tâm nghĩ đứng. - Do tâm nghĩ đứng, nên làm cho phát sinh chất gió.

- Chất gió phát sinh do tâm ấy làm cho toàn thân cử động. - Toàn thân từ đôi bàn chân đến đầu đứng yên theo mỗi tư thế đứng, mỗi dáng đứng do năng lực của chất gió phát sinh do tâm ấy. Vì vậy, gọi là thân đứng hoặc “sắc đứng” là sắc-pháp phát sinh do tâm (cittajarūpa). 3- Nhân-duyên phát sinh sắc ngồi Oai-nghi ngồi đó là sắc-pháp phát sinh do tâm (cittajarūpa) diễn biến qua các nhân-duyên như sau: - Tâm nghĩ ngồi. - Do tâm nghĩ ngồi, nên làm cho phát sinh chất gió. - Chất gió phát sinh do tâm ấy làm cho toàn thân cử động. - Toàn thân, thân phần trên ngồi yên, thân phần dưới co theo mỗi tư thế ngồi, mỗi dáng ngồi do năng lực của chất gió phát sinh do tâm ấy. Vì vậy, gọi là thân ngồi hoặc “sắc ngồi” là sắc-pháp phát sinh do tâm (cittajarūpa). 4- Nhân-duyên phát sinh sắc nằm Oai-nghi nằm đó là sắc-pháp phát sinh do tâm (cittajarūpa) diễn biến qua các nhân-duyên như sau: - Tâm nghĩ nằm.

ĐOẠN KẾT 7 - Do tâm nghĩ nằm, nên làm cho phát sinh chất gió. - Chất gió phát sinh do tâm ấy làm cho toàn thân cử động. - Toàn thân nằm yên trên mặt phẳng theo mỗi tư thế nằm, theo mỗi dáng nằm do năng lực của chất gió phát sinh do tâm ấy. Vì vậy, gọi là thân nằm hoặc “sắc nằm” là sắc-pháp phát sinh do tâm (cittajarūpa). Đức-Phật gọi thân này ví như “chiếc xe”. Tâm ví như “người lái xe”. Chiếc xe gồm có các bộ phận ráp lại với nhau, không thể chạy chậm, chạy mau, rẽ phải, rẽ trái, ngừng lại, v.v... Sở dĩ chiếc xe chạy chậm, chạy mau, rẽ phải, rẽ trái, ngừng lại, v.v... là do người lái xe điều

khiển. Nếu chiếc xe bị hư bộ phận nào, dù người tài xế tài giỏi cũng không thể điều khiển chiếc xe ấy chạy theo ý của mình được. Cũng như vậy, toàn thân này gồm có 27 sắcpháp không thể đi, đứng, ngồi, nằm, quay bên phải, quay bên trái, co tay, co chân vào, duỗi tay, duỗi chân ra, v.v... Sở dĩ toàn thân này có thể đi, đứng, ngồi, nằm, quay bên phải, quay bên trái, co tay, co

chân vào, duỗi tay, duỗi chân ra được, v.v... là do tâm điều khiển. Tâm có khả năng điều khiển được thân này, khi thân này hội đủ nhân-duyên, nếu thiếu nhânduyên nào, thì tâm không thể điều khiển thân này được. Ví dụ: Một người bị bệnh tê liệt, dù tâm của họ muốn đi, đứng, ngồi, nằm, ... như người thường cũng không thể được, bởi vì chất gió (vāyodhātu) phát sinh do tâm của họ không đủ năng lực làm cử động toàn thân có chất đất (pathavīdhātu) và chất nước (āpodhātu) nặng nề trong thân của họ. Vì vậy, sắc-đi, sắc-đứng, sắc-ngồi, sắc-nằm, ... đều là sắc-pháp phát sinh do tâm (cittajarūpa) qua quá trình diễn biến hội đủ nhânduyên, nên thuộc về pháp-vô-ngã (anattā). Tuy nhiên, toàn thân này gồm có 27 sắcpháp, hoàn toàn không thể biết 6 loại đối-tượng, nhưng mà có thể tiếp nhận 6 loại đối-tượng làm nhân-duyên phát sinh 6 loại tâm, để biết 6 loại đối-tượng tùy theo khả năng của mỗi tâm. * Nhân-duyên phát sinh 6 loại tâm

1- Nhãn-tịnh-sắc (mắt) tiếp nhận đối-tượng sắc, khi hội đủ 2 nhân-duyên ấy, thì nhãn-thức- tâm phát sinh làm phận sự thấy đối-tượng sắc.

ĐOẠN KẾT 9 Theo bộ Vi-Diệu-Pháp Yếu-Nghĩa, 2 nhãnthức-tâm phát sinh do hội đủ 4 nhân-duyên: - Nhãn-tịnh-sắc (mắt) tốt (không bị bị mù). - Đối-tượng sắc rõ ràng tiếp xúc với nhãntịnh-sắc. - Ánh sáng đủ thấy được. - Ngũ-môn hướng-tâm tiếp nhận đối-tượng sắc. Khi hội đủ 4 nhân-duyên ấy thì 2 nhãn-thứctâm phát sinh làm phận sự thấy đối-tượng sắc. 2- Nhĩ-tịnh-sắc (tai) tiếp nhận đối-tượng thanh, khi hội đủ 2 nhân-duyên ấy, thì nhĩ-thứctâm phát sinh làm phận sự nghe đối-tượng thanh. Theo bộ Vi-Diệu-Pháp Yếu-Nghĩa, 2 nhĩthức-tâm phát sinh do hội đủ 4 nhân-duyên: - Nhĩ-tịnh-sắc (tai) tốt (không bị bệnh điếc). - Đối-tượng thanh rõ ràng tiếp xúc với nhĩtịnh-sắc. - Không gian không bị vật cản bao kín. - Ngũ-môn hướng-tâm tiếp nhận đối-tượng thanh. Khi hội đủ 4 nhân-duyên ấy, thì 2 nhĩ-thứctâm phát sinh làm phận sự nghe đối-tượng thanh (âm thanh). 3- Tỷ-tịnh-sắc (lỗ mũi) tiếp nhận đối-tượng hương (các mùi), khi hội đủ 2 nhân-duyên ấy, thì

tỷ-thức-tâm phát sinh làm phận sự ngửi đốitượng hương. Theo bộ Vi-Diệu-Pháp Yếu-Nghĩa, 2 tỷ-thứctâm phát sinh do hội đủ 4 nhân-duyên: - Tỷ-tịnh-sắc (lỗ mũi) tốt (không bị bệnh). - Đối-tượng hương rõ ràng tiếp xúc với tỷtịnh-sắc. - Chất gió đưa mùi hương đến lỗ mũi. - Ngũ-môn hướng-tâm tiếp nhận đối-tượng hương. Khi hội đủ 4 nhân-duyên ấy, thì 2 tỷ-thức-tâm phát sinh làm phận sự ngửi đối-tượng hương (các mùi). 4- Thiệt-tịnh-sắc (lưỡi) tiếp nhận đối-tượng vị (các vị), khi hội đủ 2 nhân-duyên ấy, thì thiệtthức-tâm phát sinh làm phận sự nếm đối-tượng vị. Theo bộ Vi-Diệu-Pháp

Yếu-Nghĩa, 2 thiệtthức-tâm phát sinh do hội đủ 4 nhân-duyên: - Thiệt-tịnh-sắc (lưỡi) tốt (không bị bệnh). - Đối-tượng vị rõ ràng tiếp xúc với thiệt-tịnhsắc. - Chất nước miếng. - Ngũ-môn-hướng-tâm tiếp nhận đối-tượng vị. Khi hội đủ 4 nhân-duyên ấy thì 2 thiệt-thứctâm phát sinh làm phận sự nếm đối-tượng vị (các vị).

ĐOẠN KẾT 11 5- Thân-tịnh-sắc (thân) tiếp nhận đối-tượng xúc (cứng, mềm, nóng, lạnh, ...), khi hội đủ 2 nhân-duyên ấy, thì thân-thức-tâm phát sinh làm phận sự xúc giác đối-tượng xúc. Theo bộ Vi-Diệu-Pháp Yếu-Nghĩa, 2 thânthức-tâm phát sinh do hội đủ 4 nhân-duyên: - Thân-tịnh-sắc (thân) tốt (không bị bệnh liệt). - Đối-tượng xúc rõ ràng tiếp xúc với thântịnh-sắc. - Chất đất cứng, mềm, chất lửa nóng, lạnh, ... - Ngũ-môn hướng-tâm tiếp nhận đối-tượng xúc ấy. Khi hội đủ 4 nhân-duyên ấy thì 2 thân-thứctâm phát sinh làm phận sự xúc giác đối-tượng xúc (cứng, mềm, nóng, lạnh, ...) 6- Hadayavatthurūpa: Sắc-pháp là nơi sinh của ý-thức-tâm tiếp nhận đối-tượng pháp (1), khi ý-thức-tâm nào hội đủ nhân-duyên, thì ý-thứctâm ấy phát sinh làm phận sự biết đối-tượng pháp ấy. Theo bộ Vi-Diệu-Pháp Yếu-Nghĩa, 75 ý-thứctâm phát sinh do hội đủ 3 nhân-duyên: - Hadayavatthurūpa: Sắc-pháp là nơi sinh của ý-thức-tâm. 1 Đối-tượng pháp gồm có 6 loại là 89 tâm, 52 tâm-sở, 5 tịnhsắc, 16 sắc vi-tế, Niết-bàn, chế-định-pháp.

- Đối-tượng pháp ấy tiếp xúc với hadayavatthurūpa. - Ý-môn hướng-tâm tiếp nhận đối-tượng pháp ấy. Khi hội đủ 3 nhân-duyên của ý-thức-tâm nào thì ý-thức tâm ấy phát sinh làm phận sự biết đối-tượng pháp ấy (ý-thức-tâm có 75 tâm (1)). Như vậy, mỗi danh-pháp (tâm với tâm-sở phát sinh do hội đủ nhân-duyên của nó, nếu thiếu nhân-duyên nào thì danh-pháp ấy không thể phát sinh được. Cho nên, mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp phát sinh đều do nhân-duyên, nên mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp đều là pháp-vô-ngã, không do một ai có khả năng tạo ra một sắc-pháp nào, một danhpháp nào được cả. Theo sự-thật chân-nghĩa-pháp (paramatthadhamma) trong đời này chỉ có mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp tam-giới mà thôi, đều là pháp vô-ngã (anattā), không phải ta, cũng không phải của ta, thì dĩ nhiên không phải người, cũng không phải của người, không phải của một ai

1 75 tâm đó là 12 bất-thiện-tâm + 8 vô-nhân-tâm (trừ 10 thức tâm) + 8 đại-thiện-tâm + 8 đại-quả-tâm + 8 đại-duy-tác-tâm + 15 sắc-giớitâm + 8 vô-sắc-giới-tâm (trừ 4 vô-sắc-giới-quả-tâm) + 8 siêutam-giới-tâm.

ĐOẠN KẾT 13 cả, đó là sự-thật hiển nhiên. Nhưng mà hạng phàm-nhân vốn có pháp chấp-thủ trong ngũ-uẩn cho là ta do tà-kiến, cho là của ta do tham-ái, nên không có khả năng thấy rõ, biết rõ được pháp-vô-ngã (anattā) là sự-thật hiển nhiên này. Trong đời này, đối với hạng phàm-nhân (puthujjana) còn đủ 12 loại bất-thiện-tâm (akusalacitta), 108 loại tham-ái (taṇhā), 1500 loại phiền-não (kilesa), 4 pháp chấp-thủ, nhất là 7 loại phiền-não ngấm ngầm trong tâm (anusayakilesa), 5 pháp ngũ-uẩn chấp-thủ (pañcupādānakkhandha), nên không dễ dàng thấy rõ, biết rõ ngũ-uẩn chấp-thủ là pháp-vô-ngã (anattā), không phải là ta, không phải là của ta. Puthujjana: Phàm-nhân có 2 hạng: - Andhaputhujjana là hạng tối trí phàm-nhân học hỏi hiểu biết kém, không có

khả năng hiểu biết rõ về ngũ-uẩn chấp-thủ: sắc-uẩn chấp-thủ, thọ-uẩn chấp-thủ, tưởng-uẩn chấp-thủ, hànhuẩn chấp-thủ, thức-uẩn chấp-thủ là pháp-vôngã (anattā); nên vẫn còn chấp thủ trong ngũuẩn cho là ta do tà-kiến chấp-ngã, cho là của ta do tham-ái chấp-ngã, đó là việc bình thường đối với hạng phàm-nhân ấy. - Kalyāṇaputhujjana là bậc thiện-trí phàmnhân học nhiều hiểu biết rộng, có trí-tuệ sáng suốt hiểu biết rõ về ngũ-uẩn chấp-thủ: sắc-uẩn

chấp-thủ, thọ-uẩn chấp-thủ, tưởng-uẩn chấpthủ, hành-uẩn chấp-thủ, thức-uẩn chấp-thủ là pháp-vô-ngã (anattā), không phải ta, không phải của ta, nhưng vẫn còn chấp thủ trong ngũuẩn cho là ta do tà-kiến chấp-ngã, cho là của ta do tham-ái chấp-ngã, bởi vì trí-tuệ hiểu biết về pháp-học không có khả năng diệt tận được 4 pháp-chấp-thủ. Thật ra, chỉ có vị Bồ-tát Thanh-văn-giác nào đã từng thực hành đủ 10 pháp-hạnh ba-la-mật và 5 pháp-chủ: tín pháp-chủ, tấn pháp-chủ, niệm pháp-chủ, định pháp-chủ, tuệ pháp-chủ từ vô số kiếp quá-khứ được tích lũy trong tâm sinh rồi diệt từ kiếp này sang kiếp kia, trong vòng tử sinh luân-hồi. Kiếp hiện-tại vị Bồ-tát Thanh-văn-giác ấy là hạng người tam-nhân (tihetukapuggala) có duyên may lắng nghe chánh-pháp của Đức- Phật, hiểu biết rõ pháp-hành thiền-tuệ, có giớihạnh trong sạch làm nơi nương nhờ, thực hành pháp-hành thiền-tuệ dẫn đến phát sinh trí-tuệ thứ nhất nāmarūpapariccheda ñāṇa: trí-tuệ thấy rõ, biết rõ, phân biệt rõ thật-tánh của ngũ-uẩn, mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp tam-giới đều là pháp-vô-ngã (anattā), không phải ta, không phải người, không phải chúng-sinh nào, chỉ là sắcpháp, danh-pháp tam-giới mà thôi.

ĐOẠN KẾT 15 Trí-tuệ thứ nhất nāmarūpapariccheda ñāṇa làm nền tảng, làm nơi nương nhờ, làm nhânduyên để phát sinh các trí-tuệ-thiền-tuệ tamgiới theo tuần tự thấy rõ, biết rõ sự sinh, sự diệt của sắc-pháp, danh-pháp tam-giới; thấy rõ, biết rõ 3 trạng-thái-chung: trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của sắc-pháp, danh-pháp tam-giới, thật đáng kinh sợ, đầy tội chướng, thật đáng nhàm chán tột độ, muốn thoát khỏi sắc-pháp, danh-pháp tam-giới; nên chỉ mong chứng ngộ Niết-bàn, giải thoát khổ khỏi sắc-pháp, danh-pháp tam-giới mà thôi. Hành-giả tinh-tấn tiếp tục thực hành pháphành thiền-tuệ, trí-tuệ-thiền-tuệ phát sinh theo tuần tự trải qua 16 loại trí-tuệ-thiền-tuệ, từ trítuệ-thiền-tuệ tam-giới cho đến trí-tuệ-thiền-tuệ siêu-tam-giới, dẫn đến chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế y theo Đức-Phật, chứng đắc Nhậplưu Thánh-đạo, Nhập-lưu Thánh-quả, Niết-bàn, diệt tận được 2 phiền-não là tà-kiến (diṭṭhi) và hoài-nghi (vicikicchā) không còn dư sót, trở thành bậc Thánh Nhập-lưu. Sau khi bậc Thánh Nhập-lưu chết, chắc chắn không còn tái-sinh kiếp sau trong cõi ác-giới (địa-ngục, a-su-ra, ngạ-quỷ, súc-sinh), mà chỉ có đại-thiện-nghiệp trong đại-thiện-tâm cho quả trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau có đại-quả-tâm

gọi là tái-sinh-tâm làm phận-sự tái-sinh kiếp sau trong cõi thiện-dục-giới là cõi người hoặc cõi trời dục-giới nhiều nhất 7 kiếp nữa mà thôi. Đến kiếp thứ 7 ấy, bậc Thánh

Nhập-lưu chắc chắn sẽ trở thành bậc Thánh A-ra-hán, rồi sẽ tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luânhồi trong tam-giới. * Bậc Thánh Nhập-lưu tiếp tục thực hành pháp-hành thiền-tuệ dẫn đến chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc Nhất-lai Thánh-đạo, Nhất-lai Thánh-quả, Niết-bàn, diệt tận được 1 loại phiền-não là sân (dosa) loại thô không còn dư sót, trở thành bậc Thánh Nhất-lai. Sau khi bậc Thánh Nhất-lai chết, đại-thiệnnghiệp trong đại-thiện-tâm cho quả trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau có đại-quả-tâm gọi là tái-sinhtâm làm phận-sự tái-sinh kiếp sau trong cõi thiện-dục-giới là cõi người hoặc cõi trời dục-giới chỉ có 1 kiếp nữa mà thôi. Trong kiếp ấy, bậc Thánh Nhất-lai chắc chắn sẽ trở thành bậc Thánh A-ra-hán, rồi sẽ tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới. * Bậc Thánh Nhất-lai tiếp tục thực hành pháp-hành thiền-tuệ dẫn đến chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc Bất-lai Thánh-đạo, Bấtlai Thánh-quả, Niết-bàn, diệt tận được 1 loại

ĐOẠN KẾT 17 phiền-não là sân (dosa) loại vi-tế không còn dư sót, trở thành bậc Thánh Bất-lai. Sau khi bậc Thánh Bất-lai chết, chắc chắn không tái-sinh trở lại cõi dục-giới, mà chỉ có sắc-giới thiện-nghiệp trong bậc thiền sắc-giới thiện-tâm nào cho quả trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau có bậc thiền sắc-giới quả-tâm ấy gọi là sắc-giới tái-sinh-tâm làm phận-sự tái-sinh hóasinh làm vị phạm-thiên trên tầng trời sắc-giới phạm-thiên tương xứng với bậc thiền sắc-giới quả-tâm ấy. Vị phạm-thiên Bất-lai ấy sẽ trở thành bậc Thánh A-ra-hán, rồi sẽ tịch diệt Niếtbàn tại tầng trời sắc-giới phạm-thiên, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới. * Bậc Thánh Bất-lai tiếp tục thực hành pháphành thiền-tuệ dẫn đến chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc A-ra-hán Thánh-đạo, Ara-hán Thánh-quả, Niết-bàn, diệt tận được 7 loại phiền-não còn lại là tham (lobha), si (moha), ngã-mạn (māna), buồn-chán (thina), phóng-tâm (uddhacca), không biết hổ-thẹn tội-lỗi (ahirika), không biết ghê-sợ tội-lỗi (anottappa), tất cả mọi tham-ái, mọi ác-pháp không còn dư sót, trở thành bậc Thánh A-ra-hán cao thượng. Ngay kiếp hiện-tại, khi Bậc Thánh A-ra-hán hết tuổi thọ, đồng thời tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

18 TÌM HIỂU KINH TRẠNG-THÁI VÔ-NGÃ

Bài Kinh Anattalakkhaṇasutta (Kinh Trạngthái vô-ngã) có tầm quan trọng thiết yếu trong giáo-pháp của Đức-Phật, bởi vì pháp-vô-ngã (anattā) là nền tảng căn bản của toàn giáo-pháp của Đức-Phật. Cho nên, các hàng thanh-văn đệtử của Đức-Phật cần phải học hỏi hiểu biết rõ các pháp nhất là ngũ-uẩn: sắc-uẩn, thọ-uẩn, tưởng-uẩn, hành-uẩn, thức-uẩn, 12 xứ: 6 xứ tiếp xúc bên trong: mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý và 6 xứ đối-tượng bên ngoài: sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp, để phát sinh 6 loại tâm: nhãn-thứctâm, nhĩ-thức-tâm, tỷ-thức-tâm, thiệt-thức-tâm, thân-thức-tâm, ý-thức-tâm, đó là thân và tâm của mỗi người cần phải nên biết, bởi vì đó là sựthật chân-lý bên trong mình.

PL 2564/ DL. 2021 Rừng núi Viên-Không xã Tóc-Tiên, thị xã Phú-Mỹ, tỉnh Bà-Rịa Vũng-Tàu.

Tỳ-Khưu Hộ-Pháp (Dhammarakkhita Bhikkhu) (Aggamahāpaṇḍita)

Patthanā

Iminā puññakammena,
Sukhī bhavāma sabbadā.
Ciraṃ tiṭṭhatu saddhammo,
Loke sattā sumaṅgalā.
Vietnam raṭṭhikā ca sabbe,
Janā pappontu sāsane.
Vuḍḍhiṃ viruḷhivepullaṃ,
Patthayāmi nirantaraṃ.
Năng lực phước-thiện thanh cao này,
Mong chúng con thường được an-lạc.
Mong cho chánh-pháp được trường tồn,
Tất cả chúng-sinh được hạnh phúc.
Dân tộc Việt Nam được phát triển,
Tiến hóa hưng thịnh trong Phật-giáo,
Bần sư nguyện cầu với tâm thành,
Hằng mong được thành tựu như nguyện.
* Ciraṃ tiṭṭhatu saddhammo lokasmiṃ,
* Ciraṃ tiṭṭhatu saddhammo Vietnam-raṭṭhe.
* Nguyện cho chánh-pháp được trường tồn trên thế gian.
* Nguyện cho chánh-pháp được trường tồn trên tổ quốc Việt-Nam thân yêu.
* Buddhasāsanaṃ ciraṃ tiṭṭhatu.
* Nguyện cho Phật-giáo được trường tồn.
SÁCH THAM KHẢO VÀ TRÍCH DẪN

- Suttantapiṭakapāḷi và Aṭṭhakathāpāḷi.
- Abhidhammapiṭakapāḷi và Aṭṭhakathāpāḷi.
- Bộ Abhidhammatthasaṅgaha của Ngài Đại-
Trưởng-lão Anuruddha.
- Bài Kinh Dhammacakkappavattanasutta.
- Toàn bộ sách giáo khoa “Paramatthajotika” của Ngài Đại-Trưởng-lão Saddhammajotika.
- Toàn bộ sách của Ngài Đại-Trưởng-lão
Victtasārābhivaṃsa (Visiṭṭhatipiṭakadhara Mahātipiṭakakovida Dhammabhaṇḍāgārika).
Thông Báo Tin Vui

Bộ sách Nền-Tảng-Phật-Giáo của soạn-giả Tỳ-Khưu Hộ-Pháp (Dhammarakkhita Bhikkhu) (Aggamahāpaṇḍita) là bộ sách gồm có 9 chương, chia ra làm 10 quyển được sắp xếp theo thứ tự từ quyển I đến quyển X. Quyển I: Tam-Bảo làm nền tảng cho quyển II: Quy-Y Tam-Bảo, v.v ... cho đến quyển IX: Pháp-Hành Thiền-Định làm nền tảng cho quyển X: Pháp-Hành Thiền-Tuệ. Bộ sách Nền-Tảng-Phật-Giáo này đã được tái bản có

sửa và bổ sung, đã chuyển sang ebook, được đưa vào trang web “trungtamhotong.org”. Nếu quý độc-giả nào có nhu cầu tìm hiểu thì vào trang web “trungtamhotong.org”, vào mục “thư viện”, tìm đến soạn giả: Tỳ-Khưu Hộ-Pháp, sẽ thấy tên các file sách bằng pdf. Quý độc-giả nào dùng hệ điều hành IOS thì click vào tên sách và chọn “Mở trong iBooks”, sách sẽ tự động tải về máy. Còn với hệ điều hành android thì quý độc-giả có thể tải phần mềm đọc file pdf như Adobe Acrobat Reader, sau khi tải về sách sẽ nằm trong phần mềm đó, chỉ cần mở phần mềm lên sẽ thấy file sách.

Trong mỗi file sách, ở trang thứ 3 (Món quà pháp), dưới góc bên phải có ô “Mục lục”, chỉ cần click vào đó sẽ nhảy đến trang “Mục lục”. Còn nếu muốn đọc sách theo thứ tự thì quý độcgiả chỉ cần lật từng trang sách như bình thường. Mỗi quyển sách file ebook được trình bày có số trang hoàn toàn giống hệt như số trang quyển sách bên ngoài, cho nên, rất thuận lợi cho độcgiả đã từng đọc quyển sách nào rồi, mà quên tích nào hoặc pháp nào, v.v ... không biết ở trong trang sách nào, thì độc-giả chỉ cần đánh tên tích ấy hoặc tên pháp ấy trong ô tìm kiếm, sẽ tìm được một cách mau chóng ngay tức thì. Cho nên, xin hân hạnh thông báo tin vui này đến quý vị độc-giả, rất mong được quý độc-giả quan tâm, chân thành biết ơn quý độc-giả.

CÙNG MỘT SOẠN GIẢ

Đã xuất bản:
TÌM HIỂU PHÁP-HÀNH THIỀN-TUỆ (Tái bản lần thứ nhất)
8 SỰ TÍCH PHẬT LỰC
Hạnh Phúc An Lành: THIỆN ÁC
GƯƠNG BẬC XUẤT GIA
TÌM HIỂU PHƯỚC-BỐ-THÍ (Tái bản lần thứ nhất)
Hạnh Phúc An Lành: HIẾU NGHĨA
Hạnh Phúc An Lành: NHẪN NẠI
Hạnh Phúc An Lành: GIÁO PHÁP
Hạnh Phúc An Lành: TÂM TỪ
PHÁP MÔN NIỆM ÂN-ĐỨC-PHẬT (Tái bản lần thứ nhì)
Thực-Hành Pháp-Hành Thiền-Tuệ: ĐỐI-TƯỢNG TỨ OAI-NGHI
CON ĐƯỜNG GIẢI THOÁT KHỔ
Ý NGHĨA ĐÊM RẰM THÁNG TƯ
BÀI KINH CHO NGƯỜI BỆNH
LỄ DÂNG Y KATHINA
ĐỨC-PHẬT VỚI CÂY ĐẠI-BỒ-ĐỀ
NGÔI BẢO THÁP GOTAMACETIYA
Nền-Tảng-Phật-Giáo: CẨM NANG QUY Y TAM-BẢO
Nền-Tảng-Phật-Giáo: 10 PHÁP-HẠNH BA-LA-MẬT BẬC
THƯỢNG
Nền-Tảng-Phật-Giáo: TRÍ-TUỆ SIÊU-VIỆT

Nền-Tảng-Phật-Giáo Quyển I: TAM-BẢO (Tái bản lần thứ ba)
Nền-Tảng-Phật-Giáo Quyển II: QUY Y TAM-BẢO
(Tái bản lần thứ ba)
Nền-Tảng-Phật-Giáo Quyển III: PHÁP-HÀNH-GIỚI
(Tái bản lần thứ ba)
Nền-Tảng-Phật-Giáo Quyển IV: NGHIỆP VÀ QUẢ CỦA NGHIỆP
(Tái bản lần thứ nhì)
Nền-Tảng-Phật-Giáo Quyển V: PHƯỚC-THIỆN
(Tái bản lần thứ ba)
Nền-Tảng-Phật-Giáo Quyển VI: PHÁP-HẠNH BA-LA- MẬT 1
(Tái bản lần thứ nhì)
Nền-Tảng-Phật-Giáo Quyển VII: PHÁP-HẠNH BA-LA-MẬT 2
(Tái bản lần thứ nhì)
Nền-Tảng-Phật-Giáo Quyển VIII: PHÁP-HẠNH BA-LA-MẬT 3
(Tái bản lần thứ nhì)
Nền-Tảng-Phật-Giáo Quyển IX: PHÁP-HÀNH THIỀN-ĐỊNH
(Tái bản lần thứ nhất)
Nền-Tảng-Phật-Giáo Quyển X: PHÁP-HÀNH THIỀN-TUỆ
(Tái bản lần thứ nhất)
VI-DIỆU-PHÁP HIỆN THỰC TRONG CUỘC SỐNG
(Tái bản lần thứ nhì)
NGŨ GIỚI LÀ THƯỜNG GIỚI CỦA MỌI NGƯỜI
(Tái bản lần thứ nhì)
NGƯỜI BIẾT ƠN VÀ BIẾT ĐỀN ƠN
KINH CHUYỂN-PHÁP-LUÂN (Tái bản lần thứ nhất)
VÒNG TỬ SINH LUÂN-HỒI (Tái bản lần thứ nhất)
PHÁP NHẪN-NẠI (Tái bản lần thứ nhất)
TÂM TỪ
NGÀY RẰM THÁNG TƯ TRONG PHẬT-GIÁO
TÌM HIỂU PHƯỚC-THIỆN BỐ-THÍ
TÌM HIỂU PHÁP-CHƯỚNG-NGẠI
TÌM HIỂU TỨ THÁNH-ĐẾ
Địa chỉ liên lạc và phát hành

CHÙA TỔ BỬU LONG
81/1, Đường Nguyễn Xiển, Long Bình, Quận 9,
TP. Hồ Chí Minh
DĐ: +84 (0) 778 608 925
KINH TRẠNG-THÁI VÔ-NGÃ

TỲ-KHƯU HỘ-PHÁP **********

Chịu trách nhiệm xuất bản Giám đốc ThS. NGUYỄN HỮU CÓ

Biên tập NGUYỄN THỊ THANH THỦY

Sửa bản in TỲ-KHƯU HỘ-PHÁP

Trình bày & Vi tính DHAMMANANDĀ Upāsikā

NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO
53 Tràng Thi - Quận Hoàn Kiếm - Hà Nội
ĐT: (024) 3782 2845 - FAX: (024) 3782 2841
In 1000 cuốn, khổ 12 x 18cm, tại XN in Nguyễn Minh Hoàng.
Địa chỉ: 510 Trường Chinh, P.13, Q. Tân Bình, TP HCM.
Số ĐKXB: 50-2021/CXBIPH/05-01/TG
Mã ÍSBN: 978-604-61-7398-4
QĐXB: 08/QĐ-NXBTG ngày 14 tháng 01 năm 2021
In xong và nộp lưu chiểu: Quý I năm 2021
Giá: 50.000 Đ

Nguồn: Giảng Sư (giangsu.io.vn) — văn bản trích từ kho sách cổ và kinh điển.